

**GIẢI THÍCH  
KINH ĐỊA TẠNG**



**GIẢI THÍCH KINH ĐỊA TẠNG**  
**NGUYỄN MINH TIẾN**  
*Việt dịch và chú giải*

Bản quyền tác phẩm Việt dịch này thuộc về dịch giả và Nhà xuất bản  
Liên Phật Hội - United Buddhist Publisher

Copyright © 2022 by United Buddhist Publisher

**ISBN-13: 978-1-0919-9447-8**

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any  
means without prior written permission from the publisher.

NGUYỄN MINH TIẾN  
*dịch giải*

# GIẢI THÍCH KINH ĐỊA TẠNG

QUYỂN THƯỢNG

NGUYÊN TÁC

地藏菩薩本願經白話解釋

Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh bạch thoại giải thích

*Trạch Phạm Hồ Duy Truyền diễn thuật  
Gia Hưng Cư sĩ Phạm Cổ Nông hiệu chính  
Hiền Thủ Viện Pháp sư Hoàng Nhất giám định*

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI  
UNITED BUDDHIST PUBLISHER



## MỤC LỤC

✦ Duyên Khởi .....	7
✦ Giải Thích Tên Kinh .....	13
✦ Phẩm Thứ Nhất .....	19
✦ Phẩm Thứ Hai .....	119
✦ Phẩm Thứ Ba.....	139
✦ Phẩm Thứ Tư.....	175
✦ Phẩm Thứ Năm .....	241
✦ Phẩm Thứ Sáu .....	269



## DUYÊN KHỞI

Vào khoảng giữa tháng 10 năm 2017, tôi nhận được một lá thư khải thỉnh từ Phật tử Tâm Đức Thành, kèm theo 3 quyển sách bằng Hoa văn bạch thoại, đều liên quan đến kinh Địa Tạng và được thỉnh từ Tịnh Tông Học Hội. Đọc thư, tôi vô cùng cảm động trước tấm chân tình và sự chí thành tha thiết từ lời lẽ trong thư, mong muốn được tôi nhận lời chuyển dịch các tập sách này sang Việt ngữ. Mặc dù vậy, vào thời điểm đó thật vô cùng khó khăn cho tôi để đưa ra quyết định nhận lời, vì có quá nhiều việc vẫn còn đang dang dở và trong đó có một số việc có thể kéo dài sang đến nhiều năm sau.

Tuy nhiên, việc đưa ra quyết định từ chối dường như lại càng khó khăn hơn nữa, trước tấm lòng tha thiết và sự tin cậy mà nhóm Phật tử này đã dành cho tôi. Vì thế, sau vài lần trao đổi chi tiết hơn, tôi quyết định nhận lời chuyển dịch một trong ba tập sách đã nhận được, chính là tập sách này. Điều kiện duy nhất tôi đưa ra trước khi nhận lời là không được thúc ép về thời gian.

Và thời gian thì luôn trôi qua theo cách mà mỗi chúng ta đều không mong muốn. Những công trình của tôi cũng lần lượt hoàn tất, và song song theo đó thì tập sách này cũng được chậm chạp chuyển dịch trong những quãng thời gian hiếm hoi mà tôi có thể thu xếp được, xen kẽ giữa nhiều công việc khác. Mặc dù không lấy gì làm thuận lợi, nhưng cuối cùng rồi mùa vụ thu hoạch cũng phải đến. Việc hoàn tất quyển thượng này (trong 2 quyển thượng, hạ) là kết quả của nhiều nỗ lực trong những năm qua, và nó cho

phép chúng tôi tin tưởng rằng phần còn lại cũng sẽ được hoàn tất không lâu trong thời gian tới.

Kinh Địa Tạng là một trong những bản kinh quen thuộc và phổ biến nhất đối với người Phật tử Việt Nam. Kinh được ngài Thập-xoa-nan-đà, người nước Vu Điền, dịch sang Hán văn vào đời nhà Đường ở Trung Hoa. Hiện đã có khá nhiều bản dịch kinh này sang tiếng Việt, như bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Quang, bản dịch của cư sĩ Nguyễn Thuận và bản dịch của Ban phiên dịch Vạn Phật Thánh Thành. Ngoài ra, hiện có 2 bản dịch Anh ngữ của kinh này, một của Tao-tsi Shih (The Sutra of Bodhisattva Ksitigarbha's Fundamental Vows) và một của The Buddhist Text Translation Society (Sutra of the Past Vows of Earth Store Bodhisattva).

Chúng tôi thực hiện công trình này với sự may mắn là được tham khảo qua tất cả các bản dịch nói trên, nhưng chúng tôi có lý do để không trích lại bất cứ bản dịch nào khi thực hiện tập sách này. Toàn bộ phần kinh văn trong sách đều do chúng tôi tự chuyển dịch, bởi có không ít phần trong kinh này khi được soi rọi với các phần giảng giải và thích nghĩa kèm theo sẽ giúp nhận hiểu sáng tỏ hơn và do đó có thể được chuyển dịch gần với nguyên tác hơn.

Lấy ví dụ như hai chữ “hoạnh bệnh” (橫病) được dùng ở gần cuối phẩm *Như Lai tán thán*, trong 4 bản Việt dịch đã có thì đến 3 bản dịch là “tai họa và dịch bệnh”. Ngay cả trong 2 bản Anh ngữ cũng có một bản dịch là “accidents or illnesses” (tai nạn hay bệnh tật). Về mặt ngữ nghĩa, cách hiểu này hoàn toàn sai nguyên tác, vì chữ “hoạnh” (橫) không có nghĩa nào là tai họa, tai nạn cả, nhưng có lẽ do sự liên tưởng với cách dùng “hoạnh tử” (橫死) là cái chết bất thình lình, chết vì tai nạn, nên đa số các dịch giả đã hiểu sang nghĩa liên đới này. Tuy nhiên, nếu hiểu theo



đúng nghĩa của từ thì chữ “hoạnh” trong trường hợp này là một tính từ bổ nghĩa cho “bệnh”, và dùng để mô tả một loại bệnh tật mắc phải thành linh, đột ngột. Trong 4 bản dịch hiện có, chỉ duy nhất có Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã dịch là “bệnh tật bất ngờ”, theo sát ý nghĩa này.

Tuy vậy, cách nói “bệnh tật bất ngờ” vẫn còn khá mơ hồ và dường như chưa hoàn toàn phù hợp với ngữ cảnh văn kinh. Khi xem qua phần thích nghĩa, chúng tôi thấy chữ này được giải thích rõ hơn: “*Hoạnh bệnh thị lưu hành dịch thời dịch.*” (橫病是流行的時疫) Như vậy là rất rõ ý. Người xưa đã dùng chữ này để chỉ những trận dịch bệnh mà theo cách hiểu xưa kia giống như một loại bệnh thời khí, mỗi khi phát khởi thì lây lan khắp nơi và khiến cho người ta dễ dàng mắc bệnh (lây nhiễm) một cách bất ngờ, đột ngột. Do đó, kinh văn nói “*vô chư hoạnh bệnh*” (無諸橫病) phải hiểu đúng là “không bị lây nhiễm dịch bệnh”, và như vậy mới thể hiện được ý nghĩa mầu nhiệm mà đoạn kinh này muốn nói. Giữa cơn đại dịch CoVid-19 từ đầu năm 2020, chúng ta càng cảm nhận được rõ hơn ý nghĩa mầu nhiệm này.

Ở đây chỉ xin nêu một trường hợp cụ thể để nhận hiểu mà thôi. Trong suốt quá trình chuyển dịch, chúng tôi đã nhận ra rất nhiều chỗ tương tự như vậy.

Mặt khác, vì mục đích chính của tập sách là giải thích, nhắm đến việc giúp cho những người đọc với trình độ thông thường có thể nhận hiểu được ý nghĩa kinh văn dễ dàng hơn, nên không thể tránh khỏi có nhiều nơi lặp lại ý kinh, văn kinh trong các phần giảng giải và thích nghĩa. Sự lặp lại đó có thể là nhầm chán và không cần thiết đối với một số người, nhưng với đa số độc giả thông thường thì đây lại là điều cần thiết để giúp họ nắm được ý kinh.

Nguyên tác các phần giải thích này được viết bằng văn bạch thoại, với đặc điểm là không súc tích và sâu sắc như

các bản văn Hán cổ, nhưng ngược lại có thể nói là diễn đạt gần gũi hơn với cách suy nghĩ của người thời nay, và do đó dễ hiểu hơn.

Bản văn bạch thoại này được cư sĩ Trạch Phạm Hồ Duy Thuyên<sup>1</sup> diễn thuật, sau đó được cư sĩ Gia Hưng Phạm Cổ Nông<sup>2</sup> hiệu chính, và cuối cùng được Pháp sư Hoàng Nhất<sup>3</sup> giám định trước khi đưa ra lưu hành. Hiện nay, bản văn bạch thoại này được Tịnh Tông Học Hội lưu hành rất rộng rãi. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa thấy có bản Việt dịch nào của sách này nên có lẽ bản dịch của chúng tôi là bản đầu tiên.

Như đã nói, trong quá trình chuyển dịch các phần giải thích từ văn bạch thoại, chúng tôi cũng đồng thời chuyển dịch chánh văn kinh, là nguyên bản Hán văn do ngài Thật-xoa-nan-đà đã dịch trước đây. Kinh văn hiện được lưu giữ trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, ở Tập 13, kinh số 412.

Ngoài ra, chúng tôi cũng bổ sung nhiều chú thích ở những nơi cần thiết để giúp người đọc có thể dễ dàng tiếp

---

<sup>1</sup> Cư sĩ Hồ Duy Thuyên, tên khác là Trích Phàm, được Đại sư Hoàng Nhất đổi tên cho là Trạch Phạm, pháp danh Tinh Nguyệt. Ông sinh năm 1902, mất năm 1980.

<sup>2</sup> Cư sĩ Phạm Cổ Nông: sinh năm 1881, mất năm 1951, người Gia Hưng, trước có tên là Vận Xu, tự Cung Vi, sau đổi thành Mông Canh, tự Cổ Nông, cũng có tên khác là Ký Đông, tự Huyền Am. Ông đỗ tú tài cuối đời Thanh, có uy tín lớn trong giới Phật học Trung quốc thời bấy giờ. Tác phẩm lưu lại có Thích Tôn truyện (釋尊傳), Đại thừa không nghĩa tập yếu (大乘空義集要), Bát thức quy củ tụng quán giải (八識規矩頌貫解), Quán sở duyên duyên luận thích (觀所緣緣論釋), Phật giáo vấn đáp (佛教問答), Huyền Am văn tập (幻庵文集)...

<sup>3</sup> Pháp sư tục danh Lý Thúc Đồng, sinh năm 1880, mất năm 1942, tên trong phả hệ là Văn Đào, thuở nhỏ có tên Thành Hề, sau xuất gia pháp danh là Diễn Âm, hiệu Hoàng Nhất. Ngài là người tinh thông hội họa, âm nhạc, kịch nghệ, thư pháp... là một nghệ thuật gia và nhà giáo dục đương thời có uy tín tại Trung quốc. Sau khi xuất gia trở thành bậc danh tăng, có công chấn hưng Phật giáo Nam Sơn Luật Tông.

nhận được ý nghĩa kinh văn. Riêng trong các phần giảng giải và thích nghĩa, tuy vẫn chuyển dịch trung thành với nguyên tác nhưng nếu xét thấy có những chỗ nào bất ổn, chúng tôi đều có sự lưu ý người đọc ngay nơi đó.

Về cấu trúc bản văn, chúng tôi giữ nguyên theo cách trình bày trong nguyên tác nhưng có thêm phần chuyển dịch Kinh văn. Như vậy, cách trình bày chung trong sách này là trước hết dẫn phần Kinh văn kèm theo âm Hán Việt và bản Việt dịch. Tiếp theo đó lần lượt là hai phần Giảng giải và Thích nghĩa. Phần Giảng giải thường giảng lại ý kinh theo cách nói rộng hơn và dễ hiểu hơn. Phần Thích nghĩa sẽ giải nghĩa một số từ ngữ, thuật ngữ hoặc cung cấp thêm những thông tin liên quan đến đoạn kinh văn đó. Riêng các chú thích cuối trang sẽ được chúng tôi đưa vào ở bất cứ nơi nào xét thấy là cần thiết.

Ngoài ra, để tạo thuận lợi hơn cho những ai muốn tìm hiểu chuyên sâu, chúng tôi cũng in kèm cả phần Kinh văn chữ Hán và cung cấp phần chú âm Hán Việt. Như vậy, đối với những ai sử dụng được chữ Hán thì có thể đối chiếu tức thời mà không phải mất công tìm kiếm, tra cứu. Cách làm này cũng giúp bản thân chúng tôi trong khi chuyển dịch phải luôn theo sát nguyên bản Kinh văn.

Kể từ duyên khởi đầu tiên của tập sách này, tính đến hôm nay đã gần ba năm trôi qua, và quyển hạ của sách vẫn còn đang trong giai đoạn chuyển dịch. Tuy nhiên, xét theo cấu trúc hoàn chỉnh của quyển thượng, với lời phó chúc và xác lập tên kinh của Đức Thế Tôn ở cuối quyển này, chúng tôi cho rằng việc in riêng quyển thượng này cũng là hoàn toàn hợp lý. Hơn nữa, với độ dày hơn 700 trang, nếu in toàn tập cũng sẽ là một điều bất tiện cho người đọc.

Vạn pháp vô thường, mọi việc trong tương lai đều không thể biết chắc được. Do vậy, khi đủ nhân duyên lưu hành

quyển thượng này thì không có lý do gì để phải gác lại chờ đợi nữa. Và mong rằng việc xuất bản quyển thượng này cũng sẽ là động lực để thúc đẩy sự hoàn tất quyển hạ được nhanh chóng hơn.

Cuối cùng, cho dù đã hết sức cẩn trọng trong công việc, nhưng sự sai sót ít nhiều hẳn là không sao tránh khỏi. Với tâm nguyện rộng truyền giáo pháp Như Lai thật chuẩn xác, chúng tôi xin kính cẩn lắng nghe mọi lời chỉ dạy từ chư thiện hữu gần xa để chỉnh sửa và hoàn thiện bất cứ sai sót nào nếu được phát hiện. Chúng tôi cũng xin đón nhận và tri ân mọi ý kiến góp ý cho tập sách này, để trong những lần tái bản sẽ được hoàn thiện hơn.

Trân trọng,  
**Nguyễn Minh Tiến**  
*Mùa Vu Lan năm 2020*  
*Westminster, California*

# GIẢI THÍCH TÊN KINH

## Kinh văn

地藏菩薩本願經

• *Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh*

## Việt dịch

**Kinh Bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng**

## Giải thích

Đây là đề mục của kinh, nêu rõ đây là bộ kinh xưng tán hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

## Thích nghĩa

Đề mục kinh này, theo như chính Phật nói ra [trong kinh] có ba đề mục: một là bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, hai là bản hạnh của Bồ Tát Địa Tạng và ba là bản thế lực của Bồ Tát Địa Tạng. Hiện nay chỉ dùng đề mục thứ nhất để đặt tên kinh.

Bồ Tát Địa Tạng là danh xưng của một bậc thánh nhân xuất thế. Bồ Tát là danh xưng chung, Địa Tạng là danh xưng riêng. Hai chữ Bồ Tát, tiếng Phạn là Bồ-đề-tát-đỏa (Bodhisattva). Bồ-đề nghĩa là giác ngộ, tát-đỏa nghĩa là chúng sinh. Kết hợp hai từ này thì Bồ Tát có nghĩa là chúng sinh đã giác ngộ hoặc là người giác ngộ cho chúng sinh.

Về danh xưng riêng của mỗi vị Bồ Tát, đều là dựa vào đức hạnh của vị đó mà đặt ra. Bồ Tát này có danh xưng

Địa Tạng, đó là vì đức hạnh của ngài phù hợp với ý nghĩa hai chữ “địa tạng”. Nay sẽ phân biệt nói rõ. Địa có nghĩa là đất, là mặt đất, muôn vật đều cư trú trên mặt đất. Đất lại có khả năng giúp sinh trưởng rễ, mầm của các loài cây, cỏ. Bồ Tát Địa Tạng có lòng từ bi rộng lớn, hết thảy chúng sinh đều trông cậy vào sự cứu giúp, che chở của ngài. Căn lành của chúng sinh đều dựa vào ngài để tăng trưởng, giống như [cây cỏ dựa vào] mặt đất, nên xưng tán [trong danh hiệu] ngài là Địa. Tạng là kho báu, tiền bạc, châu báu có đủ để cứu giúp những người nghèo khổ, giúp thành tựu trọn vẹn cho sự nghiệp của người. Bồ Tát Địa Tạng có vô lượng tài bảo Chánh pháp, bố thí cho những chúng sinh khổ não, lại giúp cho những chúng sinh ấy đều có thể tu hành thành tựu, giống như kho báu, nên xưng tán [trong danh hiệu] ngài là Tạng.

Lại có tông phái giải thích hai chữ “địa tạng” là thí dụ về đạo hạnh, công đức của Bồ Tát. Nhân vì [thuở xưa] ngài nhìn thấy nỗi khổ của chúng sinh trong địa ngục nên phát tâm học Phật, chứng đắc tánh Như Lai Tạng, [thấy được] chúng sinh với chư Phật bản tánh bình đẳng. Cho nên ngài có bản lĩnh đặc biệt là cứu thoát được các chúng sinh trong địa ngục. Vì thế xưng tán ngài là Địa Tạng.

Lại nhân vì ngài tu pháp Địa Đại Viên Thông chứng đắc tánh Như Lai Tạng như Bồ Tát Trì Địa, nên một khi ngài hiện đến [nơi đâu] thì mọi người trong chúng hội đều cảm thấy thân hình nặng nề khó nhấc lên. Đó là vì những bộ phận thuộc địa đại trong thân người như da, thịt, gân, xương, lông, tóc, móng, răng đều chịu ảnh hưởng của Bồ Tát mà tăng mạnh. Vì thế xưng tán ngài là Địa Tạng.

Hai cách giải thích như trên về chữ “địa tạng” đều là [dựa vào sự] biểu hiện hành vi của Bồ Tát.

Nói chung, vị Bồ Tát này có đức hạnh như *địa* (mặt đất) như *tạng* (kho báu) nên tôn xưng ngài là Địa Tạng.

Hai chữ “bản nguyện” là nói tâm nguyện do chính Bồ Tát đã phát khởi. Tâm nguyện này, từ thuở ngài mới phát tâm mãi cho đến nay vẫn thường thường phát khởi [không gián đoạn], vẫn thường không thay đổi, không phải đến hiện tại mới phát khởi, cho nên gọi là “bản nguyện”. Lại nữa, tâm nguyện này là chỗ y cứ cho hành vi của Bồ Tát trong nhiều đời. Có tâm nguyện này mới có mọi hành vi của Bồ Tát. Tâm nguyện này là căn bản cho mọi hành vi của Bồ Tát, vì thế gọi là “bản nguyện”. Theo những cách giải thích này thì chữ “bản” bao gồm cả hai ý nghĩa là “bản lai” và “căn bản”.

Chữ “kinh” chỉ cho giáo huấn của bậc thánh nhân trong chốn thế gian. Sách này ghi chép giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát là các bậc thánh nhân xuất thế, nên được gọi là *kinh*. Trong tiếng Phạn vốn là chữ *Tu-đa-la* (*sūtra*), dịch rõ nghĩa là một đường thẳng, cũng có ý nghĩa là kết hợp xuyên suốt, quán xuyên văn nghĩa, tương đồng như tiếng Trung Hoa dùng chữ *kinh* trong “kinh vĩ” (kinh độ và vĩ độ). Dịch theo văn chương là “*khế kinh*”, *khế* là khế hợp, vì đây là giáo huấn của bậc thánh nhân xuất thế, là những điều nói ra phù hợp với đạo lý, phù hợp với lòng người, nên gọi chung là *khế kinh*.

## Kinh văn

唐于闐國三藏沙門實叉難陀譯

- Đường Vu Diên quốc Tam tạng Sa-môn Thập-xoa-nan-đà dịch

## Việt dịch

**Đời Đường, Tam tạng Sa-môn Thật-xoa-nan-đà người nước Vu Điền chuyển dịch**

## Giảng giải

Kinh này do vị Tam tạng Sa-môn tên là Thật-xoa-nan-đà (Śikṣānanda), từ nước Vu Điền<sup>1</sup> đến Trung quốc vào đời nhà Đường, phiên dịch sang Hán ngữ.

## Thích nghĩa

Đường là quốc hiệu của Trung quốc khi Lý Uyên<sup>2</sup> chiếm được thiên hạ. Nhân vì Lý Uyên trước đây ở Tấn Dương, là kinh đô cũ của Đào Đường nên ông được [nhà Tùy] phong tước Đường Vương. Sau khi nhận ngôi Hoàng đế từ nhà Tùy, thống nhất thiên hạ, xưng là Đường triều. Từ thời đó đến nay khoảng 1.300 năm rồi.

Vu Điền là tên nước thuộc vùng Tây Vực. Tên gọi này có nghĩa là “sữa từ đất”, nhân vì [theo truyền thuyết thì] vị quốc tổ của nước này nhờ uống sữa từ lòng đất vọt lên mà sinh trưởng. Vị trí nước này ngày nay là phía nam của Thiên Sơn thuộc Tân Cương.

Tam tạng Sa-môn là đạo hiệu dành cho vị pháp sư phiên dịch kinh điển. Tam tạng là chỉ chung toàn bộ kinh điển Phật giáo. Kinh điển Phật giáo phân ra ba phần là Kinh

---

<sup>1</sup> Vu Điền (于闐), tức Khotan, ngày nay thuộc Tân Cương, Trung quốc, là một vương quốc theo Phật giáo vùng Tây Vực thời cổ đại, đã từng tồn tại trong hơn ngàn năm. Phần lớn kinh điển Phật giáo từ Ấn Độ đưa sang Trung quốc đều đi ngang nước này. Một số kinh điển cũng được chư tăng thỉnh từ đây mang về Trung quốc.

<sup>2</sup> Túc Đường Cao Tổ, sinh năm 566, mất năm 635, trị vì đất nước Trung quốc từ năm 618 đến năm 626, truyền ngôi cho con là Lý Thế Dân, tức Đường Thái Tông.



tạng, Luật tạng và Luận tạng. Kinh tạng là những kinh điển ghi chép lời Phật thuyết dạy. Luật tạng là những điều giới cấm, những quy tắc trong Phật giáo cùng với các sách giảng giải những điều giới, quy tắc này. Luận tạng là phần ghi chép những giảng luận về ý nghĩa giáo pháp của Phật và các vị đệ tử Phật, [bao gồm các bậc tổ sư đời sau]. Nhân vì ba phần kinh điển này về hình thức có rất nhiều quyển kinh, về nội dung thực chất cũng có rất nhiều ý nghĩa, nên được gọi là *tạng*, là kho chứa.

Sa-môn (śramaṇa) là danh xưng chung của người xuất gia, mang nghĩa là “cần tức”,<sup>1</sup> nhân vì [vị sa-môn] tinh tấn chuyên cần tu tập đạo pháp, vận dụng công phu ngăn diệt phiền não. Vị sa-môn thông đạt Tam tạng kinh điển gọi là Tam tạng Sa-môn.

Thật-xoa-nan-đà (Śikṣānanda) dịch nghĩa là “học hỷ”. Đây là tên riêng của vị pháp sư dịch kinh này. Đời nhà Đường, niên hiệu Thánh Lịch năm thứ 2,<sup>2</sup> quốc vương nước Vu Điền nghe nói Võ Hậu hoan hỷ tán trợ Phật pháp nên phái Sa-môn Thật-xoa-nan-đà mang kinh Hoa Nghiêm cùng kinh Địa Tạng này đến Trung quốc. Võ Hậu nhận được kinh liền ban chiếu thỉnh vị Sa-môn này phiên dịch sang Hán ngữ. Đây là nhân duyên có được bộ kinh Địa Tạng này [tại Trung quốc].

<sup>1</sup> Cần tức (勤息): cần là chuyên cần, tinh cần; tức là ngăn dút, dừng lại, như an tức là yên nghỉ.

<sup>2</sup> Tức là năm 699 theo Tây lịch. Do quan điểm không thừa nhận sự chính thống của Võ Tắc Thiên nên ở đây gọi là Đường triều, nhưng thực tế thì niên hiệu Thánh Lịch nằm trong giai đoạn cầm quyền của Võ Tắc Thiên, tức Võ Hậu, được bà đặt quốc hiệu là Chu, cũng gọi là triều Võ Chu.



# PHẨM THỨ NHẤT

## Kinh văn

忉利天宮神通品第一

- *Đao-lợi thiên cung thần thông phẩm đệ nhất*

## Việt dịch

**Phẩm thứ nhất: Thần thông tại Thiên cung ở cõi trời Đao-lợi**

## Giải thích

Khi ấy đức Phật ở tại Thiên cung nơi cõi trời Đao-lợi, hiện khởi thần thông triệu tập hội chúng. Đây là phẩm thứ nhất của bộ kinh này. Phẩm là tên gọi được dùng khi phân chia các phần trong kinh văn.

## Thích nghĩa

Về hướng trên đầu chúng ta, tầng thứ nhất là cõi trời Tứ thiên vương, nằm ở lưng chừng núi Tu-di. Tầng thứ hai là cõi trời Đao-lợi, nằm trên đỉnh núi Tu-di, thường gọi là cõi trời Ba Mươi Ba. Vị Thiên vương của cõi trời Đao-lợi tên là Thích-đề-hoàn-nhân, cũng gọi là Đế thích. Vị này trước đây là một phụ nữ bình thường. Thuở ấy sau khi đức Phật Ca-diếp nhập diệt, người phụ nữ này phát khởi tâm nguyện xây dựng một tòa tháp cúng dường đức Phật Ca-diếp. Khi ấy lại có 32 người phụ nữ khác cũng phát khởi

tâm nguyện như vậy, cùng đến góp sức xây dựng thành tựu tháp Phật. Nhờ căn lành đó, người phụ nữ [phát tâm đầu tiên] được sinh là Thiên vương cõi trời Đao-lợi. Về bốn hướng quanh cõi trời này, mỗi hướng đều có 8 cõi trời, tổng cộng là 32 cõi trời vây quanh. Các vị Thiên vương của những cõi trời ấy chính là 32 người phụ nữ đã giúp việc xây dựng tháp Phật. Do đó có thể biết rằng việc xây dựng chùa tháp, tự viện được công đức hết sức lớn lao, có thể nhận được những báo ứng tốt đẹp như vậy.

Thiên cung là nơi cư ngụ của Đế thích, nằm trong thành Thiện Kiến. Thành này chu vi bốn mặt là 10.000 do-tuần (mỗi do-tuần là 40 dặm),<sup>1</sup> được xây toàn bằng vàng ròng. Bốn mặt thành đều có lầu ngàn cửa. Giữa thành lại có một thành nhỏ hơn cũng xây bằng vàng, có 500 lối vào, cửa thành đều được trang nghiêm bằng các loại bảo bối. Các loại bảo bối đó chủng loại nhiều vô kể, tất cả đều xinh đẹp lộng lẫy, không thể nói hết. Thành nhỏ bằng vàng ở giữa lại cũng có lầu báu gác ngọc, chiều dài [của thành] là 500 do-tuần, rộng 250 do-tuần. Trên tòa lầu cao nhất lại có một nhà tròn rộng 30 do-tuần, chu vi 90 do-tuần, cao 40 do-tuần, là nơi Đế thích cư ngụ. Tòa lầu này được làm bằng ngọc lưu ly và các loại châu báu, là nơi đức Phật dùng thần thông hiện đến vì Thánh mẫu<sup>2</sup> mà thuyết pháp.

Trong kinh Phật dạy rằng, *thần* là thiên tâm (tám lòng

<sup>1</sup> Bản Hán văn ghi là: 城的周圍四萬十千由旬 – Thành đích chu vi tứ vạn thập thiên do-tuần. Chữ vạn (萬) ở đây vô nghĩa vì không có con số “tứ vạn thập thiên”, bởi “thập thiên” (10.000) là một vạn. Hơn nữa, theo Câu-xá luận, quyển 11, thì thành Thiện Kiến rộng mỗi bề 2.500 do-tuần. Ở đây tính chu vi bốn mặt thì 10.000 do-tuần là con số phù hợp. Do đó chúng tôi ngờ rằng chữ vạn (萬) là viết nhầm, lẽ ra là chữ diện (面). Như vậy, trong câu trên sẽ là “chu vi tứ diện” (chu vi bốn mặt) thì hoàn toàn hợp lý.

<sup>2</sup> Tức Thánh mẫu Ma-da, mẹ của thái tử Tất-đạt-đa. Sau khi sinh thái tử, bảy ngày sau thì bà mạng chung, sinh về cõi trời Đao-lợi.

hiền thiện như chư thiên), *thông* là tuệ tính (tánh trí sáng suốt). Đức Phật có đủ *thiên tâm* và *tuệ tính*, phóng tỏa hào quang chiếu sáng khắp nơi không ngăn ngại, đó gọi là thân thông.

### Kinh văn

如是我聞。一時佛在忉利天，為母說法。

- *Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đao-lợi thiên, vị mẫu thuyết pháp.*

### Việt dịch

**Tôi nghe như thế này, có một lúc đức Phật ở tại cõi trời Đao-lợi, vì mẹ thuyết pháp.**

### Giải thích

[Ngài A-nan nói:] Những lời sau đây chính tôi được nghe thấy đức Phật nói ra. Có một lúc, đức Phật ở tại cõi trời Đao-lợi, vì mẹ thuyết pháp.

### Thích nghĩa

Phật ở đây là đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Bốn chữ “Thích-ca Mâu-ni” dịch sang Hán ngữ là “năng nhân tịch mặc”, có nghĩa là Phật có năng lực thực hiện, có tâm từ bi, lại cũng có thể tịch tĩnh bất động, hết sức trầm mặc, phù hợp với bản tánh. Vào thời đức Phật (từ đây về sau dùng chữ Phật là chỉ đức Phật Thích-ca Mâu-ni) thuyết pháp, không có ai ghi chép lại. Về sau người em họ của Phật là ngài A-nan vì sợ trải qua thời gian lâu xa người ta không

thể nhớ được, nên đem tất cả những lời Phật giảng dạy về Phật pháp, mỗi câu mỗi chữ đều ghi chép lại. Cho đến khi Phật sắp nhập Niết-bàn (xem chú giải ở sau), ngài A-nan thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong tương lai lưu lại kinh điển do Phật thuyết nên mở đầu như thế nào?” Phật dạy A-nan: “Câu mở đầu nên dùng bốn chữ *“như thị ngã văn”* (chính tôi nghe như thế này). Như vậy có thể chứng minh được rằng những kinh điển ấy đều do chính ông tự thân được nghe Phật thuyết dạy, không phải nghe đi nghe lại từ người khác.” Cho nên, ngài A-nan khi ghi lại kinh này mở đầu bằng bốn chữ như vậy.

“Như thị” là chỉ kinh điển do Phật thuyết, “ngã” là ngài A-nan tự xưng, “văn” là nghe thấy. “Nhất thời” là chỉ thời gian nói chung, vì thời gian ở mỗi địa phương, mỗi thời đại đều khác nhau. Như người các nước khác dùng Dương lịch, người Trung quốc trước đây dùng âm lịch; vào đời nhà Hạ dùng Hạ lịch, đời nhà Chu dùng Chu lịch. Vì thế không thể xác định rõ ràng năm nào tháng nào.

Vì sao đức Phật riêng vì mẫu thân của ngài mà thuyết pháp? Đó là nói căn bản của kinh này, cùng với các bộ kinh khác ở nơi khác. Nhân vì đức Phật Thích-ca Mâu-ni vốn đã thành Phật từ lâu, nhưng muốn giáo hóa nhân loại chúng ta ở thế giới này nên mới đặc biệt thị hiện sinh làm người. Vào thời ấy, tại Trung Ấn Độ có vị quốc vương là Tịnh Phạn vương, hoàng hậu là phu nhân Ma-da. Phật thị hiện làm con phu nhân Ma-da. Khi ấy, tại Trung quốc là đời Chu Chiêu Vương năm thứ 26,<sup>1</sup> năm Giáp Dần, ngày

---

<sup>1</sup> Ở đây chuyển dịch y theo nguyên văn, nhưng Chu Chiêu Vương trị vì từ năm 995 đến năm 977 trước Tây lịch. Như vậy thông tin ở đây có thể đã nhầm lẫn. Đức Phật đản sinh năm 624 trước Tây lịch, theo lịch sử cổ đại Trung quốc thì rơi vào đời Chu Tương Vương, vì ông này trị vì từ năm 651 đến năm 619 trước Tây lịch. Năm Giáp Dần gần nhất với năm đản sinh của đức Phật là năm 606 trước Tây lịch, nên thông tin này cũng nhầm lẫn.

mồng 8 tháng 4, thái tử từ nơi sườn bên phải của hoàng hậu Ma-da sinh ra. Khi trưởng thành, ngài nhìn thấy con người trong thế giới này chịu đủ mọi khổ não, liền nhận hiểu được tất cả. Ngài không muốn làm thái tử nữa, muốn xuất gia tu hành. Từ năm 19 tuổi ngài bắt đầu đi tu, đến năm 30 tuổi thì thành Phật, sau đó đi khắp nơi thuyết giảng Phật pháp, giáo hóa người đời. Đến năm 79 tuổi ngài nhập Niết-bàn.

Niết-bàn (Nirvāṇa) là Phạn ngữ (tức ngôn ngữ của Ấn Độ). Niết nghĩa là không sinh, bàn nghĩa là không diệt. Không sinh không diệt, đó là chân như thật tướng mà đức Phật chứng đắc. Chứng, nghĩa là đạt được. Chân như thật tướng, chính là nói tướng chân thật mà đức Phật đã đạt được, không phải tướng hư giả, có thể vĩnh cửu không biến đổi, không tiêu diệt, nhưng người phàm không thể thấy đến được. Tại thế giới của chúng ta nhìn thấy được, đó gọi là ứng hóa thân. Quý vị xem như mặt trời, mặt trăng trên bầu trời, bất kể là đang ở nơi nào, chỉ cần có nước, bất kể nước đó nhiều hay ít, mặt nước lớn hay nhỏ, người ta đều có thể nhìn thấy hình chiếu [của mặt trời, mặt trăng] trong đó. Chúng sinh có căn cơ, duyên phần khác biệt, chỉ cần cảm ứng được với Phật, Phật cũng giống như mặt trời mặt trăng hiện ra trong nước, liền hiện thân ra cứu độ chúng ta, đó gọi là ứng hóa thân.

Lại nói về việc phu nhân Ma-da từ sau khi sinh thái tử, đến ngày thứ bảy thì mạng chung. Nhân vì bà là thánh mẫu hạ sinh thái tử nên sau khi mất được tái sinh về cõi trời Đao-lợi làm một vị thiên tử. Đến lúc đức Phật sắp nhập Niết-bàn, nhớ ơn sinh thành vẫn chưa báo đáp, ngài phát khởi tâm báo hiếu, đặc biệt hiện lên cõi trời Đao-lợi, riêng vì mẫu thân thuyết pháp để báo đáp đại ân sinh thành. Vì thế, ngài mới thuyết giảng bộ kinh về bốn nguyện Bồ Tát

Địa Tạng nói về hiếu đạo và những điều liên quan. Đây là lý do trong bộ kinh này lấy hiếu làm căn bản, mỗi câu kinh đều có thể thấy được những ý nghĩa liên quan đến hiếu đạo. Hiện nay có một hạng tăng sĩ thiếu tri thức, một khi vừa bước vào cửa chùa liền nói rằng người xuất gia theo Phật không can dự việc thế tục, nên không kính trọng cha mẹ. Như thế chẳng những là bất hiếu mà còn rõ ràng là đệ tử ngỗ nghịch của Phật. Xưa nay chư Phật, Bồ Tát cùng chư vị tổ sư chưa từng có vị nào bất hiếu với cha mẹ, không hiếu kính với Tam bảo. Vì thế, hiếu thảo là việc lớn căn bản tối thiết yếu đối với cả Tam giáo: Nho, Lão, Phật.

### Kinh văn

爾時十方無量世界，不可說不可說一切諸佛及大菩薩摩訶薩，皆來集會

- *Nhĩ thời thập phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật cập Đại Bồ Tát Ma-ha-tát, giai lai tập hội.*

### Viết dịch

**Bấy giờ, hết thảy chư Phật và chư vị Đại Bồ Tát số nhiều đến mức không thể nói hết, thực sự không thể nói hết, trong khắp mười phương đều đến Pháp hội.**

### Giải thích

Vào lúc đó, trong khắp mười phương, không thể biết được số lượng chính xác, nhiều đến mức không thể nói hết, thực sự không thể nói hết, tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát có đủ ba phẩm tính là lớn lao, biết nhiều và thù thắng, đều đến nơi Pháp hội để nghe Phật giảng kinh.



## Thích nghĩa

Vào thời điểm đó, chư Phật và chư vị Bồ Tát số lượng rất, rất nhiều, cho nên không thể phân biệt được các ngài từ nơi đâu, từ cõi nước nào đến. Chỉ có thể nói chung chung là vô số thế giới trong mười phương. Bởi vì về phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, các phương đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc, phương trên, phương dưới, mỗi phương như vậy đều có vô số thế giới. (Vì không thể đo lường tính đếm được số lượng ấy nên gọi là vô số.) Số thế giới đã nhiều đến mức ấy, chư Phật, Bồ Tát trong các thế giới ấy lại càng nhiều hơn nữa, cho nên mới nói là không thể nói hết, thực sự không thể nói hết. Nói “hết thấy” là muốn bao gồm tất cả số lượng ấy.

Chữ “ma-ha” có 3 ý nghĩa là lớn lao (đại), biết nhiều (đa) và thù thắng (thắng). Các vị Bồ Tát này tâm lượng lớn lao, hành vi lớn lao, lòng khoan dung cũng lớn lao, được các bậc thiên vương tôn kính, cho nên xưng là lớn lao. Các ngài đời đời thường xuất hiện ở thế gian. Ngoài đức Phật ra thì không một ai có thể so sánh được với các ngài. Các ngài vượt hơn 95 hạng ngoại đạo ở thế gian, cho nên xưng là thù thắng. Các ngài rõ biết bên trong, bên ngoài các thế giới nhiều như cát bụi, lại thông suốt hết thấy kinh sách tà đạo, chánh đạo, cho nên xưng là biết nhiều. Có đủ ba phẩm tính lớn lao, biết nhiều và thù thắng thì mới được tôn xưng là Đại Bồ Tát Ma-ha-tát. Vì chư Phật và Bồ Tát ở các phương biết được đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp giảng kinh nên cùng tụ hội về Thiên cung nơi cõi trời Đao-lợi để lắng nghe.

## Kinh văn

讚歎釋迦牟尼佛，能於五濁惡世，現不可思議大智慧神通之力，調伏剛強

眾生，知苦樂法。各遣侍者，問訊世尊。

- *Tán tán Thích-ca Mâu-ni Phật, năng ư ngũ trước ác thế, hiện bất khả tư nghị đại trí tuệ thần thông chi lực, điều phục cương cường chúng sinh, tri khổ lạc pháp. Các khiến thị giả, vấn tấn Thế Tôn.*

### Việt dịch

[Các ngài] xưng tán ngợi khen đức Phật Thích-ca Mâu-ni, có thể ở trong đời xấu ác có năm sự ướ trước, hiện sức thần thông trí tuệ lớn lao không thể nghĩ bàn, điều phục những chúng sinh ương ngạnh cứng đầu, rõ biết các pháp khổ não hay an vui. Mỗi vị [trong các ngài] đều sai thị giả đến thưa hỏi vấn an đức Thế Tôn.

### Giải thích

Mười phương chư Phật trước hết xưng tán con đường giáo hóa tốt đẹp: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thể ở nơi thế giới có năm sự ướ trước: kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, kiếp trước, hiện ra pháp lực đại thần thông, đại trí tuệ không thể nói hết, vượt ngoài sức tưởng tượng, điều phục những chúng sinh có tập tính lâu đời ương ngạnh, cứng đầu khó dạy, dùng giúp những chúng sinh ấy phân biệt được, rõ biết được những phương pháp dẫn đến an vui hay khổ não, thật khó nhọc biết bao nhiêu!” Vì thế, các ngài đều bảo các Bồ Tát đi theo mình đến thưa hỏi vấn an đức Thế Tôn, bày tỏ sự tán trợ quan tâm. (Thế Tôn ở đây chỉ đức Phật Thích-ca Mâu-ni.)

## Thích nghĩa

Trước hết tôi sẽ nói sơ qua cho rõ ràng về năm sự uế trước, sáu thân thông, mười thân lục.

Năm sự uế trước (ngũ trước), trước hết là kiến trước. Kiến trước có năm loại. Trong đó, nguy hại nhất là ngã kiến. Vì mỗi người đều cố chấp rằng nhất định mình có một bản ngã, có thân thể của riêng mình, nên từ đó mới sản sinh ra quan điểm chấp ngã. Đã có quan điểm chấp ngã, từ đó liền có sự phân biệt giữa mình và người khác. Do nơi sự phân biệt giữa mình và người khác, liền khởi sinh đủ mọi ý niệm bất hợp lý, bất bình đẳng. Từ đó mới tạo thành các nghiệp như giết hại, trộm cướp, dâm dục, dối trá... đủ mọi thứ nghiệp xấu ác.

Thứ hai là phiền não trước, cũng có năm loại. Loại thứ nhất là tham lam. Đã có lòng tham thì bao nhiêu thứ này vật nọ trong đời đều không buông xả được. Không buông xả được thì không chỉ là vĩnh viễn không thể thoát ly khỏi thế giới này, mà do lòng tham ấy còn sẽ tạo ra đủ mọi nghiệp xấu ác.

Loại phiền não thứ hai là sân hận, gặp việc va chạm không vừa ý một chút liền nổi nóng, một chút cũng không nhẫn chịu được. Do phát khởi lòng sân hận như thế liền tạo ra đủ mọi nghiệp xấu ác.

Loại phiền não thứ ba là ngu si, không hiểu biết rõ ràng đạo lý, ý nghĩa, giả dối nhận là chân thật, chân thật cho là giả dối, đường chánh đường tà cũng không phân biệt được. Người như vậy tự mình không có khả năng giác ngộ, làm sao có thể tu hành theo đạo pháp?

Loại phiền não thứ tư là kiêu mạn, bất kể gặp hạng người nào cũng luôn kiêu ngạo, tự cho mình là quan trọng,

hay giỏi, không có lòng khiêm cung kính trọng người khác. Người như thế dù học hỏi bất cứ điều gì cũng không thể tiến bộ, huống chi là học Phật pháp?

Loại phiền não thứ năm là nghi ngờ. Bất kể quý vị làm việc gì, một khi đã có lòng nghi, tức là không có chủ kiến nhất định, lúc muốn làm rồi lại không muốn làm, lúc không muốn làm rồi lại muốn làm, trong lòng rối loạn không yên, từ đó khởi sinh nhiều phiền não, không được thanh tịnh. Do đó mà gọi là uế trước.

Loại uế trước thứ ba là chúng sinh trước. Đó là nói chúng sinh vĩnh viễn ở trong sáu đường (cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), lưu chuyển sinh tử không có ngày chấm dứt, may mắn được sinh làm người thì cũng không khỏi các thứ khổ não sanh, già, bệnh, chết. Nếu phải đọa vào ba đường ác lại càng phải chịu vô số những khổ não không cùng tận, không có ngày ra khỏi, cho nên gọi là uế trước.

Loại uế trước thứ tư là mạng trước. Mỗi người sinh sống trên đời, giàu nghèo sang hèn đều có số phận an bài, lại thêm mỗi năm bốn mùa sương gió nóng lạnh, không ngừng đẩy người tiến nhanh đến chỗ già chết, đến phút lâm chung chỉ một hơi thở ra đã là xong kiếp. Quán xét kỹ đời người chẳng khác gì hạt sương trong nắng sớm, chỉ trong nháy mắt đã qua rồi, quả thật hết sức đáng sợ, cho nên gọi là uế trước.

Như trên vừa nói qua bốn loại uế trước, kết hợp tạo thành loại cuối cùng là kiếp trước. Nói về thời đại, bề ngoài có thành, trụ, hoại không bốn loại trung kiếp, trong mỗi trung kiếp có 20 tiểu kiếp, lại có các nạn nước, lửa, đao binh, ôn dịch... đủ loại, cho đến hoại kiếp lại sinh ra các tai kiếp lớn. Tuổi thọ con người lúc thì tăng thêm, khi lại giảm

thiếu, dường như thế giới đang hủy hoại, cho nên gọi là uestrợc. Chúng sinh sinh ra trong thế giới này hết thảy đều không tránh khỏi phải chịu đựng những khổ sở vì năm sự uestrợc.

Lại nói về sáu loại thân thông của Phật. Thứ nhất là thiên nhãn thông, bất kể ngày hay đêm, bất kể là cách xa đến mấy ngàn vạn ức dặm đường, mấy ngàn vạn ức thế giới, bất kể là gần cách bao nhiêu núi lớn, không một điều gì Phật không nhìn thấy rõ. Dù ở nơi tối tăm nhất Phật cũng nhìn thấy rất rõ ràng, không giống như phàm phu chúng ta chỉ cần che phủ một tờ giấy, cách một bức tường, hoặc đến nơi tối tăm không ánh sáng thì đều không thể nhìn thấy.

Thứ hai là thiên nhĩ thông, bất kể là cách xa đến mấy ngàn vạn ức dặm đường, bất kể là cách xa đến mấy ngàn vạn ức thế giới, đối với những âm thanh nhỏ nhất cũng không một âm thanh nào là Phật không nghe biết được. Không giống như phàm phu chúng ta chỉ có thể nghe được những âm thanh ở gần và đủ lớn, chỉ cần xa một chút hoặc nhỏ một chút là đều không nghe được.

Thứ ba là tha tâm thông, bất kể trong tâm người có ý niệm gì, đức Phật đều biết được. Bất kể là kinh sách gì, không cần phải đọc qua, Phật cũng hiểu rõ được kinh sách ấy nói lên ý nghĩa gì. Không giống như phàm phu chúng ta, đừng nói là ý niệm trong tâm người lạ, ngay cả đối với cha con, chồng vợ, những người thân thiết nhất, gần gũi nhất, dù họ có suy nghĩ gì ta cũng không thể biết được mảy may.

Thứ tư là túc mạng thông, bất kể là chuyện của mình hay của người khác, bất kể là chuyện trong một đời, trước đó một đời hoặc trước đó mười đời, cho đến trước đó ngàn

vạn ức đời, Phật đều biết rõ. Không giống như phàm phu chúng ta, những chuyện của chính mình lúc còn nhỏ cũng đã không nhớ được, nói gì đến việc biết được chuyện đời trước?

Thứ năm là thần túc thông, cũng gọi là như ý thông. Chỉ cần khởi niệm thì khắp các thế giới vô cùng tận trong mười phương đều có thể đi đến mà không cần nhọc sức, không khó khăn, dù núi cao biển rộng đều không thể ngăn trở được. Không giống như phàm phu chúng ta, dù dùng hết sức lực mạnh mẽ thì mỗi ngày bất quá cũng chỉ đi được chừng trăm dặm đường, nếu gặp núi cao biển rộng thì không qua được, nếu gặp gió lớn mưa to cũng không đi được.

Thứ sáu là lậu tận thông. Chữ “lậu” có nghĩa là gì? Ví như có một cái bình thủng đáy, mang nước chứa vào trong đó, bao nhiêu nước đều chảy ra hết. Phàm phu có đủ các phiền não tham lam, sân hận, si mê, mỗi một ý niệm đều dẫn khởi biết bao phiền não, tạo tác đủ mọi nghiệp xấu ác, không giữ gìn được tự tâm của chính mình, cũng giống như cái bình bị rỉ chảy. Lậu tận nghĩa là sự rỉ chảy đó đã chấm dứt, không còn nữa, hết thấy các phiền não tham lam, sân hận, si mê đều nhất thời làm cho thanh tịnh, không còn phiền não nữa, nhờ đó đạt được đại thần thông.

Có được sáu loại thần thông như vừa nói trên thì tự nhiên cũng có được mười thần lực. Thứ nhất là *tri thị xứ phi xứ trí lực*, thứ hai là *tri quá khứ vị lai nghiệp báo trí lực*, thứ ba là *tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực*, thứ tư là *tri chư căn thắng liệt trí lực*, thứ năm là *tri chủng chủng lãnh giải trí lực*, thứ sáu là *tri thế giới trí lực*, thứ bảy là *tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực*, thứ tám là *tri thiên nhãn vô ngại trí lực*, thứ chín là *tri túc mệnh vô lậu trí lực*,

thứ mười là *tri vĩnh đoạn tập khí trí lực*.

Nên biết rằng cõi đời uest trước không dễ trụ vững, thần lực không dễ hiển hiện, chúng sinh cứng đầu ngang ngạnh không dễ giáo hóa, các pháp an vui hay khổ não không dễ biết được, vậy mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thể trụ trong đời, có thể hiện thần lực, có thể giáo hóa chúng sinh, có thể biết các pháp an vui hay khổ não, thật vô cùng hy hữu, thật hết sức khó làm. Cho nên mười phương chư Phật đã xưng tán ngợi khen rồi, lại sai thị giả đến thưa hỏi vấn an đức Thế Tôn.

Đoạn văn này chính là mở đầu cho toàn bộ bản kinh.

### Kinh văn

是時如來含笑，放百千萬億大光明雲，所謂：大圓滿光明雲、大慈悲光明雲、大智慧光明雲、大般若光明雲、大三昧光明雲、大吉祥光明雲、大福德光明雲、大功德光明雲、大歸依光明雲、大讚歎光明雲，放如是等不可說光明雲已。

- *Thị thời Như Lai hàm tiếu, phóng bá thiên vạn ức đại quang minh vân, sở vị: đại viên mãn quang minh vân, đại từ bi quang minh vân, đại trí tuệ quang minh vân, đại bát-nhã quang minh vân, đại tam-muội quang minh vân, đại cát tường quang minh vân, đại phúc đức quang minh vân, đại công đức quang minh vân, đại quy y quang minh vân, đại tán*

*thán quang minh vân, phóng như thị đẳng bát khả thuyết quang minh vân dĩ.*

## Việt dịch

**Bấy giờ, đức Như Lai mỉm cười, phóng chiếu ra trăm ngàn vạn ức vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ, như là: vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại viên mãn, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại từ bi, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại trí tuệ, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại bát nhã, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại tam muội, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại phúc đức, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại công đức, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại qui y, vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại tán thán... Phóng chiếu ra những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ không thể nói hết như vậy rồi...**

## Giải thích

Vào lúc ấy, đức Phật nở nụ cười hàm tiếu, phóng chiếu ra trăm ngàn vạn ức vàng mây lành hết sức rực rỡ lớn lao. Những vàng mây ấy, gọi là vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại viên mãn... v.v... đủ các loại mây lành như thế không thể nói hết. [Đức Phật] đã phóng chiếu ra hết thảy những vàng mây lành rực rỡ tốt đẹp như thế rồi...

## Thích nghĩa

Hai tiểu đoạn trước đều nói đến chư Phật Bồ Tát trong mười phương cùng hội tụ về để nghe kinh. Tuy vẫn chưa được nghe Phật thuyết kinh, nhưng các vị trước tiên đều



ngợi khen xưng tán công đức hi hữu của Phật Thích-ca Mâu-ni, lại phái các vị Bồ Tát thị giả đến thưa hỏi vấn an Phật.

Vào lúc ấy, đức Như Lai một mặt hoan hỷ chào mừng chư Phật hội tụ, một mặt triệu tập hội chúng vì biết rằng cơ duyên đã đến, trong tâm Phật hết sức mừng vui hoan hỷ nên biểu hiện ra trên khuôn mặt là nụ cười hàm tiếu. Hơn nữa, điểm thiết yếu là đức Phật muốn nhân cơ hội tuyên dương nguyện lực của Bồ Tát Địa Tạng. Sự nghiệp hóa độ chúng sinh của đức Phật trong hiện tại đã sắp hoàn mãn, nay cơ duyên trong tương lai lại có người gánh vác [việc độ sinh], cho nên trong lòng Phật vô cùng hoan hỷ sáng khoái. Trong lòng hoan hỷ sáng khoái nên tự nhiên mỉm cười, phóng chiếu ra đủ các loại ánh sáng rực rỡ.

Trong kinh này, cả ba phẩm: *Thần thông tại Thiên cung ở cung trời Đao-lợi*, *Đức Như Lai xưng tán ngợi khen và Lợi ích của sự thấy nghe*, đều là sự phóng chiếu hào quang của Phật. Sự phóng chiếu hào quang trong phẩm này cũng giống như trong phẩm *Như Lai xưng tán ngợi khen*, đều là hào quang phóng chiếu từ toàn thân đức Như Lai.

*Như Lai* cũng là một trong các đức hiệu của Phật. Do y theo thể của pháp thân không biến đổi mà khởi thành ứng hóa thân tùy duyên vận dụng. Không biến đổi là *như*, tùy duyên là *lai*, do đó xưng tán là Như Lai.

*Hàm tiếu* là nụ cười không hở môi phô răng, miệng ngậm kín nhưng nét vui mừng lộ trên khuôn mặt, vẻ hoan hỷ bao quanh đôi mày. Miệng vừa nhoẻn cười thì hết thấy các lỗ chân lông đều mở ra, cho nên toàn thân cùng phóng chiếu hào quang rực rỡ.

*Trăm ngàn vạn ức* [là cách nói biểu trưng], muốn nói rằng [các đạo] hào quang của Phật số lượng rất nhiều. Từ

thân Phật có thể phóng chiếu mười đạo hào quang, cho đến trăm, ngàn, cũng có thể hiện xuất đến vô cùng vô tận hào quang, tất cả đều tương ứng với thời cơ mà biểu đạt, diễn bày Phật pháp.

Chữ “đại” (lớn lao) trong “đại quang minh vân” (vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ) là muốn nói tâm Phật rất lớn lao. Sự lớn lao này bao trùm hết thảy mọi sự lớn lao khác. Vì hào quang của Phật sáng hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng đến vạn vạn lần, có thể soi chiếu phá trừ u ám, soi chiếu đến tận những nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu đến.

Mây là sự hội tụ [các khí] âm dương mà thành, có thể bay lên tự nhiên thành hình dáng đẹp, dáng vẻ hình sắc có đậm nhạt khác nhau, còn có thể biến hóa ra rất nhiều hình dáng, còn có thể thành mưa rơi xuống, nên hình dung biểu đạt Như Lai giống như mây lành, ngài thuyết pháp giống như mưa xuống, giúp cho những chồi non Bồ-đề của chúng sinh được gặp mây mưa Phật pháp thấm nhuần liền tự nhiên được sinh trưởng lớn dần lên.

Nói vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại viên mãn, đó là ngợi khen xưng tán công năng của quả vị Phật. Hào quang của Phật không nơi nào không soi chiếu đến, cho nên gọi là viên (tròn đầy). Bất kể là ở thế giới nào, chúng sinh hữu duyên có thể thực hành hiếu đạo đều giúp cho đạt được quả vị, cho nên gọi là mãn (trọn đủ).

Từ bi là bản ý của Phật, nên ngài phóng ra vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại từ bi soi chiếu đến chúng sinh. Chúng sinh được ánh sáng này chiếu đến, thân tâm liền tức thời thanh tịnh, cực kỳ khoái lạc. Một khi được khoái lạc rồi liền có thể xa lìa hết thảy mọi khổ não.

Trí tuệ là phẩm tính mà Phật và chúng sinh đều có như

nhau. Nhưng vì chúng sinh bị năm thứ uế trước phủ che, đến nỗi mê mờ tối tăm không thể hiển lộ trí tuệ. Cho nên đức Phật phóng ra vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại trí tuệ, khiến cho chúng sinh được tiếp nhận rồi thì tâm địa bỗng được khai mở rộng thoáng, phát khởi được trí tuệ bản lai vốn tương đồng như Phật.

*Bát-nhã* là một loại trí tuệ quan trọng thiết yếu nhất đối với người học Phật. Trí bát-nhã này có thể giúp người học phá trừ hết thảy vọng niệm si mê, cho nên đức Phật phóng ra vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại trí tuệ để khiến cho chúng sinh tiếp nhận được rồi thì có thể đạt được trí tuệ bát-nhã.

*Tam-muội* là công phu chánh kiến, chánh định của Phật, không giống như phàm phu chúng ta học đạo, thường không phân biệt được chánh kiến nên tiếp cận với ngoại đạo, không phân biệt được chánh định nên tiếp cận với tà định. Vì thế, đức Phật Phật phóng ra vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại tam-muội khiến cho phàm phu tiếp nhận rồi thì đạt được công phu chánh kiến, chánh định.

Phải có duyên sự tốt đẹp lớn lao mới hiện điềm lành này. Theo lời Phật nói ra, bản ý của ngài là muốn chúng ta nghe được bộ kinh Địa Tạng nói về hiếu đạo này rồi, tương lai nhất định đều có thể đạt đến quả Phật. Cho nên trước hết phóng chiếu ra hết thảy những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ như thế, báo cho chúng ta biết trước một duyên lành tốt đẹp lớn lao.

*Phước* là những báo ứng tốt đẹp từ những việc thiện mà chúng sinh đã làm, do [những việc thiện] đó mà quý vị được hưởng phước. *Đức* là điều chúng sinh có được từ sự khoan dung độ lượng tha thứ cho người khác, giữ tâm nhân nghĩa. Đức Phật [đã từng] tu tập lục độ, vạn hạnh, cho nên có được phước đức [lớn lao] như vậy. Chúng đắc

quả vị vô thượng, hiện tại phóng chiếu ra những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ như vậy, khiến chúng sinh được nhìn thấy mây lành rực rỡ cũng trở nên ham học hỏi, khởi sinh những hành vi tích tạo phước đức.

Công đức là do Phật [trong quá khứ] đã tu tập vô số công hạnh mới thành tựu được đức lớn lao như vậy. Hiện tại Phật phóng chiếu những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ, khiến chúng sinh có thể dễ dàng noi theo công hạnh tu hành, tự nhiên có thể đạt được những công đức như thế.

Quy là quy thuận, quay về nương theo, y là nương tựa, dựa vào. Do vì chúng sinh nhiều đời điên đảo trong sáu đường chịu khổ, thật ra đều là vì tâm thức không có chỗ nào để quay về nương theo nên mới tạo thành [tội nghiệp] như vậy. Do đó, Phật phóng chiếu những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ đại quy y khiến cho chúng sinh giữ tâm an định, một lòng không tán loạn cùng đến quy y Phật, lại noi theo kinh Địa Tạng tu hành học tập hạnh hiếu, trong một đời có thể đạt đến Phật quả, không còn phải rơi trở lại trong sáu đường luân hồi chịu khổ.

Trong những vàng mây lành lại phát xuất âm thanh tán thán ngợi khen. Phật phóng chiếu những vàng mây lành có ánh sáng rực rỡ như thế có nhiều ý nghĩa [tán thán].

Một là tán thán chư Phật, Bồ Tát mười phương cùng đến tham dự Pháp hội.

Hai là tán thán Bồ Tát Địa Tạng có thể phát khởi hạnh nguyện như vậy, có lời thệ nguyện hiếu hạnh lớn lao như vậy. (Bồ Tát Địa Tạng từng nói rằng: “Chúng sinh trong sáu đường luân hồi, hết thầy nam giới đều là cha ta, hết thầy nữ giới đều là mẹ ta. Nếu không cứu độ hết chúng sinh trong địa ngục, ta quyết không thành Phật.” Cho nên,

Bồ Tát Địa Tạng đã tu hành qua số kiếp vô cùng vô tận nhưng vẫn còn nguyên ở địa vị [Bồ Tát], vì thực hành lời nguyện hiếu hạnh lớn lao như thế, tự nhiên đức Phật phải ngợi khen tán thán. Nên biết, mỗi một kiếp là thời gian 34.400 năm.)

Ba là tán thán chư Phật [mười phương] đã sai phái các vị thị giả đến thăm hỏi vấn an Phật.

Bốn là tán thán ngợi khen từ khi có bộ kinh Địa Tạng này ra đời, về sau chắc chắn trong thiên hạ sẽ xuất hiện nhiều chúng sinh hiếu thuận cha mẹ, hiếu thuận kính trọng các bậc sư trưởng, chư tăng, Tam Bảo.

## Kinh văn

又出種種微妙之音，所謂：檀波羅蜜音、尸波羅蜜音、羸提波羅蜜音、毗離耶波羅蜜音、禪波羅蜜音、般若波羅蜜音、慈悲音、喜捨音、解脫音、無漏音、智慧音、大智慧音、師子吼音、大師子吼音、雲雷音、大雲雷音，出如是等不可說不可說音已。

- *Hựu xuất chủng chủng vi diệu chi âm, sở vị: đàn ba-la-mật âm, thi ba-la-mật âm, sần-đề ba-la-mật âm, ti-lê-da ba-la-mật âm, thiên ba-la-mật âm, bát-nhã ba-la-mật âm, từ bi âm, hỷ xả âm, giải thoát âm, vô lậu âm, trí tuệ âm, đại trí tuệ âm, sư tử hống âm, đại sư tử hống âm, vân lô âm, đại vân lô âm, xuất như thị đẳng bất khả thuyết bất khả thuyết âm dĩ.*

## Viết dịch

Đức Phật lại tiếp tục phát ra đủ mọi âm thanh vi diệu nhiệm mầu, như âm thanh của Đàn ba-la-mật, âm thanh của Thi ba-la-mật, âm thanh của Sần-đề ba-la-mật, âm thanh của Tỳ-lê-da ba-la-mật, âm thanh của Thiên ba-la-mật, âm thanh của Bát-nhã ba-la-mật, âm thanh của từ bi, âm thanh của hỷ xả, âm thanh của giải thoát, âm thanh của không lậu hoặc, âm thanh của trí tuệ, âm thanh của đại trí tuệ, âm thanh của sư tử hống, âm thanh của đại sư tử hống, âm thanh tiếng sấm từ mây phát ra, âm thanh tiếng sấm lớn từ mây phát ra. Đức Phật phát ra hết thảy đủ mọi âm thanh không thể nói hết như vậy rồi...

## Giải thích

Đức Phật từ trên khuôn mặt phóng ra đủ các vầng mây lành có ánh sáng rực rỡ, sau đó lại phát ra đủ các loại âm thanh hết sức tinh tế, hết sức tốt đẹp hài hòa. Những âm thanh đó là âm thanh của Bồ thí ba-la-mật cùng các loại âm thanh khác được kể ra là mười sáu loại âm thanh. Đức Phật phát ra những âm thanh không thể nói hết như vậy rồi.

## Thích nghĩa

Đức Phật phóng chiếu những vầng mây lành có ánh sáng rực rỡ rồi vẫn chưa thuyết kinh này, lại tiếp tục phát ra đủ mọi loại âm thanh nhiệm mầu tốt đẹp hài hòa. Âm thanh ở đây là các loại âm thanh nhu hòa tốt đẹp, nhờ hòa hợp mà đạt đến thành công. Hướng chi âm thanh của Phật còn nhu hòa, thanh nhã hơn gấp bội, bất kể là người thích nghe các loại nhạc cụ nào cũng đều không thể giống như sự ưa thích đối với các âm thanh của Phật.

Đàn hay đàn-na là Phạn ngữ, chúng ta dịch là “bố thí”. Bố thí nghĩa là đem tiền bạc, các món tài vật quý giá của mình hiện có ra biếu tặng cho những người thiếu thốn. Cho nên, bố thí là pháp tu hành đứng đầu trong muôn pháp, cũng chính là pháp sám hối của người nhiều tham dục.

Phạn ngữ ba-la-mật, dịch là “đến bờ kia”, có ý nghĩa là làm một việc gì đó được thành công, thành tựu.

Phạn ngữ thi-la, dịch là “dừng lại, làm được”, chỉ việc dừng lại các việc xấu ác không làm nữa và đối với các việc thiện thì cung kính làm được, không một chút biếng nhác trễ nãi.

Đức Phật phát ra những âm thanh mâu nhiệm như thế là để giúp chúng ta nhanh chóng thực hành các việc lành như bố thí, hiếu thuận, nhờ đó tương lai có thể thành Phật, cứu độ hết thầy cha mẹ nhiều đời, thực hành được hạnh hiếu cao quý, lớn lao nhất.

Phạn ngữ sần-đê, dịch nghĩa là nhẫn nhục. Có hai loại là sinh nhẫn và pháp nhẫn.

Sinh nhẫn tức là không sát sinh, không giết hại sinh mạng, cho đến loài muỗi mòng cũng không nỡ ra tay đập chết. Có người cố ý đến gây sự với quý vị, dù đánh đập, chửi mắng vẫn nhẫn chịu được, như vậy có thể được phước báo rất lớn lao.

Pháp nhẫn là khổ nhọc tu luyện hành trì, dứt trừ hết thầy phiền não, như vậy được quả báo là tăng trưởng trí tuệ.

Có thể tu cả hai pháp nhẫn như trên là tốt đẹp nhất. Đức Phật phát ra những âm thanh mâu nhiệm của Sần-đê ba-la-mật là có ý muốn khuyến khích chúng ta tu tập hai pháp nhẫn này.

Phạn ngữ tỳ-lê-da, dịch nghĩa là “tinh tấn”, đó là bảo chúng sinh phải một lòng tiến tới, không chịu thối lui, phải hết sức nỗ lực làm việc thiện, niệm Phật, lễ Phật. Như thế gọi là ngoại tinh tấn. Trong tâm không có vọng niệm, không khởi niệm xấu ác, đó gọi là nội tinh tấn.

Chúng sinh nghe được những âm thanh mâu nhiệm của Tinh tấn ba-la-mật do đức Phật phát ra, tự nhiên không còn dám thối lui hay chán nản, mỗi mệ.

Phạn ngữ thiên hay thiên-na, dịch nghĩa là “tĩnh lặng, lắng đọng mọi suy nghĩ”. Do vì tâm ý chúng ta hầu hết đều như khi, như ngựa, lăng xăng vọng động không một giây phút nào dừng nghỉ. Cho nên, đức Phật phát ra âm thanh mâu nhiệm của Thiên ba-la-mật là để giúp chúng ta học pháp thiên định, dừng tâm an định, không buông thả tán loạn, tự nhiên được an tĩnh không còn suy tư lo nghĩ, tu tập thành tựu một trong các pháp căn bản xuất thế.

Phạn ngữ bát-nhã, dịch nghĩa là trí tuệ. Trí tuệ của kẻ phàm phu bị che lấp mê muội trong năm sự uestrước. Đức Phật phát ra âm thanh nhiệm mâu của Bát-nhã ba-la-mật là để giúp chúng ta tỉnh cơn mê mộng, hiển lộ trí tuệ vốn có của mình mà phát sinh tâm đạo.

Từ, bi, hỷ, xả là nói bốn loại âm thanh vô lượng. Có thể giúp người khác vui vẻ khoan khoái, đó gọi là từ. Cứu giúp người khác thoát khỏi khổ nạn, đó gọi là bi. Người khác được vui thích, ta cũng vui theo, đó gọi là hỷ. Hết sức bình đẳng, không khởi tâm yêu ghét, bám chấp, đó gọi là xả.

Bốn trạng thái tâm thức này có ý nghĩa rất rộng lớn, quý vị nếu có thể thực hiện được thì tự nhiên có thể đạt được phương tiện giải thoát. Khi ấy dù ở bất cứ nơi đâu cũng được giải thoát, hết thấy vọng niệm uestrước, xấu ác đều tự nhiên rất khó trói buộc được tâm đạo của quý vị, rất



cùng sẽ đạt đến chỗ không còn lậu hoặc. Tâm thức không còn lậu hoặc cũng có nghĩa như đạt đến Lậu tận thông. Đó là hiện khởi được trí tuệ vốn có xưa nay của tự thân. Khi tu hành chứng đắc quả Phật viên mãn sẽ đạt được đại trí tuệ. Đức Phật phát ra những âm thanh nhiệm mầu này không gì khác hơn là muốn giúp chúng sinh phát khởi tâm đạo, tu tập các pháp ba-la-mật như thế.

Sư tử là loài thú sinh trưởng ở châu Phi, trong những vùng rừng sâu núi thẳm. Khi nó biểu hiện hình tướng uy dũng rồi gầm rống, muôn thú nghe tiếng rống đều sợ hãi chạy trốn mất dấu. Tiếng gầm của tiểu sư tử là ví dụ như khi Phật thuyết pháp, hết thảy tà đạo nghe qua rồi đều sợ hãi trốn chạy mất dấu. Tiếng gầm của đại sư tử là ví dụ khi Phật thuyết pháp Đại thừa Viên giáo, người nghe được rồi có thể đạt đến chỗ kiến giải và công hạnh đều không còn sợ hãi.

Âm thanh tiếng sấm từ mây phát ra hoặc tiếng sấm lớn từ mây phát ra, đó là tỷ dụ thân Phật như mây, Phật thuyết pháp như mưa, âm thanh thuyết pháp rền vang như tiếng sấm, có thể vang dội chấn động nơi xa, khiến cho chúng sinh nghe được tiếng sấm pháp ấy rồi thì bừng tỉnh giác ngộ, sinh tâm hoan hỷ.

Đức Phật phát ra mười sáu loại âm thanh nhiệm mầu như vậy, nói tổng quát là vì cảm ứng với hết thảy chúng sinh, nên cần phải dùng phương tiện gì để hóa độ được liền phát ra loại âm thanh [tương ứng] như vậy. Cho nên hết thảy những âm thanh không thể nói hết như vậy đều được đức Phật phát ra hoàn tất.

## Kinh văn

娑婆世界，及他方國土，有無量億天龍鬼神，亦集到忉利天宮。所謂：四天王天、忉利天、須焰摩天、兜率陀天、化樂天、他化自在天、梵眾天、梵輔天、大梵天、少光天、無量光天、光音天、少淨天、無量淨天、遍淨天、福生天、福愛天、廣果天、無想天、無煩天、無熱天、善見天、善現天、色究竟天、摩醯首羅天，乃至非想非非想處天，一切天眾、龍眾、鬼神等眾，悉來集會。

- *Ta-bà thế giới, cập tha phương quốc độ, hữu vô lượng ức thiên long quỷ thần, diệp tập đáo Dao-lợi thiên cung. Sở vị: Tứ thiên vương thiên, Dao-lợi thiên, Tu-diêm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên, Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên, Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Phúc sinh thiên, Phúc ái thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Thiên kiến thiên, Thiên hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên, Ma-hê-thủ-la thiên, nãi chí Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên, nhất thiết thiên chúng, long chúng, quỷ thần đẳng chúng, tất lai tập hội.*

## Việt dịch

Trong thế giới Ta-bà cùng các cõi nước phương khác có vô số các vị trời, rồng, quỷ, thần, cũng đều tụ họp đến Thiên cung của cung trời Đao-lợi. Đó là hết thảy các vị thiên chúng ở các cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao-lợi, cõi trời Tu-diệm-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha hóa Tự tại, cõi trời Phạm chúng, cõi trời Phạm phụ, cõi trời Đại phạm, cõi trời Thiểu quang, cõi trời Vô Lượng Quang, cõi trời Quang Âm, cõi trời Thiểu Tịnh, cõi trời Vô Lượng Tịnh, cõi trời Biến Tịnh, cõi trời Phúc Sinh, cõi trời Phúc Ái, cõi trời Quảng Quả, cõi trời Vô Tướng, cõi trời Vô Phiền, cõi trời Vô Nhiệt, cõi trời Thiện Kiến, cõi trời Thiện Hiện, cõi trời Sắc Cứu Cánh, cõi trời Ma-hê-thủ-la, cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, hết thảy các vị trời, rồng, quỷ thần đều tụ hội đến.

## Giải giảng

Trong thế giới Ta-bà của chúng ta cùng với các thế giới trong mười phương, các cõi nước lớn, nhỏ, có vô số chư thiên các cõi trời, cùng với các loài rồng, quỷ thần, hết thảy đều tập trung về Thiên cung của cung trời Đao-lợi.

Những cõi trời được kể ra đó là cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao-lợi, cõi trời Tu-diệm-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha hóa Tự tại, đó là sáu cõi trời thuộc Dục giới.

Cõi trời Phạm chúng, cõi trời Phạm Phụ, cõi trời Đại Phạm, đó là ba cõi trời thuộc Sơ thiên.

Cõi trời Thiểu Quang, cõi trời Vô Lượng Quang, cõi trời Quang Âm, đó là ba cõi trời thuộc Nhị thiên.

Cõi trời Thiếu Tịnh, cõi trời Vô Lượng Tịnh, cõi trời Biến Tịnh, đó là ba cõi trời thuộc Tam thiên.

Cõi trời Phúc Sinh, cõi trời Phúc Ái, cõi trời Quảng Quả, cõi trời Vô Tướng, cõi trời Vô Phiền, cõi trời Vô Nhiệt, cõi trời Thiện Kiến, cõi trời Thiện Hiện, cõi trời Sắc Cứu Cánh, đó là chín cõi trời thuộc Tứ thiên, cộng với các cõi trời thuộc Sơ thiên, Nhị thiên và Tam thiên vừa kể trên, cả thảy là 18 tầng trời, đều là các cõi trời thuộc Sắc giới.

Bên trên các cõi trời thuộc Sắc giới còn có các cõi trời Ma-hê-thủ-la, cho đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cả thảy bốn tầng trời, đều gọi chung là các cõi trời Vô sắc giới.

Hết thảy chư thiên trên các cõi trời như vậy, cùng với hết thảy các loài rồng, quỷ thần, đều tụ họp về tham dự Pháp hội.

## **Thích nghĩa**

Phần trên đã nói qua việc đức Phật phóng chiếu ra đủ loại mây lành có ánh sáng rực rỡ, lại phát ra đủ loại âm thanh mâu nhiệm vi diệu, do đó làm chấn động cả thế giới này cho đến cả các thế giới trong mười phương, các cõi nước lớn, nhỏ, có vô lượng vô số chư thiên cùng các loài rồng, quỷ thần, tất cả đều nương nhờ ánh sáng và âm thanh của Phật phát ra, đến tụ họp tại Thiên cung của cung trời Đao-lợi, để nghe Phật thuyết giảng bộ kinh Địa tạng vĩ đại và trọng yếu này.

Nói về cõi trời Tứ thiên vương là ở lưng chừng sườn núi Tu-di, hết thảy mọi sinh hoạt đời sống đều giống như chúng ta ở cõi người.

Về phía đông núi Tu-di có gò đất bằng vàng, là nơi ở của

vị Trì Quốc Thiên vương. Về phía nam có gò đất bằng lưu ly, là nơi ở của vị Tăng Trưởng Thiên vương. Về phía tây có gò đất bằng bạc, là nơi ở của vị Quảng Mục Thiên vương. Về phía bắc có gò đất bằng thủy tinh, là nơi ở của vị Đa Văn Thiên vương. Mỗi vùng đất của các vị này đều rộng đến mười ngàn do-tuần.

Chúng sinh cõi người nếu siêng tu bố thí, trì giới không giết hại, hoan hỷ lắng nghe pháp Phật, hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường người hiền thiện, thì sau khi chết có thể tái sinh lên những cõi trời này. Tuổi thọ của chư thiên nơi đây là 500 năm, nhưng 50 năm ở cõi người chỉ bằng một ngày đêm ở cõi trời này. Đối với các cõi trời sẽ được nói đến sau đây, càng lên cao hơn thì tuổi thọ càng tăng thêm gấp bội.

Cõi trời Đao-lợi trong phần trước đã có nói đến.

Phạn ngữ Tu-diệm-ma hay Tu-dạ-ma, Hán dịch là “thiện thời phần”. Chúng sinh sinh đến cõi trời này có thể nói là lúc nào cũng được vui sướng khoái lạc, hơn nữa ở cõi trời này còn dùng hoa sen nở để phân chia ngày đêm. Khi hoa sen đỏ nở ra là thời gian ban ngày, hoa sen trắng nở là ban đêm. Vì nơi đây ánh sáng mặt trời mặt trăng đều không soi đến được, do trên thân hình chư thiên đều phóng chiếu hào quang rực sáng [hơn cả ánh sáng mặt trời]. Do đó nên gọi tên cõi trời này là Thiện Thời Phần.

Người đời thường bố thí, không giết hại, không trộm cắp, tâm ý nhu hòa, kính trọng hiếu thuận cha mẹ, giữ giới không dâm dục, sau khi chết có thể được tái sinh về cõi trời này.

Phạn ngữ Đâu-suất-đà, dịch nghĩa là “biết đủ”. Người sinh ra trong cõi có năm món dục, có thể tự biết đủ, không phạm lỗi khẩu nghiệp, giữ tâm hiếu đễ, lại thêm biết giữ

lòng thanh tịnh làm việc công ích, tu phúc đức, sau khi chết có thể được tái sinh về cõi trời này.

Cõi trời Hóa Lạc là vì chư thiên ở cõi trời này thường chuyển biến hóa hiện, chợt có chợt không. Nhờ vào thần lực, phúc lực của bản thân nên có thể biến hiện đủ các thứ tùy theo sự mong muốn trong lòng. Làm người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng muôn vật, thường rộng nghe pháp Phật, nhận hiểu được ý nghĩa học Phật, sau khi mạng chung có thể được tái sinh về cõi trời này.

Cõi trời Tha hóa Tự tại là [nơi ở của vị] Thiên chủ sáu cõi trời Dục giới. Chư thiên cõi trời này có thể dùng sự vui thích khoái lạc của các cõi trời khác làm sự vui thích khoái lạc của bản thân mình. Nếu trong lòng họ muốn đạt được một cảnh giới nào thì chư thiên cõi trời khác đều có thể biến hóa ra cho họ. Tuổi thọ của chư thiên ở đây là 16.000 năm và thời gian ở cõi người 1.600 năm chỉ bằng một ngày đêm ở cõi trời này.

Về cõi trời Phạm chúng, chữ “phạm” là hàm nghĩa thanh tịnh, không dâm dục, chữ “chúng” chỉ chung chư thiên ở đây. Như vậy, tên gọi này hàm nghĩa là chư thiên ở cõi trời này tất cả đều thanh tịnh, không hề có vọng niệm dâm dục.

Cõi trời Phạm phụ, chư thiên ở đây đều là các vị phụ trợ, giúp việc cho vị trời Đại phạm.

Cõi trời Đại phạm chỉ vị Thiên vương [chủ thế giới]. Vị Thiên vương này có tên gọi là Thi-khí, sinh ra trước thời Kiếp sơ, chỉ mất đi sau thời Kiếp tận. Từ tầng trời Sơ thiên trở lên đều không còn sử dụng ngôn ngữ, chỉ riêng ở cõi trời Sơ thiên thì trong tâm còn có sự quán xét, nhận biết, suy niệm, bên ngoài còn dùng đến một phần ngôn ngữ hiệu lệnh. Vị Thiên vương này giữ quyền thống lãnh các

cõi trời, các thế giới. Vì thế mới có ba tầng trời phân biệt là dân (trời Phạm chúng), quan (trời Phạm phụ) và vua (trời Đại phạm).

Cõi trời Thiếu quang, cư trú nơi đây là chư vị Bồ Tát, tất cả đều thường tu thiền định, khi nhập định có thể phóng tỏa hào quang, cũng có thể cưỡi mây đạp gió. Hào quang của các vị Bồ Tát này có thể từ thân hình phát ra, cũng có thể từ miệng phóng ra. Trong hào quang ấy có các loại âm thanh. Trong tâm các vị không còn vọng niệm, miệng cũng không còn dùng đến ngôn ngữ tiếng nói, chỉ dùng âm thanh [phát xuất từ trong hào quang] để thay thế tiếng nói, cho nên cả ba tầng trời [Nhị thiên] đều mang danh xưng tương đồng [có chữ Quang].

Cõi trời Vô Lượng Quang, đó là nói hào quang tăng thêm đến mức số lượng vô hạn. Nhưng hào quang tăng thêm đó cũng có ba cấp độ phân biệt là thượng, trung, hạ. Trước đây có lòng thương yêu thanh tịnh, lại vui thích bố thí, trì giới, nên được tái sinh nơi tốt đẹp. Nếu như lại có thể thấp đèn ở những nơi tối tăm, hoặc ở trước Phật, tháp thờ Phật, hoặc nơi chùa chiền thấp đèn cúng dường chư Phật, Bồ Tát, thì càng có thêm khả năng đạt được quả báo tốt là hào quang tăng thêm đến vô lượng.

Cõi trời Quang Âm là nói hào quang thanh tịnh có thể chiếu sáng chung quanh, lại dùng ánh sáng trí tuệ để giáo hóa các chúng sinh ngu si, tà kiến. Các vị Bồ Tát ở cõi trời này trên thân hình đều phát ra hào quang màu đỏ, lại có đủ năm loại thần thông, hình tướng không có sự chướng ngại, trong tâm cũng không còn khởi lên sự nhận biết quan sát, cho nên cũng gọi là [đạt đến] *Định tâm hỷ lạc địa*.

Cõi trời Thiếu Tịnh, chư thiên ở đây đã ra khỏi tâm hỷ của Sơ thiên, đạt được sự khoái lạc của mức định an tĩnh, chỉ có điều sự khoái lạc đó không từ nơi ngoại cảnh mà có,

chính là từ trong sự an tĩnh điềm đạm của thể tánh mà có được. Hơn nữa, tất cả đều từ nơi nội tâm mà được, không liên can gì đến ngoại cảnh, cho nên gọi là “thiếu”.

Cõi trời Vô Lượng Tịnh, chư thiên cõi trời này đều là chư vị Bồ Tát thân tâm khinh an, đã thành tựu sự khoái lạc tịch diệt, tâm an tịnh cũng hơn hẳn so với các vị ở tầng trời vừa nói trước. Cho nên cảnh bên ngoài thân cũng thanh tịnh hơn hẳn, vô lượng thanh tịnh. Ý nghĩa tên gọi là như thế.

Cõi trời Biến Tịnh là ý nói phổ biến khắp cả, muôn vật cùng mình hòa thành một thể không phân chia khác biệt. Hai tầng trời vừa kể trước tuy được sự khoái lạc thanh tịnh nhưng vẫn chưa được phổ biến rộng khắp, cho nên vẫn còn chưa đạt đến niềm vui thanh tịnh trải khắp (biến tịnh lạc). Ở cõi trời này, chư thiên không chỉ đã đạt được niềm vui thanh tịnh biến trải khắp, hơn nữa còn tiêu trừ hết thảy các tâm hoan hỷ, chỉ còn lại thuần khiết một niềm vui thanh tịnh. Vì thế, [chư Bồ Tát cõi này] cũng được gọi là [đạt đến] *Ly hỷ diệu lạc địa*.

Cõi trời Phúc Sinh, gồm toàn các vị Bồ Tát tu tập phúc lực thù thắng mới sinh được về cõi này. Do đó mà có tên gọi như vậy. Từ cõi trời này trở lên chư thiên đều cư trú trong những tầng mây mỏng, như các vì sao sáng rải rác.

Cõi trời Phúc Ái, chư thiên ở đây đều đã buông bỏ được mọi sự hỷ lạc. Những chỗ mong cầu hết thảy đều do tu tích phúc đức mà đạt được, thành tựu được quả lớn lao ít có.

Cõi trời Quảng Quả, là nói những quả báo của phàm phu không thể sánh được với sự tốt đẹp của chư thiên ở cõi này. Công đức mà các vị tu tập cũng như quả báo mà họ đạt được thảy đều vượt trội hơn chư thiên ở các tầng trời bên dưới.



Cõi trời Vô Tướng, các vị tu pháp định Vô tướng đều tái sinh về cõi trời này. Tuổi thọ chư thiên ở đây là 500 kiếp. Trong thời gian nửa kiếp khi vừa sinh ra vẫn còn tâm tưởng, và thời gian nửa kiếp trước khi diệt mất thì tâm tưởng lại khởi lên. Còn lại 499 kiếp trong cuộc đời của vị chư thiên ở cõi trời này thì tâm tưởng hoàn toàn không hiện hành.

Cõi trời Vô Phiền, chư thiên ở đây không còn những tạp loạn do phiền não kiến hoặc, tư hoặc của cõi người.

Cõi trời Vô Nhiệt, chư thiên ở cõi trời này trong tâm ý luôn khoái lạc, điều hòa, nhu thuận, có thể lìa xa hết thảy mọi sự bám chấp phiền não kiến hoặc, tư hoặc của cõi người.

Cõi trời Thiện Kiến, chư thiên ở đây đã trừ dứt mọi chướng ngại trong thiên định. Vì thế, chỗ thấy biết nhận hiểu vô cùng sáng tỏ, thấu triệt.

Cõi trời Thiện Hiện, là nơi hình sắc nơi cõi trời này so với những cõi trời khác tốt đẹp hơn nhiều, hơn nữa còn rất khéo biến hiện.

Cõi trời Sắc Cứu Cánh, là nơi cao nhất của sắc pháp. Năm tầng trời [từ đây trở lên] đều là các vị La-hán đạt ba thành quả. Ba thành quả ở đây có nghĩa là ban sơ khởi niệm không lậu hoặc, lần thứ hai khởi niệm không lậu hoặc, đến lần thứ ba khởi niệm cũng hoàn toàn không có lậu hoặc. Do sức tu tập các niệm không lậu hoặc như thế nên cảm ứng được tái sinh về những cõi trời thanh tịnh này.

Ma-hê-thủ-la là Phạm ngữ, Hán dịch là Đại tự tại thiên. Nằm giữa cõi trời Sắc Cứu Cánh có vị Bồ Tát ở địa vị Thập trụ trụ tại đây. Vị Bồ Tát này cũng gọi là Đại Tự Tại Thiên vương, hình tướng có tám tay, ba mắt, cuống trên lưng trâu trắng, tay cầm phát trần màu trắng, chỉ cần động niệm

liên có thể rõ biết tường tận cho đến số giọt nước mưa trong khắp đại thiên thế giới. Cõi trời này cũng là cao nhất trong các cõi trời thuộc Sắc giới.

[Kinh văn nói] “cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ”, hai chữ “cho đến” hàm ý bao gồm các cõi trời Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, là ba cõi trời [không được kể tên ra], cùng với cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ được gọi chung cả thảy là bốn tầng trời Vô Sắc giới. Vị Bồ Tát tái sinh ở các cõi trời này sắc thân không nhìn thấy được, do đó gọi là Vô Sắc giới.

Rồng là loại lớn nhất, dài nhất trong các loài trùng có vảy, cũng được xem là một loài linh vật, thần vật. Loài rồng có khả năng biến hóa tùy ý khi lớn khi nhỏ, khi dài khi ngắn, khi ẩn khi hiện. Quỷ là hồn phách con người kết thành sau khi chết thân xác đã chôn sâu vào lòng đất. Thần là một loài chúng sinh khi ẩn khi hiện, có sức thần dồi non lập biển.<sup>1</sup>

## Kinh văn

復有他方國土及娑婆世界，海神、江神、河神、樹神、山神、地神、川澤神、苗稼神、晝神、夜神、空神、天

<sup>1</sup> Nguyên bản Hán văn: 鬼是人死後入地的魂魄所結成的- 神是一種忽隱忽現，力能拔山倒海的神道 - (Quỷ thị nhân tử hậu nhập địa đích hồn phách sở kết thành đích. Thần thị nhất chủng hốt ẩn hốt hiện, lực năng bạt sơn đảo hải.) Độc giả cần lưu ý cách hiểu về quỷ thần ở đây là do người giải thích chịu ảnh hưởng từ quan niệm dân gian Trung Hoa chứ không phải y cứ vào Kinh điển Phật giáo. Theo Phật giáo, các loài quỷ hay ngạ quỷ là một trong sáu đường luân hồi, nên chúng sinh do nghiệp lực mà tái sinh vào đó chứ không phải do hồn phách của người kết thành. Tương tự, thần cũng là một dạng chúng sinh trong sáu đường, phần lớn là các vị thuộc cảnh giới a-tu-la.

神、飲食神、草木神、如是等神，皆來集會。

- *Phục hữu tha phương quốc độ cập Ta-bà thế giới, hải thần, giang thần, hà thần, thụ thần, sơn thần, địa thần, xuyên dịch thần, miêu giá thần, trú thần, dạ thần, không thần, thiên thần, ẩm thực thần, thảo mộc thần, như thị đẳng thần, giai lai tập hội.*

### Việt dịch

Lại có các vị thần biển, thần sông, thần kênh mương, thần cây, thần núi, thần đất, thần suối ao, thần lúa mạ, thần ngày, thần đêm, thần không gian, thiên thần, thần ẩm thực, thần thảo mộc, các vị thần như thế ở các cõi nước mười phương cũng như trong phạm vi thế giới Ta-bà đều tụ hội đến.

### Giảng giải

Ngoài ra còn có các vị thần biển, thần sông, thần kênh mương, thần cây, thần núi, thần đất, thần suối ao, thần lúa mạ, thần ngày, thần đêm, thần không gian, thiên thần, thần ẩm thực, thần thảo mộc, ở các cõi nước, các cõi Phật khác trong mười phương cũng như thuộc phạm vi thế giới Ta-bà của chúng ta, rất nhiều các vị thần như vậy đều tụ hội đến.

### Thích nghĩa

Trong phần trước tuy có đề cập đến các vị quý thần nhưng không nói rõ chi tiết. Ở đây vì muốn chúng ta được biết qua đại cương danh mục các vị thần nên cũng không ngại lặp lại.

Thần biển hay Hải thần, là thần chuyên quản lý những việc xảy ra trong phạm vi biển cả. Thần này còn có tên là Hải nhược thần.

Thần sông hay Giang thần, là thần chuyên quản lý những việc trong sông nước, còn có tên là Giang bá thần.

Thần kênh mương hay hà thần, chuyên quản lý những việc trong kênh mương, sông rạch, còn có tên là Mật phi.

Cả ba vị thần trên được gọi chung là Thủy thần.

Thần cây hay Thụ thần, chuyên quản lý các việc thuộc về thực vật. Cho nên những cây đại thụ lâu năm thường có thần trú ngụ, người đời không dám đốn chặt.

Thần núi hay Sơn thần, chuyên quản lý các việc trong núi non. Cho nên, mỗi vùng danh sơn, những ngọn núi nổi tiếng, đều có một vị thần chủ quản. Tên gọi của các vị không nhất định, thường là được gọi theo tên núi.

Thần đất hay Địa thần, chuyên quản những việc trên mặt đất, còn có tên là Kỳ thần.

Thần suối ao, hay Xuyên dịch thần. Chữ *xuyên* có nghĩa xuyên qua, ở đây chỉ các dòng nước nhỏ chảy xuyên qua lòng đất mà hình thành dòng suối, đều có thần chủ quản. Chữ *dịch* có nghĩa là các vùng nước đọng, như ao hồ, cũng đều có thần chủ quản.

Thần lúa mạ, hay Miêu giá thần, chuyên quản lý các loại ngũ cốc. Miêu là lúa mạ, tức cây lúa non chưa lớn. Thuở xưa có người tên Hậu Tắc chuyên dạy cho dân cày ruộng trồng lúa. Sau khi vị này chết được làm Miêu giá thần.

Thần ngày hay Trú thần, chuyên giám quản những việc thiện ác con người làm lúc ban ngày.

Thần đêm hay Dạ thần, chuyên giám quản những việc thiện ác con người làm lúc ban đêm.

Thần không gian hay Không thần, chuyên quản những việc trong không gian, còn có tên là Thuấn-nhã-đa thần.

Thiên thần, cũng là đại thiên thần, thân hình lớn dài, có bốn tay vốc nước bốn biển để tự gội đầu. Thần này thường hóa hiện hết thảy các loại trân bảo quý giá mang đến cúng dường Phật.

Thần ẩm thực, chuyên giám quản những việc liên quan đến ẩm thực trong thiên hạ, giống như thần Đông trù Tư mệnh, tức Thần bếp. Trong các đền miếu thờ Bồ Tát Già Lam chính là vị này.

Thần thảo mộc quản lý hết thảy các loại cây cỏ, cây thuốc. Vị thần này chính là Thích-đề-hoàn nhân hay Thiên Đế Thích hóa hiện, trong phần trước đã có nói qua.

## Kinh văn

復有他方國土及娑婆世界，諸大鬼王，所謂：惡目鬼王、噉血鬼王、噉精氣鬼王、噉胎卵鬼王、行病鬼王、攝毒鬼王、慈心鬼王、福利鬼王、大愛敬鬼王，如是等鬼王，皆來集會。

- *Phục hữu tha phương quốc độ cập Ta-bà thế giới chư đại quỷ vương, sở vị: Ác mục quỷ vương, Đạm huyết quỷ vương, Đạm tinh khí quỷ vương, Đạm thai noãn quỷ vương, Hành bệnh quỷ vương, Nhiếp độc quỷ vương, Từ tâm quỷ vương, Phúc lợi quỷ vương, Đại*

*ái kính quý vương, như thị đẳng quý vương, giai lai tập hội.*

## Việt dịch

Lại có các vị quý vương như Ác Mục Quý Vương, Đạm Huyết Quý Vương, Đạm Tinh Khí Quý Vương, Đạm Thai Noãn Quý Vương, Hành Bệnh Quý Vương, Nhiếp Độc Quý Vương, Từ Tâm Quý Vương, Phước Lợi Quý Vương, Đại Ái Kính Quý Vương, các quý vương như thế ở các cõi nước mười phương cũng như trong phạm vi thế giới Ta-bà đều tụ hội đến.

## Giải thích

Hai câu mở đầu cũng giống như đoạn trước.

Ác Mục Quý Vương là nói vị quý vương này có đôi mắt cực kỳ hung ác.

Đạm Huyết Quý Vương là quý vương chuyên uống máu tươi của người còn sống.

Đạm Tinh Khí Quý Vương là quý vương chuyên uống tinh dịch của người.

Đạm Thai Noãn Quý Vương là quý vương chuyên ăn bào thai người.

Hành Bệnh Quý Vương là quý vương chuyên quản những chuyện đau bệnh của người đời.

Nhiếp Độc Quý Vương là quý vương chuyên quản những loại độc, không để chúng làm hại con người.

Từ Tâm Quý Vương là quý vương thường khiến người được vui mừng sáng khoái.

Phúc Lợi Quỷ Vương là quỷ vương thường giúp người tránh khỏi tội ác, tăng thêm phúc đức.

Đại Ái Kính Quỷ Vương là quỷ vương hết sức thương yêu người đời, kính trọng người hiền thiện.

Hết thảy các loại quỷ vương như kể trên, tất cả đều tu hội đến.

### Thích nghĩa

Phần trước tuy có đề cập chung đến các vị quỷ thần, nhưng vì không nêu rõ danh xưng các loại quỷ nên ở đây lặp lại để nói qua đại lược.

Quỷ là hồn phách của con người sau khi chết, khắp nơi đều có. Khi còn sống làm người, nếu thường làm việc thiện, lại tu tích phúc đức, sau khi chết sẽ được Diêm vương phong làm các vị thần ở các địa phương như núi rừng, nghĩa trang, đền miếu, hưởng sự cúng tế của người đời.<sup>1</sup> Nếu lúc sống làm người không tu tích phúc đức, lại phạm vào năm tội nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, gây chia rẽ Tăng đoàn, làm thân Phật chảy máu hoặc làm ô uế nơi thờ Phật, mười nghiệp ác. Mười nghiệp ác bao gồm:

Một là giết hại, tức cướp đi mạng sống muôn loài, cho đến mạng sống của ruồi muỗi cũng không được đập chết.

Hai là trộm cắp, nói chung những thứ thuộc sở hữu của người khác, dù là một cọng rơm ngọn cỏ, nếu người ta không thuận cho mình thì nhất định không được lấy.

Ba là tà dâm, trừ ra người vợ [hoặc chồng] chính thức

<sup>1</sup> Như chúng tôi đã chú giải ở trước, Phật tử cần lưu ý các quan niệm giải thích theo tín ngưỡng dân gian như thế này hoàn toàn không đúng với Phật pháp. Chúng ta chỉ nên xem đây như là sự tham khảo cách hiểu của người xưa và luôn phải dùng con mắt trạch pháp để nhận rõ những điểm không đúng pháp Phật.

của mình ra thì việc quan hệ tình dục với bất cứ ai cũng đều là phạm vào nghiệp ác này.

Bốn là nói dối, nói không đúng sự thật.

Năm là nói thêu dệt, cũng là nói những chuyện tốt xấu hay dở của người khác.

Sáu là nói lời độc ác, cũng là nói những điều xúc phạm, mắng chửi người khác.

Bảy là nói hai lưỡi, nói đâm thọc, cũng là nói nghĩa điều đảo lộn đúng sai, phải trái.

Tám là tham dục, cũng là nói việc tham muốn vô độ, không tự biết đủ.

Chín là sân hận, không biết nhẫn nại, chịu đựng.

Mười là ngu si, không biết tin tưởng nơi pháp Phật chân chánh, lại tin theo tà đạo sai trái mê muội.

Phạm vào mười điều kể trên là tạo mười nghiệp xấu ác, sau khi chết phải chịu khổ sở vô cùng. Không phạm vào mười điều này tức là tu tập mười nghiệp lành, sau khi chết được sinh lên các cảnh trời.

Phạm vào các nghiệp ác trên, sau khi chết có thể bị đọa vào những nơi ô uế nhất, chẳng những không được ăn uống mà còn thường xuyên bị đánh đập bằng roi gậy, đánh đập cho đến chết rồi bị mang vất ở những nơi xa như đồng ruộng, sông ngòi hoặc biển sâu. Những nỗi khổ sở phải chịu đựng không sao kể hết. Những người không biết tu tích phúc đức, đến lúc phải chịu khổ, dù ăn năn hối hận cũng không còn kịp nữa.

Quý có rất nhiều loại, dù nói cũng không thể nói hết. Cho nên, ở đây chỉ nêu một số các vị quý vương trọng yếu nhất để nói qua mà thôi.



Ác Mục Quỷ Vương là hung ác nhất. Hình tướng hung ác của vị quỷ vương này là từ đôi mắt có ánh sáng chói lọi chiếu ra.

Đạm Huyết Quỷ Vương, tiếng Phạn là Ha-lợi-kỳ-nam, là quỷ vương thích uống máu tươi của người. Quỷ vương này ở nơi các pháp trường xử tội tử hình [để uống máu] nhưng cũng ăn các loại thịt sống.

Đạm Tinh Khí Quỷ Vương, tiếng Phạn là Tỳ-xá-xà. Quỷ vương này thích uống, hút tinh dịch của người, cũng ăn tinh khí của các loại ngũ cốc.

Đạm Thai Noãn Quỷ Vương là quỷ vương chuyên ăn bào thai. Chữ “noãn” (trứng) được dùng để ví như bào thai. Cho nên, vào lúc người sản phụ sinh con, có rất nhiều quỷ tụ tập đến tranh nhau ăn bọc ngoài của thai, uống máu bản.

Hành Bệnh Quỷ Vương là nói những lúc trời sắp làm ra tai họa ôn dịch [để trừng phạt người] thì Đông Nhạc Phủ Quân sẽ sai những quỷ vương loại này xuống làm việc gây bệnh.

Nhiếp Độc Quỷ Vương là quỷ vương hết lòng làm những việc nhân hậu, khoan thứ. Cho nên, các vị này thường nghĩ đến việc cứu giúp người đời. Vì ở thế gian có rất nhiều các loài độc vật hại người như rắn độc, rồng độc, đủ các loại vật độc, bất kể là người nào khi gặp phải những thứ độc này thì đều tổn hại đến tính mạng. Quỷ vương này chuyên quản thu nhiếp hết những loại độc ấy, không để chúng làm hại người đời.

Từ Tâm Quỷ Vương là quỷ vương thường khiến người được vui mừng sáng khoái, niệm niệm đều thương yêu bảo vệ chúng sinh. Vì trong lòng nhân từ nên vẻ mặt cũng

nhân từ. Tuy gọi tên là quỷ nhưng các vị này thực sự là Bồ Tát hóa thân.

Phúc Lợi Quỷ Vương, cũng chính là những vị Thành hoàng ở các phủ, huyện. Họ thường làm những việc tha thứ tội ác cho người, giúp người tăng thêm phúc đức, nên mới có danh xưng tốt đẹp như vậy.

Đại Ái Kính Quỷ Vương là quỷ vương hết sức thương yêu người đời, nhớ nghĩ đến hết thủy chúng sinh như mẹ hiền nhớ nghĩ đến con. Khi gặp những người làm việc hiền thiện, các vị này cũng bày tỏ sự kính trọng như kính trọng Phật.

### Kinh văn

爾時，釋迦牟尼佛告文殊師利法王子菩薩摩訶薩：汝觀是一切諸佛菩薩及天龍鬼神，此世界他世界，此國土他國土，如是今來集會到忉利天者，汝知數否？

- *Nhĩ thời, Thích-ca Mâu-ni Phật cáo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử Bồ Tát Ma-ha-tát: Nhữ quan thị nhất thiết chư Phật, Bồ Tát cập thiên long quỷ thần, thủ thế giới, tha thế giới, thủ quốc độ, tha quốc độ, như thị kim lai tập hội đáo Đao-lợi thiên giả, nhữ tri số phủ?*

### Việt dịch

**Bấy giờ, đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo ngài Đại Bồ Tát Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi: “Ông đã thấy hết thủy chư Phật, Bồ Tát cùng các hàng trời, rồng, quỷ, thần ở thế**

**giới này cũng như các thế giới khác, ở cõi nước này cũng như các cõi nước khác, ngày hôm nay đều hội tụ về cung trời Đao-lợi như thế này, ông có biết được số lượng hay không?”**

## **Giải giải**

Vào lúc ấy, đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo ngài Đại Bồ Tát Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi: Ông hãy xem kìa, hết thấy rất nhiều các vị Phật, Bồ Tát cùng các hàng trời, rồng, quỷ, thần, ở nơi thế giới này, ở nơi thế giới khác, ở cõi nước này, ở cõi nước khác, ngày hôm nay đều hội tụ về cung trời Đao-lợi này, ông có biết được số lượng là bao nhiêu hay không?

## **Thích nghĩa**

Nói “bấy giờ” tức là chỉ thời điểm mà các vị trời, rồng, quỷ, thần ở khắp các thế giới, khắp các quốc độ đều đã tề tựu về. Lại cũng có chư Phật, Bồ Tát trong mười phương cùng hội chúng đều hiện đến, chư thiên chúng ở các cõi trời cũng hiện đến, cùng các loài chúng sinh, các chủng tộc khác nhau, đều cùng với rất nhiều đồng tộc tụ hội đến.

Thính chúng tụ hội về đông như thế, ai ai cũng muốn nhanh chóng tìm về phía trước, khác nào như bầy chim đáp xuống rừng, lại giống như trăm dòng sông cùng đổ vào biển lớn, chỉ trong khoảnh khắc tất cả thánh phàm đều cùng nhau hòa hợp.

Vì thính chúng kéo đến tràn ngập chen chúc như thế nên hết thấy đều phát khởi lòng nghi muốn thưa hỏi, đại chúng tụ hội đông đảo thế này, là muốn nghe diệu pháp mà đến chăng? Hay vì muốn nhận thọ ký [của đức Như Lai] mà đến? Lúc ấy, đức Phật vận khởi trí tuệ, biết được

lòng nghi của đại chúng, liền đem mối nghi của đại chúng mà hỏi ngài Văn-thù. Đức Phật vì sao không hỏi Bồ Tát nào khác, chỉ thường hỏi Bồ Tát Văn-thù? Bởi vì ngài Văn-thù là bậc đứng đầu dẫn dắt trong đại chúng Bồ Tát, hơn nữa lại là người thông minh nhất. Ở đây nêu câu hỏi dẫn dụ của đức Phật, cũng là để báo trước phần thừa thỉnh chánh tông theo sau.

Đức Phật là bậc Pháp vương, các vị Bồ Tát [về sau] có thể tiếp nối thay vào quả vị Phật nên gọi là Bồ xứ tử.<sup>1</sup> Do đó cũng gọi là Pháp vương tử.

Văn-thù-sư-lợi là tiếng Phạn, Hán dịch là Diệu Đức. Ngài vốn là một vị Cổ Phật, có đủ Tam đức<sup>2</sup> của tánh Phật.

Bộ kinh này chủ yếu [Phật] muốn làm rõ hạnh hiếu là căn bản của hết thảy mọi điều thiện, nên không phải bậc trí tuệ như ngài Văn-thù thì không có khả năng cùng Phật hỏi đáp [để nêu rõ vấn đề].

## Kinh văn

文殊師利白佛言：世尊，若以我神力  
千劫測度，不能得知。

<sup>1</sup> Danh xưng thường gặp hơn và cũng được nhắc đến trong kinh A-di-đà là Nhất sinh Bồ xứ, tức là vị Bồ Tát ở địa vị tu chứng chỉ còn một lần dẫn sinh duy nhất trên thế gian rồi sẽ thành Phật. Hai chữ "bồ xứ" ở đây có nghĩa là thay thế vào vị trí của một vị Phật. Theo Kinh điển, Bồ Tát Di-lặc hiện nay được xem là vị Bồ Tát Nhất sinh Bồ xứ, vì ngài sẽ là vị Phật tiếp theo thay thế đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáo hóa ở thế giới Ta-bà.

<sup>2</sup> Tam đức (ba đức tánh) của một vị Phật theo kinh Đại Bát Niết-bàn là: 1. Pháp thân đức, là bản thể của Phật, thường trụ bất diệt. 2. Bát-nhã đức, tức trí tuệ, vì giác ngộ được tướng thật của các pháp. 3. Giải thoát đức, xa lìa hết thảy mọi sự trói buộc, hệ lụy, được hoàn toàn tự tại. Mỗi đức tánh trong ba đức tánh này cũng đều có đủ bốn phẩm tính là thường, lạc, ngã, tịnh, ngược lại với tất cả các pháp tương đối trong thế gian là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh.

- *Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Thế Tôn, nhược dĩ ngã thần lực thiên kiếp trắc độ, bất năng đắc tri.*

## Việt dịch

**Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:** “Thế Tôn, nếu dùng thần lực của con để đo lường trong ngàn kiếp cũng không thể biết.”

## Giải thích

Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp lời Phật, nói rằng: “Bạch Thế Tôn! Ví như sử dụng hết thần thông pháp lực của con, trải qua thời gian kéo dài ngàn kiếp suy tính đo lường cũng không thể biết được số lượng này.”

## Thích nghĩa

Ngài Văn-thù vốn đã thành Phật từ quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trước đây, trong quá khứ có danh hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật, hiện tại là Tạng Ma-ni Bảo Tích Phật, tương lai là Phổ Hiện Phật. Đã là Cổ Phật ba đời, sao có thể nói là không suy lường được con số thính chúng về dự pháp hội này? Trong việc này có hai ý nghĩa sâu mầu. Thứ nhất là tự bản thân ngài khiêm nhường, không giống như kẻ phàm phu luôn ưa thích phô bày sự thông minh của bản thân mình, ngay cả những việc không hiểu biết được cũng vẫn cứ nói ra. Đây là [ngài Văn-thù] bày tỏ sự khiêm nhường, tỏ rõ sự tôn trọng Phật. Thứ hai là thính chúng đông đảo kia, hết thảy đều là do Bồ Tát Địa Tạng trong nhiều kiếp lâu xa hóa hiện thành, cũng đều là đến từ nhân địa của Bồ Tát Địa Tạng, từ hạnh nguyện tư tưởng hiếu thuận của ngài. Nếu như ngài Văn-thù thực sự nói ra số lượng [chính xác], như vậy thì sau đó

khi nghe đến việc Bồ Tát Địa Tạng [tu hành] từ nhiều kiếp lâu xa đến nay sẽ không thể tìm được căn cứ. Lúc này Bồ Tát Văn-thù khước từ nói rằng không biết được số lượng đại chúng đến dự pháp hội, như vậy thuận tiện cho sự bộc lộ ý văn sau đó, Phật dùng năm thứ mắt [lần lượt] quan sát cũng không thể nói ra hết được, hơn nữa [ở đây còn] hàm ý thôi thúc Phật nói ra bản nguyện thực hành hiếu hạnh của ngài Địa Tạng. [Như vậy là] một bên xướng một bên hòa, thành ra một khúc nhạc nhiệm mầu [là bản kinh này], cũng là kết tập thành một bộ kinh điển lớn về sự thực hành hiếu đạo của Bồ Tát Địa Tạng từ xưa đến nay.

### **Kinh văn**

佛告文殊師利：吾以佛眼觀故，猶不盡數，此皆是地藏菩薩久遠劫來，已度、當度、未度，已成就、當成就、未成就。

- *Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Ngô dĩ Phật nhãn quan cố, do bất tận số, thủ giai thị Địa Tạng Bồ Tát cửu viễn kiếp lai, dĩ độ, đương độ, vị độ, dĩ thành tựu, đương thành tựu, vị thành tựu.*

### **Việt dịch**

Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Ta dùng Phật nhãn để xem vẫn không biết hết được số lượng. Hết thấy những vị đó đều do Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã hóa độ, đang hóa độ hoặc sẽ hóa độ, đã thành tựu, đang thành tựu hoặc sẽ thành tựu.”

## Giảng giải

Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Ta dùng Phật nhãn (Phật có đủ năm loại mắt, cũng gọi là ngũ nhãn, gồm: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn) để xem xét nhân duyên ấy mà cũng không thấy hết được số lượng [trong pháp hội này]. Hết thấy đều là những người do Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã từng dẫn dắt hóa độ, hoặc sẽ được dẫn dắt hóa độ nhưng vẫn chưa dẫn dắt hóa độ, đã tu tập thành tựu, hoặc sẽ tu tập thành tựu nhưng hiện vẫn chưa tu tập thành tựu. Cho nên mới có nhiều người như vậy.”

## Thích nghĩa

Đoạn văn trước nhân ngài Văn-thù-sư-lợi đáp lời Phật rằng không biết được số lượng, cho nên Phật mới dùng đến Phật nhãn, khắp nơi đều nhìn qua, lại dùng chính ý tưởng của ngài Văn-thù-sư-lợi để nói lại với ngài: “Ta dùng Phật nhãn để xem mà vẫn không thấy hết được số lượng.”

Đức Phật có đủ năm loại mắt (ngũ nhãn), có thật là ngài nhìn không thấy hết được sao? Đó là vì số lượng đại chúng rất đông, hết thấy đều là do Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay giáo hóa thành tựu, trải qua thời gian đã rất lâu nên đại chúng được ngài giáo hóa nhiều đến mức không thể nhìn thấy hết. Những người đã được hóa độ, đã thành tựu, nay đều hóa hiện ở các cõi nước trong mười phương, ngồi tại đạo tràng hóa độ chúng sinh. Những người đang được hóa độ thành tựu là chư Bồ Tát ở các cõi Phật, đang quá trình tu tập trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh. Những người chưa được hóa độ, chưa thành tựu, cũng tham dự trong đại hội ở thiên cung này, đều là những người chưa học đạo.

Thế nhưng những người được hóa độ với những người

được thành tựu cũng không thể không phân chia nói rõ. Hóa độ là dùng pháp hóa độ, cũng tức là chọn đúng phương pháp. Trước tiên phải lượng xét căn khí chúng sinh lớn nhỏ khác nhau. Với người căn khí lớn lao, phải dạy cho họ phương pháp lớn lao. Với người căn khí nhỏ hẹp, phải dạy phương pháp nhỏ hẹp. Phương pháp được chọn thích hợp thì người được giáo hóa mới có thể y theo để tu tập hành trì, đó gọi là dẫn dụ giáo hóa.

Thành tựu, đó là dựa vào phương pháp [được truyền dạy] để tu tập, tu tập đã lâu, nhân trọn quả đầy, gọi là thành; từ đó về sau sự nghiệp hóa độ chúng sinh có thể trọn vẹn, hết thảy cơ duyên đều hội đủ, gọi là tựu.

Xem đến đoạn này nhất định sẽ có nhiều người khởi tâm nghi ngờ, cho rằng Phật ở trên tòa lâu nhiều tầng ấy, chu vi chỉ có chín mươi do-tuần, sao có thể dung chứa được số lượng đại chúng đông đến mức ấy? Nhân vì Phật pháp không thể nghĩ bàn, nơi ấy bao nhiêu cũng có thể dung chứa, lớn nhỏ dung nhiếp lẫn nhau, không phải chỗ tâm phàm phu có thể rồi rắm đo lường mà biết được.

### **Kinh văn**

文殊師利白佛言：世尊，我已過去久修善根，證無礙智，聞佛所言，即當信受。小果聲聞、天龍八部及未來世諸眾生等，雖聞如來誠實之語，必懷疑惑，設使頂受，未免興謗。唯願世尊，廣說地藏菩薩摩訶薩因地作何行，立何願，而能成就不思議事？



- *Văn-thù-sư-lợi* bạch Phật ngôn: Thế Tôn, ngã dĩ quá khứ cửu tu thiện căn, chúng vô ngại trí, văn Phật sở ngôn, tức đương tín thụ. Tiểu quả Thanh văn, thiên long bát bộ cập vị lai thế chư chúng sinh đẳng, tuy văn Như Lai thành thật chi ngữ, tất hoài nghi hoặc, thiết sử đĩnh thụ, vị miễn hưng báo. Dục nguyện Thế Tôn, quảng thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát nhân địa tác hà hạnh, lập hà nguyện, nhi năng thành tựu bất tư nghị sự.

## Việt dịch

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Con từ lâu xa trong quá khứ đã tu các căn lành, chúng đắc trí tuệ vô ngại, nên nghe qua lời Phật dạy liền tin nhận ngay. Nhưng các vị Thanh văn quả vị còn thấp, tám bộ trời rồng cùng những chúng sinh trong tương lai, tuy nghe lời thành thật của Như Lai cũng sẽ ôm lòng nghi hoặc. Ví như họ có cung kính tiếp nhận, chưa hẳn rồi sẽ không khởi tâm báo bổ. Kính mong đức Thế Tôn rộng thuyết về nền tảng nguyên nhân ban đầu, Đại Bồ Tát Địa Tạng đã tu những công hạnh gì, lập những nguyện gì mà có thể thành tựu được điều không thể nghĩ bàn như vậy?”

## Giải thích

Ngài Văn-thù-sư-lợi đối trước Phật thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, từ trong quá khứ rất lâu xa cho đến ngày nay con đã tu tập các căn lành, do đó có thể đạt được trí tuệ lớn lao không gì ngăn ngại được. Vì thế, một khi nghe được lời Phật dạy thì đương nhiên con hết sức tin tưởng. Nhưng đối với trong đại chúng những người tu tập quả vị còn thấp, chỉ nghe pháp cạn cợt, chưa từng nghe giáo pháp sâu xa,

lớn lao, cũng như tám bộ trời rồng và hết thủy chúng sinh trong đời vị lai, dù họ có được nghe những lời thành thật của đức Như Lai, nhất định sẽ ôm lòng nghi hoặc, không thể tin chắc. Ví như ngoài mặt họ có cung kính lắng nghe tiếp nhận, trong lòng hẳn vẫn chưa thể nhận hiểu đúng thật, khó tránh khỏi việc nói ra những lời không tin nhận, cuối cùng phải thành tạo tội hủy báng. Nay con hết lòng cung thỉnh đức Thế Tôn, ngay lúc này xin giảng rộng về Bồ Tát Địa Tạng, trong lúc tu tập các nhân lành căn bản, rốt cuộc đã làm được những việc gì, lập những thệ nguyện gì, mà có thể thành tựu những điều không thể nghĩ bàn, không thể nói hết như vậy?

### **Thích nghĩa**

Phân trên đức Phật đã nói qua rằng đại chúng hội tập đông đảo này hết thủy đều là những người được Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa thành tựu. Bồ Tát Văn Thù có đầy đủ trí tuệ lớn lao nên nói rõ rằng bản thân ngài hết sức tin nhận, nhưng trong đại chúng vẫn còn nhiều người căn cơ thấp, tu tập còn thấp, không khỏi sinh tâm nghi ngờ rồi sẽ hủy báng [lời Phật]. Cho nên, Bồ Tát Văn Thù chính thức mở lời khái thỉnh, mong Phật nói ra tường tận những nền tảng nguyên nhân tu tập ban đầu cùng những hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng.

Ngài đại diện cho đại chúng nêu câu hỏi này, là cơ hội tốt đẹp, thuận tiện để làm lợi ích thích nghi, giúp cho các vị Thanh văn quả vị thấp, hàng căn cơ thấp trong tám bộ trời rồng đều không còn tâm nghi hoặc hủy báng, đều thành tựu niềm tin chân chánh, cung kính thọ nhận [lời dạy của Như Lai], như vậy chẳng phải là một phương thức lợi mình lợi người vô cùng tốt đẹp đó sao? Điều này cũng phù hợp với hàm ý đã nêu trong đoạn văn trước.

Hàng Thanh văn quả vị thấp xưa nay chỉ tu tập những pháp nhỏ hẹp, chỉ nghe những giáo pháp ở mức độ thấp, chưa từng được nghe qua các giáo pháp sâu xa, lớn lao, họ làm sao có thể nhận hiểu được sự việc không thể nghĩ bàn này?

Về tám bộ trời rồng (thiên long bát bộ), trời rồng là tên riêng [chỉ chư thiên và loài rồng], tám bộ là tên chung [chỉ tám loài], bao gồm như sau:

- Thứ nhất là chư thiên các cõi trời (thiên);
- Thứ hai là loài rồng (long);
- Thứ ba là loài dạ-xoa, tức loài quỷ có thể bay trong không trung;
- Thứ tư là loài càn-thát-bà, là các vị thần lo về âm nhạc nơi cung Ngọc Đế;
- Thứ năm là loài a-tu-la;
- Thứ sáu là loài ca-lâu-la, tức là loài chim cánh vàng (kim sí điểu) rất lớn, hai cánh dang rộng ra đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, chuyên ăn thịt loài rồng;
- Thứ bảy là loài khản-na-la, rất giống loài người, chỉ khác là trên đầu có sừng, cũng lo việc âm nhạc ở cung Ngọc Đế;
- Thứ tám là loài ma-hầu-la-già, tức là loài rắn lớn, cũng gọi là rồng đất (địa long).

### Kinh văn

佛告文殊師利：譬如三千大千世界，所有草木叢林，稻麻竹葦，山石微塵，一物一數，作一恒河，一恒河

沙，一沙一界，一界之內，一塵一劫，一劫之內，所積塵數，盡充為劫，地藏菩薩證十地果位已來，千倍多於上喻。

- *Phật cáo Văn-thù-sư-lợi, thí như tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu thảo mộc tùng lâm, đạo ma trúc vi, sơn thạch vi trần, nhất vật nhất số, tác nhất hằng hà, nhất hằng hà sa, nhất sa nhất giới, nhất giới chi nội, nhất trần nhất kiếp, nhất kiếp chi nội, sở tích trần số, tận sung vi kiếp, Địa Tạng bồ tát chứng Thập địa quả vị dĩ lai, thiên bội đa ư thượng dụ.*

## Việt dịch

**Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:** “Ví như trong cõi tam thiên đại thiên thế giới<sup>1</sup> có bao nhiêu cây cỏ rừng rậm, các loại lúa, mè, tre trúc, lau lách, núi, đá, bụi bặm... mỗi một đơn vị tính đếm được của những thứ này đều tính là một con sông Hằng, mỗi một hạt cát trong những sông Hằng đó lại tính là một thế giới, trong mỗi một thế giới đó có bao nhiêu hạt bụi, lại tính mỗi hạt bụi là một kiếp, trong tất cả số kiếp đó tính đếm được hết thấy bao nhiêu hạt bụi đều xem mỗi hạt bụi là một kiếp. Từ khi Bồ Tát Địa Tạng chứng đắc quả vị Thập địa đến nay, thời

<sup>1</sup> Tam thiên đại thiên thế giới: Theo cách tính trong kinh Phật, cứ 1.000 thế giới là một tiểu thiên thế giới, 1.000 tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, 1.000 trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vì nhân lên ba lần số 1.000 mới thành một đại thiên thế giới, nên cũng gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Nói cách khác, tên gọi *tam thiên đại thiên thế giới* và đại thiên thế giới đều như nhau. Một số nơi hiểu lầm rằng tam thiên đại thiên thế giới là 3.000 cõi đại thiên thế giới.

**gian còn lâu xa hơn gấp ngàn lần số kiếp tính được trong ví dụ trên.”**

## **Giải giảng**

Đức Phật lại nói với ngài Văn-thù-sư-lợi: “Ví như trong cõi tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu cây cỏ, rừng rậm, lúa, mè, tre trúc, lau lách, núi, đá, bụi nhỏ... mỗi một đơn vị tính đếm được của tất cả những thứ ấy, đều xem như là một con sông Hằng. Trong những con sông Hằng ấy, mỗi một hạt cát lại xem là một đại thiên thế giới. Trong tất cả các đại thiên thế giới ấy có bao nhiêu hạt bụi nhỏ đều tính mỗi hạt bụi là một kiếp. Trong tất cả số kiếp ấy, tính đếm được bao nhiêu hạt bụi lại cũng tính mỗi hạt bụi ấy là thời gian một kiếp. Từ khi Bồ Tát Địa Tạng chứng đắc quả vị Thập địa đến nay, thời gian còn lâu xa hơn gấp ngàn lần số kiếp vừa tính được theo cách như trên.

## **Thích nghĩa**

Đức Phật muốn nói rõ về nguyên do nền tảng tu hành căn bản từ ban đầu của Bồ Tát Địa Tạng, để đáp lại lời thưa thỉnh của Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi, cũng là để tiêu trừ những mối nghi hoặc, hủy báng của đại chúng trong tương lai [vì không hiểu được vấn đề], cho nên mới nói ra một cách tường tận với đại chúng.

Thế nào gọi là tam thiên đại thiên thế giới? Một ngàn thế giới bao gồm trong đó có núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng... họp lại gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Vì trong đó có ba lần số một ngàn, nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

Mặt đất của tam thiên đại thiên thế giới đó rộng lớn không thể đo lường, trên mặt đất ấy có bao nhiêu chủng

loại, vật thể, cũng là số nhiều đến mức không thể tính đếm số lượng, sao có thể nói hết được? Ở đây chỉ hết sức đơn giản nêu ra một số chủng loại. Chẳng hạn như lấy hai loại “cây cỏ” mà nói, quý vị nhìn xem trên mặt đất khắp nơi đều là hai loại này, đã là không thể nói hết rồi, không cần phải nói đến những nơi cây lớn mọc thành rừng rậm. Ngoài ra còn nói đến lúa, mè, tre trúc, lau lách, núi, đá, bụi bặm, tất cả đều có số lượng nhiều như vậy.

Hiện tại đem tất cả những chủng loại, sự vật ấy, mỗi một đơn vị tính đếm được đều xem như một con sông Hằng. Số sông Hằng như vậy đã là nhiều đến mức không đếm hết. Lại trong tất cả những con sông Hằng đó có bao nhiêu hạt cát, mỗi một hạt cát đều tính là một đại thiên thế giới. Trong mỗi một đại thiên thế giới ấy có bao nhiêu hạt bụi, lại tính mỗi một hạt bụi là thời gian một kiếp. Lại trong thời gian của tất cả số kiếp ấy, tích tụ tính đếm được bao nhiêu hạt bụi, lại đem mỗi một hạt bụi tính là thời gian một kiếp. Thời gian từ khi Bồ Tát Địa Tạng chúng đắc quả vị Thập địa đến nay trải qua số kiếp so với số kiếp vừa tính được như trên nhiều hơn gấp ngàn lần. Vì đức Như Lai có sức quan sát của trí tuệ, nhìn thấy được sự việc trong quá khứ rất lâu xa cũng giống như những việc đang xảy ra trước mắt, nên mới có thể đưa ra ví dụ rõ ràng như vậy.

## Kinh văn

- *Hà hướng Địa Tạng Bồ Tát tại Thanh văn, Bích chi Phật địa. Văn-thù-sư-lợi, tử Bồ Tát uy thần thế nguyện bất khả tư nghị. Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử thiện nữ nhân văn thị Bồ Tát danh tự, hoặc tán thán, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, nãi chí thể họa khắc lữ tổ tất hình tượng, thị*

*nhân dương đắc bách phần sinh ư Tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ác đạo.*

## Việt dịch

“Huống chi là [thời gian] Bồ Tát Địa Tạng tu tập các địa vị Thanh văn, Bích Chi Phật [còn lâu xa hơn nữa]? Văn-thù-sư-lợi, vị Bồ Tát này oai thần, thệ nguyện không thể nghĩ bàn. Nếu trong tương lai có những kẻ nam, người nữ lòng lành, nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc ngợi khen xưng tán, hoặc lễ bái chiêm ngưỡng, hoặc xưng tụng danh hiệu, hoặc cúng dường, cho đến thêu, vẽ, chạm khắc, tô đắp, sơn phết hình tượng [của Bồ Tát], những người ấy đều sẽ được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba<sup>1</sup> một trăm lần, rất lâu sau đó không đọa vào các đường ác.

## Giải thích

“Huống chi là thời gian mà Bồ Tát Địa Tạng bắt đầu [tu tập] ở các địa vị Thanh văn, Bích Chi Phật. Cho nên trải qua thời gian ấy còn lâu xa hơn gấp nhiều lần.”

Đức Phật lại bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Oai thần đức độ của vị Bồ Tát này, cùng với nguyện lực mà ngài đã phát khởi là vượt ngoài sức tưởng tượng, không thể nói hết sự lớn lao, vĩ đại. Ví như trong tương lai có những kẻ nam, người nữ lòng lành, một khi vừa nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc là ngợi khen xưng tán ngài, hoặc là chiêm ngưỡng lễ bái, hoặc là xưng niệm danh hiệu, hoặc

<sup>1</sup> Cõi trời Ba Mươi Ba (Tam thập tam thiên), tên khác của cõi trời Đao-lợi, vì ở đây chia làm bốn phương, mỗi phương có tám tầng trời là 32 tầng, cộng với một tầng trời trung tâm là cả thấy 33 tầng trời nên có tên gọi như vậy.

dùng hương, dầu, đèn, phướn... đủ mọi thứ để cúng dường Bồ Tát, thậm chí dùng màu sắc để vẽ, dùng chỉ màu để thêu thành hình tượng ngài, hoặc nhờ thợ chạm khắc hình tượng ngài, hoặc nhờ thợ tô đắp, tạc, đúc hình tượng ngài, hết thảy những người như vậy đều sẽ được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba thọ hưởng phước báo, hơn nữa còn được sinh lên cõi trời này đến một trăm lần, rất lâu sau đó không đọa vào địa ngục cũng như ba đường ác.

### **Thích nghĩa**

Đoạn trước đó đức Phật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng vẫn chưa hết ý, cho nên ngài còn tiếp tục nói thêm một câu về thời gian trước khi Bồ Tát Địa Tạng chứng đắc quả vị Thập địa, từ lúc ở trong hai cõi trời người bắt đầu tu tập đến chứng đắc quả vị tiểu thừa, để chúng ta biết được nền tảng căn bản tu tập ban đầu của ngài, thời gian còn lâu xa hơn gấp nhiều lần.

Thanh văn là những vị nhờ nghe âm thanh thuyết pháp của Phật mà chứng đạo, là quả vị của Tiểu thừa. Thời gian tu tập để đạt quả vị này, đối với người thông minh sáng suốt nhất thì cũng phải trải qua ba đời, người ngu si đần độn phải tu đến sáu mươi kiếp.

Bích Chi Phật, phiên âm tiếng Phạn là Bích-chi-ca-la, chúng ta gọi là Duyên giác. Các vị này thường tu tập ở những nơi bờ nước, ven rừng, hoặc trên đỉnh núi cao vắng vẻ. Mùa xuân họ quan sát thấy trăm hoa đua nở, mùa thu thấy lá vàng úa rụng, từ nhân duyên cảnh giới bên ngoài như vậy quay về quán sát tự thân, hiểu ra được [lý nhân duyên], cho nên gọi là Duyên giác.

Thời gian tu tập để đạt quả vị Duyên giác này, người thông minh sáng suốt cũng phải trải qua bốn đời, người ngu si đần độn phải tu tập qua một trăm kiếp.



Bồ Tát Địa Tạng có đủ oai đức, thần thông, nên có thể khiến cho hết thảy ngoại đạo đều run sợ khuất phục, lại còn phát khởi thệ nguyện lớn lao cứu vớt hết chúng sinh khổ não trong sáu đường luân hồi, nguyện hóa độ cho hết thảy chúng sinh đều thành Phật trước mình. Đó đều là những công đức ngài đã tích lũy từ nhiều kiếp lâu xa trước đây, có oai lực lớn như vậy, có thể làm tấm gương tiêu biểu cho người đời noi theo. Do vậy có thể làm ruộng phước cho hết thảy chúng sinh trong tương lai, chỉ cần gieo một hạt giống lành [trong ruộng phước này] liền thu hoạch được phước báo lớn lao vĩ đại.

### Kinh văn

文殊師利，是地藏菩薩摩訶薩於過去久遠不可說不可說劫前，身為大長者子。時世有佛，號曰師子奮迅具足萬行如來。時長者子見佛相好，千福莊嚴。因問彼佛，作何行願，而得此相。

- Văn-thù-sư-lợi, thị Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát ư quá khứ cửu viễn bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp tiền, thân vi đại trưởng giả tử. Thời thế hữu Phật, hiệu viết Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Thời trưởng giả tử kiến Phật tướng hảo, thiên phúc trang nghiêm. Nhân vấn bỉ Phật, tác hà hạnh nguyện, nhi đắc thủ tướng.

## Việt dịch

Này Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ Tát Địa Tạng từ trong quá khứ rất lâu xa với khoảng thời gian không thể tính đếm nói được, từng sinh làm một vị đại trưởng giả. Thuở ấy có Phật ra đời hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Bấy giờ, vị trưởng giả nhìn thấy đức Phật thân tướng tốt đẹp, có ngàn phước lành trang nghiêm, liền thưa hỏi xem đức Phật ấy đã tu những công hạnh gì, lập những thệ nguyện gì mà nay có được thân tướng [tốt đẹp] như vậy.

## Giảng giải

Đức Phật lại bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Vị Đại Bồ Tát Địa Tạng này, trước đây từ trong quá khứ lâu xa không thể tính đếm nói hết, đã từng tự thân sinh làm một vị đại trưởng giả. Vào thời ấy, trong thế gian có một vị Phật ra đời, danh hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Thuở ấy, vị trưởng giả nhìn thấy thân tướng trang nghiêm tốt đẹp của Phật có ngàn phước lành trang nghiêm, liền thưa hỏi Phật đã từng thực hành những công hạnh gì, đã lập những đại nguyện gì mà nay có được thân tướng tốt đẹp như vậy?”

## Thích nghĩa

Phần trước đức Phật đã nói, Bồ Tát Địa Tạng bắt đầu tu tập từ giáo pháp Tiểu thừa, thế nhưng vì sao [Bồ Tát] phát khởi tâm nguyện tu hành như vậy? Cho nên, [bây giờ] lại nói với ngài Văn-thù-sư-lợi về thời gian lúc Bồ Tát Địa Tạng còn là một người phàm tục và nguyên do phát tâm tu hành. Đây không chỉ là trả lời cặn kẽ ý nghĩa thưa hỏi rất sâu mầu của ngài Văn-thù-sư-lợi, hơn nữa còn giúp

cho đại chúng tiêu trừ hết thảy những sự nghi hoặc bàng bố [nếu có].

[Về danh xưng đại trưởng giả,] một vị đại trưởng giả phải có đủ mười loại phúc đức.

- Thứ nhất, phải sinh trong dòng tộc cao quý: như dòng họ của vua chúa, quan lớn...
- Thứ hai, phải có địa vị cao: giống như quan tể tướng hoặc các quan lớn...
- Thứ ba, phải hết sức giàu có: phải có gia tài đáng giá đến hàng ngàn, hàng trăm vạn.
- Thứ tư phải có uy lực, dũng mãnh: sinh ra đã tự có hình thể uy nghi, nghiêm cẩn.
- Thứ năm phải sâu sắc: sinh ra đã sẵn có sự thông minh, lại có học thức uyên thâm.
- Thứ sáu phải đứng tuổi: tuổi đời đã khá cao thì người khác mới chịu nể phục.
- Thứ bảy, phải có đức hạnh trong sạch: phẩm hạnh thanh cao tinh khiết, chưa từng có việc làm gì xấu xa dơ bẩn.
- Thứ tám, phải đủ lễ: phải hoàn thiện về lễ nghi dung mạo, có thể làm mẫu mực cho người khác noi theo.
- Thứ chín, phải được người trên khen ngợi: chẳng hạn như được hoàng đế ngợi khen, xưng tán.
- Thứ mười, phải được kẻ dưới quy thuận: được những người thường dân khắp nơi vui vẻ quy thuận, nghe theo.

Có đủ mười loại phúc đức như vậy thì mới tương hợp với danh xưng [đại trưởng giả]. [Nếu chỉ dùng] trưởng giả thì là tên gọi chung chỉ những vị cao niên có đức độ. [Kinh văn dùng] chữ “tử” trong “trưởng giả tử” [không phải “con trai”

mà] hàm ý tôn xưng là người quân tử, người đáng kính trọng, cũng giống như được dùng trong Không tử, Lão tử.

[Về Phật hiệu] Sư Tử Phấn Tấn Cự Túc Vạn Hạnh Như Lai, đó là dùng “sư tử” làm biểu tượng.

Sư tử là vua của trăm loài thú, để ví như Phật pháp là vua trong muôn pháp tu hành.

Phấn là bộc khởi mạnh mẽ. Tấn là tiến tới rất nhanh.

Đây là ví như người tu hành đủ muôn công hạnh, chỉ cần có sức trí tuệ phấn chấn mạnh mẽ thì bao nhiêu hôn ám chướng ngại đều tự nhiên tiêu trừ, chỉ cần có sức an định tiến bộ rất nhanh thì chân lý tột cùng tự nhiên không còn xa cách.

Như Lai là tôn hiệu chung [của chư Phật].

Nhìn qua vẻ ngoài rồi có sự phân biệt [đánh giá], đó gọi là tướng. Càng xem càng ưa thích ngắm nhìn, đó gọi là thân tướng tốt đẹp. Thân tướng của Phật tùy nơi cơ duyên mà ứng hiện, hoặc có lúc hiện ra ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Hoặc có lúc hiện ra vô lượng trang nghiêm, vô biên tướng hảo, đều là từ nơi ngoại cảnh phản ánh vào trong tâm thức rồi biểu hiện ra, cho nên lớn hoặc nhỏ, tốt hoặc xấu đều không nhất định.

Hiện tại khi ấy vị đại trưởng giả nhìn thấy thân tướng Phật. Vị Phật ấy tu hành đạt được thân tướng tốt đẹp. Do nhân khi còn là Bồ Tát tu mười nghiệp lành, mỗi một nghiệp lành có mười loại tâm lành, hợp lại thành một trăm loại phúc lành. Do trăm loại phúc lành này lại hỗ tương phản chiếu qua lại với nhau, biến thành một ngàn loại phúc lành [trang nghiêm thân Phật]. Cho nên, không một tướng nào [của Phật] là không tốt đẹp, không một tướng nào không khiến cho người khác ưa thích ngắm nhìn.

Vị đại trưởng giả biết rằng những tướng tốt ấy đều do Phật tu hành mà thành tựu, nên liền thưa thỉnh Phật: “Ngài đã thực hành những công hạnh gì, đã phát khởi những thệ nguyện gì [trong quá khứ] mà nay đạt được những tướng tốt trang nghiêm nhiệm mầu như thế?”

### Kinh văn

時師子奮迅具足萬行如來告長者子：  
欲證此身，當須久遠度脫一切受苦眾生。

- *Thời Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai cáo trưởng giả tử: Dục chứng thủ thân, đương tu cửu viễn độ thoát nhất thiết thụ khổ chúng sinh.*

### Việt dịch

**Bấy giờ, đức Như Lai Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh bảo ông trưởng giả: Muốn chứng đắc được thân tướng như thế này, phải tu trong nhiều kiếp lâu xa, độ thoát hết thảy chúng sinh chịu khổ.**

### Giải thích

Vào lúc đó, đức Như Lai Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh nói với ông trưởng giả: “Nếu ông muốn được thân tướng như thế này, cần phải độ thoát cho hết thảy chúng sinh chịu khổ não trong thời gian thật lâu dài.”

### Thích nghĩa

Ông trưởng giả đã thưa thỉnh đức Như Lai Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh, tất nhiên ngài giải đáp rõ ràng.

Ngài nói rằng: “Ông mong muốn được thân thể nhiều tướng tốt giống như ta đây sao? Vậy ông cần phải trong thời gian thật lâu xa tu hành đạo Bồ Tát, độ thoát cho hết thủy chúng sinh đang chịu khổ trong sáu đường luân hồi, như thế mới có thể đạt được thân thể giống như ta, vừa sinh ra đã sẵn có ngàn phúc lành của các tướng hảo trang nghiêm.”

Nhân vì không một chúng sinh nào không chịu khổ não, đáng thương nhất là họ mãi chịu nhiều khổ não như vậy giống như người nằm mộng không chịu tỉnh dậy. Cho nên, đức Như Lai bảo ông trưởng giả phải dẫn dắt, hóa độ cho siêu thoát hết thủy chúng sinh.

### **Kinh văn**

文殊師利，時長者子因發願言：我今盡未來際，不可計劫，為是罪苦六道眾生，廣設方便，盡令解脫，而我自身方成佛道。

- *Văn-thù-sư-lợi, thời trưởng giả tử nhân phát nguyện ngôn: Ngã kim tận vị lai tế, bất khả kế kiếp, vì thị tội khổ lục đạo chúng sinh, quảng thiết phương tiện, tận linh giải thoát, nhi ngã tự thân phương thành phật đạo.*

### **Việt dịch**

**Văn-thù-sư-lợi, khi ấy vị trưởng giả nhân đó liền phát nguyện: “Từ nay cho đến vô số kiếp tương lai không thể tính đếm, con sẽ vì những chúng sinh chịu tội khổ trong**

**sáu đường luân hồi, rộng bày nhiều phương tiện, khiến cho họ đều được giải thoát hết, rồi tự thân con sau đó mới thành quả Phật.”**

## **Giảng giải**

Đức Phật lại bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Vào lúc đó ông trưởng giả sau khi nghe đức Như Lai nói những lời trên liền lập tức phát nguyện rằng: ‘Kể từ hôm nay trở đi cho đến mãi mãi trong tương lai kéo dài vô số kiếp không thể tính đếm, tôi sẽ vì những chúng sinh trong sáu đường luân hồi phạm tội đang chịu khổ não mà rộng bày đủ mọi phương tiện, cách thức, tất cả đều nhằm giúp họ giải thoát khỏi tội nghiệp, khổ não, sau đó bản thân tôi mới thành Phật.’”

## **Thích nghĩa**

Ông trưởng giả sau khi nghe đức Như Lai Sư Tử Phấn Tấn nói lời như trên liền lập tức phát khởi thệ nguyện. Nhân vì việc phát khởi thệ nguyện là con đường trước tiên trong việc tu hành, bất kể là quý vị tu tập theo pháp môn nào, nếu không phát khởi thệ nguyện thì việc tu hành không thể thành công, cho nên ông trưởng giả liền phát khởi thệ nguyện, trước hết là thực hành đạo Bồ Tát, cứu độ hết thảy chúng sinh tội khổ trong sáu đường luân hồi. (Về sáu đường luân hồi thì ở một phần trước đây đã có giải thích.) Chúng ta hiện nay đang ở trong cõi người, chỉ thử nói qua về những khổ não trong cõi người mà thôi. Ta sinh làm người trong thế giới Ta-bà này, có đủ mọi nỗi khổ thật không thể kể hết. Nay trước hết chỉ đem tám nỗi khổ mà nói qua một lượt, vì tám nỗi khổ này rất bình đẳng phổ biến đối với tất cả mọi người, bất kể quý vị giàu sang hay

nghèo hèn cũng đều không thể tránh được, đều phải nhận chịu.

Nỗi khổ thứ nhất là khổ khi sinh ra. Một người khi còn trong thai mẹ, ngọt ngạt khó chịu khôn xiết tả, mỗi khi người mẹ ăn uống nuốt xuống món gì thì thai nhi giống như bị ngọn núi lớn ép xuống nặng nề không chịu nổi. Đợi đến lúc sinh ra thì lại như bị hai ngọn núi cùng ép lại, đứa con bị ép chặt từ trong khe hở giữa hai ngọn núi ấy mà chui ra, nỗi đau đớn khổ sở còn dữ dội hơn nữa. Cho nên, đứa bé vừa lọt lòng đã khóc ré lên cũng là do nhân duyên này.

Nỗi khổ thứ hai là khổ vì già, muốn nhìn đó đây thì mắt đã mờ, muốn nghe lời nói thì tai đã điếc, muốn ăn bánh trái thì răng đã rụng, đi nhiều thì chân đau, ngồi nhiều thì lưng mỏi, thời tiết đổi thay thì sợ lạnh, lại cũng sợ nóng, quý vị nghĩ xem có khổ hay không?

Nỗi khổ thứ ba là khổ vì bệnh tật. Mỗi người trong đời khi bị bệnh thì càng khốn khổ hơn. Muốn ăn chẳng được, muốn ngủ không xong, khốn khổ dễ sống dễ chết, đau đớn kêu trời chẳng đáp, gọi đất không nghe, dù người khác muốn chịu thay cho ta cũng không thể được. Những thống khổ đớn đau như vậy thật đáng sợ khó hình dung nổi.

Nỗi khổ thứ tư là khổ vì sự chết. Nỗi khổ khi đến giờ chết còn ghê gớm hơn. Muốn nói ra thì lưỡi đã cứng đờ, đàm dãi lên nghẹt đường thở, muốn thở thì khí quản nghẽn rồi. Toàn thân từ trên xuống dưới, tứ chi xương cốt trăm đốt rã rời, như từng đốt từng đốt muốn nứt rớt cả ra. Lời tục thường nói, khi chết như bị trâu vàng dày xéo, quý vị nghĩ xem đau đớn làm sao nói hết?

Nỗi khổ thứ năm là phải xa cách người thương yêu. Những người hết sức thương yêu thân thiết như cha mẹ,



anh em, vợ chồng, con cái, thân thích bằng hữu, hoặc vì mưu sinh trong cuộc sống, hoặc vì các nạn chiến tranh, lũ lụt, hỏa hoạn... đủ loại hoàn cảnh khắc nghiệt bức bách, không thể không phân tán mỗi người một đường. Cũng chẳng khác nào như lúc sắp chết, mắt mở trừng trừng nhìn những người thân, bao nhiêu kẻ thương yêu đều phân biệt rõ. Cho nên con người lúc chết đều ứa lệ, có thể biết được là trong lòng họ lúc ấy đau đớn bị thương biết ngần nào.

Nỗi khổ thứ sáu là những người ghét giận phải gặp gỡ, đối mặt nhau. Nói chung là mỗi người đều có những kẻ không ưa mình, hoặc những người có thù oán với nhau, không muốn gặp gỡ, người ấy lại đặc biệt cứ thường gặp gỡ. Lại ví như bọn cướp bóc, người người ai cũng oán ghét, nhưng rồi cũng có lúc gặp phải, nếu không bị cướp mất tiền bạc ắt cũng phải tổn thương tính mạng. Những việc như thế rất thường xảy ra,

Nỗi khổ thứ bảy là mong cầu không được, ví như mong muốn việc này chẳng được, ưa thích việc kia cũng chẳng thành. Chẳng hạn, quý vị muốn có món đồ tốt, hoặc mong muốn sự việc thành công, muốn kết mối giao tình với mấy người bạn tốt, nhưng cứ như là chẳng lúc nào được vậy, chẳng việc nào làm được, khiến cho sinh khởi đủ loại phiền não vì không vừa ý.

Nỗi khổ thứ tám là khổ vì năm uẩn phát triển mạnh mẽ. Năm uẩn đó, thứ nhất là *sắc uẩn*, hết thấy những hình sắc nhìn thấy được đều bao gồm trong đó. Thứ hai là *thọ uẩn*, là sự thọ nhận đủ mọi cảnh giới khổ, vui. Thứ ba là *tưởng uẩn*, là những tạp niệm tư tưởng tốt xấu loạn khởi trong tâm. Thứ tư là *hành uẩn*, là những ý niệm hỗn loạn tiếp nối sinh diệt trong tâm không lúc nào dừng nghỉ. Thứ năm là *thức uẩn*, là tâm ý phân biệt sự việc này khác, những cảnh giới tốt xấu.

Năm uẩn này che lấp đi tánh linh sẵn có xưa nay của con người, khiến người trở nên mê muội mơ hồ, không hay không biết lại khởi sinh ra ba loại tâm xấu ác: tham lam, sân hận, si mê. Năm uẩn phát triển mạnh mẽ là nói năm uẩn như lửa bốc lên, thiêu đốt mãnh liệt, hiện tại lại thêm ba tâm xấu ác là tham lam, sân hận, si mê khiến cho lửa năm uẩn càng bốc cao, giống như mang củi khô chất thêm vào đống lửa dữ, tất nhiên lửa càng bốc cao, thiêu đốt càng mãnh liệt, từ đó lại tạo thêm đủ mọi loại ác nghiệp.

Nên biết rằng, bảy nỗi khổ đã kể trước đều từ nơi nỗi khổ cuối cùng này tạo ra. Nếu nỗi khổ thứ tám này không dứt trừ thì đời sau phải chịu khổ báo là bảy nỗi khổ trước đó, lại một đời sau nữa cũng là như vậy. Cho nên, tám nỗi khổ này là một chuỗi báo ứng xoay vòng.

Chúng ta ở cõi người, xếp thứ hai [trong sáu đường] mà đã khổ sở cực kỳ như vậy, nên xuống đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tất nhiên là khổ đau không thể nói hết. Phật vì thể hiện thân Bồ Tát đến để độ thoát những chúng sinh đang chịu khổ đau như vậy. Hiện tại chúng ta muốn giải thoát khỏi những nỗi khổ này, cũng phải từ trong một bộ kinh này tìm kiếm một con đường thuận tiện nhất để thoát ra, như vậy mới có thể mãi mãi về sau không phải chịu đủ mọi loại khổ não như thế này.

### **Kinh văn**

以是於彼佛前立斯大願，於今百千萬億那由他不可說劫尚為菩薩。

- *Dĩ thị ư bỉ Phật tiền lập tư đại nguyện, ư kim bá thiên vạn ức na do tha bất khả thuyết kiếp thượng vi Bồ Tát.*

## Việt dịch

Vì đã đối trước đức Phật [Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh] lập nguyện lớn lao như thế, nên cho đến nay trải qua trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp không thể nói hết [ngài Địa Tạng] vẫn còn làm Bồ Tát.

## Giải thích

Do đã đối trước đức Phật [Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh] lập đại nguyện lớn lao ấy, nên đến ngày nay đã trải qua trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp không thể nói hết mà Bồ Tát vẫn chưa muốn thành Phật, vẫn làm một vị Bồ Tát rộng độ chúng sinh. Chữ na-do-tha là chỉ số nhiều đến mấy ngàn muôn.

## Thích nghĩa

Đoạn văn này, hai câu trước là kết thúc phần lập nguyện đã nêu ở trước, hai câu sau là nói sự thực hành thệ nguyện đó.

Bồ Tát Địa Tạng từ vô số kiếp nhiều như cát bụi trước đây, đối trước đức Phật Sư Tử [Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh] đã lập đại nguyện cứu độ chúng sinh, rồi từ đó suốt cho đến nay, tâm đạo của ngài không hề thối chuyển một chút nào, vẫn giữ nguyên vẹn như thuở mới vừa phát tâm. Ngài không phát nguyện tự mình thành Phật, mà chỉ hết sức thực hành hạnh Bồ Tát, đó cũng chính là vâng theo lời giáo huấn của đức Phật. Vâng theo như vậy là không trái nghịch, cũng có nghĩa là hiếu thuận. Bồ Tát [Địa Tạng] từ những kiếp tu hành thuở trước cho đến hiện tại, đối với những bậc cha mẹ của ngài trong nhiều đời đều giúp cho được siêu thăng giải thoát. Cho nên, Bồ Tát Địa Tạng quả thật là người con đại hiếu không ai sánh được.

## Kinh văn

又於過去不可思議阿僧祇劫，時世有佛，號曰覺華定自在王如來。彼佛壽命四百千萬億阿僧祇劫。

- *Hựu ư quá khứ bất khả tư nghị a tăng kì kiếp, thời thế hữu Phật, hiệu viết Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Bỉ Phật thọ mệnh tứ bá thiên vạn ức a tăng kì kiếp.*

## Việt dịch

Lại trong quá khứ a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, thuở ấy có Phật, hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Đức Phật ấy tuổi thọ đến bốn trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp.

## Giải thích

Lại nữa, trong quá khứ vô lượng vô số kiếp trước đây, thuở ấy có một vị Phật ra đời, danh hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Tuổi thọ của vị Phật này rất lâu dài, đến bốn trăm ngàn muôn ức vô lượng vô số kiếp.

## Thích nghĩa

Tiếng Phạn nói a-tăng-kỳ, chúng ta gọi là vô lượng số. Con số này rất lớn, người phàm phu chúng ta không nghĩ tưởng đến nổi, không tính toán đến nổi, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Khi giác ngộ rồi thì cảnh giới của tâm thức rộng mở, như đóa hoa bừng nở, nên gọi là Giác Hoa.

Định có thể sinh trí tuệ, trí tuệ là quả giác ngộ, nên Định có tên Giác Hoa. Đã chứng đắc quả giác ngộ, tự tại đối với các pháp, tự tại là vua, nên gọi là Tự Tại Vương. Như Lai là danh hiệu tôn xưng chung của các vị Phật, cũng giống như ta dùng danh hiệu tiên sinh [với những người đáng tôn trọng].

Tuổi thọ của đức Phật này vì sao dài lâu đến thế? Đó là vì Phật có ba thân. Một là Pháp thân, lấy tánh chân thật bình đẳng làm bản thể. Hai là Báo thân, thân thể trang nghiêm với các tướng tốt do tu hành dài lâu, tích lũy đủ mọi công đức mà có được. Ba là Ứng [hóa] thân, do người phàm tu đạo cảm ứng Phật hiện đến giáo hóa, cũng giống như mặt trăng sáng giữa bầu trời phản chiếu hình dạng trong hồ nước, chỉ cần dưới mặt đất có nước liền có bóng trăng hiện vào.

Hiện tại đem tuổi thọ của cả ba thân Phật hợp lại, quý vị nghĩ xem, tuổi thọ lâu dài ấy có thể tính toán được sao? Thế nhưng chúng ta cũng không được sai lầm cho rằng Phật thật có ba thân ấy. Kỳ thật xưa nay Phật chỉ có một Pháp thân, hai thân còn lại là sự tu tích công đức, báo ứng tự tại mà có.

### Kinh văn

像法之中，有一婆羅門女，宿福深厚，眾所欽敬，行住坐臥，諸天衛護。其母信邪，常輕三寶。是時聖女廣設方便，勸誘其母，令生正見。而此女母，未全生信。不久命終。魂神墮在無間地獄。

- *Tượng pháp chi trung, hữu nhất bà la môn nữ, túc phúc thâm hậu, chúng sở khâm kính, hành trụ tọa ngoại, chư thiên vệ hộ. Kì mẫu tín tà, thường khinh Tam bảo. Thị thời thánh nữ quảng thiết phương tiện, khuyến dụ kì mẫu, linh sinh chính kiến. Nhi tử nữ mẫu, vị toàn sinh tín. Bất cứu mệnh chung. Hồn thần đọa tại vô gián địa ngục.*

## Việt dịch

[Sau khi Phật nhập diệt,] đến thời Tượng pháp, có một người con gái dòng bà-la-môn, phúc đức đời trước sâu dày, mọi người đều kính phục, trong lúc nàng đi đứng nằm ngồi đều có chư thiên theo bảo vệ. Mẹ nàng tin theo tà đạo, khinh thường Tam bảo. Khi ấy, vị thánh nữ này bày ra nhiều phương tiện khuyên nhủ mẹ mình, mong bà khởi sinh chánh kiến. Thế nhưng mẹ nàng hoàn toàn không khởi lòng tin. Không bao lâu bà qua đời, thần thức<sup>1</sup> đọa vào địa ngục Vô Gián.

## Giải thích

Trong thời Tượng pháp của đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương, có người con gái sinh trong dòng tộc bà-la-môn, do đời trước tu tích nhiều phúc đức rất sâu dày, nên được

---

<sup>1</sup> Trong bản Hán văn kinh này dùng chữ “魂神” (hồn thần) là một cách dung hợp với tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo tại Trung Hoa về quan điểm con người có hồn phách, linh hồn. Tuy nhiên, theo cách nhìn nhận của đạo Phật thì những tên gọi này biểu lộ một quan niệm chấp ngã, bám víu vào “cái tôi” ngay cả sau khi chết. Do đó, đạo Phật không nói có linh hồn hay thần hồn riêng biệt của mỗi cá nhân, mà giải thích về một dòng tâm thức, thần thức không ngừng trôi chảy với mọi hiện khởi đều mang tính duyên hợp. Do đó, trong suốt bản kinh này chúng tôi sẽ không dịch là linh hồn hay thần hồn, mà thống nhất dùng cách gọi là “thần thức”.

mọi người khâm phục, hết sức kính trọng. Những lúc nàng đi đứng nằm ngồi luôn có chư thiên theo hộ vệ. Thế nhưng mẹ nàng lại tin theo tà đạo, khinh thường Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng-già. Khi ấy, vị thánh nữ vì mẹ nói ra pháp môn phương tiện rộng lớn, khuyên bảo mẹ mình, mong bà khởi sinh nhận thức chân thật mà tin nhận Phật pháp. Nhưng mẹ nàng vẫn hoàn toàn không sinh khởi được lòng tin. Thế rồi không bao lâu sau, bà qua đời, thân thức đọa vào địa ngục Vô Gián.

### Thích nghĩa

Tượng pháp là thời đại pháp Phật còn lưu hành nhưng không còn hoàn toàn chân xác như Chánh pháp, bất quá chỉ là tương tự, giống với Chánh pháp mà thôi. Thời gian ấy là lúc Phật đã nhập Niết-bàn, chỉ còn hình tượng của Phật trụ thế, nên gọi là Tượng pháp.

Bà-la-môn là chủng tộc từ xưa thờ kính Phạm thiên,<sup>1</sup> giống như Đạo giáo ở Trung quốc. Người con gái này tinh tấn tu hành, còn sống ở nhà với cha mẹ. Đời trước nàng ưa thích làm nhiều việc thiện, tích đức sâu dày, cho nên đời nay tính tình khoan hậu, người đều khâm phục, kính trọng. Hơn nữa trong lòng nàng cực kỳ đoan chính, cho nên mỗi khi đi đứng nằm ngồi, không một cử chỉ nào là không đoan chính, uy nghiêm. Nàng lại là người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng Tam bảo, tự nhiên cảm ứng chư thiên, quỷ thần đến bảo vệ, che chở, hộ trì. Do có hành vi cử chỉ đoan chính trang nghiêm như thế nên tự nhiên có thể tôn

<sup>1</sup> Nguyên văn nói: 婆羅門是劫初梵天降下來的種族 (Bà-la-môn thị kiếp sơ Phạm thiên giáng hạ lai đích chủng tộc. - Bà-la-môn là chủng tộc do Phạm thiên giáng hạ vào thời kiếp sơ.) Cách hiểu này không đúng với nhận thức phổ biến về đạo bà-la-môn trong Phật giáo, và nếu dịch sát theo đó cũng không phù hợp với câu tiếp theo.

xưng là thánh nữ. Người đời có ai là không cung kính với người như vậy? Vì nàng có lòng hiếu kính nên nhìn thấy mẹ tin theo tà giáo, khinh thường Tam bảo, tội nghiệp rất nặng nề, nàng liền suy nghĩ đủ mọi phương tiện, cách thức nhẹ nhàng hòa thuận để dần dần khuyên nhủ mẹ, quay về Chánh đạo tin nhận Phật pháp. Thế nhưng mẹ nàng bề ngoài thì giống như tin nhận, trong lòng thật vẫn như cũ không hề tin nhận. Do trong lòng hoàn toàn không tin nhận Phật pháp nên sau khi chết phải đọa vào địa ngục.

Địa ngục là nơi chịu khổ, cũng giống như lao tù. Tội nhân chịu khổ trong địa ngục này thường kéo dài không lúc nào gián đoạn dừng nghỉ, nên gọi tên là Vô Gián.

### Kinh văn

時婆羅門女，知母在世，不信因果，計當隨業，必生惡趣。遂賣家宅，廣求香華，及諸供具。於先佛塔寺，大興供養。見覺華定自在王如來，其形像在一寺中，塑畫威容，端嚴畢備。時婆羅門女瞻禮尊容，倍生敬仰。私自念言：佛名大覺，具一切智，若在世時，我母死後，儻來問佛，必知處所。

- Thời bà la môn nữ, tri mẫu tại thế, bất tín nhân quả, kế đương tùy nghiệp, tất sinh ác thú. Toại mại gia trạch, quảng cầu hương hoa, cập chư cúng cụ. Ư tiên



*phật tháp tự, đại hưng cúng dường. Kiến Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kì hình tượng tại nhất tự trung, tố họa uy dung, đoan nghiêm tất bị. Thời bà la môn nữ chiêm lễ tôn dung, bội sinh kính ngưỡng. Tư tự niệm ngôn: Phật danh Đại giác, cụ Nhất thiết trí, nhược tại thế thời, ngã mẫu tử hậu, thắng lai vấn Phật, tất trí xứ sở.*

## Việt dịch

Khi ấy, người con gái bà-la-môn biết rằng mẹ mình lúc còn sống không tin nhân quả, theo suy tính ắt phải do nghiệp xấu ấy sinh vào đường ác. Cô liền bán hết nhà cửa, dùng tiền mua sắm hương hoa và các phẩm vật cúng dường, tìm đến chùa tháp thờ vị Phật trước đây, làm lễ cúng dường rất lớn. Cô nhìn thấy hình tượng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương trong chùa, phác họa ngài dung mạo uy nghi, đoan nghiêm đủ vẻ, liền chiêm ngưỡng lễ bái, càng thêm hết lòng kính ngưỡng. Rồi cô tự nghĩ: “Đức Phật là bậc Đại giác, có đủ trí tuệ rõ biết tất cả. Nếu ngài tại thế, sau khi mẹ ta chết có thể đến thưa hỏi ngài, ắt sẽ biết được mẹ đang ở đâu.”

## Giải giảng

Từ sau khi mẹ qua đời, cô gái bà-la-môn này biết rằng mẹ cô khi còn sống không tin nhân quả, nếu dựa theo những tội nghiệp bà đã tạo ra mà suy tính thì mẹ cô nhất định phải sinh vào ba đường ác, chịu đựng khổ não trong đó. Nhưng cô gái bà-la-môn này là một người con hiếu, biết mẹ mình bị đọa vào đường ác thì có lý nào không đến cứu ra? Cho nên, cô suy nghĩ tìm phương thức hay để cứu mẹ ra khỏi đường ác. Cô liền đem bán hết nhà cửa ruộng

vườn, gia sản đang sở hữu, dùng tiền đó tìm mua khắp nhiều nơi những hương hoa hảo hạng, cùng đủ mọi phẩm vật cúng dường, rồi tự mình mang những thứ ấy tìm đến hết thảy những nơi người xưa đã khởi tạo tượng Phật, chùa tháp... đều làm lễ cúng dường thật lớn. Một hôm, cô nhìn thấy hình tượng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương trong một ngôi chùa, bất luận là tượng đắp, tranh vẽ, đều thể hiện rõ dung mạo ngài đầy uy đức, đoan chính trang nghiêm, không có bất kỳ một điểm thiếu sót nào. Khi ấy, cô gái bà-la-môn nhìn thấy rồi, liền đến chiêm ngưỡng, lễ bái tôn tượng Phật, càng tăng thêm lòng cung kính, tín ngưỡng. Cô tự mình lặng lẽ suy tư, trong lòng thâm nghĩ: “Đức Phật có danh hiệu là Đại Giác, đầy đủ hết thảy trí tuệ. Giá như Phật còn tại thế, mẹ ta qua đời, ngài nhất định biết được mẹ ta nay đang ở nơi nào.”

### **Thích nghĩa**

Nói chung khi một người chết đi, thần thức vào cõi mịt mờ thì mọi việc thiện ác đều căn cứ vào những gì đã làm khi còn sống để quyết định. Hủy báng Tam bảo, không tin nhân quả là tội rất lớn, hết sức nặng nề, cho nên người con gái hiếu thảo này suy tính rằng mẹ cô nhất định phải đọa vào ba đường ác. Nhà cửa gia sản các thứ đều là của cha mẹ cô để lại, thế nhưng việc gây dựng sản nghiệp ấy chính là nguồn gốc tạo tác bao tội nghiệp, vì nếu tâm tham lam bôn xển không mạnh mẽ thì đã không gây dựng được sản nghiệp, tà kiến cũng không sinh khởi. Hiện tại người con hiếu đem toàn bộ sản nghiệp bán hết đi, đó là dứt trừ nguồn gốc gây tội nghiệp của cha mẹ, lại dùng tiền bán được đó mua đủ các thứ phẩm vật cúng dường, đó chính là phương pháp rất tốt để thay cha mẹ lập công chuộc tội. Hương [cúng dường] có năng lực ngầm thông pháp giới, hoa [cúng dường] biểu thị ý nghĩa dùng nhân khắc phục

quả. Cho nên, hai món hương hoa là cần thiết nhất trong việc cúng dường Phật.

## Kinh văn

時婆羅門女垂泣良久，瞻戀如來。忽聞空中聲曰：泣者聖女，勿至悲哀，我今示汝母之去處。

- *Thời bà la môn nữ thùy khấp lương cứu, chiêm luyến Như Lai. Hốt văn không trung thanh viết: Khấp giả thánh nữ, vật chí bi ai, ngã kim thị nhữ mẫu chi khứ xứ.*

## Việt dịch

Bấy giờ, cô gái bà-la-môn phủ phục buồn khóc hồi lâu, chiêm ngưỡng mền mộ đức Như Lai. Bỗng đứng nghe giữa không trung có tiếng nói: “Thánh nữ đang khóc kia, đừng quá bi ai, nay ta sẽ chỉ nơi mẹ con sinh về.”

## Giải thích

Vào lúc ấy, cô gái bà-la-môn rủ người xuống than khóc rất lâu, trong lòng không ngừng cầu khẩn, chiêm ngưỡng mền mộ đức Như Lai, mong ngài nhất định sẽ chỉ giúp cho biết mẹ cô đang ở nơi nào. Bỗng đứng nghe giữa không trung phát ra tiếng nói: “Này thánh nữ đang than khóc, đừng quá bi ai. Nay ta sẽ chỉ cho con biết nơi mẹ con đang ở.”

## Thích nghĩa

Đối với một người con gái hiếu thảo đã có tâm trạng khẩn thiết lâu dài đến như vậy, tự nhiên có sự cảm ứng giao hòa

trong đạo thể, cảm động lòng từ bi của Phật, nên ngài hiện đến chỉ bày cho cô. Nguyên bản dùng chữ “khấp” nghĩa là khóc không thành tiếng. Nhân vì mắt chiêm ngưỡng dung nhan Phật, trong lòng mến mộ Như Lai, trong trạng thái trầm tĩnh kéo dài như vậy, cho nên nghe được tiếng Phật vọng đến an ủi, chỉ bày. Đây cũng là từ nơi việc làm bán cả gia sản để cúng dường, thực hành hiếu đạo nên chiêu cảm được sự báo ứng này.

Gọi “thánh nữ” là ngợi khen sự hiền đức chính trực của cô gái này.

### Kinh văn

婆羅門女合掌向空，而白空曰：是何神德，寬我憂慮。我自失母已來，晝夜憶戀，無處可問知母生界。時空中有聲，再報女曰：我是汝所瞻禮者，過去覺華定自在王如來，見汝憶母倍於常情眾生之分，故來告示。婆羅門女聞此聲已，舉身自撲，支節皆損，左右扶侍，良久方蘇。而白空曰：願佛慈愍，速說我母生界。我今身心將死不久。時覺華定自在王如來告聖女曰：汝供養畢，但早返舍，端坐思惟吾之名號，即當知母所生去處。

- Bà la môn nữ hợp chưởng hướng không, nhi bạch không viết: Thị hà thần đức, khoan ngã ưu lự. Ngã tự thất

mẫu dĩ lai, trú dạ ức luyến, vô xứ khả vấn tri mẫu sinh giới. Thời không trung hữu thanh, tái báo nữ viết: Ngã thị nữ sở chiêm lễ giả, quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, kiến nữ ức mẫu bội ư thường tình chúng sinh chi phần, cố lai cáo thị. Bà-la môn nữ văn thủ thanh dĩ, cử thân tự phốc, chi tiết giai tôn, tả hữu phù thị, lương cửu phương tô. Nhi bạch không viết: Nguyên phật từ mẫn, tốc thuyết ngã mẫu sinh giới. Ngã kim thân tâm tương tử bất cửu. Thời Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai cáo thánh nữ viết: Nữ cung dưỡng tất, đăn tảo phản xá, đoan tọa tư duy ngô chi danh hiệu, tức đương tri mẫu sở sinh khứ xứ.

## Việt dịch

Cô gái bà-la-môn chấp tay hướng lên không trung bạch rằng: “Ngài là vị thần nào muốn giảm nhẹ lo buồn cho con? Từ ngày con mất mẹ đến nay, ngày đêm mong nhớ, không có nơi nào để có thể hỏi biết mẹ sinh về đâu.”

Lúc ấy, trong không trung có tiếng đáp lời cô gái: “Ta là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong quá khứ mà con đang chiêm ngưỡng lễ bái. Ta thấy lòng con nhớ mẹ có phần nhiều hơn thường tình chúng sinh nên đến đây chỉ bày.”

Cô gái bà-la-môn nghe qua âm thanh ấy rồi thì toàn thân rũ xuống, khắp người rã rời, người chung quanh đỡ dậy săn sóc hồi lâu mới tỉnh, liền hướng về không trung bạch rằng: “Nguyên Phật từ bi thương xót, mau nói cho con biết nơi mẹ con sinh về. Con nay cảm thấy thân tâm mình như sắp chết rồi.”

**Khi ấy, đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương bảo thánh nữ rằng: “Con cúng dường xong, chỉ cần sớm quay về nhà, ngôi ngay ngắn nghĩ đến danh hiệu của ta, tự nhiên sẽ biết được nơi mẹ con sinh về.”**

### **Giải giải**

Cô gái bà-la-môn vừa nghe qua câu nói, tức thời chấp tay hướng về giữa không trung thưa rằng: “Ngài là thần linh từ nơi nào đến, có ân đức lớn đến đây an ủi làm giảm nhẹ nỗi lo buồn của con. Con từ ngày mất mẹ đến nay, bất kể ngày đêm luôn nhớ mong quyến luyến, nhưng không có một nơi nào để có thể hỏi biết được mẹ con hiện nay sinh về cảnh giới nào.”

Vào lúc đó, lại nghe trong không trung có tiếng nói trả lời thánh nữ: “Ta là đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương từ thời quá khứ mà con đang chiêm ngưỡng lễ bái, thấy con nhớ mẹ quá mức nhiều hơn so với những chúng sinh bình thường, cho nên đến đây bảo cho con biết.” Cô gái bà-la-môn nghe được âm thanh của Phật thì toàn thân đổ gục xuống quá mạnh đến nỗi thương tổn tất cả chân tay, xương cốt. Nhờ có người chung quanh đỡ dậy chăm sóc, qua được cơn hôn mê, một lúc lâu mới tỉnh lại, liền hướng về không trung cầu khẩn: “Nguyện Phật đem lòng từ bi thương xót, xin mau mau nói cho con biết cảnh giới mà mẹ con đã tái sinh vào, bởi vì hiện nay cả thân tâm con đều cảm thấy như không bao lâu nữa sẽ phải chết rồi.”

Bấy giờ, đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương bảo thánh nữ rằng: “Khi việc cúng dường của con đã hoàn tất, chỉ cần sớm trở về nhà, ngôi yên tĩnh ngay ngắn nghĩ đến danh hiệu của ta, như vậy thì tự nhiên sẽ biết được mẹ con hiện nay sinh về chốn nào.”

## Thích nghĩa

Người con gái hiếu thảo này từ trước đến nay luôn hết sức nhớ mong người mẹ đã khuất, lại rất muốn biết mẹ cô sinh về nơi nào, trong cảnh giới nào. Tâm nguyện ấy vô cùng khẩn thiết. Ngay lúc đó vừa nghe qua lời Phật thì tự nhiên không còn nghĩ gì đến thân thể mình, buông xuôi ngã lăn ra đất. Huống chi thân thể này cũng là di thể của mẹ, nay mẹ đã mất rồi thì có tiếc gì thân này? Thân thể bên ngoài đã thương tổn như vậy, trong lòng lại cũng buồn lo đau khổ, nên tự biết mình không bao lâu nữa sẽ chết. Thế nhưng chuyện sắp chết đó cũng không cần quan tâm, chỉ cần phải biết được mẹ mình hiện nay rốt cuộc đã sinh về nơi nào? Đó là điều cô nhất định phải biết được, cho nên cố dần chịu nổi đau đớn, vẫn tiếp tục hướng về không trung cầu khẩn, mong Phật thương xót, mau mau nói cho cô biết mẹ cô hiện nay sinh về nơi nào. Do nơi tâm hiếu thuận chí thành của cô như vậy, đức Phật tự nhiên khởi lòng thương xót, chuẩn bị nói ra với cô.

## Kinh văn

時婆羅門女尋禮佛已，即歸其舍。以憶母故，端坐念覺華定自在王如來。經一日一夜。

- *Thời bà-la-môn nữ tâm lễ Phật dĩ, tức quy kỳ xá. Dĩ ức mẫu cố, đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kinh nhất nhật nhất dạ.*

## Việt dịch

Bấy giờ, cô gái bà-la-môn lễ Phật xong liền quay về nhà, vì lòng nhớ tưởng mẹ, nên ngồi ngay ngẩn niệm tưởng

**đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Trải qua một ngày một đêm như vậy.**

### **Giải giải**

Vào lúc đó, cô gái bà-la-môn nghe lời Phật dạy xong, nhanh chóng đến những chỗ có [hình tượng] Phật đều chiêm ngưỡng lễ bái cúng dường. Vừa xong, cô tức khắc quay về nhà mình. Do nhân duyên nhớ mẹ, cô ngồi xuống hết sức ngay ngắn, chuyên tâm niệm tưởng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Cô niệm tưởng như vậy trải qua đến một ngày một đêm.

### **Thích nghĩa**

Người con gái hiếu thảo hết lòng nhớ tưởng mẹ mình, tất nhiên phải y theo lời Phật dạy, cũng hết lòng hết ý niệm Phật. Do việc cô có đầy đủ sự chuyên tâm chí thành như vậy, nên mới có thể khế hợp tương ứng với tâm Phật. Sở dĩ phải đợi qua đủ một ngày một đêm, các bản chú giải xưa giải thích ý nghĩa này là, ngày tượng trưng cho tâm giác ngộ sáng tỏ của cô gái, đêm tượng trưng cho tâm thức si mê tối tăm mù mịt không tin nhân quả của mẹ cô.

### **Kinh văn**

忽見自身到一海邊，其水涌沸，多諸惡獸，盡復鐵身，飛走海上，東西馳逐。見諸男子女人百千萬數，出沒海中。被諸惡獸爭取食噉。又見夜叉，其形各異，或多手多眼，多足多頭，



口牙外出，利刃如劍。驅諸罪人，使近惡獸。復自搏攫，頭足相就，其形萬類，不敢久視。時婆羅門女以念佛力故，自然無懼。

- *Hốt kiến tự thân đao nhất hải biên, kì thủy dũng phí, đa chư ác thú, tận phục thiết thân, phi tẩu hải thượng, đông tây trì trục. Kiến chư nam tử nữ nhân bá thiên vạn số, xuất một hải trung. Bị chư ác thú tranh thủ thực đạm. Hựu kiến dạ-xoa, kỳ hình các dị, hoặc đa thủ đa nhãn, đa túc đa đầu, khẩu nha ngoại xuất, lợi nhận như kiếm, khu chư tội nhân, sử cận ác thú. Phục tự bác quặc, đầu túc tương tự, kì hình vạn loại, bất cảm cử thị. Thời bà-la-môn nữ dĩ niệm Phật lực cố, tự nhiên vô cụ.*

## Việt dịch

Bỗng dung cô tự thấy mình đến bên một bờ biển. Nước biển ở đó sôi lên sùng sục, có nhiều thú dữ toàn thân đều bằng sắt, bay nhảy trên mặt biển, rượt đuổi qua lại. Lại thấy kẻ nam người nữ nhiều đến số trăm ngàn muôn người, trôi lên hụp xuống trong nước biển, bị những thú dữ kia tranh nhau ăn nuốt. Lại thấy những dạ-xoa hình thù khác biệt nhau, hoặc nhiều tay nhiều mắt, hoặc nhiều chân nhiều đầu, răng nanh nhe ra sắc nhọn như gươm, xua đuổi tội nhân đến gần chỗ đám thú dữ. Các dạ-xoa này cũng tự mình chộp bắt các tội nhân, bẻ gập đầu xuống chân, muôn hình vạn trạng thật chẳng dám nhìn lâu. Khi ấy, cô gái bà-la-môn nhờ sức niệm Phật nên không hề thấy sợ.

## Giải giải

Ngay trong lúc niệm Phật, cô gái bỗng nhiên tự thấy mình hiện đến một vùng bờ biển. Chỉ thấy nước trong biển ấy hết như nước đang sôi sùng sục, lại có rất nhiều con thú hung dữ, thân hình đều bằng sắt, bay trên mặt biển từ đây sang kia, rồi lại từ kia lại đây, rượt đuổi như vậy rất nhanh. Lại nhìn thấy kẻ nam người nữ rất nhiều, lên đến số trăm ngàn muôn người, có lúc nổi lên mặt biển, lại có lúc chìm xuống dưới biển. Những người ấy lại bị rất nhiều những con thú hung dữ kia tranh giành nhau bắt lấy mà ăn nuốt. Lại cũng nhìn thấy rất nhiều dạ-xoa, hình dạng đều khác biệt nhau, có những dạ-xoa nhiều tay nhiều mắt, lại có những dạ-xoa nhiều đầu nhiều chân, răng nanh từ trong miệng nhe ra sắc nhọn như gươm đao, xua đuổi những người chịu tội kia đến gần chỗ đám thú dữ để chúng dễ bề vồ lấy ăn nuốt, rồi chính những dạ-xoa ấy cũng chộp bắt những tội nhân, nắm lấy họ mà đùa cợt, hoặc bẻ gập đầu họ xuống chạm vào chân, hoặc kéo người họ dài ra, hoặc xé nát thành từng mảnh vất đi. Những kiểu đùa cợt như vậy thật muôn hình vạn trạng, cô gái hiểu thảo kia thật không dám nhìn lâu.

Thế nhưng lúc ấy cô nhờ niệm Phật, được nhân duyên có Phật lực bảo vệ hộ trì, nên dù nhìn thấy những hình trạng ghê gớm như thế nhưng không hề sợ hãi.

## Thích nghĩa

Do người con gái hiểu thảo này nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức nhập vào trạng thái định, tự nhiên khiến cho tâm địa sáng suốt, lại được nhờ thêm Phật lực gia trì mới thấy được cảnh giới như vậy.

Dạ-xoa là [chỉ chung] loài quỷ di chuyển rất nhanh,

cử động cũng rất nhanh nhẹn, lại có thể bay trong không trung, nhưng dạ-xoa có rất nhiều chủng loại khác nhau.

[Trong kinh nói “*bác quặc*”], *bác* là dùng tay đánh, *quặc* là dùng các móng vuốt ở tay bấu vào, nắm chặt lấy.

### Kinh văn

有一鬼王，名曰無毒，稽首來迎，白  
聖女曰：善哉菩薩！何緣來此？

- *Hữu nhất quỷ vương, danh viết Vô Độc, khể thủ lai nghêh, bạch thánh nữ viết: Thiện tai Bồ Tát! Hà duyên lai thử?*

### Việt dịch

Có một quỷ vương tên là Vô Độc, đến cúi đầu chào đón, bạch thánh nữ rằng: “Lành thay, Bồ Tát! Do nhân duyên gì mà ngài đến đây?”

### Giải thích

Có một quỷ vương tên gọi là Vô Độc, nhìn thấy thánh nữ liền đến trước nàng cúi đầu thi lễ nghêh tiếp, nói với thánh nữ: “Lành thay, Bồ Tát! Vì nhân duyên gì mà ngài đến chốn này?”

### Thích nghĩa

Nói chung phải là người có phúc đức mới được xưng là vương. Vậy quỷ vương này có phúc đức gì? Nhân vì quỷ này vẫn giữ lòng thương xót người, không nỡ hại người nên xưng là vương, cũng gọi vị này là Vô Độc. Thế nhưng vị

quỷ vương Vô Độc này cũng là Bồ Tát hóa thân, nếu không sao có được lòng từ thương xót người như thế?

Khẩu đầu tức là cúi đầu sát đất trong một lúc. Lành thay là lời xưng tán vui mừng.

### **Kinh văn**

時婆羅門女問鬼王曰：此是何處？無毒答曰：此是大鐵圍山西面第一重海。

- *Thời bà-la-môn nữ vấn quỷ vương viết: Thủ thị hà xứ? Vô Độc đáp viết: Thủ thị Đại Thiết Vi sơn tây diện đệ nhất trùng hải.*

### **Việt dịch**

**Bấy giờ, cô gái bà-la-môn hỏi quỷ vương: “Đây là nơi nào?” Vô Độc trả lời: “Đây là vùng biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi.”**

### **Giải thích**

Vào lúc ấy, cô gái dòng bà-la-môn lại hỏi quỷ vương: “Đây là nơi chốn nào?” Vô Độc trả lời rằng: “Đây là vùng biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi.”

### **Thích nghĩa**

Bên ngoài vùng biển nước mặn của [thế giới] chúng ta có một ngọn núi, chính là núi Đại Thiết Vi. Núi này phần chìm trong nước đến 312 do-tuần, phần trên mặt nước cũng 312 do-tuần. Bốn phía núi toàn là nước, vùng nước

bao quanh này rộng đến 3.608.475 do-tuần. Vùng biển thứ nhất cũng là nằm trong đó.

## Kinh văn

聖女問曰：我聞鐵圍之內，地獄在中，是事實不？無毒答曰：實有地獄。

- *Thánh nữ vấn viết: Ngã văn Thiết Vi chi nội, địa ngục tại trung, thị sự thật phủ? Vô Độc đáp viết: Thật hữu địa ngục.*

## Việt dịch

**Thánh nữ hỏi:** “Tôi nghe rằng bên trong núi Thiết Vi có địa ngục, chuyện ấy có thật không?” **Vô Độc đáp:** “Thật có địa ngục.”

## Giải thích

Thánh nữ lại hỏi quý vương: “Tôi nghe nói bên trong núi Thiết Vi có địa ngục trong đó, chuyện ấy có thật hay không?” Vô Độc đáp rằng: “[Trong đó] quả thật có địa ngục.”

## Thích nghĩa

Nói “thật có địa ngục”, ý nghĩa là địa ngục vốn không có, nhân vì chúng sinh trên thế gian thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý khởi niệm ác, lại ưa thích giết hại cúng tế quỷ thần, do đó tích lũy đủ mọi việc ác, tạo thành địa ngục có thật.

## Kinh văn

聖女問鬼王曰：我今云何得到獄所？  
無毒答曰：若非威神，即須業力，非  
此二事，終不能到。

- *Thánh nữ vấn quỷ vương viết: Ngã kim vân hà đắc đáo ngục sở? Vô Độc đáp viết: Nhược phi uy thần, tức tu nghiệp lực, phi thủ nhĩ sự, chung bất năng đáo.*

## Việt dịch

Thánh nữ lại hỏi quỷ vương: “Vì sao tôi đến được nơi này?” Quỷ vương Vô Độc trả lời: “Nếu không do oai thần thì phải do nghiệp lực. Ngoài hai việc ấy thì không bao giờ đến được nơi này.”

## Giải giải

Thánh nữ lại hỏi quỷ vương: “Hiện nay vì sao tôi lại đến được nơi địa ngục này?” Quỷ vương Vô Độc trả lời: “Nếu như không phải người có oai đức thần thông thì phải là người do nghiệp lực mà đến. Ngoài hai hạng người ấy ra thì không bao giờ có thể đến được nơi này.”

## Thích nghĩa

Thánh nữ tự mình suy ngẫm, mình là người kính tin Phật pháp, cả đời không gây tội nghiệp, vì sao lại đến chốn địa ngục này? Cho nên mới khởi tâm nghi ngờ mà hỏi quỷ vương.

Người có oai đức thần thông mới có thể đến được trong địa ngục, hoặc là đến để cứu độ người, hoặc là muốn dạo chơi quán sát.

Người phạm vào các nghiệp ác của thân, khẩu ý, nhân lúc vừa lâm chung liền bị nghiệp lực dẫn dắt lôi kéo, đến địa ngục này để chịu khổ báo.

### Kinh văn

聖女又問：此水何緣，而乃涌沸，多諸罪人及以惡獸？無毒答曰：此是閻浮提造惡眾生新死之者，經四十九日後，無人繼嗣，為作功德，救拔苦難。生時又無善因。當據本業所感地獄，自然先渡此海。海東十萬由旬，又有一海，其苦倍此。彼海之東，又有一海，其苦復倍。三業惡因之所招感，共號業海，其處是也。

- *Thánh nữ hựu vấn: Thử thủy hà duyên, nhi nãi dưng phí, đa chư tội nhân cập dĩ ác thú? Vô Độc đáp viết: Thử thị Diêm-phù-đề tạo ác chúng sinh tân tử chi giả, kinh tứ thập cửu nhật hậu, vô nhân kế tự, vi tác công đức, cứu bạt khổ nạn. Sinh thời hựu vô thiện nhân, đương cứ bản nghiệp sở cảm địa ngục, tự nhiên tiên độ thử hải. Hải đông thập vạn do tuần, hựu hữu nhất hải, kì khổ bội thử. Bĩ hải chi đông, hựu hữu nhất hải, kì khổ phục bội. Tam nghiệp ác nhân chi sở chiêu cảm, cộng hiệu nghiệp hải, kỳ xứ thị dã.*

### Việt dịch

Thánh nữ lại hỏi: “Nước ở đây do đâu mà sôi sùng sục, lại có tội nhân và thú dữ?” Vô Độc đáp rằng: “Đây là

những chúng sinh tạo ác ở cõi Diêm-phù-đề vừa mới chết, đã qua 49 ngày mà không có người kế thừa vì họ làm việc công đức, cứu thoát khổ nạn. Lúc còn sống họ lại cũng không tạo nhân lành, nên cứ theo nghiệp đã tạo mà chiêu cảm vào địa ngục, tự nhiên trước hết phải qua biển này. Phía đông biển này cách mười muôn do-tuần cũng có một vùng biển, khổ não gấp bội phần. Phía đông của biển đó, lại có một vùng biển nữa, khổ não nhiều lần hơn nữa. Do nhân là ba nghiệp ác chiêu cảm mà thành nên gọi chung là biển nghiệp, chính là nơi này.”

### Giảng giải

Thánh nữ lại hỏi quý vương: “Nước ở biển này vì sao sôi sùng sục? Vì sao có nhiều tội nhân cùng các loài thú dữ?”

Quý vương Vô Độc đáp: “Đó đều là những chúng sinh tạo nghiệp ác ở thế giới Diêm-phù-đề. Họ là những người mới chết, sau khi trải qua 49 ngày mà không có người kế thừa vì họ làm việc tạo công đức, thay họ làm việc có thể cứu thoát khổ nạn đáng phải nhận chịu. Lúc còn sống họ lại không ưa thích làm việc hiền thiện, không bố thí, nên cứ theo những nghiệp ác họ đã làm từ trước đến nay, một khi chính họ đã chiêu cảm đến địa ngục thì tự nhiên nhất định phải qua vùng biển này. Phía đông của biển này, cách mười vạn do-tuần lại có một vùng biển khác, sự khổ sở nơi đó so với đây còn tăng hơn gấp bội. Về phía đông của vùng biển đó, lại có thêm một vùng biển nữa, sự khổ sở lại tăng nhiều hơn nữa. Ba vùng biển này, đều do nhân là ba nghiệp ác [thân, khẩu, ý] của chúng sinh chiêu cảm mà thành, do đó có tên gọi chung là biển nghiệp, chính là nơi đây.



## Thích nghĩa

Diêm-phù-đề là tên một cây chúa đại thụ, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá bốn phía rộng năm mươi do-tuần. Thế giới của chúng ta gọi là Nam Diêm-phù-đề hay Nam Thiệm-bộ châu, đó là dựa theo cây chúa đại thụ này mà đặt tên.<sup>1</sup>

Nói chung con người sau khi chết thì cứ bảy ngày có một lần biến hóa, Diêm vương định tội. Tuy là chiếu theo những nghiệp ác đã làm khi còn sống, nhưng cũng phải qua bảy lần bảy là 49 ngày mới thực sự phán quyết. Nếu trong vòng 49 ngày đó, có người kế thừa như con cháu hiếu thuận, mỗi tuần thất đều thay người chết niệm Phật, lễ bái, sám hối, đem công bù tội, tự nhiên những khổ nạn đáng phải nhận chịu đều được cứu thoát. Nếu trong 49 ngày đó không có người kế thừa thay cho người chết làm việc cứu vớt, thì tự nhiên phải nhận chịu khổ nạn.

Nhưng việc nhận chịu khổ nạn này cũng đều do nhân ba nghiệp ác [thân, khẩu, ý] chính mình đã tạo, chiêu cảm mà thành. Nay xin đem ba nghiệp ác đó nói qua một lần, hy vọng có thể giúp cho mọi người đều bỏ ác hướng thiện.

Thứ nhất là thân nghiệp. Những việc ác do thân làm ra có ba loại. Một là giết hại, bất kể là những con vật nhỏ nhoi nhất như ruồi muỗi, sâu bọ... cũng không được giết hại chúng. Hai là trộm cướp, dù một cọng rơm ngọn cỏ của

<sup>1</sup> Từ Phạn ngữ jambu được dịch âm thành diêm-phù, thiệm-bộ, thiêm-phù, nhiễm bộ... là tên một loài cây có nguồn gốc Ấn Độ, tên khoa học là Eugenia jambolana, có thể là hoặc tương tự như cây trám mốc (vối rừng) hiện nay ở Việt Nam và một số nước Đông Nam Á. Phân thích nghĩa này có thể đã căn cứ vào luận Đại Trí Độ, quyển 35, trong đó nói rằng cõi thế giới này có rất nhiều cây diêm-phù, do đó mới gọi tên là Diêm-phù-đề (Jambu-dvīpa), Nam Diêm-phù-đề hay Nam Thiệm-bộ châu. Ngoài ra, theo luận Lập thế A-tỳ-đàm thì có một cây diêm-phù chúa rất cao, rất to, như được mô tả ở đây.

người khác, quý vị chưa hỏi xin, cũng không được tự ý lấy. Ba là tà dâm, trừ ra người là vợ, chồng chính thức, còn với bất kỳ ai khác cũng không phạm vào.

Thứ hai là khẩu nghiệp. Các nghiệp ác thuộc khẩu nghiệp có bốn loại. Một là nói dối, nói sai sự thật. Hai là nói thêu dệt, thường là đàm luận về nét xấu của người phụ nữ. Ba là nói hai lưỡi, thường là cố ý nói ra nói vào, nói chuyện thị phi. Bốn là nói lời độc ác, thường là chửi mắng, nguyên rủa.

Thứ ba là ý nghiệp. Nghiệp ác của ý phạm vào có ba loại. Một là tham dục, tức là tham muốn dục vọng không biết đủ. Hai là sân khúe, là giận dữ nóng nảy. Ba là ngu si, thường là không tin Phật pháp, tin theo tà thuyết.

Do ba nghiệp thân, khẩu, ý này, tạo ra mười loại nghiệp ác như trên, lại do nhân là ba nghiệp ác này chiêu cảm thành ba vùng biển nghiệp, mỗi vùng về sau lại càng khổ não nhiều hơn gấp bội, cho đến đủ các loại địa ngục, khiến người làm việc ác phải tự làm tự chịu.

## Kinh văn

聖女又問鬼王無毒曰：地獄何在？無毒答曰：三海之內，是大地獄，其數百千，各各差別。所謂大者具有十八，次有五百，苦毒無量。次有千百，亦無量苦。

- *Thánh nữ hựu vấn quỷ vương Vô Độc viết: Địa ngục hà tại? Vô Độc đáp viết: Tam hải chi nội, thị đại địa*

*ngục, kỳ số bá thiên, các các sai biệt. Sở vị đại giả cụ hữu thập bát, thứ hữu ngũ bá, khổ độ vô lượng. Thứ hữu thiên bá, diệc vô lượng khổ.*

## Việt dịch

Thánh nữ lại hỏi quý vương Vô Độc: “Địa ngục ở đâu?”  
 Vô Độc đáp: “Trong ba vùng biển là đại địa ngục, số lượng đến trăm ngàn, mỗi nơi đều khác biệt. Kể ra địa ngục lớn thì có 18 ngục, nhỏ hơn một chút có 500 ngục, khổ nào tàn độ vô lượng. Nhỏ hơn nữa thì có đến trăm ngàn địa ngục, cũng khổ nào vô lượng.”

## Giải thích

Thánh nữ lại hỏi quý vương Vô Độc: “Ông nói trong núi Thiết Vi thật có địa ngục, vậy hiện nay địa ngục ấy ở chỗ nào?”

Vô Độc trả lời: “Trong ba vùng biển này đều là đại địa ngục, số lượng nhiều đến mấy trăm mấy ngàn. Trong số mấy trăm mấy ngàn địa ngục đó, hết thấy đều không giống nhau, mỗi một địa ngục đều có cách thức hình dạng khác biệt. Nói về các địa ngục lớn nhất thì có 18 tầng, nhỏ hơn một chút có 500 tầng, trong đó [tội nhân] phải chịu những khổ nạn đau đớn tàn độ cùng với hình phạt cực độ, không thể nói hết. Lại nhỏ hơn một chút nữa thì có đến hàng trăm ngàn địa ngục, cũng có những sự đau đớn khổ sở không thể nói hết.

## Thích nghĩa

Theo trong kinh luận thì địa ngục có thể phân chia tổng quát thành ba loại bao gồm tất cả. Một là địa ngục nóng

(nhiệt ngục), hai là địa ngục lạnh (hàn ngục), ba là địa ngục ở các vùng ven biên (biên ngục).

*Nhiệt ngục* có tám tầng ngục, xếp thành nhiều tầng ở bên dưới đáy biển của cõi Diêm-phù-đề. Hàn ngục cũng có tám tầng, nằm trên vùng dưới chân núi Thiết Vi. Biên ngục phân chia thành ba nơi là ở trong vùng núi, trong vùng nước và trong vùng đồng trống.

Mười tám đại địa ngục thì có 8 địa ngục nóng, 8 địa ngục lạnh, một địa ngục chính và một địa ngục ven biên. Theo kinh Thập bát nê-lê thì tầng địa ngục thứ nhất là Quang Tụ Cư (光就居), trong đó tội nhân vừa gặp nhau liền xông vào đánh nhau kịch liệt. Tội nhân tuy bị sát thương nhưng không thể chết, đời sống lại kéo dài hết sức, một ngày ở đây dài bằng 3.750 năm ở cõi người. (Ba mươi ngày là một tháng, 12 tháng là một năm. Trải qua 10.000 năm chịu tội thì bằng ở cõi người là 13.500.000.000 năm.)<sup>1</sup> Mười bảy tầng địa ngục bên dưới, cứ xuống mỗi một tầng thì sự khổ não cùng với thời gian chịu tội lại tăng lên gấp 20 lần so với tầng trước đó.

Tầng địa ngục thứ hai tên là Cư Hư Thối Lược (居虛倖略), trong ngục mỗi một loại khổ não đều tương đương với 20 loại khổ não ở tầng thứ nhất. Tầng địa ngục thứ ba tên là Tang Cư Đô (桑居都), tầng địa ngục thứ tư tên là Lô (樓), tầng địa ngục thứ năm tên là Phòng Tốt (房卒), tầng địa

<sup>1</sup> Theo tính toán ở đây thì một năm ở địa ngục này là 3750 (năm) x 360 (ngày) bằng 1.350.000 năm ở cõi người. Tội nhân ở đây phải chịu tội đến một vạn năm (10.000), tức là 1.350.000 x 10.000 bằng 13.500.000.000 năm ở cõi người. Nhưng trong bản Hán văn ghi 一百三十五億歲 (nhất bách tam thập ngũ ức tuế) thì chỉ là 13.500.000 năm. Chúng tôi ngờ có một chữ thiên bị sót, phải là 一百三十五千億歲 (nhất bách tam thập ngũ thiên ức tuế) thì mới đúng. Chỗ sai này xuất phát từ kinh Phật thuyết Thập bát nê-lê (佛說十八泥犁經) do ngài An Thế Cao dịch sang chữ Hán (Đại Chánh Tạng, Tập 17, kinh số 731, bắt đầu từ trang 528, tờ b, dòng 11), ở đây trích lại cũng sai theo.

ngục thứ sáu tên là Thảo Ô Tì Thứ (草烏卑次), tầng địa ngục thứ bảy tên là Đô Lô Nan Đán (都盧難旦), tầng địa ngục thứ tám tên là Bất Lô Bán Hô (不盧半呼), tầng địa ngục thứ chín tên là Ô Cảnh Đô (烏竟都), tầng địa ngục thứ mười tên là Nê Lô Đô (泥盧都), tầng địa ngục thứ mười một tên là Ô Lược (烏略), tầng địa ngục thứ mười hai tên là Ô Mãn (烏滿), tầng địa ngục thứ mười ba tên là Ô Tạ (烏藉), tầng địa ngục thứ mười bốn tên là Ô Hô (烏呼), tầng địa ngục thứ mười lăm tên là Tu Kiện Cư (須健居), tầng địa ngục thứ mười sáu tên là Mạt Đô Can Trục Hô (末都干直呼), tầng địa ngục thứ mười bảy tên là Khu Bô Đồ (區逋塗), tầng địa ngục thứ mười tám tên là Trầm Mạc (沈莫).<sup>1</sup>

Trong 18 tầng địa ngục này, mỗi tầng lại phân biệt thành 18 cách thức [hành hình] khác nhau, từ địa ngục lạnh lẽo như băng giá cho đến địa ngục uống nước đồng sôi, tổng cộng có 324 cách thức hành hình.<sup>2</sup> Quỷ vương nói có trăm ngàn cách là nói ước lượng tổng quát.

Nói chung, địa ngục đều do nghiệp ác của người chiêu cảm mà thành. Con người có vô cùng vô tận những cách thức phạm tội ác khác nhau, do đó tự nhiên chiêu cảm cũng tạo thành vô cùng vô tận các dạng thức địa ngục khác nhau.

Việc chịu khổ trong địa ngục lớn hay nhỏ, nặng hay nhẹ, cũng y theo khi còn sống đã tạo những nghiệp ác lớn hay nhỏ, nặng hay nhẹ mà phân định.

<sup>1</sup> Bản Hán văn in sai thành chữ trần (陳). Chúng tôi căn cứ Từ điển Phật Quang (Hán ngữ) để sửa lại.

<sup>2</sup> Theo giải thích ở đây thì mỗi ngục có 18 cách hành hình nhân cho 18 địa ngục:  $18 \times 18 = 324$ . Bản Hán văn chép sai là 三百四十二 隔 (tam bách tứ thập nhị cách), hiểu là 342 cách hành hình. Đúng ra phải là 三百二十四 隔 (tam bách nhị thập tứ cách).

## Kinh văn

聖女又問大鬼王曰：我母死來未久，不知魂神當至何趣？鬼王問聖女曰：菩薩之母在生習何行業？聖女答曰：我母邪見，譏毀三寶，設或暫信，旋又不敬。死雖日淺，未知生處。

- *Thánh nữ hựu vấn đại quỷ vương viết: Ngã mẫu tử lai vị cửu, bất tri hồn thân đương chí hà thú? Quỷ vương vấn thánh nữ viết: Bồ Tát chi mẫu tại sinh tập hà hành nghiệp? Thánh nữ đáp viết: Ngã mẫu tà kiến, ki hỷ Tam bảo, thiết hoặc tạm tín, toàn hựu bất kính. Tử tuy nhật tiên, vị tri sinh xứ.*

## Việt dịch

Thánh nữ lại hỏi quỷ vương: “Mẹ tôi chết chưa lâu, không biết thần thức hiện nay đã đến nơi nào?” Quỷ vương hỏi lại: “Không biết mẹ của Bồ Tát khi còn sống quen tạo những nghiệp gì?” Thánh nữ đáp: “Mẹ tôi tà kiến, khinh chê hủy báng Tam bảo. Ví như có lúc tạm tin nhận cũng hoàn toàn không kính trọng. Mẹ tôi chỉ vừa mới mất, chưa biết sinh về đâu.”

## Giải giải

Thánh nữ lại hỏi quỷ vương: “Mẹ tôi từ lúc chết đến nay chưa bao lâu, không biết thần thức của bà phải đến chốn nào chịu khổ?” Quỷ vương liền hỏi lại thánh nữ: “Mẹ của Bồ Tát lúc còn sống ở đời thường quen tạo tác những

ngiệp như thế nào?” Thánh nữ trả lời: “Mẹ tôi tin theo tà kiến, lại thường cười nhạo, hủy báng Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng-già. Ví như có lúc tạm thời tin nhận Tam bảo cũng không hoàn toàn đặt trọn niềm tin. Hiện tại bà chết đi chưa bao nhiêu ngày, tôi không biết được hiện giờ bà ở đâu.”

### Thích nghĩa

Thánh nữ đã biết được địa ngục là chốn này, thế nhưng vẫn còn chưa nhìn thấy mẹ mình, cho nên mới phải hỏi quý vương.

Thần thức con người sau khi chết không mất đi, tiếp tục lưu chuyển theo nghiệp lực.

“Hành nghiệp” của một người là nói khuynh hướng hành động, tạo nghiệp thiện hay ác của người đó. Làm việc lành như thế nào thì được quả lành như thế ấy, tạo nghiệp ác như thế nào thì phải chịu quả báo ác như thế ấy. Báo ứng rõ ràng sáng tỏ, không mảy may sai lệch. Cho nên quý vương trước tiên phải hỏi rõ ràng về “hành nghiệp” của người mẹ thánh nữ, như vậy mới dễ tìm kiếm.

Tam bảo chỉ Phật, Pháp và Tăng-già. Hình tướng trang nghiêm của Phật đều là Phật bảo. Giáo pháp của cả ba thừa đều là Pháp bảo. Các vị xuất gia tu hành là Tăng bảo.

### Kinh văn

無毒問曰：菩薩之母，姓氏何等？聖女答曰：我父我母俱婆羅門種。父號尸羅善現，母號悅帝利。

- *Vô Độc* vấn viết: *Bồ Tát chi mẫu, tính thị hà đẳng? Thánh nữ đáp viết: Ngã phụ ngã mẫu câu bà-la-môn chủng. Phụ hiệu Thi-la Thiện Hiện, mẫu hiệu Duyệt-đế-lợi.*

## Việt dịch

**Vô Độc** liền hỏi: “**Mẹ của Bồ Tát tên họ là gì?**” **Thánh nữ** **đáp:** “**Cha mẹ tôi đều thuộc dòng tộc bà-la-môn. Cha tôi tên là Thi-la Thiện Hiện, mẹ tôi tên Duyệt-đế-lợi.**”

## Giải thích

Vô Độc lại hỏi thánh nữ: “Mẹ của Bồ Tát tên họ gì, thuộc chủng tộc, đẳng cấp nào?” Thánh nữ trả lời: “Cha tôi và mẹ tôi đều thuộc chủng tộc bà-la-môn, cha tôi tên là Thi-la Thiện Hiện, mẹ tôi tên Duyệt-đế-lợi.”

## Thích nghĩa

Thời cổ đại, dòng họ được phân chia rõ rệt. Dòng họ [người chồng] để gọi người phụ nữ là biểu thị người ấy đã kết hôn. Dòng dòng tộc để phân biệt sang quý với nghèo hèn. Kể sang quý mới nói đến dòng tộc, người nghèo hèn chỉ dùng tên để gọi, không nhắc đến dòng tộc.

Ấn Độ có bốn chủng tộc là sát-đế-lợi, bà-la-môn, phệ-xá và thủ-đà-la.

Tên Thi-la là phiên âm Phạn ngữ, dịch nghĩa là “tính thiện”, ý nói ưa làm theo đường lành. Thiện Hiện là tiếng Trung Hoa. Tên gọi này tuy tốt đẹp, nhưng người lại có tâm không tốt, luôn bám chấp tà kiến hủy báng chánh đạo.

Quý vương hỏi rõ ràng về hành nghiệp, lại hỏi thêm về tên họ, chủng tộc, như vậy tất nhiên việc tìm kiếm càng thêm dễ dàng.



## Kinh văn

無毒合掌啟菩薩曰：願聖者卻返本處，無至憂憶悲戀。悅帝利罪女生天以來，經今三日。云承孝順之子，為母設供修福，布施覺華定自在王如來塔寺。非唯菩薩之母得脫地獄，應是無間罪人，此日悉得受樂，俱同生訖。鬼王言畢，合掌而退。

- Vô Độc hợp chưởng khải Bồ Tát viết: Nguyên thánh gia khước phản bản xứ, vô chí ưu ức bi luyến. Duyệt-đế-lợi tội nữ sinh thiên dĩ lai, kinh kim tam nhật. Vân thừa hiếu thuận chi tử, vi mẫu thiết cung tu phúc, bố thí Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tự. Phi duy Bồ Tát chi mẫu đắc thoát địa ngục, ứng thị Vô Gian tội nhân, thử nhật tất đắc thụ lạc, câu đồng sinh ngật. Quỷ vương ngôn tất, hợp chưởng nhi thôi.

## Việt dịch

Vô Độc chắp tay thưa với Bồ Tát: “Xin thánh nữ quay về, không cần lo nghĩ, thương nhớ. Nữ tội nhân Duyệt-đế-lợi được sinh về cõi trời trước đây ba ngày rồi, là nhờ có người con hiếu thảo, vì mẹ lễ cúng tu phúc, cúng dường nơi chùa tháp thờ đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Không chỉ riêng mẹ của Bồ Tát được thoát khỏi địa ngục, mà tội nhân trong địa ngục Vô Gian ngày hôm đó cũng được mừng vui, tất cả cùng được sinh về cõi trời.” Quỷ vương nói rồi chắp tay cáo từ.

## Giải giải

Quý vương Vô Độc chấp tay báo với Bồ Tát rằng: “Xin thánh nữ quay về, không cần phải quá lo âu sầu khổ mong nhớ mẫu thân, cũng không cần phải buồn thương lưu luyến. Mẹ ngài là nữ tội nhân Duyệt-đế-lợi đã được thoát khỏi địa ngục, sinh về cõi trời cách đây ba hôm rồi. Cõi trời có tin xuống rằng, nhờ công đức của người con gái hiếu thuận đã vì mẹ lễ cúng tu phước, cúng dường của tháp thờ đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Không chỉ mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục, mà những tội nhân đang chịu khổ trong địa ngục Vô Gian vào ngày hôm đó cũng đều được vui sướng khoái lạc, được sinh về cõi trời cùng với mẹ ngài.” Quý vương nói rồi thì chấp tay cáo từ.

## Thích nghĩa

Quý vương ban đầu không biết người này là ai, đến khi vừa nghe tên nữ tội nhân Duyệt-đế-lợi thì biết ngay đây là người con gái đại hiếu, cho nên mới chấp tay cung kính. Vì người con gái hiếu thuận có lòng đại hiếu nên tự nhiên cảm động đến Phật, cảm động đến cõi trời, cho nên cõi trời mới có tin xuống, bảo rằng mẹ của thánh nữ được sinh về cõi trời, cùng với những tội nhân trong địa ngục ấy cũng được sinh về cõi trời.

Quý vị nghĩ xem như vậy thì công đức hiếu thuận có phải rất to lớn hay không? Do đây mà người xưa có nói: *“Hạnh hiếu đứng đầu trăm hạnh.”*

Nói chung là người con hiếu trước hết phải tùy thuận tâm ý cha mẹ, lại phải phụng dưỡng cha mẹ thật tốt, khiến cho cha mẹ trong lòng luôn được vui vẻ, khoan khoái.

Người con gái hiếu thuận này, trước hết khuyên mẹ tin theo Chánh đạo, sau đó nhớ tưởng mẹ, vì mẹ làm việc cúng

dường bố thí, cuối cùng cứu mẹ thoát khổ sinh về cõi trời. Tấm lòng hiếu thuận lớn lao như vậy, từ xưa đến nay thật chưa từng có.

## Kinh văn

婆羅門女尋如夢歸。悟此事已，便於覺華定自在王如來塔像之前，立弘誓願：願我盡未來劫，應有罪苦眾生廣設方便，使令解脫。

- *Bà-la-môn nữ tâm như mộng quy. Ngộ thủ sự dĩ, tiện ư Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tượng chi tiền, lập hoàng thệ nguyện: Nguyện ngã tận vị lai kiếp, ứng hữu tội khổ chúng sinh quảng thiết phương tiện, sử linh giải thoát.*

## Việt dịch

**Cô gái bà-la-môn bỗng như trong mộng chợt tỉnh. Biết rõ sự việc rồi, liền đến trước tượng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương trong tháp, lập thệ nguyện lớn lao rằng: “Nguyện con từ nay đến vô số kiếp trong tương lai, có bao nhiêu chúng sinh đang chịu tội khổ đều rộng bày phương tiện khiến cho được giải thoát.”**

## Giảng giải

Cô gái bà-la-môn hốt nhiên như người nằm mộng chợt tỉnh lại. Cô biết được sự việc rồi liền đến trước tượng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương trong tháp, lập thệ nguyện lớn lao rằng: “Con nguyện từ nay đến vô số kiếp

trong tương lai, vì những chúng sinh đáng phải chịu quả báo tội khổ mà rộng bày nhiều phương pháp thuận tiện, giúp họ được giải thoát khỏi những cảnh khổ mà họ lẽ ra phải nhận chịu.”

## Thích nghĩa

Nguyên bản dùng chữ “*tâm*” (尋) nghĩa là trong chốc lát ngăn ngủi. Nhân vì người con gái hiếu thảo này đang ngồi ngay ngăn trong nhà mình, niệm Phật đi vào định. Trong thoáng chốc ngăn ngủi liền giống như người nằm mộng tỉnh dậy, nhận biết được lẽ nhân quả báo ứng, biết được về biển nghiệp, về địa ngục... đủ mọi chuyện như vậy. Cho nên cô lập tức phát khởi tâm đạo.

Cô trở lại nơi tháp Phật, đối trước hình tượng đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương, lập thệ nguyện lớn lao, tự nguyện trong vô số kiếp tương lai sẽ bày ra những pháp môn phương tiện, cứu vớt hết tất cả những chúng sinh đang chịu khổ, sau đó tự mình mới thành Phật. Đó là để báo đáp ân đức lớn lao của đức Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương đã cứu mẹ cô thoát khổ sinh về cõi trời.

## Kinh văn

佛告文殊師利：時鬼王無毒者，當今財首菩薩是。婆羅門女者，即地藏菩薩是。

- *Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Thời quý vương Vô Độc giả, đương kim Tài Thủ Bồ Tát thị. Bà-la-môn nữ giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.*

## Việt dịch

**Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Quý vương Vô Độc thuở ấy nay là Bồ Tát Tài Thủ. Cô gái bà-la-môn kia chính là Bồ Tát Địa Tạng.”**

## Giải thích

Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Quý vương Vô Độc vào thuở ấy, hiện nay là Bồ Tát Tài Thủ. Cô gái bà-la-môn kia, hiện nay chính là Bồ Tát Địa Tạng.”

## Thích nghĩa

Trước đây nhân việc ngài Văn-thù-sư-lợi thưa thỉnh về nhân duyên tu tập của Bồ Tát Địa Tạng, cho nên đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới nói ra đoạn kinh này về Bồ Tát Địa Tạng lúc chưa thành đạo, thực sự thực hành hiếu hạnh, để giúp cho tất cả chúng sinh biết rộng tu công đức hiếu hạnh, cùng với đủ mọi phương pháp thực hành hiếu đạo.

“Địa” (đất) là chỗ nương dựa của muôn vật, “hiếu” là điều giúp muôn người được lợi ích, bất kể giàu sang hay nghèo hèn, có thể thực hành đạo hiếu cũng giống như có thể tích chứa tiền tài trân bảo, phúc đức của người hiếu hạnh không bao giờ dùng hết. Có thể biết được rằng, hai chữ “*địa tạng*” cũng là dựa theo hiếu thuận mà đặt tên.

Về danh hiệu Tài Thủ, *tài* được mọi người trân quý, *thủ* là nói trong muôn hạnh lấy bố thí làm đầu. Tự mình có sở hữu tiền tài thì mới có thể mang ra bố thí, nên so sánh việc rộng làm hiếu đạo cũng giống như người tích chứa tiền tài trân bảo, còn việc rộng độ chúng sinh cũng giống như mang ra bố thí rộng khắp.



# PHẨM THỨ HAI

## Kinh văn

### 分身集會品第二

- *Phân Thân Tập Hội Phẩm Đệ Nhị*

## Việt dịch

### Phẩm thứ hai: Phân Thân Bồ Tát Cùng Tụ Hợp

## Giảng giải

Trong các thế giới có địa ngục, hết thấy những phân thân của Bồ Tát Địa Tạng đều đáp ứng sự triệu tập, cùng tụ hợp đến thành tựu pháp hội. Đây là phẩm thứ hai của kinh này.

## Thích nghĩa

Nhân vì phẩm trước, đức Phật đã nói ra nhân duyên tu tập đủ mọi sự hiếu thuận của Bồ Tát Địa Tạng trong quá khứ, nên giờ [các phân thân của Bồ Tát] liền tụ hợp lại để tự mình chứng minh hết thấy những việc đó.

Phân thân là nói Bồ Tát trong lúc tu tập công đức, ứng hợp với cơ duyên của chúng sinh mà hóa hiện. Bồ Tát có thể từ một thân hóa hiện ra vô cùng vô tận các phân thân, giống như vàng trắng giữa trời cao phản chiếu hình ảnh vào trong nước [ở khắp mọi nơi].

Lúc này, Bồ Tát Địa Tạng đưa các phân thân của ngài ở khắp nơi cùng về tụ tập nơi cung trời Đao-lợi đánh lễ Phật, tuy là để làm việc chứng minh sự thật nhưng cũng là đặc biệt nhận lãnh những lời dạy dỗ giao phó của đức Như Lai.

### **Kinh văn**

爾時，百千萬億不可思不可議不可量  
不可說無量阿僧祇世界，所有地獄處  
分身地藏菩薩俱來集在忉利天宮。

- *Nhĩ thời, bá thiên vạn ức bất khả tư bất khả nghị bất khả lượng bất khả thuyết vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, sở hữu địa ngục xứ phân thân Địa Tạng Bồ Tát câu lai tập tại Đao-lợi thiên cung.*

### **Viết dịch**

Lúc bấy giờ, ở trong trăm ngàn muôn ức số lượng không thể nghĩ, không thể bàn, không thể đo lường, không thể nói hết vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, có bao nhiêu phân thân của Bồ Tát Địa Tạng trong tất cả các địa ngục đều tụ hội về cung trời Đao-lợi.

### **Giải thích**

Khi ấy có vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, không thể nghĩ tưởng biết được, không thể bàn luận hiểu được, không thể đo lường tính toán, không thể nói hết, trong đó có bao nhiêu địa ngục, mỗi nơi đều có phân thân của Bồ Tát Địa Tạng, cùng nhau tụ họp về cung trời Đao-lợi.



## Thích nghĩa

Con số ức có bốn cấp độ, mười muôn là một ức, hoặc trăm muôn là một ức, hoặc ngàn muôn là một ức, hoặc muôn muôn là một ức. Hiện lấy cả bốn số trăm, ngàn, muôn, ức liệt kê ra cả, đó là chỉ rõ muốn dùng số muôn muôn là một ức.

Cũng giống như những số lượng đó, muốn tính toán đã không thể rõ ràng, huống chi lại còn tăng thêm hình dung không thể nghĩ bàn, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, trong mỗi địa ngục đều có một phân thân, hết thấy đều tụ hội? Như thế có thể biết rằng, thế giới đã khó đo lường, thì số địa ngục trong đó cũng như số lượng phân thân của Bồ Tát làm sao có thể tính toán được?

## Kinh văn

以如來神力故，各以方面，與諸得解脫從業道出者，亦各有千萬億那由他數，共持香華來供養佛。彼諸同來等輩，皆因地藏菩薩教化，永不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

- *Dĩ Như Lai thân lực cố, các dĩ phương diện, dĩ chư đắc giải thoát từ nghiệp đạo xuất giả, diệt các hữu thiên vạn ức na-do-tha số, cộng trì hương hoa lai cúng dường Phật. Bỉ chư đồng lai đẳng bối, giai nhân Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, vĩnh bất thoái chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*

## Việt dịch

Nhờ thần lực của đức Như Lai, mỗi vị phân thân đều từ chỗ của mình, cùng với những người được giải thoát từ nghiệp đạo, cũng nhiều đến số ngàn muôn ức na-do-tha, cùng mang hương hoa đến cúng dường Phật. Những người cùng đi đến đều là nhờ sự giáo hóa của Bồ Tát Địa Tạng nên vĩnh viễn không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

## Giảng giải

Do nhân duyên đức Như Lai có đủ oai lực thần thông phổ biến khắp nơi, nên có thể khiến cho các vị Bồ Tát ở khắp các xứ sở cùng với đại chúng các vị đã được giải thoát, đại chúng đã thoát ra từ các nghiệp đạo, hết thảy đều tụ họp lại, hết thảy số lượng lên đến ngàn muôn ức na-do-tha, đều mang theo hương hoa đến cúng dường Phật. Tất cả những người cùng đi đến với Bồ Tát Địa Tạng đó, đều là nhờ sự giáo hóa của Bồ Tát Địa Tạng nên vĩnh viễn không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

## Thích nghĩa

Sự giải thoát có phân biệt đại giải thoát và tiểu giải thoát. Những vị đạt được giải thoát không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đều là đại giải thoát.

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là phiên âm từ tiếng Phạn. Dịch sang tiếng Trung quốc thì *a* là chữ *vô* (không), ba chữ *nậu-đa-la* là *thượng* (trên), chữ *tam* là *chính*, chữ *miệu* là *đẳng*, hai chữ *bồ-đề* là *giác*. Hợp tất cả lại là *Vô thượng Chính đẳng Chính giác*.

Chính đấng là không tà vạy, không thiên lệch. Giác là giác ngộ. Có thể giác ngộ không tà vạy, không thiên lệch, đó là đầy đủ trí tuệ Phật.

### Kinh văn

是諸眾等，久遠劫來流浪生死，六道受苦，暫無休息。以地藏菩薩廣大慈悲，深誓願故，各獲果證。既至忉利，心懷踊躍，瞻仰如來，目不暫捨。

- *Thị chư chúng đấng, cứu viễn kiếp lai lưu lãng sinh tử, lục đạo thụ khổ, tạm vô hưu tức. Dĩ Địa Tạng Bồ Tát quảng đại từ bi, thâm thệ nguyện cố, các hoạch quả chứng. Ký chí Dao-lợi, tâm hoài dũng dục, chiêm ngưỡng Như Lai, mục bất tạm xả.*

### Việt dịch

Hết thầy đại chúng này, từ nhiều kiếp lâu xa trôi giạt trong sinh tử luân hồi, không ngừng chịu khổ trong sáu đường. Nhờ lòng từ bi rộng lớn và thệ nguyện sâu xa của Bồ Tát Địa Tạng nên mỗi người đều được chứng quả. Khi đến cung trời Dao-lợi rồi, lòng họ vô cùng phấn chấn, chăm chú chiêm ngưỡng đức Như Lai không hề rời mắt.

### Giải thích

Những vị trong đại chúng này, từ những kiếp số lâu xa đến nay đắm chìm trong biển sinh tử, tùy theo nghiệp lực mà trôi giạt lưu chuyển, chịu khổ trong sáu đường luân hồi không lúc nào được tạm dừng. Nhờ nơi nhân duyên Bồ

Tát Địa Tạng có tâm từ bi rộng lớn, thệ nguyện thâm sâu, nên mỗi vị trong số họ đều chứng đắc được quả vị. Khi họ đã đến cung trời Đao-lợi rồi, trong tâm khởi sinh sự hoan hỷ, vui mừng phấn chấn, hết lòng cung kính hướng về đức Như Lai mà chiêm ngưỡng, ánh mắt không một lúc nào tạm rời đi.

### Thích nghĩa

Nói về sóng nghiệp, đã có biển sinh tử thì tự nhiên có sóng nghiệp, chúng sinh trong đó chợt sống chợt chết, cùng trong biển lớn mà sóng nơi cao nơi thấp, chúng sinh kẻ chìm người nổi không giống nhau. Con người nếu không đạt được giải thoát thì mãi mãi ở trong biển sinh tử, tùy sóng nghiệp mà lưu chuyển.

Quý vị muốn được giải thoát, không tùy sóng nghiệp lưu chuyển, thì phải y theo lời răn dạy của Bồ Tát Địa Tạng, được nương nhờ thệ nguyện lớn lao của Bồ Tát sẽ tu thành quả Phật giống như ngài.

### Kinh văn

爾時世尊舒金色臂摩百千萬億不可思  
不可議不可量不可說無量阿僧祇世界  
諸分身地藏菩薩摩訶薩頂，而作是  
言：吾於五濁惡世，教化如是剛強眾  
生，令心調伏，捨邪歸正。十有一二，  
尚惡習在。

- *Nhĩ thời Thế Tôn thư kim sắc tí ma bá thiên vạn ức bất khả tư bất khả nghị bất khả lượng bất khả thuyết*

*vô lượng a-tăng-kì thế giới chư phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát đỉnh, nhi tác thị ngôn: Ngô ư ngũ trước ác thế, giáo hoá như thị cương cường chúng sinh, linh tâm điều phục, xả tà quy chính. Thập hữu nhất nhị, thượng ác tập tại.*

## Việt dịch

**Bấy giờ, đức Thế Tôn duỗi cánh tay có màu vàng ròng xoa đầu tất cả các vị phân thân của Đại Bồ Tát Địa Tạng trong trăm ngàn muôn ức không thể nghĩ bàn, không thể tính lường, không thể nói hết vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, rồi nói rằng: “Ta ở trong đời xấu ác có năm sự uest trước, giáo hóa những chúng sinh cứng đầu khó dạy như vậy, khiến tâm họ được điều phục, bỏ nẻo tà, về đường chánh. Nhưng trong mười phần còn lại một, hai, vẫn còn giữ tập khí xấu ác.”**

## Giải thích

Vào lúc ấy, đức Thế Tôn duỗi ra rất nhiều cánh tay có màu vàng ròng, xoa trên đỉnh đầu tất cả các vị phân thân của Bồ Tát Địa Tạng trong trăm ngàn muôn ức, không thể nghĩ bàn, không thể tính lường, không thể nói hết a-tăng-kỳ thế giới, rồi nói rằng: “Ta ở trong đời xấu ác có năm sự uest trước, giáo hóa những chúng sinh cứng đầu khó dạy như thế, khiến cho những kẻ ương ngạnh xấu ác đều được điều phục, buông bỏ tà đạo, quay về nương theo chánh pháp. Thế nhưng trong mười phần cũng còn lại một, hai phần vẫn giữ tập quán xấu ác.”

## Thích nghĩa

[Phật] duỗi [tay] ra là hàm nghĩa mở rộng, khai hóa. Phật có thần lực chuyển biến của Như ý thông, nên có thể

dùng một cánh tay mấu-đà-la, một bàn tay đầu-la-miên, biến hóa thành vô số, có thể xoa đỉnh đầu của vô số không thể nói hết các phân thân Bồ Tát Địa Tạng, trực tiếp ủy lạo, an ủi từng vị, đó cũng là an ủi chúng sinh chúng ta.

Đức Thế Tôn có đủ trí tuệ, đại bi, nên có thể thiết lập các phương pháp điều phục những chúng sinh cứng đầu khó dạy. Phật dùng giới luật điều phục thân của chúng ta; dùng định tuệ điều phục tâm của chúng ta. Thân tâm đã được điều phục, tự nhiên có thể bỏ tà theo chánh.

Thế nhưng vẫn còn một, hai phần là những người chưa trừ dứt được tập khí xấu ác, nên Phật khuyên Bồ Tát Địa Tạng hãy làm giống như ngài, thiết lập đủ mọi phương tiện, điều phục những người ấy, độ thoát những người ấy.

### Kinh văn

吾亦分身千百億，廣設方便。或有利根，聞即信受。或有善果，勤勸成就。或有暗鈍，久化方歸。或有業重，不生敬仰。如是等輩眾生，各各差別，分身度脫。或現男子身，或現女人身，或現天龍身，或現神鬼身，或現山林川原河池泉井，利及於人，悉皆度脫。或現天帝身，或現梵王身，或現轉輪王身，或現居士身，或現國王身，或現宰輔身，或現官屬身，或現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷

身，乃至聲聞、羅漢、辟支佛、菩薩等身，而以化度。非但佛身獨現其前。

- *Ngô diệp phân thân thiên bá ức, quảng thiết phương tiện. Hoặ hữu lợi căn, văn túc tín thụ. Hoặ hữu thiện quả, căn khuyến thành tựu. Hoặ hữu ám độn, cứu hoá phương quy. Hoặ hữu nghiệp trọng, bất sinh kính ngưỡng. Như thị đẳng bối chúng sinh, các các sai biệt, phân thân độ thoát. Hoặ hiện nam tử thân, hoặ hiện nữ nhân thân, hoặ hiện thiên long thân, hoặ hiện thần quỷ thân, hoặ hiện sơn lâm xuyên nguyên hà trì toàn đản, lợi cập ư nhân, tất giai độ thoát. Hoặ hiện Thiên đế thân, hoặ hiện Phạm vương thân, hoặ hiện Chuyển luân vương thân, hoặ hiện cư sĩ thân, hoặ hiện quốc vương thân, hoặ hiện tế phụ thân, hoặ hiện quan thuộc thân, hoặ hiện tử-khâu, tử-khâu ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân, nãi chí Thanh văn, La-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát đẳng thân, nhi dĩ hóa độ. Phi đản Phật thân độc hiện kì tiền.*

### Việt dịch

“Như Lai cũng phân thân trăm ngàn muôn ức, rộng bày nhiều phương tiện. Hoặ có những người căn tánh nhanh nhạy, nghe qua liền tin nhận. Hoặ có những người đã sẵn quả lành, thường khuyên bảo khuyến khích liền được thành tựu. Hoặ có những người tối tăm ngu độn, dạy dỗ lâu ngày mới chịu nghe theo. Hoặ có những người nghiệp chướng nặng nề, không sinh lòng kính ngưỡng. Hết thấy những chúng sinh như vậy, mỗi hạng đều khác biệt, [Như Lai đều] phân thân độ thoát. Hoặ hiện thân

**nam, hoặc hiện thân nữ, hoặc hiện thân trời rồng, hoặc hiện thân quỷ thần, hoặc hiện thành núi rừng, nguồn nước, đồng bằng, sông, hồ, suối, giếng... làm lợi ích cho mọi người, rồi [khiến cho] tất cả đều được độ thoát. Hoặc hiện thân Thiên đế, hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Chuyển luân vương, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân quốc vương, hoặc hiện thân tể tướng, hoặc hiện thân quan thuộc, hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cho đến hiện các thân Thanh văn, La-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát để hóa độ, không chỉ duy nhất hiện ra thân Phật trước mắt chúng sinh.”**

### **Giảng giải**

[Ngày Bồ Tát Địa Tạng,] không chỉ Như Lai khuyên ông phân thân cứu độ, mà chính Như Lai xưa nay cũng phân thân trăm ngàn muôn ức, rộng bày nhiều phương tiện pháp môn để cứu độ [chúng sinh]. Hoặc có những chúng sinh căn tánh lạnh lợi, mẫn tiệp, vừa thuyết pháp cho họ nghe xong, họ tức thời tin nhận. Hoặc có những người sẵn có quả lành, Như Lai ân cần khuyên dạy khuyến khích, họ liền thành tựu. Hoặc có người căn tánh si mê tăm tối, Như Lai dùng đến sự nhẫn nại lâu dài, nghĩ ra phương cách để cảm hóa họ, khiến họ quay về nương theo chánh đạo. Hoặc có những người nghiệp chướng sâu nặng, không sinh tâm kính ngưỡng [Tam bảo]. Hết thấy thấy những chúng sinh như thế, mỗi hạng đều khác biệt nhau, Như Lai cũng đều phân thân độ thoát tất cả. Hoặc hiện ra thân nam, hoặc hiện ra thân nữ, hoặc hiện ra thân trời rồng, hoặc hiện ra thân quỷ thần, hoặc hiện ra hình tượng núi rừng, nguồn nước, đồng bằng, sông, hồ, suối, giếng... đều để làm lợi ích hết thấy chúng sinh, âm thầm đứng sau mà khiến cho tất cả đều được độ thoát. Hoặc hiện ra thân Đế Thích, thân Bồ



Tát, để chuyển hóa cứu độ chúng sinh, không chỉ duy nhất có thân Phật hiện ra trước mắt chúng sinh.

## Thích nghĩa

Pháp tánh của Phật là không lay động, nay nhân vì muốn độ thoát chúng sinh nên tự nhiên phải phân thân hiện khắp, uyển chuyển phù hợp với những căn tánh khác biệt nhau [của chúng sinh]. Bất kể là những loài căn tánh lạnh lợi như *thai sinh*, *hóa sinh*; căn tánh ám độn như *thấp sinh*, *noãn sinh*,<sup>1</sup> Như Lai đều dùng biện tài thuyết dạy đủ mọi pháp để cảm hóa, khai thị. Thậm chí còn hóa hiện vào các cảnh giới xấu ác như súc sinh, địa ngục để giáo hóa, hơn nữa còn tự nguyện thay chúng sinh chịu khổ.

Như Lai cũng hóa hiện thành núi cao để giúp người ở nơi đó an ổn tu dưỡng đạo hạnh, hóa hiện các dược liệu để giúp người trị dứt bệnh khổ, hóa hiện thành dòng nước lớn khiến trời nắng lâu không khô cạn, hóa hiện nơi bằng phẳng cao ráo làm huyết địa chôn cất người đức độ, hóa hiện thành sông, hồ là lợi ích chúng sinh.

Thiên đế, tức Thích-đề-hoàn-nhân, là chủ tể cõi địa giới. Phạm vương, ở cõi trời Sơ thiên, là bậc chủ tể cõi đại thiên. Chuyển luân thánh vương, phân chia thành các bậc Kim luân, Ngân luân, Đồng luân và Thiết luân, lác các vị chủ tể của bốn châu thiên hạ. Cư sĩ là người tự sống thanh tịnh, nói ra những lời thương yêu tốt đẹp. Quốc vương, tức là Túc giáo vương, là bậc chủ tể bên trong phạm vi phân chia lãnh thổ một nước. Tể phụ, tức Tể tướng, [quan đứng đầu triều đình,] là người làm chủ dân chúng. Quan thuộc, chỉ chung các hàng quan chức, mưu sĩ. Trên đây đều là

<sup>1</sup> Đây nói về tứ sinh, tức bốn cách sinh ra của chúng sinh: Thai sinh là sinh từ bào thai, hóa sinh là sinh ra do cách biến hóa, noãn sinh là sinh ra từ trứng, thấp sinh là sinh ra từ nhân duyên ở nơi ẩm ướt.

những người nghe đạo, Như Lai hoặc hiện Báo thân, hoặc hiện Ứng thân, đều vì họ thuyết pháp để họ được nghe.

Tiếp theo bên dưới là những hạng có căn cơ đạo pháp. Tỷ-khâu, hay tỷ-kheo, tức Tăng-già. Tỷ-khâu ni, hay tỷ-kheo ni, tức ni chúng. Ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, dịch sang Hán ngữ là cận sự nam, cận sự nữ, là hàng nam nữ hoan hỷ gần gũi Phật pháp. (Các danh xưng như Thanh văn v.v... mời xem lại phần trước.) Đúc Như Lai hóa hiện thành đồng hạng để chuyển hóa những người tu tập trong cùng hạng đó.

Nói tóm lại, đúc Thế Tôn không một nơi nào không vào, không một hình tướng nào không hóa hiện, cũng không một nơi nào không giáo hóa chúng sinh.

## Kinh văn

汝觀吾累劫勤苦，度脫如是等難化剛強罪苦眾生，其有未調伏者，隨業報應，若墮惡趣受大苦時，汝當憶念吾在忉利天宮殷勤付囑，令娑婆世界至彌勒出世已來眾生，悉使解脫，永離諸苦，遇佛授記！

- *Nhữ quán ngô lũy kiếp cần khổ, độ thoát như thị đẳng nan hóa cương cường tội khổ chúng sinh, kì hữu vị điều phục giả, tùy nghiệp báo ứng, nhược đọa ác thú thọ đại khổ thời, nữ đương ức niệm ngô tại Dao-lợi thiên cung ân cần phó chúc, linh Sa-bà thế giới chí Di-lặc xuất thế dĩ lai chúng sinh, tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký!*

## Việt dịch

“Bồ Tát Địa Tạng, ông hãy quán xét, Như Lai từ nhiều kiếp đã chuyên cần khổ nhọc độ thoát những chúng sinh tội khổ cứng đầu khó dạy như vậy. Trong số đó có những kẻ chưa được điều phục, phải theo nghiệp chịu báo ứng. Nếu họ đọa vào đường ác, trong lúc họ phải chịu đựng khổ não lớn lao, ông hãy nhớ lại đức Như Lai tại cung trời Đao-lợi [hôm nay] ân cần giao phó dặn dò, từ nay đến khi Phật Di-lặc ra đời, ông hãy làm cho chúng sinh trong thế giới Ta-bà đều được giải thoát, vĩnh viễn xa lìa khổ não, gặp Phật được thọ ký.”

## Giải thích

[Bồ Tát Địa Tạng,] ông hãy nhìn Như Lai trải qua rất nhiều kiếp, chuyên cần khổ hạnh khổ nhọc, độ thoát những chúng sinh như thế, những chúng sinh rất khó cảm hóa, tính tình cứng rắn ngang ngạnh, chuyên phạm vào tội lỗi rồi chịu khổ. Thế nhưng trong số đó cũng có một phần chưa được điều phục, đành phải theo tội nghiệp đã làm mà chịu báo ứng. Ví như những chúng sinh ấy đọa vào những chỗ xấu ác nơi địa ngục, trong lúc họ phải chịu khổ nạn nặng nề, ông nên nhớ lại ngày hôm nay tại cung trời Đao-lợi này, Như Lai ân cần giao phó, dặn dò ông. Từ nay đến ngày Phật Di-lặc ra đời, ông hãy làm cho hết thảy chúng sinh trong thế giới Ta-bà đều được giải thoát, vĩnh viễn lìa xa các loại khổ nạn, thẳng một đường tu tập đến khi được gặp Phật, được thọ ký.

## Thích nghĩa

Phật [Thích-ca Mâu-ni] từ vô lượng kiếp trong quá khứ, vì muốn cảm hóa những chúng sinh cứng đầu khó dạy, đã

từng xả bỏ vô số những vợ con, thành quách, đất nước, lại còn xả bỏ cả đầu, mắt, chân, tay, tủy, não trong thân thể, [ví như tích lũy lại, số lượng ấy còn] hơn cả núi cao, biển lớn. Ngài trải qua đủ mọi khổ hạnh như thế, không gì khác hơn là muốn điều phục những chúng sinh cứng đầu khó dạy, độ thoát những chúng sinh như chúng ta đang chịu khổ nạn. Thế nhưng vẫn còn một phần những chúng sinh do nghiệp chướng sâu nặng không chịu sinh lòng tin nhận, kính ngưỡng, vẫn giữ nguyên sự cứng đầu ương ngạnh, buông thả theo tập tính mà hành động, nên đành chỉ có thể tùy theo nghiệp ác đã tạo mà nhận chịu đủ mọi quả báo khổ não. [Phật dạy] Bồ Tát Địa Tạng: “Nếu nhìn thấy những chúng sinh ấy trong lúc phải chịu những nỗi đớn đau khổ não cực kỳ thì phải độ thoát những chúng sinh ấy, khiến cho hết thấy những chúng sinh ấy thấy đều chúng quả thành Phật. Đó là một trách nhiệm lớn lao, về sau ông hãy gánh vác.”

Về hai chữ thọ ký, Phật vì người khác nói ra gọi là *thọ*, nói cho biết trước một hạn kỳ gọi là *ký*. Ví như Phật bảo một người nào đó rằng vào ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, ông sẽ thành Phật. Đến ngày tháng năm ấy thì quả nhiên người ấy thành Phật, đó là thọ ký.

### **Kinh văn**

爾時，諸世界分身地藏菩薩共復一形，涕淚哀戀，白其佛言：我從久遠劫來，蒙佛接引，使獲不可思議神力，具大智慧。我所分身，遍滿百千萬億恒河沙世界。每一世界，化百千萬億

身。每一身，度百千萬億人，令歸敬三寶，永離生死至涅槃樂。但於佛法中所為善事，一毛一滲，一沙一塵，或毫髮許，我漸度脫，使獲大利。

- *Nhĩ thời, chư thế giới phân thân Địa Tạng Bồ Tát cộng phục nhất hình, thế lệ ai luyến, bạch kỳ Phật ngôn: Ngã từng cứu viễn kiếp lai, mônng Phật tiếp dẫn, sử hoạch bất khả tư nghị thân lực, cụ đại trí tuệ. Ngã sở phân thân, biến mãn bá thiên vạn ức hằng hà sa thế giới. Mỗi nhất thế giới, hóa bá thiên vạn ức thân. Mỗi nhất thân, độ bá thiên vạn ức nhân, linh quy kính tam bảo, vĩnh li sinh tử chí Niết-bàn lạc. Dẫn ư Phật pháp trung sở vi thiện sự, nhất mao nhất trích, nhất sa nhất trần, hoặc hào phát hứa, ngã tiêm độ thoát, sử hoạch đại lợi.*

## Việt dịch

Lúc bấy giờ, các phân thân của Bồ Tát Địa Tạng ở khắp các thế giới liền hợp lại thành một thân duy nhất, rơi lệ cảm mến bạch Phật rằng: “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, nhờ ơn Phật dẫn dắt, giúp cho con đạt được thân lực không thể nghĩ bàn, đầy đủ trí tuệ lớn lao. Những phân thân của con đã biến hóa đầy khắp các thế giới nhiều như số cát của trăm ngàn muôn ức con sông Hằng. Mỗi một thế giới đó, con biến hóa hiện ra trăm ngàn muôn ức phân thân. Mỗi một phân thân ấy hóa độ trăm ngàn muôn ức người, khiến cho quay về kính ngưỡng Tam bảo, vĩnh viễn lìa khỏi sinh tử, đạt đến niềm vui Niết-bàn.

**Chỉ cần [chúng sinh nào] ở trong pháp Phật làm được việc lành nhỏ nhặt như một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc rất nhỏ như sợi tóc, con đều sẽ dần dần độ thoát, khiến cho họ được lợi ích lớn lao.”**

### **Giảng giải**

Vào lúc ấy, những phân thân của Bồ Tát Địa Tạng nghe lời giao phó dặn dò của Phật thì tất cả liền hợp trở lại thành một thân duy nhất, rơi lệ cảm động, buồn thương lưu luyến, đối trước Phật thưa rằng: “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, nhờ được Phật dẫn dắt, khiến cho con có được thần thông pháp lực không thể nghĩ bàn, có được đầy đủ trí tuệ lớn lao. Những phân thân của con biến hóa đầy khắp trong các thế giới nhiều như số cát của trăm ngàn muôn ức con sông Hằng. Trong mỗi một thế giới đó, lại biến hóa ra trăm ngàn muôn ức phân thân, mỗi một phân thân ấy đều có thể độ thoát cho trăm ngàn muôn ức người, khiến cho rất nhiều người như vậy đều quy y, kính tin Tam bảo, vĩnh viễn thoát ly khổ nạn sinh tử, thẳng đường đạt đến niềm vui Niết-bàn. Chỉ cần có người ở trong pháp Phật làm được việc lành, bất kể là nhỏ nhoi như một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc chỉ là chút ít nhỏ nhặt như sợi tóc, con cũng sẽ dần dần độ thoát cho người ấy, khiến cho họ đạt được lợi ích hết sức lớn lao.”

### **Thích nghĩa**

Bồ Tát Địa Tạng nghe lời dặn dò giao phó của đức Thế Tôn, muốn ngài nhận lãnh gánh vác trách nhiệm quan trọng lớn lao, nhìn thấy trong sáu đường vẫn còn nhiều chúng sinh chịu khổ nên muốn ngài cứu giúp những chúng sinh ấy. Đức Thế Tôn đã dặn dò giáo phó rồi, ắt sẽ rời xa, nhìn việc hôm nay càng nhớ chuyện xưa, lại như người con

hiếu nhận lời di chúc [của cha], sao có thể không rơi lệ lưu luyến? Bồ Tát là bậc đại hiếu, đương nhiên sẽ nhẫn nại ở lại trong cõi đời uế trước, hóa hiện đủ mọi phân thân, vào trong các nẻo luân hồi cứu độ chúng sinh, lấy đó làm việc báo đáp ơn đức từ bi của Phật.

Chúng sinh trong địa ngục mà còn rộng đường cứu độ, khiến cho họ đạt đến niềm vui Niết-bàn, thì đối với những người chịu làm việc thiện, tự nhiên càng phải giúp cho họ sớm được gặp Phật thọ ký, được lợi ích lớn lao.

### Kinh văn

唯願世尊，不以後世惡業眾生為慮！  
 如是三白佛言：唯願世尊，不以後世  
 惡業眾生為慮！

- *Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sinh vi lự! Như thị tam bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sinh vi lự!*

### Việt dịch

“Kính mong đức Thế Tôn đừng vì những chúng sinh tạo ác nghiệp đời sau mà lo nghĩ!” Bồ Tát ba lần bạch Phật như vậy: “Kính mong đức Thế Tôn đừng vì những chúng sinh tạo ác nghiệp đời sau mà lo nghĩ!”

### Giảng giải

Bồ Tát sau khi nhận sự giao phó dặn dò liền đáp lời đức Phật: “Kính mong đức Thế Tôn không cần phải vì những chúng sinh đời sau tạo nhiều ác nghiệp như vậy mà

lo nghĩ!” Cùng một câu ấy, Bồ Tát thưa với Phật ba lần: “Kính mong đức Thế Tôn không cần phải vì những chúng sinh đời sau tạo nhiều ác nghiệp như vậy mà lo nghĩ!”

### Thích nghĩa

Bồ Tát muốn làm yên lòng Phật, không cần thiết phải lo nghĩ, đó là tỏ rõ ngài tự mình có đủ khả năng nhận lãnh gánh vác trách nhiệm lớn lao trọng đại như vậy. Liên tiếp ba lần thưa trước Phật, đó là tỏ rõ ngài đã có sự quyết tâm kiên định.

### Kinh văn

爾時，佛讚地藏菩薩言：善哉！善哉！吾助汝喜，汝能成就久遠劫來發弘誓願，廣度將畢，即證菩提。

- *Nhĩ thời, Phật tán Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Ngô trợ nhữ hỷ, nhữ năng thành tựu cứu viễn kiếp lai phát hoàng thệ nguyện, quảng độ tương tất, tức chúng bồ đề.*

### Việt dịch

Lúc bấy giờ, đức Phật ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng: “Lành thay! Lành thay! Ta tán trợ niềm vui của ông, ông đã có thể thành tựu tâm nguyện rộng lớn phát khởi từ nhiều kiếp lâu xa trước đây. Một khi việc rộng độ chúng sinh hoàn tất, ông sẽ chứng đắc quả vị Bồ-đề.”

### Giải thích

Vào lúc đó đức Phật ngợi khen tán thán Bồ Tát Địa Tạng, nói rằng: “Rất tốt! Rất tốt! Ta tán trợ ông, giúp ông



được hoan hỷ, giúp ông có thể thành tựu tâm nguyện rộng lớn mà ông đã phát khởi từ nhiều kiếp lâu xa trước đây. Đợi đến khi việc rộng độ chúng sinh đã hoàn tất ông sẽ chứng đắc quả Phật.”

### **Thích nghĩa**

Đức Phật nói “Lành thay” lần thứ nhất là ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng phân thân khắp mọi nơi, khiến cho hết thảy chúng sinh đều kính tin Tam bảo, được lợi ích lớn lao. Lại nói “Lành thay” lần thứ hai là ngợi khen Bồ Tát có thể gánh vác trách nhiệm nặng nề đối với đời sau, khiến cho những chúng sinh làm việc ác [biết tu tập để] không phải gánh chịu nỗi khổ lớn lao.

Đức Phật nói “Ta tán trợ niềm vui của ông” là nhắc lại nội dung trong phần trước, lúc đó Bồ Tát còn là một cô gái bà-la-môn đã đối trước tháp thờ tượng Phật mà lập nguyện rộng lớn. Đức Phật hỗ trợ cho Bồ Tát được thành tựu viên mãn tâm nguyện, khiến ngài được hoan hỷ.



# PHẨM THỨ BA

## Kinh văn

### 觀眾生業緣品第三

- Quán chúng sinh nghiệp duyên phẩm đệ tam

## Việt dịch

### Phẩm thứ ba: Quán sát nghiệp duyên của chúng sinh

## Giảng giải

Mẹ của Phật [thưa hỏi về việc] quán chiếu những nhân duyên tạo nghiệp, chịu khổ của chúng sinh. Đó là nội dung phẩm thứ ba của kinh này.

## Thích nghĩa

Nhân vì Bồ Tát Địa Tạng đã nhận lãnh gánh vác trách nhiệm lớn lao là cứu khổ chúng sinh, nên điều tất nhiên là phải thực hành công việc của mình. Thế nhưng muốn làm được công việc cứu khổ này, trước tiên phải quán sát thật rõ ràng, chúng sinh do những nguyên nhân nào tạo nghiệp, khiến cho duyên nghiệp dẫn dắt buộc ràng cho đến phải chịu khổ nạn. Khi đã thấy biết rõ ràng các nguyên nhân tạo thành đủ mọi loại nghiệp báo, sau đó mới có thể giải quyết được từ căn bản vấn đề, cứu giúp độ thoát chúng sinh.

## Kinh văn

爾時，佛母摩耶夫人恭敬合掌，問地藏菩薩言：聖者！閻浮眾生造業差別，所受報應，其事云何？

- *Nhĩ thời, Phật mẫu Ma-da phu nhân cung kính hợp chưởng, vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Thánh giả! Diêm-phù chúng sinh tạo nghiệp sai biệt, sở thụ báo ứng, kì sự vân hà?*

## Việt dịch

Lúc bấy giờ, mẹ của Phật là phu nhân Ma-da cung kính chấp tay thưa hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “Thưa Thánh giả! Những nghiệp khác biệt mà chúng sinh trong cõi Diêm-phù tạo tác cùng với chỗ báo ứng của họ là như thế nào?”

## Giải thích

Vào lúc đó, mẹ của đức Phật là phu nhân Ma-da, hết sức cung kính chấp tay lại rồi thưa hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “Thưa bậc Thánh giả! Những chúng sinh trong cõi Diêm-phù tạo nghiệp khác biệt nhau cho đến việc nhận chịu báo ứng là như thế nào?”

## Thích nghĩa

Thánh mẫu nhân vì nghe nói chúng sinh mỗi mỗi đều khác biệt nhau, nên đức Như Lai phải phân thân mới độ thoát hết được, lại nghe Bồ Tát Địa Tạng nói trước đức Phật rằng “Như Lai không cần phải vì những chúng sinh tạo nghiệp ác đời sau mà lo nghĩ”, cho nên bà mới thuận theo đó đưa ra câu hỏi.

Thế nhưng trong hội chúng có rất nhiều người, vì sao phu nhân phải là người thưa hỏi trước tiên? Đó là vì đức Như Lai lên cung trời Đao-lợi vốn để riêng vì mẹ ngài mà thuyết pháp, hơn nữa phu nhân lại là mẹ của Phật, cho nên bà phải là người ở hàng trước nhất.

### Kinh văn

地藏答言：千萬世界乃及國土，或有地獄，或無地獄。或有女人，或無女人。或有佛法，或無佛法。乃至聲聞、辟支佛，亦復如是，非但地獄罪報一等。

- *Địa Tạng đáp ngôn: Thiên vạn thế giới nãi cập quốc độ, hoặc hữu địa ngục, hoặc vô địa ngục, hoặc hữu nữ nhân, hoặc vô nữ nhân, hoặc hữu Phật pháp, hoặc vô Phật pháp, nãi chí Thanh văn, Bích-chi Phật, diệc phục như thị, phi đãn địa ngục tội báo nhất đẳng.*

### Việt dịch

Bồ Tát Địa Tạng đáp rằng: “Ngàn vạn thế giới cho đến ngàn vạn cõi nước, hoặc có địa ngục, hoặc không có địa ngục, hoặc có nữ nhân, hoặc không có nữ nhân, hoặc có Phật pháp, hoặc không có Phật pháp, cho đến Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng đều như vậy, không chỉ riêng một hạng tội báo nơi địa ngục.”

### Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng đáp lời rằng: “Ngàn vạn thế giới cho đến ngàn vạn cõi nước, hoặc có địa ngục, hoặc không có

địa ngục, hoặc có nữ nhân, hoặc không có nữ nhân, hoặc có Phật pháp, hoặc không có Phật pháp, cho đến Thanh văn, Bích-chi Phật, cũng đều như vậy, không chỉ riêng một hạng tội báo nơi địa ngục. Vốn dĩ đã là như vậy thì tội báo trong địa ngục làm sao có thể nói cho hết?

### Thích nghĩa

Vì sao câu trả lời của Bồ Tát lại không phù hợp với câu hỏi? Đó là vì các thế giới vốn thật vô biên, các cõi nước là vô lượng, chúng sinh là vô tận, nghiệp báo thật không có bờ bến. Nay đức thánh mẫu hỏi về sự khác biệt của chúng sinh tạo nghiệp trong cõi Diêm-phù, phạm vi câu hỏi như vậy tự nhiên là quá nhỏ hẹp. Cho nên câu đầu tiên để trả lời là có đến ngàn vạn thế giới giống như thế giới Ta-bà này của chúng ta, cũng có địa ngục, có nữ nhân, còn như thế giới Cực Lạc thì không có địa ngục, cũng không có nữ nhân. Lại có các thế giới chúng sinh hết thảy đều là Bồ Tát, không có hàng Thanh văn, Duyên giác. Lại có các thế giới chỉ có hàng Thanh văn và Bích-chi Phật. Lại có các thế giới không chỉ là không có Phật, cho đến Bồ Tát, Thanh văn cũng không hề có. Những cõi nước và thế giới như vậy, dù nói nhiều cũng không thể nói hết được.

### Kinh văn

摩耶夫人重白菩薩：且願聞於閻浮罪報所感惡趣。

- *Ma-da phu nhân trùng bạch Bồ Tát: Thả nguyện văn ư Diêm-phù tội báo sở cảm ác thú.*

## Việt dịch

Phu nhân Ma-da lại bạch Bồ Tát: “Xin nguyện được nghe những cảnh giới xấu ác ở cõi Diêm-phù do tội báo chiêu cảm.”

## Giảng giải

Phu nhân Ma-da lại đối trước Bồ Tát thưa hỏi lần nữa: “Xin nguyện được nghe ngài giảng nói về những cảnh giới xấu ác trong cõi Diêm-phù mà người phạm tội phải chịu quả báo chiêu cảm sinh vào.”

## Thích nghĩa

Phu nhân nghe ngài [Bồ Tát Địa Tạng] nói ra rất nhiều thế giới như trên, cho nên bà mới nói: “Những thế giới khác thôi không cần phải nói, chỉ cần nói về thế giới Diêm-phù của chúng ta, những chúng sinh phạm tội chiêu cảm đến những cảnh giới xấu ác khổ nạn nào mà thôi.”

## Kinh văn

地藏答言。聖母，唯願聽受，我麤說之。佛母白言：願聖者說。

- *Địa Tạng đáp ngôn: Thánh mẫu, duy nguyện thính thụ, ngã thô thuyết chi. Phật mẫu bạch ngôn: Nguyện thánh giả thuyết.*

## Việt dịch

Bồ Tát Địa Tạng nói: “Thánh mẫu, xin lắng nghe tiếp nhận, nay tôi sẽ nói sơ qua việc ấy.” Mẹ của Phật bạch rằng: “Nguyện bậc thánh giảng nói.”

## Giảng giải

Bồ Tát Địa Tạng đáp lời thưa hỏi của phu nhân Ma-da: “Thưa Thánh mẫu, xin người hãy lắng nghe những lời tôi nói. Nay tôi sẽ lược nói sơ qua một lần.” Mẹ của Phật đáp rằng: “Xin bậc thánh hãy nói ra.”

## Thích nghĩa

Việc nói sơ lược có hai lý do. Thứ nhất, các địa ngục có quá nhiều tên gọi phức tạp, nếu như muốn nói hết chi tiết cặn kẽ thì hết trọn một kiếp cũng không nói hết. Thứ hai, giảng nói lẽ thiên dùng lời nhu hòa tinh tế, giảng nói việc địa ngục dùng lời cứng cõi thô tháo.

## Kinh văn

爾時，地藏菩薩白聖母言：南閻浮提罪報名號如是。

- *Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát bạch Thánh mẫu ngôn: Nam Diêm-phù-đề tội báo danh hiệu như thị.*

## Viết dịch

**Bấy giờ, Bồ Tát Địa Tạng thưa cùng Thánh mẫu: “Các loại tội báo trong cõi Nam Diêm-phù-đề sẽ gọi tên kể ra như sau.”**

## Giảng giải

Vào lúc ấy, Bồ Tát Địa Tạng nói với Thánh mẫu rằng: “Tên gọi các loại tội báo trong cõi Nam Diêm-phù-đề sẽ kể ra sau đây.”



## Thích nghĩa

Bồ Tát Địa Tạng tuy là nói cùng Thánh mẫu, nhưng đó cũng chính là muốn khuyên bảo khuyến khích chúng ta, những chúng sinh đang tạo nghiệp. Thánh mẫu còn tự nguyện nghe nhận, chúng ta có lẽ nào không mau mau tình nguyện lắng nghe tiếp nhận? Nếu không tự nguyện lắng nghe và tiếp nhận lời dạy thì rõ ràng Bồ Tát đã từ trong địa ngục cứu vớt chúng ta ra, nay lại ương ngạnh lao vào địa ngục chịu khổ, vậy mà còn tưởng có cách nào khác để thoát ra được sao?

## Kinh văn

若有眾生不孝父母，或至殺害，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。

- *Nhược hữu chúng sinh bất hiếu phụ mẫu, hoặc chí sát hại, đương đọa Vô gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

## Viết dịch

*Nếu có chúng sinh nào bất hiếu, thậm chí giết hại cha mẹ, ắt phải đọa vào địa ngục Vô Gián ngàn muôn ức kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.*

## Giải thích

Ví như có một hạng chúng sinh không chịu hiếu thuận với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ mình, hạng người như vậy là tạo nhân phải đọa vào địa ngục Vô Gián, trải qua đến ngàn muôn ức kiếp, dù muốn ra khỏi địa ngục ấy cũng không có kỳ hạn nào để mong đợi.

## Thích nghĩa

Vừa mở đầu đã nói ngay việc tạo tội liên đọa vào địa ngục, đó là chỉ rõ cho biết chỗ báo ứng chiêu cảm.

Tội ác đầu tiên, trước hết nói tội bất hiếu với cha mẹ. Có thể nói tội bất hiếu với cha mẹ là tội nặng nề nghiêm trọng nhất. Đó là vì thân thể của chúng ta vốn từ cha mẹ mà sinh ra. “Không cha thì ai sinh, không mẹ thì ai nuôi dưỡng?” Cho nên, công ơn cha mẹ thương yêu nuôi nấng chính là lớn rộng như trời đất, chúng ta làm con há có lẽ nào lại không hết lòng hiếu thảo báo đáp? Dê con biết quý cảm ơn mẹ cho bú, chim con biết mổm mỗi lại cho chim mẹ, làm người không hiếu thảo so ra không bằng cầm thú, huống chi còn đến mức giết cha hại mẹ? Cho nên, bất hiếu với cha mẹ là tội lỗi nặng nề nhất, tất nhiên phải đọa vào địa ngục, phải nhận chịu những đau đớn khổ nạn không cùng tận.

## Kinh văn

若有眾生，出佛身血，毀謗三寶，不敬尊經，亦當墮於無間地獄，千萬億劫，求出無期。

- *Nhược hữu chúng sinh, xuất Phật thân huyết, hủy báng Tam bảo, bất kính tôn kinh, diệt đường đọa ư Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

## Việt dịch

Nếu có chúng sinh nào làm thân Phật chảy máu, khinh chê hủy báng ngôi Tam bảo, không tôn kính Kinh điển,

**cũng phải đọa vào địa ngục Vô Gián ngàn muôn ức kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.**

## **Giải**

Ví như có một hạng chúng sinh làm thân Phật chảy máu, chê bai hủy báng Tam bảo, không cung kính tôn trọng Kinh điển, cũng sẽ phải đọa vào địa ngục Vô Gián, tuy đã trải qua ngàn muôn ức kiếp, muốn ra khỏi địa ngục ấy nhưng hoàn toàn không có chút hy vọng nào.

## **Thích nghĩa**

Làm thân Phật chảy máu tức là làm tổn thương thân Phật, cho đến chảy máu ra. Người như vậy đọa vào địa ngục ngay trong đời này. Ví như có người làm những việc:

- Hủy hoại, thiêu đốt tranh, tượng Phật;
- Tự cho mình là thông minh, chê bai hủy báng Tam bảo;
- Lúc nghe giảng kinh không có sự nghiêm trang tôn trọng, sinh tâm kiêu mạn;
- Ném vất bừa bãi Kinh điển ở những nơi nhơ nhớp, không sạch sẽ;
- Tham lam cất giữ kinh sách xưa, không chịu tu bổ, sửa sang để lưu truyền rộng rãi, khiến cho mất hẳn không còn để lại đời sau;
- Nhìn thấy các bậc tăng ni không khởi lòng cung kính.

Những tội này cũng đều giống như làm thân Phật chảy máu, phải đọa vào địa ngục.

## Kinh văn

若有眾生，侵損常住，玷污僧尼；或伽藍內恣行婬欲，或殺或害，如是等輩，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。

- *Nhược hữu chúng sinh xâm tổn thường trụ, điếm ô tăng ni, hoặc già lam nội tứ hành dâm dục, hoặc sát hoặc hại, như thị đẳng bối đương đọa Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

## Việt dịch

“Nếu có chúng sinh nào xâm phạm, gây tổn hại đến chốn chùa chiền tự viện, làm ô nhục tăng ni, hoặc ở trong chốn già-lam thanh tịnh mà phóng túng làm những chuyện dâm dục hoặc giết hại, ắt phải đọa vào địa ngục Vô Gian ngàn muôn ức kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.”

## Giải thích

Ví như có một hạng chúng sinh xâm phạm, gây tổn hại đến nơi tự viện tăng chúng đang cư trú, làm ô nhục tăng ni, hoặc ở trong chốn già-lam mà buông thả làm những chuyện dâm dục hoặc giết hại sinh mạng, hạng người như vậy cũng phải đọa vào địa ngục Vô Gian, trải qua đến ngàn muôn ức kiếp, dù muốn ra khỏi địa ngục ấy cũng không có chút hy vọng nào.

## Thích nghĩa

Thường trụ là chỉ nơi chúng tăng lui tới, cư trú để tu tập. Chư tăng dù đến đi không cố định nhưng tài sản, vật dụng nơi ấy vẫn thường xuyên được giữ gìn tồn tại để làm nền tảng cơ sở cho người học đạo về sau. Nếu như quý vị đến nơi thường trụ ấy mà xâm phạm, tổn hại đến đồ vật, dụng cụ bất kể là lớn hay nhỏ, đó chính là xâm phạm tổn hại đến cơ sở học đạo của người đến sau.

Làm ô nhục tăng ni là nói trong chốn chùa chiền, am miếu lại có những kẻ lãng tử vô lại dụ dỗ đàn bà con gái, hoặc ni cô, hoặc gái còn trinh, hoặc góa phụ vào đó làm việc tà dâm.

Già-lam là tiếng chỉ chung hết thầy chùa chiền, tự viện lớn nhỏ. Hoặc có hạng phụ nữ không tự biết nhục, tự mình không giữ trinh tiết, giả dạng vào chùa tu hành, trong lòng chất chứa ham muốn dâm dục, quấy nhiễu làm rối loạn các vị tăng mới học đạo, lén lút ám muội làm chuyện dâm dục, không chút tầm quý hổ thẹn. Hoặc có hạng tăng nhân ăn thịt cá hôi tanh, ở ngay trong chốn chùa chiền lén lút giết hại mạng sống các loài gà vịt tôm cá. Những kẻ như vậy đều là tội lỗi cực kỳ lớn lao, thuộc loại đại ác, sau khi chết cũng đều đọa vào địa ngục Vô Gián.

## Kinh văn

若有眾生，偽作沙門，心非沙門，破用常住，欺誑白衣，違背戒律，種種造惡，如是等輩，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。

- *Nhược hữu chúng sinh ngục tác sa-môn tâm phi sa-môn, phá dụng thường trụ, khi cống bạch y, vi bội giới luật, chủng chủng tạo ác, như thị đẳng bối, đương đọa Vô Gian địa ngục thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

## Việt dịch

**“Nếu có chúng sinh nào giả làm bậc sa-môn tu hành nhưng trong lòng không thật tu hành, sử dụng phá hoại của cải thường trụ, lừa dối hàng cư sĩ, vi phạm, trái nghịch với giới luật, tạo đủ mọi tội ác, những kẻ như vậy ắt phải đọa vào địa ngục Vô Gian ngàn muôn ức kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.”**

## Giải thích

Ví như có một hạng chúng sinh giả dạng làm sa-môn nhưng trong tâm tánh không hề học theo giới hạnh sa-môn, phá hoại các quy củ nguyên tắc trong chốn thường trụ, lạm dụng bữa bãi tài sản vật dụng của thường trụ, lừa dối những người cư sĩ không hiểu Phật pháp, vi phạm, trái nghịch với những giới luật của người xuất gia, tạo tác đủ mọi loại tội ác. Hạng người như vậy phải đọa vào trong địa ngục Vô Gian, trải qua đến ngàn muôn ức kiếp, dù muốn ra khỏi địa ngục ấy cũng không có chút hy vọng nào.

## Thích nghĩa

Sa-môn là phiên âm từ tiếng Phạn śramaṇa, Hán dịch là cần tức (勤息), ý nói chuyên cần giữ theo giới, định, tuệ, dứt trừ tham, sân, si, như vậy thì tên gọi và ý nghĩa mới tương ứng phù hợp. Hiện nay cũng có một hạng người tuy thân giả dạng làm sa-môn, nhưng trong lòng hết sức quý

quyết dối trá, chuyên môn làm bại hoại thanh quy thiên môn, tự ý mang vật dụng nhà chùa đi bán sạch, lừa dối gạt gẫm những người cư sĩ không hiểu đạo pháp, việc phi pháp nói là đúng pháp, tự mình sai lầm còn làm cho người khác lầm lạc theo, hủy phạm giới luật, cũng không sớm tự biết tỉnh ngộ, không biết hổ thẹn, quen theo thói cũ tạo tác đủ mọi nghiệp ác. Hạng người tu hành giả dối như vậy, một khi chết đi nhất định phải đọa vào địa ngục.

### Kinh văn

若有眾生，偷竊常住財物、穀米、飲食衣服，乃至一物不與取者，當墮無間地獄，千萬億劫，求出無期。

- *Nhược hữu chúng sinh, thâm thiết thường trụ tài vật, cốc mễ, ẩm thực y phục, nãi chí nhất vật bất dữ thủ giả, đương đọa Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.*

### Việt dịch

“Nếu có chúng sinh nào trộm cắp lấy tài sản, vật dụng, lúa thóc, thực phẩm, y phục... của thường trụ Tam bảo, cho đến chỉ một vật không cho mà tự ý lấy, sẽ phải đọa vào địa ngục Vô Gian ngàn muôn ức kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.”

### Giải thích

Nếu như có hạng chúng sinh trộm cắp lấy của thường trụ Tam bảo các loại tài sản, vật dụng, lúa thóc, các món

thức ăn, cho đến y phục, thậm chí bất kể là một vật gì, chủ nhân không có ý cho mình mà tự ý lấy, cũng phải đọa vào trong địa ngục Vô Gián, trải qua đến ngàn muôn ức kiếp, dù muốn ra khỏi địa ngục ấy cũng không có chút hy vọng nào.

## Thích nghĩa

Bất luận là ngày hay đêm, trong lúc có người hay không có người, nếu ở trong chốn thường trụ Tam bảo lấy đi một vật gì mà người chủ của vật ấy không có ý cho mình, tặng mình, cũng chưa hề hỏi qua chủ nhân, như vậy thì dù vật lớn hay nhỏ cũng đều là phạm tội trộm cắp.

Tài sản, vật dụng là những thứ để chúng tăng sử dụng. Lúa thóc là thứ mà chúng tăng dựa vào để sống. Y phục là chúng tăng dùng để che thân. Ngoài ra các thứ thức ăn, đồ uống, cho đến hết thảy các loại hương dầu, đèn đuốc, dù một món cũng không được trộm lấy. Trong kinh đức Phật có dạy, trộm cắp tài vật của thường trụ Tam bảo tội nặng hơn giết hại tám vạn bốn ngàn bậc cha mẹ, quý vị nghĩ xem tội nghiệp lớn lao như vậy liệu có thể suy tính đo lường được sao?

## Kinh văn

地藏白言：聖母！若有眾生作如是罪，當墮五無間地獄，求暫停苦，一念不得。

- *Địa Tạng bạch ngôn: Thánh mẫu! Nhược hữu chúng sinh tác như thị tội, đương đọa Ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tạm đình khổ, nhất niệm bất đắc.*



## Việt dịch

**Bồ Tát Địa Tạng nói: “Thưa Thánh mẫu! Nếu có chúng sinh phạm vào những tội như vậy, sẽ phải đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gián, mong được tạm ngừng sự khổ não trong một chốc lát cũng không thể được.”**

## Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng nói: “Thánh mẫu! Nếu như có những chúng sinh làm những tội nghiệp như vậy, sẽ phải đọa vào địa ngục có năm sự không gián đoạn,<sup>1</sup> muốn tạm dừng sự khổ sở dù chỉ trong thời gian chốc lát ngắn ngủi cũng không thể được.”

## Thích nghĩa

Chúng sinh trong cõi Diêm-phù của chúng ta, phạm vào năm loại tội nghiệp như vừa kể trên đây, là những tội nặng nề nghiêm trọng nhất, bất kể là người nào phạm vào, nhất định cũng đều phải tùy nghiệp chịu báo ứng, đọa vào trong địa ngục có năm sự không gián đoạn mà chịu khổ não.

Trong lúc chịu khổ, nếu muốn tạm dừng chỉ trong thời gian thoáng chốc cũng không thể được, phải chịu khổ liên

---

<sup>1</sup> Địa ngục Vô Gián có năm loại không gián đoạn là: 1. Thời vô gián: thời gian nhiều kiếp chịu tội, không lúc nào gián đoạn. 2. Hình vô gián: Địa ngục này mỗi bề đều 8 vạn do tuần, chúng sinh chịu khổ tự nhiên thân hình to lớn đầy kín địa ngục, không một khoảng trống gián đoạn nào. 3. Thọ khổ vô gián: Chúng sinh chịu khổ với đủ loại hình cụ, không lúc nào gián đoạn. 4. Thú quả vô gián: Bất luận chúng sinh ở cảnh giới nào, khi phạm tội đến lúc thọ nghiệp đều chịu khổ như nhau. 5. Mệnh vô gián: Trong địa ngục này thì từ lúc mới vào cho đến trăm nghìn muôn kiếp, mạng sống không ngừng dứt, khi chịu khổ hình vừa chết đi liền sống lại, dù muốn tạm ngừng chốc lát cũng không thể được.

tục mãi cho đến khi nghiệp lực đã hết mới có thể ra khỏi địa ngục. Khi nghiệp còn chưa hết thì phải chịu khổ não trải qua ngàn muôn ức kiếp, không một chút hy vọng nào được ra khỏi địa ngục.

### **Kinh văn**

摩耶夫人重白地藏菩薩言：云何名為無間地獄？

- *Ma-da phu nhân trùng bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Vân hà danh vi Vô Gián địa ngục?*

### **Việt dịch**

**Phu nhân Ma-da lại thưa hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “Vì sao có tên là địa ngục Vô Gián?”**

### **Giải thích**

Phu nhân Ma-da lại thêm một lần nữa thưa hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “Theo như ngài nói đó thì vì sao có tên gọi là địa ngục Vô Gián?”

### **Thích nghĩa**

Phần trên nhiều lần nói đến địa ngục Vô Gián, thế nhưng đặt ra tên gọi Vô Gián đó có ý nghĩa gì, do đâu mà có?

### **Kinh văn**

地藏白言：聖母！諸有地獄在大鐵圍山之內。其大地獄有一十八所，次有

五百，名號各別，次有千百，名號亦別。

- *Địa Tạng bạch ngôn: Thánh mẫu! Chư hữu địa ngục tại Đại Thiết Vi sơn chi nội. Kỳ đại địa ngục hữu nhất thập bát sở, thứ hữu ngũ bá, danh hiệu các biệt, thứ hữu thiên bá, danh hiệu diệc biệt.*

### Việt dịch

**Bồ Tát Địa Tạng** đáp: “Thưa Thánh mẫu! Các địa ngục đều nằm trong núi Đại Thiết Vi. Có 18 đại địa ngục. Nhỏ hơn thì có 500 địa ngục, tên gọi đều khác nhau. Nhỏ hơn nữa thì rất nhiều, đến số trăm ngàn, nhưng cũng đều có tên gọi khác nhau.”

### Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng đáp lại rằng: “Thưa Thánh mẫu! Hết thấy các loại địa ngục hiện có đều ở bên trong núi Đại Thiết Vi. Trong số đó có 18 địa ngục lớn nhất. Nhỏ hơn thì có 500 địa ngục, đều có tên gọi phân biệt khác nhau. Lại nhỏ hơn nữa thì nhiều đến số trăm ngàn nhưng vẫn có tên gọi phân biệt khác nhau.

### Thích nghĩa

Con người tạo tội ác đều không giống nhau, cho nên quả báo nhận lãnh cũng như địa ngục mà họ đọa vào tự nhiên cũng không giống nhau. (Phần chi tiết thì bên trên đã có chú thích qua rồi.)

## Kinh văn

無間獄者，其獄城周匝八萬餘里，其城純鐵，高一萬里，城上火聚，少有空缺。其獄城中，諸獄相連，名號各別，獨有一獄，名曰無間。

- Vô Gián ngục giả, kỳ ngục thành chu táp bát vạn dư lý, kỳ thành thuần thiết, cao nhất vạn lý, thành thượng hoả tụ, thiếu hữu không khuyết. Kỳ ngục thành trung, chư ngục tương liên, danh hiệu các biệt, độc hữu nhất ngục, danh viết Vô Gián.

## Việt dịch

“Về địa ngục Vô Gián, có thành vây quanh chu vi hơn 80.000 dặm. Thành ấy toàn bằng sắt, cao đến 10.000 dặm, trên thành phủ đầy lửa, hiếm có khoảng trống. Bên trong thành có các ngục liền kề nhau, đều có tên gọi khác biệt, chỉ riêng có một ngục tên là Vô Gián.”

## Giải thích

Nói đến địa ngục Vô Gián, thì thành vây quanh địa ngục ấy có chu vi hơn 80.000 dặm, làm toàn bằng sắt, cao đến 10.000 dặm. Trên thành phủ đầy lửa dữ, hiếm chỗ nào có khoảng trống. Bên trong thành ngục ấy có các ngục nằm liền kề nhau. Tuy nằm kề bên nhau nhưng đều có tên gọi khác biệt. Chỉ duy nhất có một ngục tên là Vô Gián.

## Thích nghĩa

Bốn mặt thành Diêm-la vương phân chia ra các loại địa ngục. Người sau khi mạng chung liền vào thân trung ấm,

theo đó vào thành Nê-lê, lúc còn chưa chịu tội thì tụ họp trong thành này. Khi gió nghiệp thổi tới, mỗi người liền tùy theo nghiệp nặng nhẹ mà thọ thân lớn nhỏ khác biệt. Lại có luồng gió hôi hám thổi đến, biến người có tội thành hình thể thô ráp xấu xí; gió thơm thổi đến, biến người có phúc lành thành thân thể xinh đẹp tinh tế.

Trong thành này định rõ những người chịu khổ, thảy đều có hình thể thô xấu. Những người được sinh về cõi người, cõi trời thì thân thể tinh tế đẹp đẽ. Các địa ngục Thất đại, Bát nhiệt đều ở cùng một nơi ấy. Nhân vì trong địa ngục Vô Gian chịu khổ não càng nặng nề hơn cho nên dùng hai chữ “độc hữu” (chỉ riêng có) để nói rõ.

### Kinh văn

其獄周匝萬八千里，獄牆高一千里，悉是鐵為。上火徹下，下火徹上。鐵蛇鐵狗，吐火馳逐，獄牆之上東西而走。獄中有床，遍滿萬里。一人受罪，自見其身遍臥滿床；千萬人受罪，亦各自見身滿床上。眾業所感，獲報如是。

- Kỳ ngục chu táp vạn bát thiên lí, ngục tường cao nhất thiên lý, tất thị thiết vi. Thượng hỏa triệt hạ, hạ hỏa triệt thượng. Thiết xà thiết cẩu, thổ hỏa trì trục, ngục tường chi thượng đông tây nhi tẩu. Ngục trung hữu sàng, biến mãn vạn lý. Nhất nhân thụ tội, tự kiến kỳ thân biến ngọa mãn sàng; thiên vạn nhân thụ

*tội, diệt các tự kiến thân mãn sàng thượng. Chúng nghiệp sở cảm, hoạch báo như thị.*

## Việt dịch

“Ngục này có chu vi 18.000 dặm, tường ngục bằng sắt cao 1.000 dặm, lửa từ bên trên tràn xuống, lửa từ bên dưới bốc lên, có rắn sắt, chó sắt phun lửa rượt đuổi, chạy qua chạy lại khắp trên tường ngục. Trong ngục có một cái giường biến rộng ra đến 10.000 dặm. Một người chịu tội thì tự thấy thân hình mình lớn ra nằm vừa trên giường ấy, cho đến muôn ngàn người chịu tội, mỗi người cũng đều tự thấy thân hình mình lớn ra nằm vừa trên giường ấy. Đều là do nghiệp lực của chúng sinh chiêu cảm nên chịu quả báo như vậy.”

## Giải thích

Địa ngục Vô Gian đó, chu vi là 18.000 dặm, tường cao 1.000 dặm, hết thấy đều bằng sắt, phía trên có lửa cháy tràn xuống dưới, phía dưới có lửa cháy tràn lên trên. Lại có rắn bằng sắt, chó bằng sắt, miệng phun ra lửa, rượt đuổi chạy theo, phía trên tường ngục lúc ở bên này, lúc chạy sang bên kia. Trong ngục có một cái giường rộng ra đến 10.000 dặm. Một người chịu tội thì tự thấy thân thể mình lớn rộng nằm vừa trên giường này, muôn ngàn người chịu tội thì mỗi người cũng đều tự thấy thân thể mình lớn rộng nằm vừa trên giường. Đó là vì nghiệp lực của chúng sinh chiêu cảm mà phải chịu quả báo như vậy.

## Thích nghĩa

Sắt là chất liệu có tính chất cứng rắn nhưng lạnh lẽo,

biểu thị lòng người tàn nhẫn lạnh lùng, tập thành thói quen cứng rắn, làm việc xấu ác không chịu cải hối.

Lửa có tính chất dữ dội, mãnh liệt, biểu thị lửa sân hận, lửa phiền não, lửa tham dục của con người, thấy đều thiêu đốt mãnh liệt, không chịu ngưng dứt. Trong khoảng cách giữa hai bờ thành bằng sắt, có 84.000 con đại mãng xà bằng sắt, từ trong miệng phun độc khí trong lửa, thân rắn choáng đầy khắp trong thành. Khi mãng xà ấy cất tiếng phun nọc thì như trời sấm động, mưa xuống đầy những viên sắt lớn.

Bốn góc thành có bốn con chó lớn bằng đồng, bề dài bề rộng đến 40 do-tuần, tia mắt nhìn như chiếu điện, răng nanh như đao kiếm dày đặc, lưỡi như gai sắt, lông trên thân chó toàn là lửa cháy, khói bốc lên có mùi hôi thối, một bên thì miệng phun ra lửa độc, bên kia lại ở trên tường ngực rượt đuổi tội nhân.

Nghiệp của chúng sinh là những nghiệp ác vừa nói trên, như giết hại cha mẹ, làm thân Phật chảy máu, tà dâm, trộm cắp [trong chốn già-lam]... Những nghiệp ác đó chiêu cảm quả báo như vậy.

### **Kinh văn**

又諸罪人備受眾苦。千百夜叉，及以惡鬼，口牙如劍，眼如電光，手復銅爪，拖拽罪人；復有夜叉，執大鐵戟，中罪人身，或中口鼻，或中腹背，拋空翻接，或置床上。

復有鐵鷹，啗罪人目。復有鐵蛇，繳罪人頸。百肢節內，悉下長釘。拔舌耕犁，抽腸剉斬，烱銅灌口，熱鐵纏身。萬死千生，業感如是。

- *Hựu chư tội nhân bị thụ chúng khổ. Thiên bá dạ-xoa, cập dĩ ác quỷ, khẩu nha như kiếm, nhãn như điện quang, thủ phục đồng trảo, đà duệ tội nhân; phục hữu dạ xoa, chấp đại thiết kích, trung tội nhân thân, hoặc trung khẩu ty, hoặc trung phúc bội, phao không phiên tiếp, hoặc trí sàng thượng. Phục hữu thiết ưng, đạ tội nhân mục. Phục hữu thiết xà, kiểu tội nhân cảnh. Bá chi tiết nội, tất hạ trường đĩnh. Bạt thiết canh lê, trừu trường tỏa trảm, dương đồng quán khâu, nhiệt thiết triền thân. Vạn tử thiên sinh, nghiệp cảm như thị.*

### Việt dịch

“Các tội nhân lại phải chịu đựng đủ mọi khổ hình. Có trăm ngàn dạ-xoa và quỷ dữ, răng trong miệng sắc như lưỡi kiếm, mắt nhìn như tia điện, móng vuốt bằng đồng, bầu núu lôi kéo tội nhân. Lại có dạ-xoa cầm cây kích sắt lớn đâm vào người tội nhân, hoặc đâm trúng vào miệng, mũi, hoặc đâm vào bụng, vào lưng, ném lên không trung rồi đón lấy, hoặc đặt nằm lên giường. Lại có chim ưng bằng sắt, mổ ăn mắt của tội nhân. Lại có rắn bằng sắt quán siết cổ tội nhân. Hàng trăm đốt xương trên cơ thể đều bị đĩnh dài đóng vào. Lưỡi bị lôi ra thật dài rồi kéo cày trên đó. Ruột bị lôi ra ngoài rồi chặt đứt từng khúc. Tội nhân lại bị nước đồng sôi rót vào miệng, bị sắt nóng



**đổ áp chặt vào thân. Muôn lần chết đi, ngàn lần sống lại, do nghiệp chiêu cảm như vậy.”**

## **Giải**

Có những tội nhân chịu các loại khổ hình. Có hàng trăm ngàn dạ-xoa, ác quỷ, răng nanh trong miệng sắc như lưỡi kiếm, mắt nhìn như tia điện chiếu, móng vuốt ở tay như bằng đồng, bấu chặt lôi kéo tội nhân. Lại có những dạ-xoa dùng tội nhân như vật chơi đùa, trong tay cầm cây kích sắt lớn, ném trúng vào thân thể tội nhân, hoặc trúng nơi miệng, nơi mũi, hoặc ném trúng vào bụng, vào lưng, rồi lại nắm lấy tội nhân ném lên không trung cho xoay vòng rơi xuống rồi đón lấy, hoặc đặt nằm lên trên giường. Lại có chim ưng bằng sắt, mổ ăn mắt của tội nhân. Hoặc có những con rắn sắt, quấn cổ tội nhân mà siết lại. Các đốt xương ở khắp tứ chi đều bị những cái đinh rất dài đóng xuyên vào. Lại bị kéo đầu lưỡi ra rồi dùng lưỡi cày kéo cày trên đó. Lại bị lôi ruột ra bên ngoài rồi dùng đao chặt đứt thành khúc. Lại bị nước đồng sôi rót vào trong miệng, bị sắt nóng đổ áp chặt quanh thân thể. Tội nhân đau đớn muôn lần chết đi thì ngàn lần sống lại. Hết thấy những điều đó đều là do nghiệp ác đã làm của tội nhân nên chiêu cảm phải nhận chịu những khổ não như vậy.

## **Thích nghĩa**

Dạ-xoa vốn cũng là một loại quỷ. Còn có một loại quỷ hung ác gọi là quỷ thú, sinh ra hình dạng đầu trâu tay người, hai chân có móng trâu, sức mạnh có thể dời non lật núi. Lại có loại dạ-xoa là ngục tốt cực kỳ hung ác, sinh ra có tám đầu, sáu mươi bốn cái sừng, trên sừng có lửa phun ra liền hóa thành vòng đao, cuộn cuộn nhập vào trong biển lửa.

Kích sắt ở đây lớn hơn rất nhiều so với cây kích ở thế

gian, cho nên gọi là đại thiết kích. Những cây kích lớn này đều được dùng lửa nung đỏ lên, giường sắt cũng dùng lửa nung đỏ lên, khiến tội nhân phải chịu đau đớn cực kỳ. Đó đều là do người đời luôn ôm lòng oán hận người khác không chịu cải hối, tập nhiễm xấu ác thành quả báo như vậy.

Chim ưng sắt, rắn sắt là do tội nhân lúc còn sống ở đời thấy người khác bố thí thì dùng lời chê bai, giễu cợt, cười nhạo, lại ở trước các bậc quốc vương, đại thần cùng tất cả chúng sinh nói rằng bố thí không có phước đức gì. Do những lời nói bác bỏ nhân quả, cho rằng không có quả báo nên chiêu cảm quả báo khổ não như vậy.

Về đinh sắt trong ngục, trước tiên ngục tốt mang tội nhân ra ném cho nằm lên sắt nóng, sau đó kéo giãn thân thể tội nhân ra, rồi mới dùng những đinh sắt đã nung đỏ lên đóng vào chân, tay, trên khắp cơ thể. Đóng vào đến hơn năm trăm cây đinh, tội nhân đau đớn gào khóc nhưng vẫn không thể chết đi.

Về việc kéo lưỡi, lôi ruột trong ngục, đó là dùng một cái chĩa dài đâm vào phía xương sườn tội nhân, rồi móc lấy gan, ruột lôi cả ra ngoài, cho vào cối giã, túi mật thì xé rách, ruột lôi dài ra, lại cắt mổ da thịt trên thân tội nhân, rồi chặt, rồi chém, giống hệt như người ta bằm nhuyễn rau cải. Đây đều là quả báo của việc nói lời dối trá lừa gạt người khác.

Nước đồng sôi đổ vào trong miệng, nuốt hòn sắt, đó là những kẻ trước đây tham ăn những hoa quả, thực phẩm của chư tăng bốn phương, không chịu đền trả lại, nên phải chịu tội như vậy.

Tội nhân trong ngục chịu đủ mọi sự đau đớn khổ sở như vậy mà chết đi thì hoặc nghe tiếng hét của ngục tốt, hoặc có gió lạnh thổi qua liền sống lại. Chết đi sống lại như vậy

muôn ngàn lần cũng chưa chấm dứt. Những kẻ tội báo nặng nề nhất, trong một ngày đêm có đến 84.000 lượt chết đi sống lại như vậy.

## Kinh văn

動經億劫，求出無期。此界壞時，寄生他界。他界次壞，轉寄他方。他方壞時，展轉相寄。此界成後，還復而來。無間罪報，其事如是。

- *Động kinh ức kiếp, cầu xuất vô kỳ. Tthử giới hoại thời, ký sinh tha giới. Tha giới thứ hoại, chuyển kí tha phương. Tha phương hoại thời, triển chuyển tương ký. Thử giới thành hậu, hoàn phục nhi lai. Vô Gian tội báo, kỳ sự như thị.*

## Việt dịch

“Trải qua trăm ngàn kiếp, dù muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn. Đến lúc thế giới này tan hoại thì chuyển sinh sang thế giới khác; đến lúc thế giới khác ấy tan hoại lại chuyển sinh về phương khác; đến lúc phương ấy tan hoại lại tuần tự chuyển sang các phương khác nữa [mà liên tục chịu tội]. Đến khi thế giới này hình thành trở lại thì lại sinh về đây, [tiếp tục chịu tội]. Tội báo Vô Gian là như vậy.”

## Giảng giải

Người đời làm những việc ác tạo thành nghiệp lực nặng nề nhất thì chỉ một hành động có thể tạo thành đời sống kéo

dài ức kiếp trong địa ngục, mong muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn. Đến lúc thế giới này tan rã hoại diệt, tội nhân có thể cùng với địa ngục chuyển sinh sang thế giới khác. Khi thế giới khác đó tan rã hư hoại, lại có thể chuyển sinh sang một phương khác. Đến khi phương ấy tan rã hư hoại, lại xoay vần chuyển sinh sang phương khác nữa. Đợi đến khi thế giới này hình thành lại rồi thì sinh trở về đây giống y như cũ. Tội báo trong địa ngục Vô Gián sự thật là như vậy.

### Thích nghĩa

Tội báo của chúng sinh tồn tại lâu dài hơn rất nhiều so với sự tồn tại của thế giới. Vì thế giới có các giai đoạn thành, trụ, hoại, không, mỗi giai đoạn đều kéo dài hai mươi tiểu kiếp, nên tuổi thọ trung bình của con người cũng y theo số tiểu kiếp mà có hai mươi lượt tăng, giảm. Kiếp hỏa thì có lửa bắt đầu từ mặt đất thiêu đốt trước nhất, các địa ngục trong núi Thiết Vi khi ấy tuần tự chuyển đi nơi khác. Một khi thế giới này hình thành trở lại thì các địa ngục liền chuyển về núi Thiết Vi cũng y hệt như trước. (Nếu muốn biết rõ ràng hơn về bốn kiếp [thành, trụ, hoại, không], có thể xem thêm sách “*Di-đà kinh bạch thoại giải*”.

### Kinh văn

又五事業感，故稱無間。何等為五。

- *Hựu ngũ sự nghiệp cảm, cố xưng Vô Gián. Hà đẳng vi ngũ?*

### Việt dịch

“Lại do có năm điều chiêu cảm của nghiệp nên gọi là Vô Gián. Đó là những điều gì?”

## Giải thích

Lại vì có năm sự chiêu cảm từ nghiệp báo nên mới gọi địa ngục ấy là Vô Gian. Vậy năm sự chiêu cảm ấy là gì?

## Thích nghĩa

Đoạn này nêu tổng quát vấn đề để phân chia nói rõ.

## Kinh văn

一者，日夜受罪，以至劫數，無時間絕，故稱無間。

- *Nhất giả, nhật dạ thụ tội, dĩ chí kiếp số, vô thời gian tuyệt, cố xưng Vô Gian.*

## Việt dịch

**“Thứ nhất, ngày đêm chịu tội, trải qua hết số kiếp phải chịu tội, không có thời gian gián đoạn, cho nên gọi là Vô Gian.”**

## Giải thích

Sự chiêu cảm thứ nhất là, ngày ngày đêm đêm chịu tội chịu khổ, cho đến hết số kiếp phải ở địa ngục, không có một chút thời gian nào gián đoạn, cho nên gọi là Vô Gian.

## Thích nghĩa

Thời gian cùng với sự khổ nạn đều không có chút nào gián đoạn, giống như khi chúng ta khởi sinh vọng niệm làm điều xấu ác, cũng liên tục không gián đoạn như vậy.

Có thể thấy sự báo ứng rõ ràng, như bóng theo hình, không mảy may sai lệch.

Vì thời gian không có chút gián đoạn nào, cho nên [sự chiêu cảm này] gọi là *thời vô gián*.

### **Kinh văn**

二者，一人亦滿，多人亦滿，故稱無間。

- *Nhị giả, nhất nhân diệc mãn, đa nhân diệc mãn, cố xưng Vô Gián.*

### **Việt dịch**

“Thứ hai, một người cũng choán đầy địa ngục, nhiều người cũng choán đầy địa ngục, nên gọi là Vô Gián.”

### **Giải thích**

Sự chiêu cảm thứ hai là, một người ở trong địa ngục cũng choán đầy, nhiều người ở trong địa ngục cũng choán đầy. Cho nên địa ngục ấy gọi là Vô Gián.

### **Thích nghĩa**

Ví như có người phạm vào một trong các nhóm tội đã nói trên, nghiệp ác đó tự nhiên lớn dần, sau khi chết thân hình của người ấy liền lớn lên choán đầy khắp các địa ngục lớn nhỏ, nhận chịu đủ mọi sự đau đớn khổ sở trong các địa ngục, không có khoảng không gián đoạn nào, cho nên [sự chiêu cảm này] gọi là *hình vô gián*.

## Kinh văn

三者，罪器叉棒，鷹蛇狼犬，碓磨鋸鑿，剉斫鑊湯，鐵網鐵繩，鐵驢鐵馬，生革絡首，熱鐵澆身，飢吞鐵丸，渴飲鐵汁，從年竟劫，數那由他，苦楚相連，更無間斷，故稱無間。

- *Tam giã, tội khí xoa bóng, ưng xà lang khuyển, đỏi ma cứ tạc, tủa chước hoạch thang, thiết võng thiết thằng, thiết lư thiết mã, sinh cức lạc thủ, nhiệt thiết kiên thân, cơ thôn thiết hoàn, hạt ả thiết hiệp, từng niên cánh kiếp, số na-do-tha, khổ sở tương liên, cánh vô gián đoạn, cố xưng vô gián.*

## Việt dịch

“Thứ ba, những khí cụ hành tội và hình phạt như chĩa ba, gậy gộc, chim ưng, rắn độc, sói, chó, cối giã, cối xay, cửa, đục, dao chặt, vạc nước sôi, lưới sắt, dây sắt, lửa sắt, ngựa sắt, da sống bó quanh đầu, nước sắt nóng tưới lên thân, đỏi nuốt hòn sắt, khát uống nước sắt nấu chảy, quanh năm suốt kiếp, trải qua nhiều na-do-tha kiếp, liên tục khổ sở không hề gián đoạn, cho nên gọi là Vô Gián.”

## Giải thích

Sự chiêu cảm thứ ba là những công cụ dùng để hành tội không thiếu món nào, như chĩa ba, gậy gộc, chim ưng, rắn độc, sói, chó... đủ loại, đều toàn bằng sắt. Hoặc dùng chày sắt nung đỏ với cối giã bằng sắt đâm giã thân thể tội nhân,

hoặc dùng cối xay bỏ tội nhân vào xay, hoặc dùng cửa kéo xẻ, lấy dùi đục đục vào thân, lấy dao băm chặt, hoặc ném vào vạc lớn nấu với nước sôi, hoặc dùng lưới sắt nung đỏ quấn quanh thân thể tội nhân, hoặc dùng dây sắt nung đỏ bó chặt, khiến thân thể tội nhân cứng đờ, từ phía sau nắm dây lôi đi, chặt chém tội nhân đứt thành trăm ngàn đoạn. Lại bắt tội nhân cưỡi lên lừa sắt, ngựa sắt nung đỏ rồi thiêu đốt. Lại dùng da sống bó quanh đầu, lột sống da tội nhân. Có khi dùng sắt nấu chảy thành nước, một mặt buộc tội nhân nhảy lên, một mặt dùng nước sắt nóng ấy tưới xuống thân thể, khiến cho da thịt tội nhân đều cháy nát. Lại có khi đang lúc tội nhân đói khát, ngực tốt dùng kiếm sắt kẹp cạy miệng ra, dùng sắt nấu chảy thành nước đổ vào trong miệng, khiến cho môi, lưỡi, lợi lần lượt cháy nát, nước sắt chảy xuống ruột rồi theo đường dưới mà ra, vẫn còn đỏ rực. Lại có người đang khát, ngực tốt dùng kiếm sắt kẹp cạy miệng ra, dùng sắt nấu chảy thành nước đổ vào, khiến cho môi, lưỡi, ruột, dạ dày, ruột non lần lượt cháy nát, nước sắt theo đường dưới mà ra.

Những sự hành tội như vậy, từ năm bắt đầu cho đến hết kiếp, trải qua na-do-tha số kiếp, đau đớn khổ sở tiếp nối triền miên, không một chốc lát ngưng nghỉ gián đoạn, cho nên gọi địa ngục ấy là Vô Gián, có nghĩa là chịu khổ không gián đoạn.

### **Thích nghĩa**

Chĩa ba, gậy gộc, chim ưng, rắn độc, sói, chó, lừa sắt, ngựa sắt trong địa ngục, đều là do người đời gây sự oan uổng cho người khác, sân hận giận dữ với người khác, tập quen thói xấu ác như vậy chiêu cảm mà thành. Cối giã, cối xay, cửa, đục, dao, vạc nước sôi trong địa ngục, đều là do khi còn sống không tin nhận Tam giáo Nho, Thích, Đạo, không hiếu kính cha mẹ, cũng như giết mổ xẻ thịt, bầm



chặt chúng sinh, cho nên phải chịu những tội nghiệp như vậy. Lại có lưới sắt, hòn sắt các thứ, đều là do trước đây đã tạo tác hết thảy các nghiệp ác, hoặc trong thân người, hoặc thân loài phi nhân, tích tụ mà thành như thế.

## Kinh văn

四者，不問男子女人，羌胡夷狄，老幼貴賤，或龍或神，或天或鬼，罪行業感，悉同受之，故稱無間。

- *Tứ giả, bất vấn nam tử nữ nhân, Khương, Hồ, Di, Địch, lão ấu quý tiện, hoặc long hoặc thần, hoặc thiên hoặc quỷ, tội hành nghiệp cảm, tất đồng thụ chi, cố xưng Vô Gian.*

## Việt dịch

“Thứ tư, không phân biệt giới tính nam nữ, không phân biệt chủng tộc Khương, Hồ, Di, Địch, bất kể là già trẻ, sang hèn, bất kể là rồng, thần, trời, quỷ, khi đã tạo tội nghiệp chiêu cảm quả báo ắt đều phải chịu khổ như nhau, do đó gọi tên là Vô Gian.”

## Giải thích

Sự chiêu cảm thứ tư là, bất kể nam hay nữ, thuộc bất kỳ chủng tộc nào, Khương, Hồ, Di, Địch, hoặc người già, trẻ con, người sang, kẻ hèn, hoặc thuộc loài rồng, hoặc là thần, hoặc chư thiên cõi trời, hoặc loài quỷ dưới đất, một khi đã tạo tội, làm việc xấu ác chiêu cảm nghiệp báo đọa vào trong địa ngục thì đều phải chịu khổ giống như nhau. Cho nên gọi địa ngục này là Vô Gian.

## Thích nghĩa

Vào thời Tần Hán, các nước Hung Nô được [người Trung quốc] gọi chung là người Hồ. Bốn khu vực tiếp giáp biên giới, những dân tộc chưa được khai hóa văn minh, phía đông gọi là Di, phía nam gọi là Man.

Loài rồng có thể gọi gió làm mưa, gây tội nghiệp làm tổn hại mạng sống muôn loài. Các vị thần hưởng sự cúng kính bằng máu thịt chúng sinh cũng là tội nghiệp. Đến như chư thiên cõi trời, [nếu tạo tội thì] đến khi phước trời hưởng hết cũng phải đọa vào địa ngục. Đó là sự [rộng khắp] không gián đoạn của quả báo.

## Kinh văn

五者，若墮此獄，從初入時，至百千劫，一日一夜萬死萬生，求一念間暫住不得，除非業盡，方得受生，以此連綿，故稱無間。

- *Ngũ giả, nhược đọa thử ngục, tùng sơ nhập thời, chí bá thiên kiếp, nhất nhật nhất dạ vạn tử vạn sinh, cầu nhất niệm gian tạm trụ bất đắc, trừ phi nghiệp tận, phương đắc thụ sinh, dĩ thử liên miên, cố xưng Vô Gian.*

## Việt dịch

“Thứ năm, nếu ai đọa vào địa ngục này thì từ lúc mới vào cho đến trải qua trăm ngàn kiếp, một ngày một đêm có muôn lần chết muôn lần sống lại, cầu mong được

**tạm dừng chỉ trong khoảnh khắc cũng không thể được, trừ phi đã hết nghiệp mới được tái sinh nơi khác. Do sự hành tội liên tục không dừng nên gọi là Vô Gián.”**

## Giải giảng

Sự chiêu cảm thứ năm là, ví như một khi đã đọa vào địa ngục này rồi, thì từ lúc mới bắt đầu vào ngục suốt cho đến trăm ngàn kiếp, trong thời gian ấy mỗi một ngày đêm phải trải qua muôn lần chết đi, muôn lần sống lại, nếu muốn cầu được tạm dừng lại trong một khoảnh khắc cực ngắn cũng không thể được. Nếu muốn thoát khổ, chỉ trừ phi nghiệp báo đã hết sạch mới được tái sinh làm người. Vì sự chịu đựng liên tục như thế cho nên mới gọi tên là địa ngục Vô Gián.

## Thích nghĩa

Khi tội nhân nghiệp báo đã hết, được ra khỏi địa ngục, đến gặp Diêm vương ở trong thành bằng sắt, người nào cũng mừng vui hoan hỷ được thoát ra, liền lớn tiếng tung hô “vạn tuế”. Diêm vương khi ấy liền gọi tội nhân đến trước mặt dạy bảo rằng: “Bất nhà ngươi phải chịu bao khổ não như vậy không hề oan uổng cho ngươi. Hiện tại ngươi sẽ đi tái sinh làm con cái nhà người ta, phải biết hiếu thuận với cha mẹ, kính phụng bậc niên trưởng, phải biết kiêng dè pháp luật quốc gia, phải kính phụng vâng lời các bậc sa-môn, những người tu hành.”

Dặn dò chỉ bảo như vậy xong, liền cho người ấy đi tái sinh.

Nhân vì trong suốt thời gian từ lúc vào địa ngục cho đến khi ra khỏi ngục cứ liên tục chết đi sống lại, cho nên điều này gọi là *Thọ mạng vô gián*.

## Kinh văn

地藏菩薩白聖母言：無間地獄，麤說如是，若廣說地獄罪器等名及諸苦事，一劫之中，求說不盡。摩耶夫人聞已，愁憂合掌，頂禮而退。

- *Địa Tạng Bồ Tát bạch Thánh mẫu ngôn: Vô Gian địa ngục, thô thuyết như thị, nhược quảng thuyết địa ngục tội khí đặng danh cập chư khổ sự, nhất kiếp chi trung, cầu thuyết bất tận. Ma-da phu nhân văn dĩ, sầu ưu hợp chưởng, đảnh lễ nhi thối.*

## Việt dịch

Bồ Tát Địa Tạng thưa với Thánh mẫu: “Nói sơ qua về địa ngục Vô Gian là như vậy. Nếu nói rộng ra về tên gọi các khí cụ hành hình cùng với những sự khổ sở đau đớn trong đó thì trong suốt thời gian một kiếp cũng không nói hết.” Phu nhân Ma-da nghe giảng nói rồi, buồn rầu chấp tay đảnh lễ lui ra.

## Giải giải

Bồ Tát Địa Tạng nói với Thánh mẫu rằng: “Hiện tại chỉ nói sơ lược qua về địa ngục Vô Gian là như thế. Nếu muốn nói rộng ra và chi tiết về địa ngục này, về tên gọi đủ các loại khí cụ hành hình cùng những sự khổ sở đau đớn trong địa ngục thì trong suốt thời gian của một kiếp, muốn nói cho hết cũng không thể nào hết được.

## Thích nghĩa

Bởi vì những niệm xấu ác của chúng sinh trong khắp thế giới ngày đêm không ngưng dứt, mà những hình cụ trong địa ngục đều do nơi tâm người mà hiện ra nên quý vị nghĩ xem, làm sao có thể nói hết?

Thánh mẫu nghe nói qua việc tội nhân chịu đựng những nỗi khổ vô cùng tận như vậy, trong lòng muốn cứu vớt nhưng không đủ sức, cho nên mới buồn rầu.

Chấp tay là biểu lộ trong lòng không tán loạn.

Đảnh lễ là tạ ơn Bồ Tát Địa Tạng đã tuyên thuyết giảng nói.



# PHẨM THỨ TƯ

## Kinh văn

### 閻浮眾生業感品第四

- *Diêm-phù Chúng Sinh Nghiệp Cảm Phẩm Đệ Tứ*

## Việt dịch

**Phẩm thứ tư: Nghiệp lực chiêu cảm của chúng sinh cõi Diêm-phù**

## Giải thích

Đức Phật nói về việc Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề những quả báo chiêu cảm của sự tạo nghiệp.

Đây là phẩm thứ tư của kinh này.

## Thích nghĩa

Diêm-phù-đề vốn là tên một loại cây. (Về cây chúa này đã có giải thích trong phần trước.) Châu Nam Thiệm-bộ của chúng ta là dựa theo cây này mà đặt tên.

Chúng sinh vốn chỉ chung cho chín pháp giới,<sup>1</sup> ở đây chỉ nói đến chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, tức là chỉ riêng chúng sinh trên thế giới này của chúng ta.

<sup>1</sup> Chín cảnh giới (cửu giới), bao gồm: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La, Người, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát.

Trên mặt trăng nhìn thấy có một vùng bóng đen, đó là bóng cây Diêm-phù. Ánh sáng mặt trăng vốn trong trẻo sáng tỏ, bị bóng cây này che khuất, cho nên không còn đủ mười phần sáng tỏ. Cũng giống như tâm chúng sinh vốn là thanh tịnh, hiện nay một khi đã sinh vào cõi thế giới Diêm-phù, liền giống như ánh sáng mặt trăng bị bóng cây che khuất, không còn thanh tịnh.

Tâm không thanh tịnh liền từ nơi thân, khẩu và ý tạo tác các nghiệp thiện, ác. Do các loại nghiệp lực khác nhau mới chiêu cảm các loại nhân quả.

### Kinh văn

爾時地藏菩薩摩訶薩白佛言：世尊！  
我承佛如來威神力故，遍百千萬億世  
界，分是身形，救拔一切業報眾生。  
若非如來大慈力故，即不能作如是變  
化。

- *Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã thừa Phật Như Lai uy thần lực cố, biến bá thiên vạn ức thế giới, phân thị thân hình, cứu bạt nhất thiết nghiệp báo chúng sinh. Nhược phi Như Lai đại từ lực cố, tức bất năng tác như thị biến hoá.”*

### Việt dịch

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Địa Tạng bạch Phật: “Thế Tôn! Con nhờ nương sức oai thần của Như Lai nên phân thân ra



**khắp trăm ngàn vạn ức thế giới, cứu độ hết thảy chúng sinh đang chịu nghiệp báo. Nếu không nhờ sức đại từ của Như Lai, con không thể biến hóa được như vậy.”**

## **Giải**

Vào lúc ấy, Đại Bồ Tát Địa Tạng thưa trước Phật: “Thế Tôn! Con nhờ duyên theo oai đức và sức thần thông của Phật Như Lai nên mới có thể biến hiện khắp trăm ngàn vạn ức thế giới, hiện hình cứu vớt giúp đỡ hết thảy chúng sinh đang chịu nghiệp báo. Nếu như không nhờ nương theo sức đại từ của đức Như Lai thì con không thể biến hóa được như thế.”

(Về chữ Ma-ha-tát, xem giải thích ở phần trước.)

## **Thích nghĩa**

Trong phẩm trước, khi Thánh mẫu hỏi về địa ngục chính là ngay sau lúc Bồ Tát Địa Tạng nhận lời giao phó dặn dò của đức Phật, Ngài vẫn còn chưa đáp lời Phật thì Thánh mẫu lúc ấy đã nêu câu hỏi. Cho nên Bồ Tát Địa Tạng trước hết phải trả lời câu hỏi của Thánh mẫu, nói sơ qua về địa ngục Vô Gián. Sau khi phần thưa hỏi của Thánh mẫu đã xong, tự nhiên Bồ Tát phải quay lại thưa tiếp với đức Phật câu chuyện còn dang dở.

Oai của Phật ở đây là Tứ vô úy, thần là sáu thần thông, lực là Thập lực. Bồ Tát vốn không có được những thần thông, oai lực đó, hiện nay ngài được nhận sự giao phó dặn dò của đức Phật, cho nên đức Phật mới giúp cho ngài những oai lực rộng lớn, thần thông không cùng tận cùng với việc biến hóa phân thân, để ngài cứu vớt hết những chúng sinh đang chịu nghiệp báo.

## Kinh văn

我今又蒙佛付囑：至阿逸多成佛已來六道眾生，遣令度脫。唯然，世尊！願不有慮。

- *Ngã kim hựu môn Phật phó chúc: Chí A-dật-đa thành Phật dĩ lai lục đạo chúng sinh, khiến linh độ thoát. Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên bất hữu lự.*

## Việt dịch

**“Con nay lại nhận lời giao phó dặn dò của Phật: Từ nay đến khi ngài A-dật-đa thành Phật hãy khiến cho chúng sinh trong sáu đường đều được độ thoát. Dạ thưa Thế Tôn! Xin ngài chớ lo.”**

## Giải thích

“Nay con lại được nhận lời giao phó dặn dò của Phật, dạy con từ nay suốt cho đến khi ngài A-dật-đa thành Phật phải khiến cho hết thảy chúng sinh trong sáu đường đều được độ thoát. Xin vâng, thưa Thế Tôn! Xin ngài không cần phải để tâm lo lắng.”

## Thích nghĩa

A-dật-đa là tên của Phật Di-lặc, phiên âm từ tiếng Phạn Ajita, Hán dịch là Vô Năng Thắng.

“Duy nhiên” là dạ, vâng, là tiếng dùng để ứng đáp.

## Kinh văn

爾時，佛告地藏菩薩：一切眾生未解脫者，性識無定，惡習結業，善習結果。為善為惡，逐境而生。輪轉五道，暫無休息。動經塵劫，迷惑障難。

- *Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: Nhất thiết chúng sinh vị giải thoát giả, tính thức vô định, ác tập kế nghiệp, thiện tập kế quả. Vi thiện vi ác, trược cảnh nhi sinh. Luân chuyển ngũ đạo, tạm vô hưu tức. Động kinh trần kiếp, mê hoặc chướng nạn.*

## Việt dịch

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Địa Tạng: “Hết thấy chúng sinh khi chưa giải thoát thì tánh, thức đều không nhất định. Quen làm việc ác kết thành nghiệp báo, quen làm việc thiện kết thành quả lành. Làm thiện hay làm ác đều do chạy theo ngoại cảnh mà sinh khởi. [Do nghiệp quả mà] luân chuyển xoay vần trong năm đường,<sup>1</sup> không lúc nào tạm dừng, mê muội lầm lạc chịu nhiều chướng nạn qua vô số kiếp nhiều như bụi nhỏ.”

## Giải thích

Lúc bấy giờ, đức Phật lại bảo Bồ Tát Địa Tạng: “Hết thấy chúng sinh còn chưa đạt được sự giải thoát thì tánh lý và ý thức của họ đều không nhất định. Theo thói quen làm

<sup>1</sup> Năm đường (ngũ đạo), chỉ các cảnh giới thiên (cõi trời), nhân (cõi người), địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

ác kết thành nghiệp, theo thói quen làm thiện kết thành quả, có lúc thì làm việc thiện, có lúc lại làm việc ác. Những việc làm thiện, ác như vậy đều phát sinh do chạy theo hoàn cảnh mà họ gặp phải, xoay tròn mãi như bánh xe, qua lại lên xuống trong các cõi trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, không một lúc ngào ngừng nghỉ, thoáng chốc đã trải qua số kiếp nhiều như số hạt bụi nhỏ, sống trong sự mê muội lầm lạc, sống trong chướng ngại khổ nạn.

### **Thích nghĩa**

A-la-hán là quả vị giải thoát của Tiểu thừa, Phật là quả vị giải thoát của Đại thừa. Những người chưa tu tập thành tựu Chánh quả, chưa đạt được sự giải thoát thì tánh, thức đều không nhất định.

Tánh có hai loại, tánh tập quán và tánh lý. Thức cũng có hai loại như vậy. Thể nguyên sơ tùy theo tánh, thức mà chuyển biến, theo các tập quán tham, sân, si mà tạo quả khổ đau trong ba đường ác, theo các tập quán bố thí, nhân từ, hiền thiện mà tạo quả an vui trong hai cõi trời, người.

Thật đáng thương chúng sinh bị các tập quán nhiều đời che chướng chân tâm, thoát chốc sinh lên cõi trời, thoát chốc sa vào địa ngục, thoát lên thoát xuống, khác nào như con vượn quay tròn, luân chuyển mãi trong năm đường, chịu đựng khổ não vô cùng tận. Tuy trải qua ngàn vạn kiếp như vậy vẫn không chịu giác ngộ.

Một khối vọng tâm vô minh, bám chấp chạy theo hết thấy những cảnh giới hư ảo, không ngừng biến động dù chỉ trong chốc lát, che chướng bao trùm tâm Phật vốn có xưa nay của mỗi người, khiến chúng ta không thể thấu triệt sinh tử, không được giải thoát, kéo dài kiếp sống dằng dặc mãi trong năm đường, chịu đủ mọi khổ não.

Cảnh giới a-tu-la nghiệp chướng còn nặng nề hơn, mãi mãi không được giải thoát, cho nên chỉ nói năm đường [mà không nhắc đến cõi a-tu-la].

### Kinh văn

如魚遊網，將是長流，脫或暫出，又復遭網。

- *Như ngư du võng, tương thị trường lưu, thoát hoặc tạm xuất, hựu phục tao võng.*

### Việt dịch

“Như cá bơi lội trong vòng lưới vây, tưởng như đang ở trong sông rộng, chỉ chốc lát tạm thời không vướng lưới, nhưng rồi cũng lại vướng vào thôi.”

### Giải giải

Thói quen làm ác của con người cũng giống như cá lội trong vùng bủa lưới, tưởng rằng đang bơi trong sông rộng, vừa có được cơ may thoát khỏi rồi lại chui trở vào. Tạm thời tưởng đã thoát được khỏi lưới nhưng rồi lại vướng vào.

### Thích nghĩa

Cá là ví dụ cho chúng sinh trong năm đường, lưới là ví dụ cho cái lồng Ba cõi bao trùm. Nhân vì chúng sinh mê muội bám chấp chạy theo tánh, thức, nghiệp lực mà xoay chuyển, thấy biết vướng chấp hết thảy ngoại cảnh hư dối, không biết chúng đang làm nhiều loạn bản tánh của mình, hóa ra cũng giống như con cá được bơi trong dòng nước

mát hết sức vui sướng, vĩnh viễn không muốn buông bỏ dòng nước mình yêu thích, chính là [như chúng sinh] vĩnh viễn không thoát ra khỏi tấm lưới Ba cõi.

Thương thay! Con cá kia thật ngu muội biết bao! Phải biết rằng dòng nước kia vĩnh viễn đã bị lưới bủa vây quanh, cầu mong mọi người hãy nhanh chóng thoát ra khỏi vòng giăng bủa của lưới kia. Bên ngoài lưới ấy mới thực sự là dòng nước trong sạch mát lành không bao giờ khô cạn, tự nhiên vĩnh viễn không còn vướng vào lưới nữa, như vậy há chẳng phải là sự vui sướng chân thật hay sao? Quý vị nếu muốn thoát khỏi lưới ấy thì từ nay phải buông xả, lìa xa dòng nước ái luyến hư vọng kia, tự nhiên sẽ có thể thoát ra được.

Tạm thời được thoát ra, đó là tỷ dụ cho việc làm thiện, tuy được sinh về cõi trời, nhưng vì không biết thoát ra ngoài cái lưới Ba cõi nên rồi lại mắc vào lưới, cũng giống như khi hưởng hết phúc cõi trời thì lại đọa vào ba đường ác.

### Kinh văn

以是等輩，吾當憂念。汝既畢是往願，累劫重誓，廣度罪輩。吾復何慮。

- *Dĩ thị đẳng bôỉ, ngô đương ưu niệm. Nhữ ký tất thị vãng nguyện, lũy kiếp trọng thệ, quảng độ tội bôỉ, ngô phục hà lự?*

### Việt dịch

“Vì những người như vậy mà ta phải lo nghĩ. Nay ông muốn trọn lời nguyện quá khứ, trong nhiều kiếp đã nặng

lời thề rộng độ những chúng sinh tội khổ, vậy ta đâu còn gì phải lo lắng nữa?”

## Giảng giải

[Đức Phật nói:] “Nhân vì có những chúng sinh [mê muội] như vậy, đương nhiên ta phải ưu sầu lo lắng. Thế nhưng ông đã có sự phát tâm như vậy, hẳn sẽ thành tựu trọn vẹn lời phát nguyện trước đây của mình, cũng như trong nhiều kiếp đã có lời thề phải rộng độ hết thảy những chúng sinh tội khổ, vậy ta đâu còn gì để phải sâu ưu lo nghĩ nữa?”

## Thích nghĩa

Đức Phật vì những chúng sinh tánh, thức không nhất định cho nên hết sức lo nghĩ. Hiện tại Bồ Tát Địa Tạng đã tự mình nói ra, nhận lấy trách nhiệm cứu độ những chúng sinh ấy, đức Phật đương nhiên là không còn gì để phải lo nghĩ nữa.

## Kinh văn

說是語時，會中有一菩薩摩訶薩，名定自在王，白佛言：世尊！地藏菩薩累劫已來各發何願今蒙世尊殷勤讚歎？唯願世尊略而說之。

- *Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma-ha-tát, danh Định Tự Tại Vương, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát lũy kiếp dĩ lai các phát hà nguyện, kim môn Thế Tôn ân cần tán thán? Duy nguyện Thế Tôn lược nhi thuyết chi.*

## Việt dịch

Đức Thế Tôn nói ra lời ấy rồi, trong hội chúng có vị Đại Bồ Tát tên là Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp đến nay đã phát những lời nguyện gì mà nay được đức Thế Tôn ân cần ngợi khen xưng tán? Xin đức Thế Tôn lược nói sơ qua.”

## Giảng giải

Vào lúc đức Phật vừa nói xong câu trên, trong hội chúng có một vị Đại Bồ Tát tên gọi là Định Tự Tại Vương thưa trước Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp đến nay đã từng phát những lời thệ nguyện như thế nào mà hiện nay được đức Thế Tôn ân cần ngợi khen xưng tán như vậy? Mong đức Thế Tôn lược nói qua cho nghe một lần.”

## Thích nghĩa

Chúng sinh tánh, thức không nhất định, cho nên vào ra trong lưới, không được giải thoát. Vị Bồ Tát này nhiếp tâm nhập định, cho nên quyết phá lưới giăng, đạt được sức tự tại lớn lao không ràng buộc, cho nên gọi tên là Định Tự Tại Vương.

Nhân vì đức Thế Tôn trong Pháp Hội ngợi khen xưng tán Bồ Tát Địa Tạng, nói rằng ngài đã từng phát nguyện trong nhiều kiếp, nên mới có câu hỏi này.

Chữ “lũy” có nghĩa là tầng tầng lớp lớp chồng chất lên nhau, hàm ý biểu thị số kiếp rất nhiều.

## Kinh văn

爾時，世尊告定自在王菩薩：諦聽諦聽，善思念之。吾當為汝分別解說。



- *Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Để thính để thính, thiện tư niệm chi. Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết.*

## Việt dịch

**Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Định Tự Tại Vương:**  
**“Hãy lắng nghe! Hãy khéo suy ngẫm! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.”**

## Giảng giải

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Định Tự Tại Vương: “Hãy lưu tâm lắng nghe! Hãy suy xét kỹ càng! Nghe qua rồi phải khéo suy ngẫm. Nay ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.”

## Thích nghĩa

Bồ Tát Địa Tạng có thể nguyện lớn, có đức tin lớn, cho nên mới có thể nhận lãnh lời Phật dạy. Vì sợ rằng những vị Bồ Tát khác không có khả năng nhận lãnh cho nên mới bảo các ngài phải chú trọng, không được xem thường mà chỉ nghe thoáng qua, nghe rồi phải lưu tâm suy ngẫm kỹ lưỡng, như vậy mới có thể đạt được đủ ba loại trí tuệ: văn, tư, tu (nghe nhận, suy ngẫm và thực hành).

Phật bảo hàng Bồ Tát mà còn phải lưu tâm lắng nghe, suy ngẫm kỹ, huống chi chúng ta là những chúng sinh không đủ trí tuệ, lẽ nào lại không đặc biệt lưu tâm lắng nghe, không đặc biệt lưu tâm suy ngẫm hay sao? Hoặc ví như ở điểm này có thể đạt được một chút trí tuệ, nhưng rốt cùng việc đạt đến chỗ triệt ngộ cũng không nói chắc được.

## Kinh văn

乃往過去無量阿僧祇那由他不可說劫，爾時有佛號一切智成就如來、應供、正遍知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，其佛壽命六萬劫。未出家時，為小國王，與一鄰國王為友，同行十善，饒益眾生。

- *Nāi vãng quá khứ vô lượng a-tăng-kì na-do-tha bất khả thuyết kiếp, nhĩ thời hữu Phật hiệu Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn, kỳ Phật thọ mệnh lục vạn kiếp. Vị xuất gia thời, vi tiểu quốc vương, dĩ nhất lân quốc vương vi hữu, đồng hành thập thiện, nhiều ích chúng sinh.*

## Việt dịch

Vào thời quá khứ cách đây vô lượng vô số na-do-tha kiếp không thể nói hết, bấy giờ có đức Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật này có thọ mạng là 60.000 kiếp. Khi chưa xuất gia, ngài là vua một nước nhỏ, làm bạn với vị vua nước láng giềng, cùng nhau thực hành mười nghiệp lành, làm lợi ích chúng sinh.

## Giảng giải

Đó là chuyện trong quá khứ, cách đây vô lượng vô số, ngàn muôn ức, không thể nói hết số kiếp. Thời ấy có đức Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai.

Ứng cúng, nghĩa là đã thành Phật, xứng đáng nhận sự cúng dường của chư thiên và loài người.

Chánh biến tri, nghĩa là Phật có sự hiểu biết chân chánh, kiến giải chân chánh, có trí tuệ thấy biết rộng khắp pháp giới.

Minh hạnh túc, nghĩa là thân nghiệp, khẩu nghiệp đều thanh tịnh, tùy ý, đạt được đầy đủ muôn công hạnh.

Thiện thệ, chính là Niết-bàn, mãi mãi vượt ngoài Ba cõi, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Thế gian giải, nghĩa là Phật đời đời xuất hiện ở thế gian nhưng đều có thể đạt được giải thoát.

Vô thượng sĩ, là nói trí tuệ của Phật vô thượng, không ai hơn được.

Điều ngự trượng phu, là nói Phật giáo hóa chúng sinh được cứu độ.

Phật cứu độ chúng sinh trong hai cõi trời, người là nhiều nhất, cho nên tôn xưng ngài là bậc Thiên nhân sư.

Phật được hết thảy chúng sinh trên cõi đời đều tôn kính, cho nên tôn xưng ngài là Thế Tôn.

Thọ mạng của vị Phật này là 60.000 kiếp. Trong thời gian chưa xuất gia, ngài từng làm vua một nước nhỏ, đã kết bạn với vị vua nước láng giềng để cùng nhau tu tập mười nghiệp lành, làm lợi ích cho rất nhiều chúng sinh thuở ấy.

## Thích nghĩa

Có trí tuệ hiểu biết được hết thấy mọi việc nên gọi là Nhất thiết trí, phân biệt ra có ba loại. Loại thứ nhất gọi là Nhất thiết trí, có thể thành tựu Tiểu quả của Nhị thừa. Loại thứ hai gọi là Đạo chủng trí, có thể thành tựu đạo Bồ Tát. Loại thứ ba gọi là Nhất thiết chủng trí, có thể thành tựu quả vị Phật.

Như Lai là nói ý nghĩa giống như chư Phật xưa tái sinh.<sup>1</sup>  
Mười nghiệp lành, phần trước đã có giải thích rồi.

## Kinh văn

其鄰國內所有人民，多造眾惡。二王議計，廣設方便，一王發願：早成佛道，當度是輩，令使無餘；一王發願：若不先度罪苦，令是安樂，得至菩提，我終未願成佛。

- Kỳ lân quốc nội sở hữu nhân dân, đa tạo chúng ác. Nhị vương nghị kế, quảng thiết phương tiện. Nhất vương phát nguyện: Tảo thành Phật đạo, đương độ thị bối, linh sử vô dư. Nhất vương phát nguyện: Nhược bất tiên độ tội khổ, linh thị an lạc, đắc chí Bồ-đề, ngã chung vị nguyện thành Phật.

## Việt dịch

**Nhân dân trong nước láng giềng ấy làm nhiều việc xấu ác. Hai vị vua bàn nhau, rộng bày phương tiện [cứu giúp**

<sup>1</sup> Ở đây có lẽ là ý suy luận của người giải thích, cho rằng “như lai” có nghĩa “giống như chư cổ Phật tái lai”. Trong kinh Kim Cang, đức Phật giải thích là: “Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.” (Như Lai đó, không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.)

họ]. Một vua phát nguyện: “[Tôi nguyện] sớm thành Phật đạo để cứu độ bằng hết những người dân này.” Vị vua kia phát nguyện: “Nếu trước tiên không cứu độ hết những người tội khổ, khiến cho đều được an vui, đạt đạo Bồ-đề, thì tôi nguyện không thành Phật.”

## Giảng giải

Người dân trong nước láng giềng kia đa số tạo nhiều nghiệp ác. Một ngày nọ, hai vị vua cùng bàn đến việc này, đều muốn nghĩ cách rộng bày phương tiện, cách thức. Sau khi bàn bạc kết thúc, cả hai vị đều phát khởi tâm nguyện. Một vua nói: “Ta nguyện sớm thành Phật, sau đó sẽ độ thoát hết thảy những người dân này, không bỏ sót lại một người nào.” Vị vua còn lại cũng phát nguyện rằng: “Ta nguyện trước tiên phải cứu độ hết những chúng sinh đang chịu tội khổ, khiến họ được an vui, thành tựu quả Phật, nếu không ta sẽ không thành Phật.”

## Thích nghĩa

Phát nguyện có hai loại, một là phát nguyện thành Phật, tự mình thành Phật trước tiên, sau đó quay lại cứu độ chúng sinh. Một loại nữa là phát nguyện của Bồ Tát, trước tiên phải cứu độ hết chúng sinh, sau đó tự mình mới thành Phật.

## Kinh văn

佛告定自在王菩薩：一王發願早成佛者，即一切智成就如來是。一王發願永度罪苦眾生，未願成佛者，即地藏菩薩是。

- *Phật cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Nhất vương phát nguyện tảo thành Phật giả, tức Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai thị. Nhất vương phát nguyện vĩnh độ tội khổ chúng sinh, vị nguyện thành Phật giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.*

## Việt dịch

**Đức Phật bảo Bồ Tát Định Tự Tại Vương: “Vị vua phát nguyện sớm thành Phật, chính là đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai. Vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sinh tội khổ, chưa nguyện thành Phật, chính là Bồ Tát Địa Tạng.”**

## Giải thích

Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương rằng: “Một vua phát nguyện muốn sớm thành Phật, chính là đức Phật Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai. Một vua phát nguyện muốn trước tiên cứu độ hết chúng sinh tội khổ, tự mình không muốn thành Phật trước, chính là Bồ Tát Địa Tạng.”

## Thích nghĩa

Hết thầy người tu hành đều lấy phát nguyện làm việc trước tiên. Phát nguyện lớn hay nhỏ, đều do từ nơi tâm rộng hay hẹp mà phát khởi.

Cho nên tâm Phật với tâm chúng sinh cũng không có gì khác biệt. Phạm phu không thành Phật, đều là do trong tự tâm họ không mong muốn thành Phật. Quý vị nghĩ xem, như vị quốc vương kia một khi phát nguyện liền được thành tựu, xem như vậy thì có thể biết được.

**Kinh văn**

復於過去無量阿僧祇劫，有佛出世，名清淨蓮華目如來。其佛壽命四十劫。

- *Phục ư quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Kỳ Phật thọ mệnh tứ thập kiếp.*

**Việt dịch**

Lại nữa, trong quá khứ cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có Phật xuất thế hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Thọ mạng của vị Phật này là 40 kiếp.

**Giải thích**

Trong quá khứ cách đây vô lượng a-tăng-kỳ số kiếp lại có một vị Phật xuất thế, danh hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Thọ mạng của ngài dài 40 kiếp.

**Thích nghĩa**

Đức Phật có 32 tướng tốt, đó là vì Phật đã dứt trừ hết mọi điều xấu ác, lại trọn vẹn đầy đủ hết thảy mọi công đức. Cho nên, khuôn mặt của Phật như mặt trăng tròn sáng. Phật thường dùng ánh mắt từ bi xem khắp chúng sinh, cho nên đồng tử trong mắt ngài giống hệt như hoa sen thanh tịnh.

**Kinh văn**

像法之中，有一羅漢，福度眾生。因次教化，遇一女人，字曰光目。設食

供養。羅漢問之：欲願何等？光目答言：我以母亡之日，資福救拔，未知我母生處何趣？

- *Tượng pháp chi trung, hữu nhất La-hán, phúc độ chúng sinh. Nhân thứ giáo hóa, ngộ nhất nữ nhân, tự viết Quang Mục, thiết thực cúng dường. La-hán vấn chi: Dục nguyện hà đẳng? Quang Mục đáp ngôn: Ngã dĩ mẫu vong chi nhật, tư phúc cứu bạt, vị tri ngã mẫu sinh xứ hà thứ?*

### Việt dịch

Trong thời Tượng pháp [của vị Phật này], có một vị La-hán đem phước đức cứu độ chúng sinh. Nhân trong khi tuần tự giáo hóa, ngài gặp một cô gái tên là Quang Mục bày biện các món thức ăn dâng lên cúng dường. Vị La-hán hỏi: “Con muốn cầu điều gì?” Quang Mục thưa: “Nhân ngày giỗ mẹ, con muốn nhờ phước [cúng dường] này để cứu mẹ, nhưng vẫn không biết mẹ con tái sinh cõi nào?”

### Giải thích

Trong khoảng thời gian Tượng pháp, có một vị La-hán dùng sự tu hành phước đức để cứu độ chúng sinh. Quán sát nhân quả của người phạm rồi dựa theo đó mà giáo hóa. Một hôm, ngài gặp một người con gái tên là Quang Mục, cung kính dâng một bữa cơm cúng dường lên ngài. Vị La-hán hỏi: “Con cúng dường như vậy muốn cầu việc gì?” Quang Mục thưa: “Con nhân ngày giỗ mẹ con, bỏ tiền



của ra vì mẹ làm phúc để mong cứu độ mẹ, nhưng không biết mẹ con hiện nay sinh vào chốn nào? Ở trong cảnh giới nào?”

### Thích nghĩa

Tượng pháp, là quãng thời gian sau khi Phật nhập diệt, nằm giữa hai thời kỳ Chánh pháp và Mạt pháp, chỉ còn lại những hình tượng, tranh vẽ giống Phật thôi.<sup>1</sup>

La-hán là vị ôm bình bát đi khất thực, tu hành giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là vị khất sĩ.

Mục là biểu thị định, quang là biểu thị tuệ, nhờ định mà có tuệ, từ nơi tuệ mới phát quang, tỏa sáng.

Người đem thức ăn bố thí cho người khác có năm loại công đức. Thứ nhất là cho người mạng sống (thí mạng), thứ hai là cho người hình sắc (thí sắc), thứ ba là cho người sức mạnh (thí lực), thứ tư là cho người sự an ổn (thí an), thứ năm là cho người sức biện thuyết (thí biện). Đó là năm phước đức [người bố thí nhận được].

### Kinh văn

羅漢愍之，為入定觀。見光目女母墮在惡趣，受極大苦。羅漢問光目言：汝母在生作何行業？今在惡趣受極大苦。

<sup>1</sup> Cách giải thích ở đây dường như theo sự suy đoán khá tùy tiện, vì căn cứ Từ điển Phật Quang thì Tượng pháp (saddharma-pratirūpaka) hay Tượng pháp thời là giai đoạn mà Giáo pháp của Phật vẫn còn lưu hành nhưng chỉ còn tương tự, gần giống chứ không hoàn toàn chính xác như Phật thuyết dạy.

- *La-hán mẫn chi, vi nhập định quán, kiến Quang Mục nữ mẫu đọa tại ác thú, thụ cực đại khổ. La-hán vấn Quang Mục ngôn: Nhữ mẫu tại sinh tác hà hành nghiệp? Kim tại ác thú thụ cực đại khổ.*

### Việt dịch

Vị La-hán thương xót, liền nhập định quán xét, thấy mẹ của Quang Mục đọa vào đường ác, chịu khổ não cùng cực. Vị La-hán liền hỏi Quang Mục: “Mẹ con khi còn sống tạo những nghiệp gì? Hiện nay đọa vào đường ác đang chịu khổ não cùng cực.”

### Giải thích

Vị La-hán sau khi nghe cô Quang Mục nói xong thì rất thương xót, liền vì cô ngồi tĩnh tọa nhập định quán sát, thấy được mẹ cô Quang Mục đọa vào trong đường ác, chịu khổ não cùng cực.

### Thích nghĩa

Hết thấy chúng sinh gặp phải tai nạn họa hại hoàn toàn không phải do trời giáng phạt, đều là những điều tự mình làm trong quá khứ nên hiện tại phải nhận lãnh quả báo, tự làm tự chịu.

Hiện tại nhìn thấy mẹ cô Quang Mục ở trong địa ngục Vô Gián, chịu khổ báo cùng cực, cho nên khi xuất định liền phải hỏi cô xem lúc còn sống bà ấy đã tạo những nghiệp gì.

### Kinh văn

光目答言：我母所習，唯好食噉魚鱉之屬。所食魚鱉，多食其子，或炒或

煮，恣情食噉，計其命數，千萬復倍。尊者慈愍，如何哀救？

- Quang Mục đáp ngôn: Ngã mẫu sở tập, duy háo thực đạm ngư miết chi thuộc. Sở thực ngư miết, đa thực kì tử, hoặc sao hoặc chủ, tứ tình thực đạm, kế kỳ mệnh số, thiên vạn phục bội. Tôn giả từ mẫn, như hà ai cứu?

### Việt dịch

**Quang Mục thưa đáp:** “Nghiệp ác mẹ con đã làm chỉ duy nhất là thích ăn các loài hải sản,<sup>1</sup> đa phần là ăn trứng của chúng, hoặc chiên hoặc nấu, cứ tha hồ mà ăn, tính ra phải nhiều hơn muôn ngàn sinh mạng. Tôn giả rủ lòng thương, xin làm cách nào để cứu giúp.”

### Giải thích

Cô Quang Mục đáp lại câu hỏi, nói rằng: “Thói quen của mẹ con là chỉ ưa thích ăn các loại hải sản, khi ăn thì đa phần là ăn trứng của chúng, hoặc chiên xào, hoặc luộc nấu, cứ buông thả theo ý thích mà ăn, nếu tính lại số lượng các sinh mạng ấy hẳn phải nhiều hơn cả số muôn ngàn. Thưa Tôn giả! Mong ngài đem lòng từ bi thương xót con, làm cách nào để cứu vớt mẹ con.”

<sup>1</sup> Hai chữ ngư miết (魚鱗) trong kinh văn, hầu hết các bản dịch trước đây, kể cả Anh ngữ, đều dịch là “cá và rùa” (fish, turtles). Tuy nhiên, chúng tôi đã tìm thấy ít nhất là 29 bản kinh văn có sử dụng cụm từ này đều mang nghĩa như một danh từ chỉ chung các loài thủy tộc, hải sản. Niếp Đại thừa luận thích cũng có câu: “譬如大海，眾流所入，其水相雜，為魚鱗等同所受用。” (Thí như đại hải, chúng lưu sở nhập, kỳ thủy tương tạp, vi ngư miết đẳng đồng sở thụ dụng. - Ví như biển lớn các dòng nước hòa vào, các loài thủy tộc đều thọ dụng như nhau.) Cách dùng ngư miết ở đây rõ ràng chỉ chung các loại thủy tộc chứ không thể hiểu là cá và rùa. Cách dịch không chuẩn xác này có thể khiến hiểu lầm là tội lỗi do ăn thịt cá và rùa, còn các loại sinh vật khác thì không có tội chăng?

## Thích nghĩa

Những nghiệp ác mà chúng ta gây tạo có rất nhiều, nhưng nghiêm trọng, nặng nề nhất là nghiệp giết hại. Mẹ của Quang Mục không chỉ giết hại ăn thịt các loài thủy tộc, mà còn chuyên ăn trứng của chúng. Trong một bọc trứng số lượng rất nhiều, ví như chúng được sinh ra lớn lên, mỗi trứng đều là một sinh mạng. Số trứng nhiều tức số sinh mạng nhiều, cho nên nói rằng không chỉ ở số muôn ngàn. Nên có thể biết rằng mẹ của Quang Mục đã giết hại rất nhiều sinh mạng, tội nghiệp đó tự nhiên rất nặng nề không thể tở dụ được.<sup>1</sup>

## Kinh văn

羅漢愍之，為作方便。勸光目言：汝可志誠念清淨蓮華目如來，兼塑畫形像，存亡獲報。

- *La-hán mẫn chi, vi tác phương tiện, khuyến Quang Mục ngôn: Nhữ khả chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kiêm tồ họa hình tượng, tồn vong hoạch báo.*

## Việt dịch

Vị La-hán thương xót, liền phương tiện khuyên Quang Mục rằng: “Con có thể chí thành niệm danh hiệu đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, cùng tạo vẽ hình tượng ngài thì người còn kẻ mất đều được phước báo.”

---

<sup>1</sup> Nguyên bản có phụ chép ở đây một phần phụ lục ngắn, xét thấy nội dung ngày nay không còn phù hợp nên chúng tôi đã lược qua không dịch.

## Giảng giải

La-hán hết sức thương xót nên vì cô Quang Mục mà chỉ bày phương cách, khuyên rằng: “Con có thể đem tâm chí thành niệm danh hiệu đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, lại tạo vẽ hình tượng của ngài thì người còn sống với kẻ đã mất đều sẽ được quả báo tốt đẹp.”

## Thích nghĩa

Niệm Phật, tạo tượng Phật, vẽ hình Phật, chính là phương pháp cứu vớt. Niệm Phật thì ngay trong đời này được lợi mình, lợi người. Tạo vẽ tượng Phật thì đời sau được lợi mình lợi người.

Tâm hướng về một nơi gọi là *chí*, ý chân thật kiên định gọi là *thành*. Bất kể là làm việc lành gì, có tâm chí thành ắt được thành tựu, không có tâm chí thành ắt phải hư hỏng.

Niệm Phật một câu có thể tiêu trừ tội nghiệp trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng. Lễ Phật một lạy, có thể tăng thêm vô lượng phước đức. Những điều này đều nhờ nơi tâm chí thành mà đạt được.

Cô gái Quang Mục nếu có thể làm như vậy, không chỉ là mẹ cô được thoát khỏi địa ngục, mà chính tự thân cô trong tương lai cũng chứng thành quả Phật. Cho nên nói rằng người còn kẻ mất đều được phước báo.”

## Kinh văn

光目聞已，即捨所愛，尋畫佛像而供養之。復恭敬心，悲泣瞻禮。

- Quang Mục văn dĩ, tức xả sở ái, tìm hoạ Phật tượng nhi cúng dường chí, phục cung kính tâm, bi khắp chiêm lễ.

## Việt dịch

Cô Quang Mục nghe như vậy rồi liền từ bỏ hết những gì mình yêu thích, dùng lo việc tạo vẽ hình tượng Phật mà cúng dường, lại hết lòng cung kính thương cảm chiêm ngưỡng lễ bái, nước mắt ràn rụa.

## Giảng giải

Cô Quang Mục một khi nghe được lời dạy ấy rồi, lập tức buông bỏ hết những vật mình yêu thích, bán đi lấy tiền, dùng tiền ấy để tìm người nhờ vẽ tranh tượng Phật cúng dường, lại khởi sinh tâm chí thành cung kính, thương cảm mà chiêm ngưỡng, cung kính lễ bái.

## Thích nghĩa

Cô Quang Mục vừa nhớ tưởng đến mẹ đang chịu khổ, lại vừa nhớ tưởng đến ân đức của Phật đối với chúng sinh, cho nên mới sinh lòng thương cảm bi ai, nước mắt tuôn tràn.

Chiêm ngưỡng rồi lễ bái, lễ bái rồi chiêm ngưỡng, một tấm lòng hiếu thảo thuần khiết, há còn thấy có gì khác vui thú sao?

## Kinh văn

忽於夜後，夢見佛身，金色晃耀，如須彌山，放大光明，而告光目：汝母不久當生汝家。纔覺飢寒，即當言說。

- *Hốt ư dạ hậu, mộng kiến Phật thân, kim sắc hoảng diệu, như Tu-di sơn, phóng đại quang minh, nhi cáo Quang Mục: Nhữ mẫu bất cử đương sinh nhữ gia, tài giác cơ hàn, tức đương ngôn thuyết.*

## Việt dịch

**Bồng dung vừa quá nửa đêm, Quang Mục mộng thấy thân Phật sắc vàng rực rỡ chói lọi, cao lớn như núi Tu-di, phóng chiếu hào quang chói sáng, bảo Quang Mục rằng: “Không bao lâu nữa mẹ con sẽ sinh vào trong nhà con, vừa biết đói lạnh thì biết nói.”**

## Giải thích

Bồng dung vào khoảng nửa sau của đêm đó, cô Quang Mục trong mộng nhìn thấy được thân Phật, sắc vàng rực rỡ như vàng ròng, cao lớn như núi Tu-di, phóng chiếu hào quang sáng chói. Đức Phật bảo Quang Mục: “Mẹ của con, không bao lâu nữa sẽ sinh vào trong nhà con. Khi vừa biết đói, biết lạnh cũng liền biết nói.”

## Thích nghĩa

Nằm mộng có bốn trường hợp. Một là mộng do bốn đại không hòa hợp. Hai là mộng thấy trước sự việc. Ba là mộng của trời, người. Bốn là mộng do tâm tưởng.

Giấc mộng của Quang Mục là thuộc hai trường hợp sau.

“Rực rỡ chói lọi” là mô tả ánh sáng chiếu soi chói lọi cùng khắp.

“Sinh vào nhà của con” là đức Phật đáp ứng nguyện vọng của cô Quang Mục, nói cho cô biết nơi mẹ cô sẽ sinh đến.

## Kinh văn

其後家內婢生一子，未滿三日，而乃言說。稽首悲泣，告於光目：生死業緣，果報自受。吾是汝母，久處暗冥。自別汝來，累墮大地獄。蒙汝福力，方得受生，為下賤人。又復短命，壽年十三，更落惡道。汝有何計？令吾脫免。

- Kỳ hậu gia nội tỳ sinh nhất tử, vị mãn tam nhật, nhi nãi ngôn thuyết, kê thủ bi khấp, cáo ư Quang Mục: Sinh tử nghiệp duyên, quả báo tự thụ. Ngô thị nữ mẫu, cửu xứ ám minh. Tự biệt nữ lai, luy đọa đại địa ngục. Mông nữ phúc lực, phương đắc thụ sinh, vi hạ tiện nhân, hựu phục đoản mệnh, thọ niên thập tam, cánh lạc ác đạo. Nữ hữu hà kế, linh ngô thoát miễn?

## Việt dịch

Sau đó, người tỳ nữ trong nhà sinh ra một đứa con, chưa được ba ngày đã biết nói, cúi đầu buồn khóc nói với Quang Mục: “Nghiệp duyên trong vòng sinh tử, quả báo tự mình nhận lãnh. Ta là mẹ của con trước đây, từ lâu phải ở trong chốn u minh. Từ khi ly biệt với con, ta phải đọa vào đại địa ngục nhiều lần. Nay nhờ phúc lực của con mới được thọ sinh lần này, làm người hạ tiện, nhưng lại vẫn sống, chỉ đến năm 13 tuổi sẽ chết rồi lại đọa vào đường ác. Con có cách gì giúp ta thoát khỏi được chăng?”



## Giảng giải

Sau đó, có người tỳ nữ trong nhà Quang Mục sinh ra một đứa con trai, chưa được ba ngày quả nhiên đã biết nói. Nhìn thấy Quang Mục, đứa bé cúi đầu khóc lóc bi thảm, nói với Quang Mục: “Nghiệp đã tạo trong chốn sinh tử, nhân duyên quả báo đều tự mình nhận lãnh. Ta chính là mẹ của con trước đây, từ lâu đã phải ở trong chốn u minh. Từ khi ly biệt với con, ta nhiều lần đọa vào đại địa ngục. Nhờ có năng lực do con tu phước nên mới được thoát ra thọ sinh làm người hạ tiện, nhưng số mạng ngắn ngủi, chỉ đến năm 13 tuổi phải chết, rồi lại phải đọa vào đường ác. Nay con có phương cách gì giúp ta thoát được tội nghiệp này chăng?”

## Thích nghĩa

Vừa sinh ra ba ngày đã biết nói, đó đều là nhờ sức thần thông của Phật ngắm ngẫm gia hộ.

Người sống trong ba cõi, bất kể lớn nhỏ, sang hèn, hết thảy đều tùy theo nghiệp đã tạo mà tự mình thăng trầm, người khác không cách gì thay thế được.

Nghiệp giết hại có ba loại quả báo. Một là mạng sống ngắn ngủi, hai là nhiều bệnh tật, ba là đọa vào đại địa ngục. Cho nên mẹ của Quang Mục phải chịu sự báo ứng như vậy.

## Kinh văn

光目聞說，知母無疑。哽咽悲啼而白婢子：既是我母，合知本罪，作何行業，墮於惡道？婢子答言：以殺害毀

罵二業受報。若非蒙福，救拔吾難，以是業故，未合解脫。

- *Quang Mục văn thuyết, tri mẫu vô nghi. Ngạnh ân bi đề nhi bạch tì tử: Ký thị ngã mẫu, hợp tri bản tội, tác hà hành nghiệp, đọa ư ác đạo? Tỳ tử đáp ngôn: Dĩ sát hại hủy mạ nhị nghiệp thụ báo. Nhược phi môn phước, cứu bạt ngô nạn, dĩ thị nghiệp cố, vị hợp giải thoát.*

### Việt dịch

Quang Mục nghe nói, biết đó là mẹ mình, không nghi ngờ gì nữa, ngen ngào nức nở, khóc mà nói với đứa con tỳ nữ: “Đã là mẹ của con hẳn phải biết tội mình, đã tạo nghiệp gì phải đọa vào đường ác?” Đứa trẻ đáp rằng: “Do hai nghiệp giết hại và chê bai mắng nhiếc nên phải chịu quả báo. Nếu không nhờ phước đức cứu vớt khỏi nạn thì theo nghiệp ấy vẫn chưa được thoát ra.”

### Giải giải

Quang Mục vừa nghe đứa trẻ nói xong thì biết ngay đó là mẹ mình, không còn nghi ngờ gì, cô liền ngen ngào nức nở khóc mà nói với đứa con người tỳ nữ: “Người đã là mẹ của tôi thì phải biết được tội nghiệp của mình đã tạo trước đây, vậy đã tạo những nghiệp gì mà phải đọa vào trong đường ác?” Đứa con người tỳ nữ đáp rằng: “Ta vì hai nghiệp ác là giết hại sinh mạng và chê bai chửi mắng mà phải chịu quả báo như vậy. Nếu như không nhờ sức tu phước đức của con cứu ta khỏi khổ nạn này, thì với nghiệp ác đó không thể được thoát ra.”

## Thích nghĩa

Âm thanh nấc nghẹn không ra khỏi miệng nên gọi là nghẹn ngào, khóc lớn thành tiếng là khóc nức nở.

Trong những nghiệp ác của thân thì nghiệp giết hại là nặng nề nhất. Trong những nghiệp ác của miệng thì chê bai chửi mắng là nặng nề nhất. Đã phạm vào cả hai nghiệp ác nặng nề như vậy, tất nhiên phải đọa vào đại địa ngục chịu khổ não.

Nếu như không có con cái hiếu thuận thay bà ấy niệm Phật, tạo tượng, tu phúc, thì nghiệp báo nặng nề như vậy làm sao có hy vọng được giải thoát?

## Kinh văn

光目問言：地獄罪報，其事云何？婢子答言：罪苦之事，不忍稱說。百千歲中，卒白難竟。

- Quang Mục vấn ngôn: Địa ngục tội báo, kỳ sự vân hà? Tỷ tử đáp ngôn: Tội khổ chi sự, bất nhẫn xưng thuyết, bá thiên tuế trung, tốt bạch nan cánh.

## Việt dịch

Quang Mục lại hỏi: “Chuyện tội báo ở địa ngục như thế nào?” Đứa con người tỳ nữ đáp: “Những chuyện tội khổ ở đó nói ra thật không chịu nổi, dù trăm ngàn năm cũng không nói hết được.”

## Giảng giải

Quang Mục lại hỏi: “Những việc tội báo ở địa ngục như thế nào, mẹ có thể nói ra cho con nghe được không?” Đứa

con người tỳ nữ đáp rằng: “Những chuyện chịu tội khổ ở đó, ta thật không đủ sức chịu đựng khi nói ra. Nếu như muốn nói ra thì đến trăm năm, ngàn năm cũng không nói hết được.”

## Thích nghĩa

Người mẹ kia vừa nghĩ lại những nỗi khổ đau cùng cực, bi thảm trong địa ngục thì trong lòng tan nát, làm sao còn có thể nói ra? Ví như có nói, [người nghe] cũng không sao hình dung ra nổi.

## Kinh văn

光目聞已，啼淚號泣而白空界：願我之母，永脫地獄。畢十三歲，更無重罪及歷惡道。

- Quang Mục văn dĩ, đề lệ hào khắp nhi bạch không giới: Nguyên ngã chi mẫu vĩnh thoát địa ngục, tất thập tam tuế, cánh vô trọng tội cập lịch ác đạo.

## Việt dịch

Quang Mục nghe xong khóc lóc thảm thiết, ngửa mặt lên hư không thưa rằng: “Nguyên cho mẹ con vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục, hết năm 13 tuổi không còn tội nặng, không phải đi vào đường ác.”

## Giảng giải

Quang Mục nghe qua rồi liền cất tiếng khóc lớn, buồn đau thảm thiết, hướng lên hư không nói rằng: “Nguyên

cho mẹ con được vĩnh viễn thoát ly địa ngục, sau khi thọ mạng chấm dứt năm 13 tuổi không còn tội nghiệp nặng nề, cũng không phải đi vào đường ác nữa.”

### Thích nghĩa

Chữ “hào” là khóc lớn tiếng, do trong lòng hết sức đau đớn cho nên mới khóc lớn tiếng.

Đoạn trước nói sau năm 13 tuổi người mẹ sẽ đọa vào đường ác, cho nên Quang Mục mới phát nguyện như vậy.

### Kinh văn

十方諸佛慈哀愍我，聽我為母所發廣大誓願：若得我母永離三塗及斯下賤，乃至女人之身，永劫不受者。

- *Thập phương chư Phật từ ai mẫn ngã, thính ngã vi mẫu sở phát quảng đại thệ nguyện: Nhược đắc ngã mẫu vĩnh ly tam đồ cập tư hạ tiện, nãi chí nữ nhân chi thân vĩnh kiếp bất thụ giả.*

### Việt dịch

“Nguyện mười phương chư Phật từ bi thương xót, lắng nghe chứng giám, nay con vì mẹ phát lời thệ nguyện rộng lớn: “Nếu mẹ con được vĩnh viễn lìa xa ba đường ác cũng như kiếp hạ tiện này, cho đến mãi mãi không còn thọ thân nữ giới...”

### Giải thích

Quang Mục lại nói tiếp: “Xin nguyện cùng mười phương chư Phật! Mong chư Phật khởi lòng từ bi thương xót đến

con, lắng nghe con vì mẹ phát lời thệ nguyện rộng lớn: Nếu mẹ con được vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác, thoát khỏi thân hạ tiện hiện nay, cho đến mãi mãi không còn sinh làm thân nữ.”

## Thích nghĩa

Cầu mười phương Phật tức là cầu chư Phật trong số thế giới nhiều như cát sông Hằng, biểu thị lời phát nguyện của Quang Mục hết sức rộng lớn.

Mong cho mẹ mãi mãi không sinh làm thân người nữ, đó là mong cho tâm hiếu thảo của tự thân mình mãi mãi không diệt mất.

Tuy đã có tâm nguyện như vậy nhưng vẫn phải nguyện cầu chư Phật từ bi thương xót hộ trì cho cô.

## Kinh văn

願我自今日後，對清淨蓮華目如來像前，卻後百千萬億劫中，應有世界所有地獄及三惡道諸罪苦眾生，誓願救拔，令離地獄惡趣、畜生、餓鬼等。如是罪報等人，盡成佛竟，我然後方成正覺。

- *Nguyện ngã tự kim nhật hậu, đối Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai tượng tiền, khước hậu bách thiên vạn ức kiếp trung, ứng hữu thế giới sở hữu địa ngục cập tam ác đạo chư tội khổ chúng sinh, thệ nguyện cứu bạt, linh ly địa ngục ác thú, súc sinh, nạ quý đẳng.*

*Như thị tội báo đấng nhân, tận thành Phật cảnh,  
ngã nhiên hậu phương thành Chính giác.*

## Việt dịch

**“...thì con nguyện trước hình tượng đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, từ nay về sau cho đến trong trăm ngàn muôn ức kiếp, ở thế giới nào có những chúng sinh chịu tội khổ trong địa ngục cũng như ba đường ác, con xin nguyện cứu vớt tất cả, khiến cho được lìa khỏi các cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Những người chịu tội báo như thế đều thành Phật hết rồi, sau đó con mới thành Chánh giác.”**

## Giải thích

Con nguyện từ hôm nay trở về sau, đối trước tranh tượng đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, trong trăm ngàn muôn ức kiếp, ở bất cứ thế giới nào có những chúng sinh chịu tội khổ trong các địa ngục cũng như ba đường ác, con phát khởi thệ nguyện xin cứu giúp tất cả, khiến cho những chúng sinh ấy đều được lìa khỏi đường ác địa ngục cũng như súc sinh, ngạ quỷ. Hết thấy những chúng sinh chịu tội khổ như vậy đều thành Phật rồi, sau đó con mới thành Phật. (Thành Chánh giác tức là thành Phật.)

## Thích nghĩa

“Từ nay về sau”, đó là điểm mốc phát khởi tâm ban đầu. Cũng như khi [tiên thân ngài Địa Tạng] làm vị Trưởng giả tử, làm cô gái bà-la-môn, làm vị quốc vương, làm cô gái Quang Mục, bốn lần phát đại nguyện thực hành đạo

hiếu cũng đều giống nhau là trước tiên phải độ hết tất cả chúng sinh trong sáu đường đều thành Phật. Xét lại đến tận nguồn cơn ban đầu thì lần đề cập sau cùng này là lần phát tâm trước nhất, nên có thể biết rằng công đức phát tâm ban đầu là quan trọng lớn lao nhất.

Cõi nạ quỷ hết sức khổ sở, trong vô số ngàn kiếp không hề được ăn uống gì. Yết hầu của nạ quỷ nhỏ như cây kim, bụng to như núi, ví như có lúc được ăn uống gì, thức ăn vừa vào trong bụng liền hóa thành lửa. Đây là những người ở đời tham lam bỏn xẻn tiền bạc, không chịu bố thí cho người khốn cùng, nên phải chịu quả báo như vậy.

### Kinh văn

發誓願已，具聞清淨蓮華目如來而告之曰：光目，汝大慈愍，善能為母發如是大願。吾觀汝母十三歲畢，捨此報已，生為梵志，壽年百歲。過是報後，當生無憂國土，壽命不可計劫，後成佛果，廣度人天，數如恒河沙。

- *Phát thệ nguyện dĩ, cụ văn Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nhi cáo chi viết: Quang Mục, nữ đại từ mẫn, thiện năng vi mẫu phát như thị đại nguyện. Ngô quán nữ mẫu thập tam tuế tất, xả thủ báo dĩ, sinh vi Phạm chí, thọ niên bá tuế. Quá thị báo hậu, đương sinh Vô Ưu quốc độ, thọ mệnh bất khả kế kiếp, hậu thành Phật quả, quảng độ nhân thiên, số như Hằng hà sa.*



## Việt dịch

Phát nguyện vừa xong, liền nghe rõ đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo cho biết rằng: “Quang Mục, con có tâm đại từ, có tình thương rộng lớn, khéo vì mẹ phát lời đại nguyện như vậy. Ta quán xét thấy mẹ của con hết năm 13 tuổi, xả bỏ nghiệp báo này rồi sẽ sinh làm Phạm-chí, tuổi thọ đến trăm năm. Sau đó sẽ sinh về cõi nước Vô Ưu, tuổi thọ không thể tính đếm số kiếp. Về sau thành Phật, rộng độ trong hai cõi trời, người, số lượng nhiều như cát sông Hằng.

## Giảng giải

Phát nguyện vừa xong hết, liền nghe được tiếng đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo cho biết rằng: “Quang Mục! Con thực sự có tâm đại bi, có tình thương rộng lớn, có thể nghĩ đến phương thức tốt đẹp như vậy, vì mẹ mà phát lời thệ nguyện lớn lao sâu rộng. Ta quán sát thấy mẹ của con sau khi sống đến năm 13 tuổi, xả bỏ báo thân này rồi thì sinh làm một vị Phạm chí,<sup>1</sup> tuổi thọ đến trăm năm. Sau khi bỏ báo thân Phạm chí sẽ sinh về cõi nước Vô Ưu, tuổi thọ dài lâu không thể tính đếm được số kiếp. Cuối cùng về sau sẽ thành tựu quả Phật, rộng độ chúng sinh trong cả hai cõi trời, người, số nhiều như số cát sông Hằng.

## Thích nghĩa

“Đại từ mẫn” (có tâm đại từ, có tình thương rộng lớn), đó là nói Quang Mục có khả năng cứu vớt, hóa độ hết thảy chúng sinh trong ba đường ác.

<sup>1</sup> Danh xưng được dịch từ chữ brāhmaṇa, phiên âm thành bà-la-môn, chỉ những người tu hành giữ gìn Phạm hạnh thanh tịnh, thường là vì muốn được sinh về cõi Phạm thiên, tức cõi trời.

“Thiện năng” (khéo phát tâm) là khen ngợi sự thông minh, nếu vì mẹ phát tâm là chuyện bình thường, nhưng phát thệ nguyện rộng lớn như vậy cầu cho mẹ tiêu trừ tội nghiệp thì khác nào dùng nước biển dập đám lửa nhỏ, có lẽ nào là không khéo léo? Cho nên tuổi thọ ngắn hóa thành dài, thân phận hạ tiện hóa thành cao quý, buồn lo đọa vào đường ác hóa thành không buồn lo lại chứng thành quả Phật. Sự chuyển biến thiện ác như thế, chẳng phải nhờ vào công đức đại nguyện của Quang Mục hay sao?

Phạm chí dịch sang Hán ngữ là “tịnh duệ”, là ý nói dòng dõi thanh tịnh.

Cõi nước Vô Ưu chính là thế giới Cực Lạc.

### Kinh văn

佛告定自在王：爾時羅漢福度光目者，即無盡意菩薩是。光目母者，即解脫菩薩是。光目女者，即地藏菩薩是。

- *Phật cáo Định Tự Tại Vương: Nhĩ thời La-hán phúc độ Quang Mục giả, tức Vô Tận Ý Bồ Tát thị. Quang Mục mẫu giả, tức Giải Thoát Bồ Tát thị. Quang Mục nữ giả, tức Địa Tạng Bồ Tát thị.*

### Việt dịch

**Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương: “Vị La-hán dùng phúc đức hóa độ Quang Mục thuở ấy, nay chính là Bồ Tát Vô Tận Ý. Người mẹ của Quang Mục, nay chính là**

**Bồ Tát Giải Thoát. Cô gái Quang Mục ấy, nay chính là Bồ Tát Địa Tạng.**

### Giảng giải

Đức Phật nói với ngài Định Tự Tại Vương rằng: “Vị La-hán dùng phúc đức hóa độ Quang Mục thuở ấy là ai? Đó chính là Bồ Tát Vô Tận Ý. Người mẹ của Quang Mục là ai? Đó chính là Bồ Tát Giải Thoát. Cô gái Quang Mục ấy là ai? Đó chính là Bồ Tát Địa Tạng.

### Thích nghĩa

Trước đây là tiểu quả, giờ đều là các vị Đại Bồ Tát. Cho đến người đàn bà có tội đọa vào địa ngục, cũng thành vị Bồ Tát. Có thể biết rằng, công đức hiếu hạnh cứu độ chúng sinh quả thật lớn lao không thể nghĩ bàn.

Vô Tận Ý là hàm ý thế nguyện cứu độ chúng sinh, thế nguyện ấy là không cùng tận.

### Kinh văn

過去久遠劫中，如是慈愍，發恒河沙願，廣度眾生。

- *Quá khứ cửu viễn kiếp trung, như thị từ mẫn, phát Hằng hà sa nguyện, quảng độ chúng sinh.*

### Việt dịch

Trong quá khứ nhiều kiếp lâu xa đều có tâm từ, có tình thương như vậy, phát thế nguyện nhiều như số cát sông Hằng, rộng độ chúng sinh.

## Giải giải

Trong quá khứ nhiều kiếp lâu xa, Bồ Tát đều có tâm từ bi, có lòng thương xót chúng sinh như vậy, đã phát những lời thệ nguyện nhiều như số cát sông Hằng, cứu độ rộng khắp hết thảy chúng sinh.

## Thích nghĩa

Từ lúc mới phát tâm cho đến lúc nhận sự giao phó dặn dò [của đức Phật] là thời gian hết sức lâu xa, làm sao có thể tính đếm đo lường được? Phát tâm từ bi là căn bản của việc làm thiện. Nếu có tâm từ bi, có lòng thương xót chúng sinh thì mọi công đức tu tập đều tự nhiên trọn đủ.

## Kinh văn

未來世中，若有男子女人，不行善者行惡者，乃至不信因果者、邪婬妄語者、兩舌惡口者、毀謗大乘者，如是諸業眾生，必墮惡趣。若遇善知識，勸令一彈指間歸依地藏菩薩，是諸眾生，即得解脫三惡道報。

- *Vị lai thế trung, nhược hữu nam tử nữ nhân, bất hành thiện giả hành ác giả, nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm vọng ngữ giả, lưỡng thiệt ác khẩu giả, hủy báng Đại thừa giả, như thị chư nghiệp chúng sinh, tất đọa ác thú. Nhược ngộ thiện tri thức, khuyến linh nhất đàn chỉ gian quy y Địa Tạng Bồ Tát, thị chư chúng sinh, tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.*

## Việt dịch

Trong tương lai, nếu có kẻ nam người nữ không làm việc thiện, làm việc ác, thậm chí không tin nhân quả, phạm vào tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, hủy báng Đại thừa... Những chúng sinh tạo nghiệp như vậy, ắt phải đọa vào đường ác, nhưng nếu gặp được bậc thiện tri thức khuyên bảo, khiến cho quay về quy y với Bồ Tát Địa Tạng dù trong một khoảng thời gian rất ngắn, liền được giải thoát khỏi ba đường ác.

## Giảng giải

Lại trong tương lai ở thế gian này, ví như có những kẻ nam người nữ không làm việc lành mà làm những việc ác, thậm chí không tin nhân quả, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, hủy báng Đại thừa... Chúng sinh tạo những nghiệp như vậy, sau khi chết nhất định phải đọa vào địa ngục, vào các đường ác, nhưng nếu gặp được bậc thiện tri thức khuyên bảo họ, khiến cho trong một khoảng thời gian rất ngắn quay về quy y với Bồ Tát Địa Tạng. Những chúng sinh nhiều tội ác như vậy cũng liền được giải thoát khỏi ba đường ác.

## Thích nghĩa

Việc báo ứng thiện ác như bóng theo hình, vĩnh viễn không tách rời. Ví như có người không tin nhân quả, nhất định sẽ tạo rất nhiều nghiệp ác.

Không tin nhân quả là đã tạo nghiệp của ý. Tà dâm là tạo nghiệp ác của thân. Nói hai lưỡi, nói lời độc ác, hủy báng, thảy đều là tạo nghiệp ác của khẩu. Nhưng nghiệp ác của việc hủy báng Đại thừa lại càng cực kỳ nặng nề hơn.

Hai mươi niệm [khởi trong tâm] là một chớp mắt, hai mươi chớp mắt là một “đàn chỉ”. Một đàn chỉ như vậy là quãng thời gian rất ngắn, nhưng cũng đã giúp giải thoát được vô lượng nghiệp ác. Đó là sức công đức của việc quy y với Bồ Tát Địa Tạng, làm sao có thể nói hết được. (Về các nghiệp như tà dâm, nói dối... phần trước đã có giải thích.)

### Kinh văn

若能志心歸敬及瞻禮讚歎、香華、衣服，種種珍寶，或復飲食。如是奉事者，未來百千萬億劫中，常在諸天受勝妙樂。若天福盡，下生人間，猶百千劫常為帝王，能憶宿命因果本末。

- *Nhược năng chí tâm quy kính cập chiêm lễ tán thán, hương hoa, y phục, chủng chủng trân bảo, hoặc phục ẩm thực, như thị phụng sự giả, vị lai bá thiên vạn ức kiếp trung, thường tại chư thiên thụ thắng diệu lạc. Nhược thiên phúc tận, hạ sinh nhân gian, do bá thiên kiếp thường vi đế vương, năng ức túc mệnh nhân quả bản mạt.*

### Việt dịch

Nếu người nào có thể hết lòng quy y tôn kính, chiêm ngưỡng lễ bái, ngợi khen xưng tán, dùng đủ các thứ hương hoa, y phục, đủ loại trân bảo hoặc các món ăn thức uống để phụng sự cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, thì trong trăm ngàn vạn ức kiếp tương lai thường sinh lên

**các cõi trời, thọ hưởng sự vui thích khoái lạc tuyệt diệu. Khi phước cõi trời đã hết, lại sinh về cõi người trong trăm ngàn kiếp thường làm bậc đế vương, có thể nhớ lại cận kề ngọn nguồn những việc nhân quả trong đời trước.**

## Giải giải

Ví như có người có thể phát tâm chí thành quy y, kính trọng Bồ Tát Địa Tạng, cũng như chiêm ngưỡng, lễ bái ngài, xưng tán khen ngợi, dùng những loại hương hoa quý tốt nhất, những loại y phục tốt đẹp, các loại báu vật trân quý, hoặc các loại món ăn thức uống thanh khiết, dâng lên cúng dường, phụng sự ngài, thì sau khi chết trong trăm ngàn muôn ức kiếp sau đó thường được sinh lên các cõi trời, hưởng thụ những điều khoái lạc tốt đẹp nhất, tuyệt diệu nhất. Đến khi phước cõi trời hưởng tận sinh về cõi người, vẫn còn được trăm ngàn kiếp làm bậc đế vương, lại có năng lực nhớ lại được rõ ràng vận mạng của mình trong những kiếp trước cũng như nhớ được đến tận ngọn ngành những chuyện nhân quả.

## Thích nghĩa

Cúng dường Bồ Tát bằng những vật phẩm tâm thường thì công đức cũng bình thường. Nếu dùng những loại hương hoa quý báu nhất, những trân bảo quý nhất, thì công đức của người cúng dường đó cũng lớn lao nhất.<sup>1</sup>

Đến như việc chiêm ngưỡng, lễ bái cũng vậy, quý vị càng hết lòng cung kính thì công đức càng hết sức sâu rộng lớn lao.

<sup>1</sup> Ở đây chỉ nói theo khía cạnh nhìn thấy bên ngoài. Thật ra nếu xét đến yếu tố tâm thành thì giá trị của vật phẩm cúng dường chưa hẳn đã quyết định về công đức có được.

## Kinh văn

定自在王，如是地藏菩薩有如此不可思議大威神力，廣利眾生。汝等諸菩薩，當記是經，廣宣流布。

- *Định Tự Tại Vương, như thị Địa Tạng Bồ Tát hữu như thử bất khả tư nghị đại uy thần lực, quảng lợi chúng sinh. Nhữ đẳng chư Bồ Tát, đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố.*

## Việt dịch

**Này Định Tự Tại Vương! Bồ Tát Địa Tạng có sức oai thần lớn, làm lợi ích chúng sinh không thể nghĩ bàn như vậy. Hàng Bồ Tát các ông phải ghi nhớ kinh này để tuyên thuyết truyền rộng.**

## Giải giải

Đức Phật dạy rằng: “Này Định Tự Tại Vương! Vì những điều như vậy, cho nên biết Bồ Tát Địa Tạng có sức oai thần lớn, làm phúc lợi rộng lớn không thể nghĩ bàn cho những chúng sinh tội khổ. Này các Bồ Tát! Các ông phải ghi nhớ bộ kinh này, mọi người cùng tuyên dương rộng khắp, lưu truyền lại về sau.

## Thích nghĩa

Đức Phật nhân cơ hội này không chỉ dặn dò giao phó riêng ngài Bồ Tát Địa Tạng mà với các Đại Bồ Tát trong Pháp hội ngài cũng dặn dò giao phó.



## Kinh văn

定自在王白佛言：世尊！願不有慮，我等千萬億菩薩摩訶薩，必能承佛威神，廣演是經，於閻浮提利益眾生。定自在王菩薩白世尊已，合掌恭敬作禮而退。

- *Định Tự Tại Vương bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nguyên bất hữu lự, ngã đẳng thiên vạn ức Bồ Tát Ma-ha-tát, tất năng thừa Phật uy thần, quảng diễn thị kinh, ư Diêm-phù-đề lợi ích chúng sinh. Định Tự Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn dĩ, hợp chưởng cung kính tác lễ nhi thối.*

## Việt dịch

**Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật:** “Thế Tôn! Xin đừng lo lắng, chúng con ngàn muôn ức Đại Bồ Tát, ắt phải nương oai thần của Phật để rộng thuyết kinh này, làm lợi ích chúng sinh Diêm-phù-đề.”

**Bồ Tát Định Tự Tại Vương bạch Thế Tôn như vậy rồi, chấp tay cung kính lễ Phật lui ra.**

## Giải thích

Ngài Định Tự Tại Vương thưa với Phật: “Thế Tôn! Mong Phật đừng để tâm lo lắng, chúng con ngàn muôn ức Đại Bồ Tát, nhất định nương theo thần lực oai phúc của Phật mà diễn thuyết rộng khắp bộ kinh này trong cõi Diêm-phù-đề, làm lợi ích chúng sinh ở đó.”

Bồ Tát Định Tự Tại Vương bạch Phật như vậy xong, chấp tay cung kính lễ Phật, lui về chỗ ngồi.

### Thích nghĩa

Ngàn muôn ức vị Đại Bồ Tát ấy đều chấp nhận sẽ diễn thuyết bộ kinh này, đủ biết kinh này rất quan trọng thiết yếu. Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề chúng ta, tánh, thức không nhất định, tạo các nghiệp ác rất nhiều, cho nên bộ kinh này có thể thường xuyên được diễn thuyết trong cõi Diêm-phù-đề thì chúng sinh càng được lợi ích nhiều hơn.

### Kinh văn

爾時，四方天王俱從座起，合掌恭敬白佛言：世尊！地藏菩薩於久遠劫來，發如是大願，云何至今猶度未絕，更發廣大誓願？唯願世尊為我等說。

- *Nhĩ thời, tứ phương Thiên vương câu tùng tòa khởi, hợp chưởng cung kính bạch Phật ngôn: Thế tôn! Địa Tạng Bồ Tát ư cứu viễn kiếp lai, phát như thị đại nguyện, vân hà chí kim do độ vị tuyệt, cánh phát quảng đại thệ ngôn? Duy nguyện Thế Tôn vị ngã đẳng thuyết.*

### Việt dịch

Lúc bấy giờ, các vị Thiên vương ở bốn phương đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

**“Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã phát nguyện lớn như vậy, vì sao cho đến ngày nay sự hóa độ vẫn chưa chấm dứt, còn phải phát lời thề nguyện rộng lớn như vậy? Nguyện đức Thế Tôn vì chúng con nói rõ.**

## **Giải đáp**

Vào lúc đó, các vị Thiên vương ở bốn hướng đông tây nam bắc đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hết sức cung kính bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Địa Tạng từ những kiếp rất lâu xa kia vốn đã phát nguyện lớn lao như vậy, vậy thì vì sao cho đến nay vẫn chưa độ hết được chúng sinh, mà ngài lại còn phải tiếp tục phát lời nguyện rộng lớn như bây giờ? Xin nguyện đức Thế Tôn vì chúng con mà nói ra hết thấy những điều này.

## **Thích nghĩa**

Bốn vị Thiên vương chính là những vị bảo hộ cho bốn châu trong thiên hạ. Thiên vương phía đông là Đê-đâu-lại-trá, dịch nghĩa là Trì Quốc, vì có khả năng duy trì cõi nước, quản lãnh càn-thát-bà (dịch nghĩa là thần âm nhạc của Thiên Đế thích), phú-đan-na (là loài ngựa quý xấu xí chủ về bệnh nhiệt). Thiên vương phía nam là Tì-lưu-cần-xoa, dịch nghĩa là Tăng Trưởng, vì giúp cho căn lành của nhân dân được tăng trưởng, quản lãnh loài cư-bàn-trà (là loài quý gây ác mộng), bệ-lệ-đa (là quý xấu xí). Thiên vương phía tây là Tì-lưu-bác-xoa, dịch nghĩa là Tạp Ngũ, vì có thể nói đủ mọi chuyện, quản lãnh loài tỳ-xá-xà (là quý ăn tinh khí, quý điên cuồng), loài rồng độc (do mất nhìn, tiếng kêu, phun khí, xúc chạm đều độc hại nên gọi là độc). Thiên vương phía bắc là Tỳ-sa-môn, dịch nghĩa là

Đa Văn, là nói danh thơm phước đức của vị này khắp bốn phương đều nghe biết, quản lãnh loài dạ-xoa (là quỷ phi hành), la-sát (là loài quỷ bạo ác đáng sợ).<sup>1</sup>

Bốn vị Thiên vương, mỗi người đều có 91 người con đều đặt tên là Nhân-đà-la, đều có thần lực rất lớn lao. Các vị hiện đều có mặt trong Pháp hội này lắng nghe thuyết pháp. Khi các vị nghe đến việc Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã từng phát nguyện lớn lao mà cho đến hiện tại vẫn chưa cứu độ được hết chúng sinh, nay phải phát khởi lại lời thệ nguyện, rốt lại là do nguyện lực không đủ kiên cố chăng? Hay là do chúng sinh khó cứu độ? Do vậy các ngài mới đứng lên thưa hỏi.

### Kinh văn

佛告四天王：善哉！善哉！吾今為汝及未來現在天人眾等，廣利益故，說

<sup>1</sup> Chúng tôi chuyển dịch theo nguyên bản. Tuy nhiên, xin dẫn Từ điển Phật học Tinh tuyển để độc giả tham khảo thêm về bốn vị Thiên vương này: “Trì Quốc Thiên (s: Dhṛitarāṣṭra, 持國天) ở phương Đông, Tăng Trưởng Thiên (s: Virūḍhaka, 增長天) ở phương Nam, Quảng Mục Thiên (s: Virūpākṣa, 廣目天) ở phương Tây và Đa Văn Thiên (s: Dhanada, Vaiśramaṇa, 多聞天) ở phương Bắc. Pháp Uyển Châu Lâm (法苑珠林, Taishō Vol. 53, No. 2122) quyển 2, phần Hội Danh Bộ (會名部) thứ 2, dẫn lời của Kinh Trường A Hàm rằng: “Đông phương Thiên Vương danh Đa La Tra, lãnh Càn Thát Bà cập Tỳ Xá Xà thần tướng, hộ Phát Bà Đề nhân; Nam phương Thiên Vương danh Tỳ Lưu Ly, lãnh Cựu Bàn Trà cập Bế Lệ thần, hộ Diêm Phù Đề nhân; Tây phương Thiên Vương danh Tỳ Lưu Bác Xoa, lãnh nhất thiết chư long cập Phú Đôn Na, hộ Cù Da Ni nhân; Bắc phương Thiên Vương danh Tỳ Sa Môn, lãnh Dạ Xoa La Sát tướng, hộ Uất Đôn Việt nhân. Thiên Vương ở phương Đông tên là Đa La Tra, thống lãnh thần tướng Càn Thát Bà và Tỳ Xá Xà, hộ trì người cõi Phát Bà Đề; Thiên Vương ở phương Nam tên là Tỳ Lưu Ly, thống lãnh thần Cựu Bàn Trà và Bế Lệ, hộ trì người cõi Diêm Phù Đề; Thiên Vương ở phương Tây tên là Tỳ Lưu Bác Xoa, thống lãnh hết thủy loài rồng và Phú Đôn Na, hộ trì người cõi Cù Da Ni; Thiên Vương ở phương Bắc tên là Tỳ Sa Môn, thống lãnh tướng Dạ Xoa, La Sát, hộ trì người cõi Uất Đôn Việt.”

地藏菩薩於娑婆世界閻浮提內，生死道中，慈哀救拔度脫一切罪苦眾生，方便之事。

- *Phật cáo tứ Thiên vương: “Thiện tai! Thiện tai! Ngô kim vi nữ cập vị lai hiện tại thiên nhân chúng đặng, quảng lợi ích cố, thuyết Địa Tạng Bồ Tát ư Ta-bà thế giới Diêm-phù-đề nội, sinh tử đạo trung, từ ai cứu bạt độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sinh, phương tiện chi sự.*

### Việt dịch

**Phật bảo bốn vị Thiên vương: “Lành thay! Lành thay! Nay ta vì lợi ích rộng lớn cho các ông và hàng trời người hiện tại cũng như trong tương lai, sẽ nói về những phương tiện của Bồ Tát Địa Tạng ở trong cõi Diêm-phù-đề thuộc thế giới Ta-bà, trong đường sinh tử luân hồi, từ bi thương xót cứu độ giải thoát cho hết thảy chúng sinh tội khổ.”**

### Giảng giải

Đức Phật bảo bốn vị Thiên vương rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Hôm nay ta vì các ông, cùng với hàng trời người và hết thảy chúng sinh trong hiện tại và tương lai, sẽ giảng giải những nhân duyên lợi ích rộng lớn, những phương tiện mà Bồ Tát Địa Tạng vì lòng từ bi thương xót đã thực hành để cứu độ giải thoát cho hết thảy chúng sinh tội khổ trong cõi Diêm-phù-đề thuộc thế giới Ta-bà, trong sáu đường luân hồi sinh tử.

## Thích nghĩa

Đức Phật nói “lành thay” lần thứ nhất là ngợi khen câu hỏi khéo léo. Lại nói “lành thay” lần thứ hai là khen ngợi các vị Thiên vương hộ trì. Trong sáu đường luân hồi ở thế gian, hết thấy đều có những nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết. Cho nên đức Phật dạy rằng: Hết thấy chúng sinh trong sáu đường đều là thường xuyên ở trong tù ngục. Tù ngục ấy vây quanh bởi 12 lớp tường thành, nằm trong ba hàng rào gai góc, lại thêm sáu tên giặc cướp rút đao canh chừng. Muốn thoát ra được tù ngục ấy thật rất khó khăn, rất gian khổ.

Mười hai lớp tường thành đó là mười hai nhân duyên. Ba hàng rào gai góc đó là ba độc tham, sân, si. Sáu tên giặc đó là sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm và các pháp.

Vì chúng sinh không biết đến các phương pháp giải thoát, nên [Bồ Tát Địa Tạng] mới phát khởi tâm từ bi thương xót, mới suy nghĩ đến các cách thức phương tiện.

(Về mười hai nhân duyên và các phần vừa nói, Trong kinh Đi Đà được chuyển sang văn bạch thoại có nói qua đại lược, quý độc giả có thể tham khảo, vì khuôn khổ sách này có giới hạn nên không thể kể ra tường tận.)

## Kinh văn

四天王言：唯然，世尊！願樂欲聞。

- *Tứ Thiên vương ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn.”*

## Việt dịch

Bốn vị Thiên vương thưa: “Xin vâng, Thế Tôn! Chúng con nguyện ưa muốn được nghe.”

## Giảng giải

Bốn vị Thiên vương nói rằng: “Dạ vâng, đúng vậy thưa Thế Tôn! Chúng con hết sức sẵn lòng, hết sức vui mừng được nghe những lời ấy.”

## Thích nghĩa

“Nguyện ưa muốn được nghe” là vì mong muốn giải quyết mối nghi ngờ trong lòng, giống như người đang khát muốn được uống, đang đói muốn được ăn. Sự mong mỏi là như vậy.

## Kinh văn

佛告四天王：地藏菩薩久遠劫來，迄至於今，度脫眾生，猶未畢願。慈愍此世罪苦眾生，復觀未來無量劫中，因蔓不斷，以是之故，又發重願。

- *Phật cáo tứ Thiên vương: Địa Tạng Bồ Tát cứu viên kiếp lai, hất chí ư kim, độ thoát chúng sinh, do vị tất nguyện. Từ mẫn thủ thế tội khổ chúng sinh, phục quan vị lai vô lượng kiếp trung, nhân mạn bất đoạn, dĩ thị chi cố, hựu phát trọng nguyện.*

## Việt dịch

Phật bảo bốn vị Thiên vương: “Bồ Tát Địa Tạng từ những kiếp lâu xa cho đến ngày nay, cứu độ giải thoát chúng sinh vẫn chưa tròn ý nguyện. Ngài từ bi thương xót

**những chúng sinh đang chịu tội khổ trong đời này, lại nhìn thấy trong vô lượng kiếp số tương lai vẫn kéo dài không dứt. Do vậy nên nay lại phải phát lời nguyện lớn lao quan trọng.**

## **Giảng giải**

Đức Phật nói với bốn vị Thiên vương rằng: “Bồ Tát Địa Tạng từ những kiếp số lâu xa mãi cho đến ngày nay, cứu độ giải thoát cho chúng sinh vẫn chưa hoàn tất. Tâm nguyện của ngài là từ bi thương xót những chúng sinh đang chịu tội chịu khổ trong thế giới này, lại nhìn xa trong tương lai vô lượng kiếp nữa, những nghiệp ác mà các chúng sinh này tạo tác vẫn còn dây dưa không khác gì dây leo, cỏ dại vẫn tiếp tục bò lan khắp chốn, không chịu dứt mất. Vì nhân duyên như vậy nên ngài lại phải một lần nữa phát khởi thệ nguyện lớn lao quan trọng.

## **Thích nghĩa**

Bồ Tát Địa Tạng nhân vì chúng sinh không chịu đoạn dứt gieo nhân xấu ác, đến nỗi phải chịu những quả báo thảm khốc đủ loại trong địa ngục. Hiện tại ngài đã thương xót chúng sinh muốn vì chúng sinh mà dứt tuyệt những nhân xấu ác còn dây dưa tiếp tục đó, cho nên mới tiếp tục phát lời thệ nguyện quan trọng.

Những nhân xấu ác có rất nhiều, không thể nào kể ra hết được, nay chỉ đơn cử một nghiệp giết hại mà nói. Hiện nay quý vị giết hại loài vật, cắt xẻo ăn thịt chúng, tương lai rồi chúng sẽ giết hại quý vị, cắt xẻo ăn thịt quý vị. Tương tự như vậy, oán thù vay trả qua lại, đời đời kiếp kiếp không thể dứt được.



## Kinh văn

如是菩薩於娑婆世界，閻浮提中，百千萬億方便，而為教化。

- *Như thị Bồ Tát ư Ta-bà thế giới, Diêm-phù-đề trung, bá thiên vạn ức phương tiện, nhi vi giáo hóa.*

## Việt dịch

Cứ như vậy, Bồ Tát ở trong cõi Diêm-phù-đề thuộc thế giới Ta-bà, dùng trăm ngàn muôn ức phương tiện để giáo hóa.

## Giải thích

Nhân vì như vậy nên Bồ Tát ở trong cõi Diêm-phù-đề, thuộc thế giới Ta-bà này, thiết lập đủ trăm ngàn muôn ức phương tiện khác nhau để giáo hóa tất cả chúng sinh.

## Thích nghĩa

“Trăm ngàn muôn ức phương tiện”, đó là nói Bồ Tát tùy cơ duyên mà hóa thân, vận dụng phương pháp để giảng dạy cho người.

## Kinh văn

四天王，地藏菩薩若遇殺生者，說宿殃短命報；若遇竊盜者，說貧窮苦楚報；若遇邪淫者，說雀鴿鴛鴦報；

- *Tứ Thiên vương, Địa Tạng Bồ Tát* nhược ngộ sát sinh giả, thuyết túc ương đoản mệnh báo; nhược ngộ thiết đạo giả, thuyết bản cùng khổ sở báo; nhược ngộ tà dâm giả, thuyết tước cấp uyên ương báo.

## Việt dịch

“Này bốn ông Thiên vương! Bồ Tát Địa Tạng nếu gặp người giết hại chúng sinh liền giảng nói về quả báo chết yểu do nghiệp giết hại ngày trước. Nếu gặp người trộm cắp liền giảng nói quả báo phải nghèo cùng khổ. Nếu gặp người tà dâm liền giảng nói quả báo phải sinh làm những loài như chim sẻ, bồ câu, uyên ương.”

## Giảng giải

Đức Phật nói rằng: “Này bốn ông Thiên vương! Bồ Tát Địa Tạng, nếu như gặp người phạm tội giết hại, liền vì người đó giảng giải rằng: ‘Con vật bị giết đó là quả báo tai họa do đời trước gieo nhân ác. Trong tương lai rồi ông cũng sẽ phải chịu quả báo chết yểu.’ Nếu gặp người phạm tội trộm cắp, cướp giết, ngài liền vì người ấy dạy rằng: ‘Những người như các ông, tương lai sẽ phải chịu quả báo nghèo cùng khổ sở.’ Nếu gặp người phạm tội tà dâm, ngài liền vì người ấy mà dạy rằng: ‘Trong tương lai ông sẽ bị quả báo sinh làm các loài chim sẻ, bồ câu, uyên ương.’”

## Thích nghĩa

Hiện nay trước hết nói về quả báo của mười nghiệp xấu ác. Giết hại, trộm cướp, tà dâm đều là những nghiệp ác do thân tạo tác. Loài không tước không thích kết hợp cùng loài, giao cấu cùng loài rắn,<sup>1</sup> chim bồ câu thì con mái

---

<sup>1</sup> Trong kinh vẫn dùng chữ tước (雀) là chim sẻ, ở đây khi giải thích lại nói là không tước (孔雀) là chim công. Có thể do người giảng giải tự suy luận ý nghĩa này.

cưỡi trên con trống, chim uyên ương thì hai con trống mái không chịu lia nhau dù trong phút chốc. Các loại chim ấy đều là những loài tà dâm.

## Kinh văn

若遇惡口者，說眷屬鬥爭報；若遇毀謗者，說無舌瘡口報；

- *Nhược ngộ ác khẩu giả, thuyết quyến thuộc đấu tránh báo; nhược ngộ hủy báng giả, thuyết vô thiệt sang khẩu báo.*

## Việt dịch

**Nếu gặp người nói lời độc ác liền giảng nói quả báo quyến thuộc bất hòa tranh chấp nhau. Nếu gặp kẻ nói lời hủy báng, liền giảng nói về quả báo không có lưỡi hoặc ghẻ lở trong miệng.**

## Giảng giải

Nếu gặp người mắng chửi nhục mạ người khác, ngài liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo chính những người trong họ hàng quyến thuộc sẽ cùng ông bất hòa, tranh chấp lẫn nhau.” Nếu gặp người trách mắng hủy báng người khác, liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo làm người câm hoặc sinh mụn nhọt trong miệng.”

## Thích nghĩa

Nói lời độc ác, hủy báng, mắng chửi là những nghiệp do miệng tạo tác. Đời này nói những lời hủy hoại người khác,

xúi giục, đảo lộn đúng sai, khiến gia đình người khác sinh bất hòa, như vậy thì trong tương lai quyền thuộc của chính quý vị sẽ có sự bất hòa tranh chấp với quý vị.

Người câm là không có khả năng nói ra lời, cũng giống như không có lưỡi.

Tai họa từ trong miệng mà ra, miệng lưỡi là búa rìu sắc bén hủy hoại chính thân mình, cho nên mở miệng nói ra nhất định phải cân nhắc kiểm soát, không làm tổn người hại vật.

### **Kinh văn**

若遇瞋恚者，說醜陋癡殘報；若遇慳吝者，說所求違願報；若遇飲食無度者，說飢渴咽病報；

- *Nhược ngộ sân khể giả, thuyết xú lậu lung tàn báo; nhược ngộ khan lận giả, thuyết sở cầu vi nguyện báo; nhược ngộ ẩm thực vô độ giả, thuyết cơ khát yết bệnh báo.*

### **Việt dịch**

Nếu gặp người nhiều sân hận, liền giảng nói về quả báo sẽ sinh làm người xấu xí tàn tật; nếu gặp người keo kiệt bủn xỉn, liền giảng nói về quả báo mong cầu không toại nguyện; nếu gặp người tham ăn tham uống không chừng mực, liền giảng nói về quả báo đói khát, bệnh cổ không nuốt được.

### **Giảng giải**

Nếu gặp người phùng mang trộn mắt khí giận ngút

trời, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo sinh làm người dung mạo xấu xí, tật nguyên tàn phế.” Nếu gặp người tham lam tài vật keo kiệt bủn xỉn, Bồ Tát liền vì người ấy thuyết dạy rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo lúc mưu cầu cơm ăn áo mặc các thứ đều không được toại nguyện.” Nếu gặp người tham ăn tham uống không biết giữ chừng mực tiết độ, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo đói khát thiếu thốn, cổ họng sinh bệnh không nuốt được thức ăn.”

### Thích nghĩa

Sân hận, giận tức đều là sự tạo nghiệp của ý. Những người hiện nay thân hình xấu xí, tàn phế, đều là do nhân đời trước nhiều sân hận, lửa giận ngút trời. Những người hiện nay nghèo túng đói ăn thiếu mặc làm kẻ ăn mày, thầy đều là do nhân đời trước tham lam tài vật, không chịu bố thí cúng dường, phải chịu quả báo nghèo khổ đói rét. Những người ăn uống tham lam quá độ, chẳng những sau khi chết đọa vào địa ngục mà trong hiện tại còn bị bệnh ở cổ không nuốt được thức ăn mà chết.

### Kinh văn

若遇畋獵恣情者，說驚狂喪命報；若遇悖逆父母者，說天地災殺報；若遇燒山林木者，說狂迷取死報；若遇前後父母惡毒者，說返生鞭撻現受報；若遇網捕生雛者，說骨肉分離報；

- *Nhược ngộ điên lạp tứ tình giả, thuyết kinh cuồng táng mệnh báo; nhược ngộ bội nghịch phụ mẫu giả, thuyết thiên địa tai sát báo; nhược ngộ thiêu sơn lâm mộc giả, thuyết cuồng mê thủ tử báo; nhược ngộ tiên hậu phụ mẫu ác độc giả, thuyết phản sinh tiên thát hiện tỵ báo; nhược ngộ võng bộ sinh sồ giả, thuyết cốt nhục phân li báo.*

## Việt dịch

Nếu gặp người buông thả theo ý thích sẵn sẵn giết hại, liền giảng nói về quả báo phải điên cuồng, mất mạng. Nếu gặp người bất hiếu ngỗ nghịch với cha mẹ, liền giảng nói về quả báo trời tru đất diệt, tai vạ mà chết. Nếu gặp người đốt phá rừng núi cây cỏ, liền giảng nói về quả báo phải bị cuồng điên mê muội chuốc lấy cái chết. Nếu gặp những kẻ làm cha ghẻ mẹ kế mà ác độc với con cái, liền giảng nói về quả báo ngay trong hiện tại phải chịu đòn roi đánh đập. Nếu gặp những kẻ lưới bắt chim non, liền giảng nói về quả báo phải lìa xa những người thân ruột thịt.

## Giảng giải

Nếu gặp những người phạm vào tội sẵn sẵn buông thả theo ý thích, Bồ Tát liền vì người ấy thuyết dạy rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo phát bệnh điên cuồng mất mạng.” Nếu gặp người ngỗ nghịch phản lại cha mẹ, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông phải chịu quả báo trời đất chẳng dung tha, bị sét đánh mà chết.” Nếu gặp người nổi lửa đốt phá rừng núi cây cỏ, Bồ Tát liền vì người ấy dạy rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo điên cuồng mê muội, tự chuốc lấy cái

chết.” Nếu gặp những người làm cha ghẻ mẹ kế, lại hết sức hung ác độc địa với con cái, dùng roi vọt đánh đập con cái, liền vì người ấy mà dạy rằng: “Trong tương lai các người sẽ phải chịu quả báo tái sinh làm con cái người khác, cũng bị đòn roi đánh đập như vậy.” Nếu gặp những người dùng lưới đánh bắt chim, cá các loài, phá tổ lấy trứng chim... liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo xa lìa thân bằng quyến thuộc, chia lìa với người thân ruột thịt.”

### Thích nghĩa

Xưa vua Phục Hy dạy cho dân biết săn bắn, đó là dạy cách bảo vệ ruộng vườn trồng trọt, xua đuổi thú hoang. Hiện tại lại có những người chỉ vì tham miếng ăn ngon mà nỡ lòng giết hại muông thú, lẽ nào không phải chịu báo ứng hay sao?

Đối với cha mẹ, dù là sinh ra mình, dù không sinh ra mình như cha ghẻ, mẹ kế, cũng đều là cha mẹ, đều phải xem đồng như nhau, đều cung kính như cung kính trời đất. Đối với con cái, bất kể là do mình sinh ra, hoặc không phải do mình sinh ra, như con của chồng sau, vợ kế, cũng đều là con cái, đều phải hết lòng thương yêu bảo bọc như nhau. Ví như người ngỗ nghịch với cha mẹ, không thương yêu con cái, ắt phải chịu sự báo ứng hết sức hung tàn, nguy độc.

Ở giữa nơi rừng núi cỏ cây có vô số sinh vật ẩn náu sinh sống. Nếu một phen nổi lửa đốt phá, chẳng phải vô số sinh mạng ấy đều sẽ bị chết thảm cả đó sao? [Quả báo của việc ấy] không chỉ là ngay trong đời này phải chịu cuồng si cho đến lúc táng thân mất mạng mới thôi.

Các loài cá lớn bé, các loài chim lớn bé, lại khoái chí xua

đuổi cho tụ lại một chỗ, rồi dùng lưới vây bắt, khiến cho hết thấy đều kinh sợ tán loạn. Đó là đời này khiến cho cốt nhục của chúng phải ly tán, chia lìa, tương lai nhất định phải chịu quả báo tụ mình chia lìa với người thân ruột thịt.

## Kinh văn

若遇毀謗三寶者，說盲聾瘖啞報；若遇輕法慢教者，說永處惡道報；若遇破用常住者，說億劫輪迴地獄報；若遇污梵誣僧者，說永在畜生報；

- *Nhược ngộ hủy báng Tam bảo giả, thuyết manh lung âm á báo; nhược ngộ khinh pháp mạn giáo giả, thuyết vĩnh xứ ác đạo báo; nhược ngộ phá dụng thường trụ giả, thuyết ức kiếp luân hồi địa ngục báo; nhược ngộ ô phạm vu tăng giả, thuyết vĩnh tại súc sinh báo.*

## Việt dịch

Nếu gặp kẻ hủy báng Tam bảo, liền giảng nói về quả báo phải chịu mù, câm, điếc, ngọng. Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp, liền giảng nói về quả báo phải vĩnh viễn đọa vào các đường ác. Nếu gặp kẻ phá hoại, làm hao tổn của thường trụ,<sup>1</sup> liền giảng nói về quả báo phải luân hồi trong địa ngục đến muôn ức kiếp. Nếu gặp kẻ làm ô nhục hạnh thanh tịnh của tăng ni, liền giảng nói về quả báo phải vĩnh viễn làm thân súc sinh.

<sup>1</sup> Cửa thường trụ: chỉ những tài sản vật chất thuộc về chùa chiền, tự viện, dùng để phục vụ đời sống tu tập của tăng ni.



## Giảng giải

Nếu gặp người hủy báng Tam bảo, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông nhất định phải chịu sự báo ứng phải làm người mù lòa, câm điếc, ngọng nghịu.” Nếu gặp người khinh chê Phật pháp, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu báo ứng vĩnh viễn đọa vào các đường ác.” Nếu gặp người phá hoại, làm hao tổn món này vật kia của thường trụ, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu báo ứng muôn ức kiếp luân hồi trong địa ngục.” Nếu gặp người làm ô nhục hạnh thanh tịnh của tăng ni, liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ chịu báo ứng vĩnh viễn sinh trong loài súc sinh.”

## Thích nghĩa

Đức Phật là bậc Y vương, Giáo pháp là phương thuốc hay, Tăng-già là những người trị bệnh. Hết thầy các bệnh đều có thể cứu chữa trị lành, chỉ riêng một bệnh hủy báng Tam bảo thì dù chư Phật cũng đều không có cách gì cứu chữa được, chỉ còn một đường duy nhất là rơi vào các đường ác để chịu khổ não. Chịu khổ mãi cho đến khi được sinh trở lại làm người, lại phải làm người mù lòa, câm điếc, ngọng nghịu, khiến cho mãi mãi không được thấy, không được nghe, không được xưng tán Tam bảo.

Phần tiếp theo nói đến các loại quả báo, tội nghiệp, hết thầy đều rất nặng nề.

## Kinh văn

若遇湯火斬斫傷生者，說輪迴遞償報；若遇破戒犯齋者，說禽獸飢餓

報；若遇非理毀用者，說所求闕絕  
 報；若遇吾我貢高者，說卑使下賤  
 報；若遇兩舌鬥亂者，說無舌百舌  
 報；若遇邪見者，說邊地受生報。

- *Nhược ngộ thang hỏa trăm chước thương sinh giả, thuyết luân hồi đê thường báo; nhược ngộ phá giới phạm trai giả, thuyết cầm thú cơ nạ báo; nhược ngộ phi lý hủy dụng giả, thuyết sở cầu quyết tuyệt báo; nhược ngộ ngô ngã công cao giả, thuyết ti sứ hạ tiện báo; nhược ngộ lưỡng thiệt đấu loạn giả, thuyết vô thiệt bá thiệt báo; nhược ngộ tà kiến giả, thuyết biên địa thụ sinh báo.*

## Việt dịch

Nếu gặp kẻ dùng nước sôi, lửa nóng, hoặc chặt chém băm xẻ làm tổn hại sinh mạng, liền giảng nói về quả báo phải luân hồi đên trả thường bồi. Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai, liền giảng nói về quả báo phải chịu mang thân cầm thú đói khát. Nếu gặp kẻ tiêu dùng vật dụng hoang phí không hợp lý, liền giảng nói về quả báo mọi nhu cầu đều thiếu thốn, dứt mất. Nếu gặp kẻ kiêu căng cao ngạo, liền giảng nói quả báo phải sinh làm tôi tớ thấp hèn hạ tiện. Nếu gặp kẻ nói hai lưỡi đâm thọc gây rối loạn, liền giảng nói về quả báo không có lưỡi hoặc quá nhiều lưỡi. Nếu gặp kẻ mê muội tà kiến, liền giảng nói về quả báo phải sinh ở vùng xa xôi, kém văn minh, không được gặp Phật pháp.

## Giảng giải

Nếu gặp người dùng nước sôi, lửa nóng để luộc, nướng chúng sinh, hoặc chặt đầu, chặt chân, chính là giết hại, làm tổn thương sinh mạng, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sinh ra vào đời sau cũng sẽ chịu sự báo ứng giống như vậy.” Nếu gặp những kẻ tu hành mà phạm giới trộm cắp, ăn mặn, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo sinh làm loài cầm thú, còn phải chịu cảnh đói khát.” Nếu gặp người sử dụng tiền bạc, tài vật hoang phí bất hợp lý, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông nhất định sẽ chịu báo ứng, mọi nhu cầu thiết yếu đều không có đủ hoặc dứt mất.” Nếu gặp người tự cao, kiêu ngạo, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu báo ứng sinh làm hạng tôi tớ, thấp hèn hạ tiện.” Nếu gặp người tráo trở, đảo lộn đúng sai, khiến cho người khác tranh cãi, kiện tụng, đấu đá lẫn nhau, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải chịu quả báo không có lưỡi hoặc bị dị tật có quá nhiều lưỡi.” Nếu gặp người tin theo tà kiến, Bồ Tát liền vì người ấy giảng nói rằng: “Trong tương lai ông sẽ phải sinh vào những vùng xa xôi hẻo lánh, thiếu ánh sáng văn minh.”

## Thích nghĩa

Tham một miếng ăn mà giết hại sinh mạng, quả thật là thảm khốc tàn độc nhất. Báo ứng của những người này sẽ cũng nhanh chóng nhất. Ngày nay ăn nuốt bao nhiêu, ngày sau phải đền trả đủ bấy nhiêu, nhất định không sai chạy mảy may nào.

Có những người khi lửa giận bốc lên thì ném chén đập bát, đó là hủy hoại đồ dùng bất hợp lý.

Những kẻ cưỡng từ đoạt lý, chẳng hợp lý lẽ đều gọi chung là tà kiến.

Như trên giảng giải đủ loại quả báo, trong những sách nói về quả báo như Thái thượng bảo phiệt, Nhật ký cố sự đều có nói qua, mọi người có thể tham khảo thêm, mới thấy được rằng lời nói việc làm của Bồ Tát Địa Tạng thật đều chân thật.

### **Kinh văn**

如是等閻浮提眾生，身口意業，惡習結果，百千報應，今麤略說。如是等閻浮提眾生業感差別，地藏菩薩百千方便而教化之。

- *Như thị đẳng Diêm-phù-đề chúng sinh, thân khẩu ý nghiệp, ác tập kết quả, bách thiên báo ứng, kim thô lược thuyết. Như thị đẳng Diêm-phù-đề chúng sinh nghiệp cảm sai biệt, Địa Tạng Bồ Tát bách thiên phương tiện nhi giáo hoá chi.*

### **Việt dịch**

Những chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề tạo tác các nghiệp thân, khẩu, ý như thế, việc ác kết thành quả, có trăm ngàn cách báo ứng, nay chỉ nói qua sơ lược như vậy. Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề có nghiệp cảm sai khác như vậy, đều được Bồ Tát Địa Tạng dùng trăm ngàn phương tiện để giáo hóa.

## Giảng giải

Chúng sinh Diêm-phù-đề tạo với thân, khẩu, ý tạo thành những nghiệp ác như vậy, kết thành quả xấu ác, có trăm ngàn sự báo ứng không giống nhau, nay chỉ nói qua sơ lược mà thôi.

Chúng sinh Diêm-phù-đề chiêu cảm sự báo ứng khác biệt nhau, Bồ Tát Địa Tạng cũng thi hành trăm ngàn phương tiện khác nhau để giáo hóa chúng sinh.

## Thích nghĩa

Nghiệp ác kết thành quả có ba loại. Thứ nhất là quả báo, như sau khi chết đọa vào địa ngục. Thứ hai là quả tập khí, như [sau khi ra khỏi địa ngục] sinh vào cõi người phải chịu những sự báo ứng chết yểu, tà kiến v.v... Thứ ba là quả tăng thượng, như tự tâm mình chuyên tạo mười nghiệp ác, đối với hết thảy những vật bên ngoài đều không tích tập nghiệp ác.

Tạo nghiệp có bốn loại quả báo. Thứ nhất là *hiện báo*, quả báo trong hiện tại, nghĩa là đời này tạo nghiệp, đời này nhận lãnh quả báo. Thứ hai là *sinh báo*, nghĩa là đời này tạo nghiệp, sinh ra vào đời sau sẽ nhận lãnh quả báo. Thứ ba là *hậu báo*, nghĩa là đời này tạo nghiệp, sau đó hai, ba đời sẽ nhận lãnh quả báo. Thứ tư là *vô báo*, lại phân chia ra làm bốn loại.

Thứ nhất là xác định thời gian, không xác định quả báo. Thời gian thọ lãnh quả báo đã chắc chắn nhưng quả báo như thế nào còn chưa chắc chắn, có thể chuyển đổi được nên gọi là không xác định.

Thứ hai là quả báo xác định, thời gian không xác định. Quả báo đã xác định chắc chắn, nhưng thời gian thọ lãnh chưa chắc chắn, còn có thể thay đổi được.

Thứ ba là cả thời gian thọ lãnh và quả báo như thế nào đều đã xác định chắc chắn.

Thứ tư là cả thời gian thọ lãnh và quả báo đều không xác định, đều có thể thay đổi. Do nhân tạo nghiệp không xác định nên thời gian thọ lãnh và quả báo đều khó xác định.

Những nghiệp do chúng sinh tạo tác, trước tiên khởi lên ý niệm, sau đó thực hiện, nên gọi là tạo nghiệp trọn vẹn. Nếu trước tiên không khởi lên ý niệm mà trực tiếp thực hiện ngay hành vi thì gọi là tạo nghiệp không trọn vẹn. Do vậy mà có các trường hợp thời gian và quả báo đều xác định hoặc thời gian và quả báo đều không xác định.

### Kinh văn

是諸眾生先受如是等報，後墮地獄，  
動經劫數，無有出期。是故汝等護人  
護國，無令是諸眾業，迷惑眾生。

- *Thị chư chúng sinh tiên thụ như thị đẳng báo, hậu đọa địa ngục, động kinh kiếp số, vô hữu xuất kì. Thị cố nhữ đẳng hộ nhân hộ quốc, vô linh thị chư chúng nghiệp, mê hoặc chúng sinh.*

### Việt dịch

Những chúng sinh [tạo nghiệp] này, trước tiên lãnh chịu những quả báo như vậy, sau đó đọa vào địa ngục, trải qua vô số kiếp không biết ngày nào ra khỏi. Cho nên các ông là những người bảo vệ cõi nước, bảo vệ con người, đừng để cho những nghiệp ác này mê hoặc chúng sinh.

## Giảng giải

Những chúng sinh tạo nghiệp như thế này, trước hết phải chịu nhận lãnh quả báo, sau đó lại đọa vào địa ngục. Trải qua vô số kiếp, trước mắt không hề biết được đến lúc nào mới thoát ra khỏi đó. Vì lý do đó, các ông phải bảo vệ con người, bảo vệ cõi nước, đừng để cho những thứ tội nghiệp xấu ác như trên mê hoặc chúng sinh.

## Thích nghĩa

[Đức Phật] dặn dò bốn vị Thiên vương phải bảo vệ che chở chúng sinh, không để chúng sinh bị mê hoặc, đó chính là dặn các ngài bảo vệ, giúp chúng sinh duy trì, nuôi dưỡng Tứ thánh đế. Bởi vì chúng sinh từ nơi chỗ thấy biết, suy nghĩ sai lầm nên hủy hoại đi cảnh giới thanh tịnh trong nội tâm, khiến vua tâm phải trốn chạy, giặc sáu căn nhiễu loạn, từ đó mới buông thả chạy theo tạo tác bao nghiệp ác.

## Kinh văn

四天王聞已，涕淚悲歎，合掌而退。

- *Tứ thiên vương văn dĩ, thế lệ bi thán, hợp chưởng nhi thối.*

## Việt dịch

**Bốn vị Thiên vương nghe xong nhỏ lệ buồn thương than thở, chắp tay kính lễ lui về.**

## Giảng giải

Bốn vị Thiên vương sau khi nghe xong [những lời Phật dạy] liền rơi nước mắt, tất cả đều hết sức buồn thương,

cùng nhau chấp tay cung kính lễ Phật rồi lui về chỗ ngồi của mình.

### **Thích nghĩa**

Tâm thức xưa nay vốn là rỗng không tịch lặng vô vi, vì sao hết thấy chúng sinh đều quen theo thói thường tự mình nhiễu loạn, làm điều sai trái. Vì thế nên các ngài phải rơi lệ xót thương.

Đã tạo nghiệp ác rồi, ắt phải trải qua vô số kiếp ở trong địa ngục, lẽ nào lại chẳng khiến người ta phải đau buồn than thở?



# PHẨM THỨ NĂM

## Kinh văn

### 地獄名號品第五

- *Địa Ngục Danh Hiệu Phẩm Đệ Ngũ*

## Việt dịch

**Phẩm thứ năm: Các danh hiệu địa ngục**

## Giải thích

[Trong phẩm này] Bồ Tát Địa Tạng nói về các danh hiệu của địa ngục. Đây là phẩm thứ năm của kinh này.

## Thích nghĩa

Phần trước, phẩm nói về nghiệp duyên là sự chiêu cảm của tư duy, ý niệm; phẩm nói về nghiệp cảm là sự báo ứng. Phẩm này nói về sự khổ sở [của chúng sinh chịu báo ứng].

Nơi chốn của địa ngục cũng như thực tế hình trạng của địa ngục như thế nào, phần trước đã nói qua sơ lược. Nói chung, người thông minh sáng suốt thì trong mọi hoàn cảnh, tình huống đều thông suốt phóng khoáng, tự sinh hoan hỷ, nên ở đâu cũng là cõi trời; người ngu si mê muội thì trong mọi hoàn cảnh, tình huống đều lo âu buồn khổ, khởi sinh phiền não, trói buộc rối rắm không dứt, vì vậy mà ở chỗ nào cũng là địa ngục. Không phải chỉ sau khi chết

mới đọa vào địa ngục, mà hiện tại còn sống cũng đã phải nhận lãnh những nỗi thống khổ của địa ngục rồi.

### Kinh văn

爾時，普賢菩薩摩訶薩白地藏菩薩言：仁者，願為天龍四眾及未來現在一切眾生，說娑婆世界及閻浮提罪苦眾生所受報處，地獄名號及惡報等事，使未來世末法眾生知是果報。

- *Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát Ma-ha-tát bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Nhân giả, nguyện vì thiên long tứ chúng cập vị lai hiện tại nhất thiết chúng sinh, thuyết Ta-bà thế giới cập Diêm-phù-đề tội khổ chúng sinh sở thụ báo xứ, địa ngục danh hiệu cập ác báo đẳng sự, sử vị lai thế mạng pháp chúng sinh tri thị quả báo.*

### Việt dịch

Lúc bấy giờ, Đại Bồ Tát Phổ Hiền thưa với Bồ Tát Địa Tạng rằng: “Thưa nhân giả! Xin ngài vì bốn chúng trời, rồng cùng với hết thảy chúng sinh trong hiện tại và tương lai, hãy giảng nói về những nơi thọ nhận khổ báo của chúng sinh trong thế giới Ta-bà cũng như trong cõi Diêm-phù-đề, cùng với những danh hiệu của địa ngục và các quả báo xấu ác, để chúng sinh trong đời mạng pháp về sau biết được những quả báo này.”

### Giảng giải

Vào lúc ấy, Đại Bồ Tát Phổ Hiền đứng trước Bồ Tát Địa

Tạng thưa rằng: “Thưa nhân giả! Nguyện xin ngài vì bốn vị Thiên vương, hàng trời, rồng cùng với hết thảy chúng sinh trong hiện tại và vị lai, hãy giảng nói về những nơi mà chúng sinh trong thế giới Ta-bà cũng như trong cõi Diêm-phù-đề sẽ phải nhận chịu báo ứng, về danh hiệu các loại địa ngục, cùng với các loại quả báo xấu ác, để cho các chúng sinh trong đời mạt pháp tương lai được biết về những loại quả báo này.

### Thích nghĩa

Phổ Hiền, là nói vị này có khả năng thí pháp khắp nơi, hiền thiện đồng như chư Phật.

Nhân giả là tiếng tôn xưng bậc có lòng nhân từ, bi mẫn.

Về danh hiệu của địa ngục, Bồ Tát Phổ Hiền dù đã biết rõ, nhưng hàng trời, rồng cũng như chúng sinh đều chưa rõ biết, do vậy thỉnh cầu Bồ Tát Địa Tạng giảng nói.

### Kinh văn

地藏答言：仁者，我今承佛威神及大士之力，略說地獄名號及罪報惡報之事。仁者，閻浮提東方有山，號曰鐵圍。其山黑邃，無日月光。有大地獄，號極無間；又有地獄，名大阿鼻；

- *Địa Tạng đáp ngôn: Nhân giả, ngã kim thừa Phật uy thần cập Đại sĩ chi lực, lược thuyết địa ngục danh hiệu cập tội báo ác báo chi sự. Nhân giả, Diêm-phù-*

*đề đông phương hữu sơn, hiệu viết Thiết Vi. Kỳ sơn hắc thúy, vô nhật nguyệt quang, hữu đại địa ngục, hiệu Cự Vô Giám; hựu hữu địa ngục, danh Đại A-tỳ.*

## Việt dịch

**Bồ Tát Địa Tạng** đáp rằng: “Thưa nhân giả! Nay tôi nương oai thần của Phật cùng sức của bậc Đại sĩ là ngài, xin lược nói về danh hiệu của các địa ngục cùng những chuyện quả báo xấu ác. Thưa nhân giả! Về phía đông cõi Diêm-phù-đề có ngọn núi tên là Thiết Vi. Trong núi ấy tối đen sâu thẳm, ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu đến, có địa ngục lớn gọi là Cự Vô Giám. Lại có địa ngục tên là Đại A-tỳ.

## Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng đáp lời rằng: “Thưa Nhân giả! Nay tôi nương nhờ oai thần của Phật, cùng với nguyện lực của bậc Đại sĩ, xin nói lược qua về tên gọi của các địa ngục cùng với những quả báo của việc phạm tội, việc làm những chuyện xấu ác. Thưa nhân giả! Về phía đông của cõi Diêm-phù-đề có một ngọn núi, gọi là núi Thiết Vi. Trong núi ấy tối đen sâu thẳm, không có ánh sáng mặt trời mặt trăng, có một tầng địa ngục tên gọi là (Chú giải của soạn giả) Vô Giám. Lại có một tầng địa ngục nữa tên là Đại A-tỳ.

## Thích nghĩa

Địa ngục thì bốn phương đều có, nhưng vì cõi Diêm-phù-đề của chúng ta nằm về phía đông, nên đây chỉ nói về địa ngục ở phương đông.

Hai địa ngục Vô giám và A-tỳ đều nằm ở một nơi. Tội

nhân trong các ngục ấy chịu đựng những sự khổ sở cũng rất giống nhau.

Địa ngục Vô Gian trong phần trước đã có nói qua, bây giờ chỉ nói đến địa ngục A-tỳ. Địa ngục này hai chiều ngang dọc đều đo được 8.000 do-tuần, các bẫy vòng thành bằng sắt, bẫy lớp lưới sắt, rừng đao rừng kiếm, mỗi loại cũng đều có bảy lớp. Bên trong lại có mười tám ngục băng lạnh.

### Kinh văn

復有地獄，名曰四角；復有地獄，  
 名曰飛刀；復有地獄，名曰火箭；  
 復有地獄，名曰夾山；復有地獄，  
 名曰通槍；復有地獄，名曰鐵車；復  
 有地獄，名曰鐵床；復有地獄，名  
 曰鐵牛；復有地獄，名曰鐵衣；復有  
 地獄，名曰千刃；復有地獄，名曰鐵  
 驢；復有地獄，名曰烱銅；復有地  
 獄，名曰抱柱；復有地獄，名曰流  
 火；復有地獄，名曰耕舌；復有地  
 獄，名曰剉首；復有地獄，名曰燒  
 腳；復有地獄，名曰啗眼；復有地  
 獄，名曰鐵丸；復有地獄，名曰諍  
 論；復有地獄，名曰鐵鉢；復有地  
 獄，名曰多嗔。

- *Phục hữu địa ngục danh viết Tứ Giác; phục hữu địa ngục danh viết Phi Dao; phục hữu địa ngục danh viết Hỏa Tiễn; phục hữu địa ngục danh viết Giáp Sơn; phục hữu địa ngục danh viết Thông Thương; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Xa; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Sàng; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Ngư; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Y; phục hữu địa ngục danh viết Thiên Nhận; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Lư; phục hữu địa ngục danh viết Dương Đồng; phục hữu địa ngục danh viết Bảo Trụ; phục hữu địa ngục danh viết Lưu Hỏa; phục hữu địa ngục danh viết Canh Thiệt; phục hữu địa ngục danh viết Tỏa Thủ; phục hữu địa ngục danh viết Thiêu Cước; phục hữu địa ngục danh viết Đạm Nhãn; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Hoàn; phục hữu địa ngục danh viết Tránh Luân; phục hữu địa ngục danh viết Thiết Phu; phục hữu địa ngục danh viết Đa Sân.*

## Việt dịch

Lại có địa ngục tên là Tứ Giác, lại có địa ngục tên là Phi Dao, lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn, lại có địa ngục tên là Giáp Sơn, lại có địa ngục tên là Thông Thương, lại có địa ngục tên là Thiết Xa, lại có địa ngục tên là Thiết Sàng, lại có địa ngục tên là Thiết Ngư, lại có địa ngục tên là Thiết Y, lại có địa ngục tên là Thiên Nhận, lại có địa ngục tên là Thiết Lư, lại có địa ngục tên là Dương Đồng, lại có địa ngục tên là Bảo Trụ, lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa, lại có địa ngục tên là Canh Thiệt, lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ, lại có địa ngục tên là Thiêu Cước, lại có địa ngục tên là Đạm Nhãn, lại có địa ngục tên là

**Thiết Hoàn, lại có địa ngục tên là Tránh Luận, lại có địa ngục tên là Thiết Phu, lại có địa ngục tên là Đa Sân.**

## Giải giảng

Kê bên địa ngục A-tỳ, lại có địa ngục tên là Tứ Giác, bốn vách tường ngục đều là sắt nung nóng đỏ, từ phía trên lại có sắt nung nóng đỏ rơi xuống như mưa, khiến cho tội nhân trong ngục đều bị sắt nóng đỏ ấy thiêu cháy thành tro bụi.

Lại có địa ngục tên là Phi Dao, cũng gọi là địa ngục Dao Luân, bốn phía đều là núi đao, giữa không trung có tám trăm vạn ức bánh xe đao cực lớn, vừa xoay chuyển vừa rơi xuống giống như mưa rơi, một khi vừa chạm vào thân thể tội nhân thì tay chân liền bị chặt lìa, xương thịt văng ra tứ tán.

Lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn, có muôn ức chiếc nổ sắt giương lên, trăm ức mũi tên nhọn, một khi khởi động thì đồng thời phóng ra, mỗi một mũi tên nhọn ấy đều bắn vào giữa tim tội nhân.

Lại có địa ngục tên là Giáp Sơn, có vô số tội nhân vì sợ vào địa ngục nên chạy trốn vào trong núi, bỗng nhiên trước sau đều thấy lửa đỏ nổi lên, hai ngọn núi hai bên đều tự nhiên chuyển động dần dần ép chặt lại, lập tức máu chảy thành sông, xương thịt đều bị nghiền nát.

Lại có địa ngục tên là Thông Thương. Thương là một loại binh khí cán gỗ có mũi nhọn, xuyên thấu tội nhân từ trước ngục ra sau lưng.

Lại có địa ngục tên là Thiết Xa, có lửa thiêu nóng đỏ bánh xe bằng sắt, nghiền nát lên thân thể tội nhân.

Lại có địa ngục tên là Thiết Sàn, có giường bằng sắt

bị lửa nung nóng đỏ, tội nhân vừa nằm lên thì thân thể bị thiêu cháy nát như.

Lại có địa ngục tên là Thiết Ngư, có rất nhiều những con trâu đúc bằng sắt được nung đỏ, vừa nhìn thấy tội nhân liền xông tới dùng sừng húc vào hoặc dùng chân giẫm đạp.

Lại có địa ngục tên là Thiết Y, có muôn ngàn chiếc áo bằng sắt nung đỏ từ trên không trung từ từ rơi xuống, mỗi chiếc áo đó đều phủ lên người tội nhân, khiến cho da thịt xương cốt đều cháy nát như.

Lại có địa ngục tên là Thiên Nhận, tội nhân phải ngồi lên chiếc giường kiếm có trăm ức mũi kiếm nhọn chĩa lên, mỗi mũi kiếm ấy đều bốc lửa, đâm vào thiêu đốt thân thể tội nhân, đồng thời trên không trung lại có những thanh đao từ từ rơi xuống bổ vào giữa đỉnh đầu. Tất cả khiến cho thân thể tội nhân bị băm nát ra thành muôn ngàn mảnh nhỏ.

Lại có địa ngục tên là Thiết Lư, phần trước đã có nói qua.

Lại có địa ngục tên là Dương Đồng, phần trước đã có nói qua.

Lại có địa ngục tên là Bao Trụ, tội nhân vừa ôm vào cột đồng liền có lưới sắt tự nhiên quấn chặt nơi cổ, rồi lập tức trụ đồng bốc lửa, thiêu cháy hết thân thể.

Lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa, khắp nơi đều có lửa cháy, hoàn toàn không có đường nào thoát ra. Ngục tốt lại dùng những cái chày sắt nung lửa đỏ rục đánh vào đầu, vào bụng tội nhân.

Lại có địa ngục tên là Canh Thiệt, tội nhân bị kéo lưới ra giữ chặt, rồi có trâu kéo lưới cày, cày xới qua lại trên lưới tội nhân.



Lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ, dùng đao búa chặt chém búa nát đầu tội nhân.

Lại có địa ngục tên là Thiêu Cước, tội nhân đi, đứng ở bất cứ nơi nào, nơi ấy liền hóa ra chất nước kim loại nóng chảy như sáp, bàn chân vừa giẫm vào liền nóng chảy tiêu nát, chìm dần xuống đến đầu gối, hoặc chìm đến bụng, hoặc chìm đến cổ, hoặc chìm hết cả người.

Lại có địa ngục tên là Đạm Nhãn, có chim ưng bằng sắt bay đến, dùng móng vuốt tóm chặt trên vai tội nhân, rồi dùng mỏ mổ lấy con ngươi trong mắt mà ăn.

Lại có địa ngục tên là Thiết Hoàn, , phần trước đã có nói qua.

Lại có địa ngục tên là Tránh Luận, tội nhân trong đó đều sinh ra móng vuốt bằng sắt sắc nhọn hình bán nguyệt, mỗi lúc sân hận nổi lên liền tự [dùng móng vuốt ấy] cấu xé giết hại lẫn nhau.

Lại có địa ngục tên là Thiết Phu. Phu là lưới búa sắc bén bằng sắt, dùng làm hình cụ chém ngang lưng tội nhân.

Lại có địa ngục tên là Đa Sân, tội nhân trong đó khi sân hận nổi lên thì tàn sát lẫn nhau.

## Thích nghĩa

Những người tu hành mà nghe tiếng phụ nữ ca hát cười đùa trong lòng khởi sinh ái nhiễm, cho đến những người thế tục vui thích làm việc giết hại sinh mạng, hoặc sai bảo người khác giết hại, chặt chém chân tay của chúng sinh, cắt xẻo da thịt chúng sinh, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Tứ Giác.

Những người quy tụ người khác lại để gây chiến tranh, tùy ý buông thả giết hại người khác, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Phi Đao.

Những người ngu si, vì sự tham dục, ham muốn mà bất hiếu với cha mẹ, bất kính với các bậc sư trưởng, không nghe theo những lời khuyên dạy làm người lương thiện, sai khiến người khác giết hại động vật, tự mình nuôi dưỡng những kẻ gian tà, thả đều đọa vào địa ngục Hỏa Tiễn.

Những người đã làm nhiều nghiệp ác sẽ đọa vào địa ngục Giáp Sơn.

Những kẻ giết hại nhiều sinh mạng, lại gây chiến đánh nhau, sẽ đọa vào địa ngục Thông Thương.

Những người tà dâm ái nhiễm, nhiều tham muốn nữ sắc, sẽ đọa vào các địa ngục Thiết Sàn, Đồng Trụ.

Người tu hành không khoác áo cà-sa lại thích mặc y phục của thế tục, sẽ đọa vào địa ngục Thiết Y.

Những người thế tục không chịu nghe theo lời dạy của các bậc pháp sư, không biết báo ân, cúng dường, lại làm hại thầy, chửi mắng thầy, đánh thầy, giết thầy, làm những chuyện trái giáo pháp, không biết xấu hổ, hổ thẹn, hủy phá tượng Phật, phá hoại chùa tháp, giết hại cha mẹ, chú bác, anh chị em, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Thiên Nhận.

Những người có quyền hạn, thế lực lại ngược đãi dân lành, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Lưu Hỏa.

Những người đập nát đầu cá, rắn, rết... sẽ đọa vào địa ngục Tỏa Thủ.

Những người bắt giũ, giam cầm hết thảy các loại động vật, nướng đốt trên lửa nóng, hoặc vùi trong tro nóng, hoặc luộc bằng nước sôi, hoặc gian dâm với vợ con người khác, không tuân giữ theo pháp luật của thế gian, hoặc xuất gia mà phạm phá giới luật, hết thảy những hạng người này đều sẽ đọa vào địa ngục Thiêu Cước.

Những người nghiện ngập rượu chè sẽ đọa vào địa ngục Đạm Nhãn.

Những kẻ nhiều tham dục, ganh ghét với người khác, thường sinh sân hận, nóng giận, sẽ đọa vào các địa ngục Tránh Luận, Đa Sân.

Những người miệng lưỡi lạnh lợi thường nói lời ác độc, ngợi khen kẻ xấu ác, phỉ báng chê bai người lương thiện, đều sẽ đọa vào địa ngục Thiết Phu.

### Kinh văn

地藏白言：仁者，鐵圍之內，有如是等地獄，其數無限。

- *Địa Tạng bạch ngôn: Nhân giả, Thiết Vi chi nội hữu như thị đẳng địa ngục, kỳ số vô hạn.*

### Việt dịch

**Bồ Tát Địa Tạng thưa rằng:** “Thưa nhân giả! Bên trong núi Thiết Vi có những loại địa ngục như vậy, số lượng nhiều không giới hạn.”

### Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng nói: “Thưa nhân giả! Trong lòng núi Thiết Vi có những loại địa ngục giống như vừa kể, về số lượng thì nhiều đến không có giới hạn.”

### Thích nghĩa

Trong hết thấy mỗi một địa ngục đều có thiết lập những ngục nhỏ bên trong, nên nói là không cùng tận. Rốt cuộc

đều do phạm phu vọng khởi tâm ái nhiễm và bám chấp, đem cảnh giới vô vi vốn có xưa nay miễn cưỡng tạo thành cảnh giới hữu vi, do đó mà khởi sinh bao sự báo ứng khổ hoặc vui.

### Kinh văn

更有叫喚地獄、拔舌地獄、糞尿地獄、銅鎖地獄、火象地獄、火狗地獄、火馬地獄、火牛地獄、火山地獄、火石地獄、火床地獄、火梁地獄、火鷹地獄、鋸牙地獄、剝皮地獄、飲血地獄、燒手地獄、燒腳地獄、倒刺地獄、火屋地獄、鐵屋地獄、火狼地獄。

- *Cánh hữu Khiếu Hoán địa ngục, Bạt Thiệt địa ngục, Phần Niệm địa ngục, Đồng Tỏa địa ngục, Hỏa Tượng địa ngục, Hỏa Cầu địa ngục, Hỏa Mã địa ngục, Hỏa Ngưu địa ngục, Hỏa Sơn địa ngục, Hỏa Thạch địa ngục, Hỏa Sàng địa ngục, Hỏa Lương địa ngục, Hỏa Ứng địa ngục, Cứ Nha địa ngục, Bác Bì địa ngục, Âm Huyết địa ngục, Thiêu Thủ địa ngục, Thiêu Cước địa ngục, Đảo Thích địa ngục, Hỏa Ốc địa ngục, Thiệt Ốc địa ngục, Hỏa Lang địa ngục.*

### Việt dịch

Lại có địa ngục Khiếu Hoán, địa ngục Bạt Thiệt, địa ngục Phần Niệm, địa ngục Đồng Tỏa, địa ngục Hỏa Tượng, địa

ngục Hỏa Cầu, địa ngục Hỏa Mã, địa ngục Hỏa Ngưu, địa ngục Hỏa Sơn, địa ngục Hỏa Thạch, địa ngục Hỏa Sàng, địa ngục Hỏa Lương, địa ngục Hỏa Ưng, địa ngục Cứ Nha, địa ngục Bác Bì, địa ngục Âm Huyết, địa ngục Thiêu Thủ, địa ngục Thiêu Cước, địa ngục Đảo Thích, địa ngục Hỏa Ốc, địa ngục Thiết Ốc, địa ngục Hỏa Lang.

## Giải thích

Bên trong hai địa ngục lớn là Vô Gian và A-tỳ, lại có địa ngục Khiếu Hoán. Địa ngục thứ tư trong địa ngục Bát Nhiệt gọi là Khiếu Hoán, địa ngục thứ năm là Đại Khiếu Hoán. Ở đây, ngục tốt nắm lấy tội nhân ném vào trong một vạc nước sôi lớn mà luộc, rồi lại kéo ra đặt lên một tấm vỉ nóng lớn, lật nướng qua lại cho khô đi, cho nên tội nhân đau đớn kêu khóc lớn tiếng.

Trong địa ngục Bạt Thiết thì ngục tốt dùng móc sắt móc vào banh miệng tội nhân ra, rồi kéo lưỡi tội nhân dài ra bên ngoài, dùng móc câu giữ chặt lại.

Trong địa ngục Phần Niệu thì tội nhân bị trôi giạt chìm đắm trong một dòng sông toàn là phần uế, nước tiểu, hôi thối không thể chịu nổi.

Trong địa ngục Đồng Tỏa thì dùng cùm sắt lớn có dây buộc chặt vào cổ tội nhân, đầu dây kia buộc giữ vào núi sắt, buộc tội nhân phải mang cùm sắt nặng ấy mà chạy.

Trong địa ngục Hỏa Tượng, những con voi toàn thân bốc lửa, rượt đuổi thiêu đốt tội nhân.

Trong địa ngục Hỏa Cầu có dòng sông tro nóng nước sôi sục ở hai bên bờ, hết thấy những con chó đều có màu tím đen, dơ nhớp hết sức đáng sợ, cắn xé xương thịt trên thân thể tội nhân trong ngục để ăn.

Trong các địa ngục Hỏa Ngưu, Hỏa Mã, những con trâu, con ngựa đều bốc lửa toàn thân, lông lộn hết sức truy đuổi tội nhân, giẫm đạp đến chết, hoặc đâm húc đến chết, hoặc bị lửa trên thân chúng thiêu chết.

Trong địa ngục Hỏa Sơn, cả hai ngọn núi đều bốc lửa, tội nhân đi vào trong núi, cả hai ngọn núi liền tự nhiên hợp lại, ép chặt tội nhân nát thành bụi nhỏ.

Trong địa ngục Hỏa Thạch, tội nhân bị ném lên những tảng sắt đá, lại có một tảng sắt đá khác đè ép lên phía trên, nghiền nát thân thể tội nhân khiến cho máu mủ chảy tràn ra, xương tủy cũng nát thành tro bụi.

Địa ngục Hỏa Sàng cũng chính là địa ngục Thiết Sàng.

Trong địa ngục Hỏa Lương, tội nhân bị treo lên trên cây xà ngang bốc lửa để thiêu đốt.

Địa ngục Hỏa Ưng cũng chính là địa ngục Thiết Ưng.

Trong địa ngục Cứ Nha, tội nhân bị trói quặt tay bằng dây xích sắt đen, rồi dùng cửa của xẻ thân thể, cửa đi rồi cửa lại, cửa nát hết thân thể rồi cửa đến răng, lợi.

Trong địa ngục Bác Bì, trước hết mang tội nhân ra lột da, sau đó cắt xẻo dần ra từng miếng thịt ném lên tấm da của chính họ.

Trong địa ngục Âm Huyết có rất nhiều loài trùng độc, cắn rút hút lấy máu thịt của tội nhân, rồi lại cắn gặm vào gân, tủy.

Lại nói về các địa ngục Thiêu Thủ và Thiêu Cước. Trong Bát Nhiệt địa ngục thì địa ngục thứ sáu gọi là Thiêu Chích và địa ngục thứ bảy gọi là Đại Thiêu Chích, trong các địa ngục này, toàn thân tội nhân bị thiêu đốt, thịt da đều chín bấy, tiêu nát. Trong hai địa ngục Thiêu Thủ và Thiêu Cước thì tội nhân chỉ bị thiêu cháy chân tay.

Trong địa ngục Đảo Thích có một cái cây bằng sắt rất lớn được nung đỏ, cây có gai dài đến mười sáu tấc. Ngục tốt lôi kéo tội nhân lên cây ấy thì bao nhiêu gai đều quay xuống, lại lôi kéo tội nhân từ trên cây xuống thì bao nhiêu cây gai đều quay lên. Lôi kéo nhiều lần lên xuống như vậy thì da thịt đều bị cắt xẻ hết.

Trong địa ngục Hỏa Ốc và Thiết Ốc, tội nhân bị giam nhốt trong tòa nhà sắt lớn, lại bị lửa nóng thiêu đốt, tội nhân không có chỗ nào né tránh được, liền bị thiêu đốt toàn thân nát nhừ mà chết.

Trong địa ngục Hỏa Lang có những con chó sói hung dữ toàn thân bốc lửa, rượt đuổi tội nhân, chân đạp, miệng cắn xé, ăn dần từng miếng thịt trên thân thể tội nhân cho đến hết.

### **Thích nghĩa**

Đọa vào địa ngục Khiếu Hoán là báo ứng của những người ôm lòng sân hận, độc ác, tạo các nghiệp ác, tích tập đủ loại tà kiến.

Đọa vào các địa ngục Bạt Thiệt, Phán Niệ, Đồng Tỏa, là báo ứng của hạng Phạm chí đúng pháp bảo là sai pháp, sai pháp lại bảo là đúng pháp, phạm giới luật không chịu sám hối.

Đọa vào địa ngục Hỏa Cầu là báo ứng của những người nuôi tầm rồi đun luộc để ăn.

Đọa vào địa ngục Hỏa Ngư, Hỏa Mã là báo ứng của những kẻ tà hạnh, dâm dục.

Đọa vào các địa ngục Hỏa Sơn, Hỏa Thạch đều là báo ứng của những người tạo nghiệp nghiệp ác.

Đọa vào địa ngục Cú Nha là báo ứng của những người tạo khẩu nghiệp xấu ác.

Đọa vào địa ngục Bát Bì là báo ứng của những người làm nghề đồ tể, giết hại động vật như heo, dê, trâu, bò, nai... để sinh sống, hoặc cũng là báo ứng của những người chuyên bắt các loại cá, các loại chim v.v...

Đọa vào địa ngục Âm Huyết là báo ứng của những người trộm cắp, tà dâm.

Đọa vào các địa ngục Thiêu Thủ, Thiêu Cước là báo ứng của những người vì tham miếng ăn ngon mà giết hại chúng sinh, chặt chân chặt tay, chiền nướng luộc thui...

Đọa vào địa ngục Đảo Thích là báo ứng của những người phụ nữ tà dâm, hoặc khinh nhờn tệ bạc với chồng, phản bội chồng, lại còn tạo tác thêm nhiều nghiệp ác khác.

Đọa vào các địa ngục như Hỏa Ốc... đều là báo ứng của những ác nghiệp do chính mình tạo tác.

## Kinh văn

如是等地獄，其中各各復有諸小地獄，或一或二、或三或四，乃至百千。其中名號各各不同。

- *Như thị đẳng địa ngục, kỳ trung các các phục hữu chư tiểu địa ngục, hoặc nhất hoặc nhị, hoặc tam hoặc tứ, nãi chí bá thiên. Kỳ trung danh hiệu các các bất đồng.*

## Việt dịch

**Bên trong các địa ngục như thế, mỗi địa ngục lại có các địa ngục nhỏ hơn, hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn,**



**thậm chí đến số trăm ngàn. Tên gọi các địa ngục ấy đều không giống nhau.**

### **Giải đáp**

Bên trong hết thấy các loại địa ngục như thế lại có các loại địa ngục nhỏ hơn, hoặc thêm một loại, hoặc hai loại, hoặc thêm ba, bốn loại, cho đến có thêm hàng trăm loại. Trong đó tên gọi mỗi loại địa ngục đều không giống nhau.

### **Thích nghĩa**

Bên trong các loại địa ngục lại còn có nhiều địa ngục nhỏ, phụ thuộc vào địa ngục lớn đó. Những địa ngục như vậy làm sao có thể kể ra hết được?

### **Kinh văn**

地藏菩薩告普賢菩薩言：仁者，此中皆是南閻浮提行惡眾生，業感如是。

- *Địa Tạng Bồ Tát cáo Phổ Hiền Bồ Tát ngôn: Nhân giả, thử trung giai thị Nam Diêm-phù-đề hành ác chúng sinh, nghiệp cảm như thị.*

### **Việt dịch**

**Bồ Tát Địa Tạng nói với Bồ Tát Phổ Hiền: “Thưa nhân giả! Các địa ngục đó đều là do những nghiệp ác của chúng sinh cõi Nam Diêm-phù-đề chiêu cảm mà hiện ra như vậy.**

### **Giải đáp**

Bồ Tát Địa Tạng nói với Bồ Tát Phổ Hiền: “Thưa nhân giả! Những địa ngục như thế đều là do nghiệp lực của

những chúng sinh làm ác trong cõi Nam Diêm-phù-đề chiêu cảm nên mới có những địa ngục như vậy.

### Thích nghĩa

Bồ Tát thường chỉ bày cho chúng sinh cõi Diêm-phù, đó là vì chúng sinh cõi Diêm-phù tánh khí rối loạn, chạy theo hoàn cảnh bên ngoài mà tập thành nghiệp ác, không chịu làm thiện. Tích tụ đủ mọi loại nghiệp ác nên mới hình thành đủ mọi loại địa ngục.

### Kinh văn

業力甚大，能敵須彌，能深巨海，能障聖道。是故，眾生莫輕小惡，以為無罪，死後有報，纖毫受之。父子至親，岐路各別。縱然相逢，無肯代受。我今承佛威力，略說地獄罪報之事，唯願仁者暫聽是言。

- *Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu-di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo. Thị cố chúng sinh mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô tội, tử hậu hữu báo, tiêm hào thụ chi. Phụ tử chí thân, kỳ lộ các biệt, túng nhiên tướng phùng, vô khảng đại thụ. Ngã kim thừa Phật uy lực, lược thuyết địa ngục tội báo chi sự, duy nguyện nhân giả tạm thính thị ngôn.*

### Việt dịch

“Nghiệp lực rất lớn lao, sánh với núi Tu-di, sâu như biển lớn, có thể làm chướng ngại Thánh đạo. Do vậy, chúng

sinh đừng xem thường việc ác nhỏ nhặt mà cho là không có tội. Sau khi chết đều có báo ứng, dù một mảy may cũng phải nhận chịu. Thân thiết như cha với con, mỗi người cũng đều có nẻo đi riêng, ví như có gặp lại nhau cũng không thể thay nhau chịu tội. Nay tôi nương nhờ oai lực của Phật mà sẽ nói lược qua những chuyện tội báo trong địa ngục. Xin nhân giả tạm chứng cho lời ấy.”

### Giảng giải

Nghiệp lực đó hết sức lớn lao, có thể so sánh với núi Tu-di, sâu xa sánh như biển lớn, lại có thể che chướng con đường tu tập Thánh đạo. Nghiệp lực lớn lao như thế cho nên khuyên dạy chúng sinh đừng xem thường những việc ác nhỏ nhặt mà cho rằng không có tội. Phải biết rằng sự báo ứng sau khi chết, cho dù mảy may nhỏ nhặt cũng đều phải nhận chịu. Cha con với nhau cho dù tình cảm chí thân, đến lúc phải thọ nhận quả báo cũng phân chia riêng biệt. Ví như có gặp gỡ cũng không thể thay nhau chịu tội. Nay tôi nương nhờ oai lực của Phật, nói lược qua những chuyện tội báo trong địa ngục, xin nhân giả tạm thời chứng giám cho lời nói của tôi.

### Thích nghĩa

Nghiệp lực nếu so với núi Tu-di ắt cao hơn, so với biển lớn ắt sâu hơn, thậm chí còn có thể làm che chướng Phật pháp, Thánh đạo. Quý vị nghĩ xem nghiệp lực của người đời lớn lao như vậy có đáng sợ hay không? Phàm phu chúng ta, trong một ngày đêm có tám ức bốn ngàn muôn lần khởi tâm động niệm, niệm niệm không dừng nghỉ, mỗi một niệm như vậy đều có nhân duyên báo ứng, niệm ác thì quả báo ác, niệm lành thì quả báo lành, như bóng theo hình, không mảy may sai chạy.

Ý niệm còn có báo ứng, hướng hồ là tự thân làm việc ác nhỏ. Việc lành tích lũy được nhiều thì sau khi chết sinh lên cõi trời. Việc ác tích lũy nhiều thì sau khi chết đọa xuống địa ngục, tự làm tự chịu, dù một mảy may cũng không thể thay đổi. Mỗi người sinh ra mình trần thân trụ, chết đi cũng mình trần thân trụ, cho dù là cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn cũng không giúp đỡ được gì, cũng không chủ động được gì.

Nói tóm lại, muôn pháp đều từ tâm sinh khởi, muôn pháp cũng từ nơi tâm mà diệt. Có thể thấu hiểu rất ráo được cảnh giới không sinh không diệt thì tâm Phật tự nhiên hiển hiện. Tâm niệm si mê rối loạn thì chướng ngại tâm Phật, làm đủ mọi việc bất thiện, tạo tác tích lũy nghiệp ác không hình tướng. (Trong kinh nói rằng, nếu nghiệp ác mà có hình tướng thì hư không rộng lớn cũng không dung chứa hết.) Tương lai rồi phải thọ lãnh quả báo xấu ác trong địa ngục, đừng cho rằng nghiệp không nhìn thấy được mà tùy ý buông thả làm việc ác.

## Kinh văn

普賢答言：吾已久知三惡道報，望仁者說，令後世末法一切惡行眾生聞仁者說，使令歸佛。

- *Phổ Hiền đáp ngôn: Ngô dĩ cửu tri tam ác đạo báo, vọng nhân giả thuyết, linh hậu thế mạt pháp nhất thiết ác hạnh chúng sinh văn nhân giả thuyết, sử linh quy Phật.*

## Việt dịch

Ngài Phổ Hiền đáp lại rằng: “Từ lâu tôi đã biết về quả báo trong ba đường ác, mong nhân giả nói ra để hết thấy những chúng sinh làm việc ác trong đời mạt pháp về sau được nghe nhân giả giảng nói, sẽ quay về quy y Phật.”

## Giảng giải

Ngài Phổ Hiền đáp lời Bồ Tát Địa Tạng: “Từ lâu tôi đã biết về ngài, đã biết về những quả báo trong ba đường ác, nên hy vọng ngài sẽ nói ra những lời này, để cho hết thấy những chúng sinh làm việc ác trong thời mạt pháp sau này được nghe những lời của nhân giả mà quay về quy y Phật.

## Thích nghĩa

Bồ Tát Phổ Hiền biết rằng ngài Bồ Tát Địa Tạng là bậc giáo chủ trong các địa ngục đã từ lâu xa. Bây giờ bậc giáo chủ trong các địa ngục giảng nói về những sự việc, hình trạng trong địa ngục, chúng sinh được nghe qua rồi nhất định sẽ phải tin nhận. Một khi đã có niềm tin thì có thể khuyên bảo họ quy y Phật, tránh được việc phải chịu tội báo trong địa ngục.

## Kinh văn

地藏白言：仁者，地獄罪報，其事如是。

- *Địa Tạng bạch ngôn: Nhân giả, địa ngục tội báo, kỳ sự như thị.*

## Việt dịch

**Bồ Tát Địa Tạng thưa rằng: “Thưa nhân giả! Những chuyện tội báo trong địa ngục là như thế này.”**

## Giải thích

Bồ Tát Địa Tạng nói rằng: “Thưa nhân giả! Những chuyện tội báo trong địa ngục quả thật như đã được kể ra như sau.”

## Thích nghĩa

Một câu này là để chứng thực mọi hình trạng, sự việc trong địa ngục quả thật đúng như đã nói, để khiến cho chúng sinh phải tin chắc không nghi ngờ.

## Kinh văn

或有地獄，取罪人舌，使牛耕之；或有地獄，取罪人心，夜叉食之；或有地獄，鑊湯盛沸，煮罪人身；或有地獄，赤燒銅柱，使罪人抱；或有地獄，使諸火燒，趁及罪人；或有地獄，一向寒冰；或有地獄，無限糞屎；或有地獄，純飛鏃鏢；或有地獄，多攢火槍；或有地獄，唯撞胸背；或有地獄，但燒手足；或有地獄，盤繳鐵蛇；或有地獄，驅逐鐵狗；或有地獄，盡駕鐵驃。

- *Hoặc hữu địa ngục, thủ tội nhân thiết, sử nguư canh chi; hoặc hữu địa ngục, thủ tội nhân tâm, dạ xoa thực chi; hoặc hữu địa ngục, hoạch thang thịnh phí, chủ tội nhân thân; hoặc hữu địa ngục, xích thiêu đồng trụ, sử tội nhân bảo; hoặc hữu địa ngục, sử chư hỏa thiêu, sấn cập tội nhân; hoặc hữu địa ngục, nhất hướng hàn băng; hoặc hữu địa ngục, vô hạn phản thi; hoặc hữu địa ngục, thuần phi thốc lê, hoặc hữu địa ngục, đa toàn hỏa thương; hoặc hữu địa ngục, duy tràng hung bội; hoặc hữu địa ngục, dẫn thiêu thủ túc; hoặc hữu địa ngục, bàn kiểu thiết xà; hoặc hữu địa ngục, khu trục thiết cầu; hoặc hữu địa ngục, tận giá thiết la.*

## Việt dịch

“Có địa ngục kéo lưới tội nhân rồi bắt trâu cày trên đó, hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho quỷ dạ-xoa ăn, hoặc có địa ngục nước sôi sùng sục bỏ toàn thân tội nhân vào nấu, hoặc có địa ngục nung đỏ trụ đồng rồi bắt tội nhân ôm trụ, hoặc có địa ngục nhiều đám lửa dữ rượt đuổi thiêu đốt tội nhân, hoặc có địa ngục toàn là băng giá, hoặc có địa ngục tràn ngập phần ướ, hoặc có địa ngục đầy những quả chùy gai bay lượn, hoặc có địa ngục toàn những cây giáo bốc lửa, hoặc có địa ngục chỉ đánh vào ngực, vào lưng tội nhân, hoặc có địa ngục chỉ thiêu cháy tay chân, hoặc có địa ngục rắn sắt quấn siết quanh tội nhân, hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt [rượt cắn tội nhân], hoặc có địa ngục toàn là lửa sắt.”

## Giải thích

Có loại địa ngục kéo lưới tội nhân ra, rồi cho trâu bò kéo cày trên lưới.

Lại có loại địa ngục ở giữa dòng sông tro nóng có rừng kiếm sắc nhọn, quỷ la-sát dùng chĩa sắt đâm vào giữa tim tội nhân lấy ra, rồi gọi quỷ dạ-xoa đến ăn.

Lại có loại địa ngục có 500 quỷ la-sát thổi lò lửa lớn, đun chảo nước lớn sôi sùng sục, bỏ tội nhân vào nấu, chỉ trong chốc lát thân thể đều chín nhừ, lại dùng chĩa đâm vào vớt ra, ném cho chó sắt ăn. Chó ăn vào rồi nôn ra, tội nhân liền sống lại, rồi lại bị bắt lấy ném vào chảo đun nấu tiếp.

Lại có loại địa ngục dùng những cụm lửa lớn rượt đuổi thiêu đốt tội nhân.

Lại có loại địa ngục tội nhân toàn bị ngập chìm trong băng giá lạnh buốt, hai bề ngang dọc rộng đến hai mươi ngàn dặm, gió thổi băng lạnh rét buốt thấu xương, lạnh quá mà chết.

Lại có loại địa ngục tràn ngập phần ếch hôi thối không có hạn mức, chia ra làm mười tám ngăn, mỗi ngăn rộng tám ngàn do-tuần, đều có bốn vách tường vây quanh, trên tường có trăm ngàn vạn ức đao kiếm. Trong đó sinh ra những con trùng bằng sắt, miệng nhỏ ra phân nóng. Tội nhân nuốt loại phân này vào liền bị trùng sắt cắn vào lưỡi, gặm ăn vào tim.

Lại có loại địa ngục tội nhân bị rơi vào chỗ tối tăm mông lung, có loài quạ sắt mỏ và móng vuốt dưới chân đều dài và sắc nhọn, từ trên núi bay xuống gắp lấy tội nhân. Tội nhân gắp rút bỏ chạy, chân vừa chạm đất thì có chùy gai sắt quật ngang, gai đâm xuyên thấu xương tủy. Cứ như vậy trải qua trăm vạn ức năm. Chỗ này chỉ nói địa ngục chùy sắt có gai, nhưng tất cả các địa ngục khác, đại thể thời gian mãn hạn thoát ra khỏi ngục cũng đều lâu xa như vậy.



Loại địa ngục toàn những cây giáo bốc lửa (hỏa thương), cũng giống như địa ngục bị giáo đâm như đã nói, bất quá chỉ là những cây giáo có thêm lửa nóng.

Lại có loại địa ngục chỉ toàn đánh vào ngực, vào lưng tội nhân.

Lại có loại địa ngục chỉ thiêu đốt chân tay. Cai ngục bắt tội nhân cầm hộp sắt nóng, trong hộp bốc lửa thiêu cháy tay tội nhân.

Các loại địa ngục có rắn sắt, chó sắt đều giống như đã nói ở phần trước.

Trong địa ngục toàn lửa sắt, đó là tội nhân biến hình thành con lừa, bị lửa thiêu đốt, hoặc tội nhân phải cưỡi trên lừa sắt bốc lửa, thiêu đốt thân thể.

## Thích nghĩa

Những người phạm tội nói đâm thọc hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối trá, nói lời vô nghĩa, hủy báng Tam bảo, sau khi chết phải đọa vào địa ngục Bạt Thiết, bị kéo lưỡi ra cho trâu cày.

Những người trộm cắp của cha mẹ, sư trưởng, do tội ấy phải đọa vào địa ngục bị moi tim.

Những người chuyên ăn cua luộc, gỏi cá, cất tiết ăn sống, luộc rùa, ba ba... sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục bị luộc bằng chảo nước sôi.

Địa ngục phải ôm trụ đồng nóng thì phần trước đã có nói qua.

Người ôm lòng khắc nghiệt, sân hận đối với người khác, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục bị lửa thiêu. Ôm lòng oán hận, tâm độc ác cố kết không thể giải trừ, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục băng lạnh.

Người phá hoại tám điều trai giới, làm ô ố điện thờ thần Phật hoặc tượng Phật, kinh sách Phật, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục chìm ngập trong phần ố, nước tiểu.

Những người săn bắn, lưới bắt chim thú, sau khi chết đọa vào địa ngục bị chùy gai bay đập.

Những người phỉ báng sau lưng người khác, đánh đập người khác bằng hung khí, sẽ đọa vào địa ngục cũng bị đánh vào ngực, vào lưng hoặc bị đâm bởi cây giáo bốc lửa.

Địa ngục có lửa sắt là nơi báo ứng của những người tu hành làm việc nấu ăn cho tăng chúng mà giấu riêng thức ăn để ăn một mình, không phân chia đồng đều cho các vị tăng khác, sau khi chết đọa địa ngục hóa làm thân lửa, bị lửa thiêu hết sức khổ sở.

Thốc lê (鋸鑊) là tên một loại vũ khí hình ba cạnh, có nhiều gai nhọn trên bề mặt (cây chùy gai).

## Kinh văn

仁者，如是等報，各各獄中有百千種業道之器，無非是銅、是鐵、是石、是火。此四種物，眾業行感。

- *Nhân giả, như thị đẳng báo, các các ngục trung hữu bá thiên chủng nghiệp đạo chi khí, vô phi thị đồng, thị thiết, thị thạch, thị hỏa. Thủ tứ chủng vật, chúng nghiệp hành cảm.*

## Việt dịch

“Thưa nhân giả! Với những quả báo như vậy, trong hết thảy các địa ngục đều có trăm ngàn loại khí cụ [hành

hình], tất cả đều là đồng, sắt, đá, lửa. Bốn loại vật chất này là do các loại hành nghiệp chiêu cảm.”

### Giải giảng

Thưa nhân giả! Những sự báo ứng như vậy, với đủ mọi loại địa ngục, có đến trăm ngàn các loại hình cụ, khí cụ, tất cả đều là được làm bằng đồng, bằng sắt, bằng đá hoặc dùng lửa. Đó cũng là do chúng sinh tạo nghiệp xấu ác nên chiêu cảm mà thành như vậy.

### Thích nghĩa

Các loại công cụ hành hình trong địa ngục vốn dĩ không hề có, hết thảy đều do chúng sinh tạo tác nghiệp ác chiêu cảm mà thành.

Các loại vật chất như đồng, sắt, đá là ví với việc chúng sinh tạo nghiệp ác, cũng giống như các loại vật chất này luôn cứng cõi, sắc bén, ương ngạnh, không chịu thay đổi, hối cải. Lửa là ví với sức mạnh thôi thúc tạo nghiệp ác, việc ác nếu không dứt trừ ắt cũng giống như lửa, ngày càng thiêu đốt lan rộng ra.

### Kinh văn

若廣說地獄罪報等事，一一獄中，更有百千種苦楚。何況多獄。我今承佛威神及仁者問，略說如是。若廣解說，窮劫不盡。

- *Nhược quảng thuyết địa ngục tội báo đẳng sự, nhất nhất ngục trung, cánh hữu bá thiên chủng khổ sở, hà hướng đa ngục. Ngã kim thừa Phật uy thần cập*

*nhân giả vấn, lược thuyết như thị, nhược quảng giải thuyết, cùng kiếp bất tận.*

### **Việt dịch**

**“Nếu như nói rộng những tội báo trong địa ngục thì trong mỗi một địa ngục còn có đến trăm ngàn nỗi khổ sở, hưởng chi trong nhiều ngục. Nay tôi nương nhờ oai lực Phật cùng nhân câu hỏi của nhân giả mà lược nói như vậy. Nếu như nói rộng ra thì đến hết kiếp cũng chưa nói hết.”**

### **Giảng giải**

Nếu như muốn nói rộng những chuyện tội báo địa ngục thì chỉ trong mỗi một địa ngục đều có trăm ngàn cách khổ sở hành hạ, hưởng chi trong rất nhiều địa ngục như thế. Nay tôi nương nhờ oai thần của Phật cũng như đáp lại câu hỏi của nhân giả mà nói qua đại lược như vậy. Nếu muốn giảng nói rộng ra thì cho đến hết một kiếp này cũng không thể nói hết.

### **Thích nghĩa**

Hết thấy các loại địa ngục xưa nay vốn không thật có. Nhân vì chúng sinh không biết giữ giới, vọng khởi các niệm xấu ác tham lam, sân hận, si mê, tạo thành đủ mọi các nghiệp ác giết hại, trộm cướp, dâm dục, nên mới chiêu cảm mà thành. Cho nên, nghiệp lực do trong tâm khởi niệm cũng giống như người họa sĩ, tự nơi thân tâm mình tạo tác các nghiệp thì cũng tự chính mình vẽ thành, tạo thành các loại địa ngục, để sau khi chết đi thì tự mình chịu tội. Do vì những nghiệp ác mà chúng sinh tạo tác nhiều vô cùng tận, không thể nói hết, cho nên [những sự báo ứng trong] địa ngục cũng nhiều vô cùng tận, không thể nói hết.

# PHẨM THỨ SÁU

## Kinh văn

### 如來讚歎品第六

- *Như Lai Tán Thán Phẩm Đệ Lục*

## Việt dịch

### Phẩm thứ sáu: Đức Như Lai tán thán

## Giảng giải

Đức Như Lai xưng tán, ngợi khen sức mạnh lớn lao của Bồ Tát Địa Tạng trong việc cứu giúp chúng sinh.

## Thích nghĩa

Đức Như Lai là chỉ đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Nhân vì Bồ Tát Địa Tạng đại từ đại bi cứu giúp chúng sinh, làm lợi ích cho những chúng sinh đời mạt pháp như chúng ta, công đức của ngài hết sức lớn lao, phàm phu như chúng ta không thể hiểu được hết. Cho nên lúc này đức Phật nói ra để chúng ta được nghe biết, hiểu rõ về những sự lợi ích, về lòng từ bi của ngài Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sinh đời mạt pháp.

Đức Phật còn chưa thuyết dạy điều gì, tự nhiên trước hết đưa ra lời ngợi khen tán thán. Chúng ta được nghe Phật nêu ra sự lợi ích cứu giúp và lòng từ bi của Bồ Tát

Địa Tạng thì tự nhiên cũng muốn ngợi khen xưng tán ơn đức lớn lao của ngài.

### Kinh văn

爾時，世尊舉身放大光明，遍照百千萬億恒河沙等諸佛世界。出大音聲，普告諸佛世界一切諸菩薩摩訶薩及天龍鬼神人非人等：聽吾今日稱揚讚歎地藏菩薩摩訶薩，於十方世界，現大不可思議威神慈悲之力，救護一切罪苦之事。

- *Nhĩ thời, Thế Tôn cử thân phóng đại quang minh, biến chiếu bá thiên vạn ức hàng hà sa đẵng chư Phật thế giới, xuất đại âm thanh, phổ cáo chư Phật thế giới nhất thiết chư Bồ Tát Ma-ha-tát cập thiên long quý thân nhân phi nhân đẵng: Thính ngô kim nhật xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát, ư thập phương thế giới, hiện đại bất khả tư nghị uy thần từ bi chi lực, cứu hộ nhất thiết tội khổ chi sự.*

### Việt dịch

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn toàn thân phóng hào quang lớn, chiếu khắp các thế giới của chư Phật nhiều như số cát trong trăm ngàn muôn ức con sông Hằng, phát ra âm thanh lớn rộng báo với chư Phật, chư Đại Bồ Tát cùng với hàng trời, rồng, quý, thần, người và các loài chẳng phải người ở trong hết thảy các cõi Phật ấy rằng: “Hãy

**lắng nghe, hôm nay ta ngợi khen xưng tán Đại Bồ Tát Địa Tạng, hiển lộ sức từ bi oai thần lớn lao không thể nghĩ bàn, cứu giúp hết thảy mọi sự khổ não.”**

## **Giảng giải**

Vào lúc bấy giờ toàn thân đức Thế Tôn, từ thân hình cho đến tay, chân, các nơi... đều phóng chiếu hào quang sáng rực, chiếu ra khắp các thế giới của chư Phật nhiều như số cát của trăm ngàn muôn ức con sông Hằng. Từ trong hào quang đó lại phát ra âm thanh rất lớn, nói ra với hết thảy chư Đại Bồ Tát cùng hàng trời, rồng, quỷ, thần, người và loài không phải người như thế này: “Hãy lắng nghe! Hôm nay ta ngợi khen tán thán Đại Bồ Tát Địa Tạng, đã ở trong mười phương thế giới hiển lộ sức oai thần từ bi lớn lao không thể nghĩ bàn, cứu giúp hết thảy chúng ta là những chúng sinh tội khổ.

## **Thích nghĩa**

Nói toàn thân phóng hào quang tức là khắp từ dưới mười đầu ngón chân dấn lên đến mắt cá chân, đầu gối, bắp vế, eo, bụng, lưng, rốn, tim, ngực, vai, cánh tay, ngón tay, cổ, miệng, răng, mũi, mắt, tai, chân lông, hình tướng, đến nhục tướng trên đỉnh đầu, hết thảy đều phóng ra sáu trăm muôn ức đạo hào quang, chiếu sáng đến các thế giới của chư Phật trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng. Trong hào quang ấy lại phát ra âm thanh lớn, những âm thanh này trong trẻo vang xa, khiến cho người nghe sinh tâm vui mừng an ổn, cung kính thương yêu. Nhân vì sức tác động từ bên ngoài đối với con người thì không gì hơn tác động qua mắt thấy tai nghe, nhưng mắt nhìn thấy cũng không bằng những điều thâm nhập qua tai được nghe. Cho nên đức Như Lai dạy chúng ta chuyển từ mắt nhìn sang

tai nghe, hãy lắng nghe lời ngợi khen xưng tán của ngài phát ra từ trong ánh hào quang, nói rõ đến tận các thế giới của chư Phật trong khắp mười phương, cũng đến với tám bộ chúng trời, rồng, người và loài không phải người, hết thảy đều ngợi khen tán thán ủng hộ một bộ kinh này. Chúng sinh hiểu được nguyên nhân đó có thể cảm động đến Bồ Tát Địa Tạng. Bồ Tát do cơ duyên này mới có thể ứng hóa đến, cứu độ chúng sinh tội khổ chúng ta.

### **Kinh văn**

吾滅度後，汝等諸菩薩大士及天龍鬼神等，廣作方便，衛護是經，令一切眾生證涅槃樂。

- *Ngô diệt độ hậu, nhữ đẳng chư Bồ Tát Đại sĩ cập thiên long quỷ thần đẳng, quảng tác phương tiện, vệ hộ thị kinh, linh nhất thiết chúng sinh chứng Niết-bàn lạc.*

### **Việt dịch**

Sau khi ta diệt độ rồi, Bồ Tát Đại sĩ các ông cùng hàng trời, rồng, quỷ, thần... hãy rộng làm phương tiện, bảo vệ ủng hộ kinh này, giúp cho hết thảy chúng sinh đều chúng được niềm vui Niết-bàn.

### **Giảng giải**

Đức Phật nói tiếp rằng: “Sau khi ta diệt độ rồi, các vị Bồ Tát, những bậc Đại sĩ, cùng với hàng trời, rồng, quỷ, thần v.v... hãy làm ra đủ mọi phương tiện rộng lớn để bảo vệ, hộ trì bộ kinh này, khiến cho hết thảy chúng sinh đều chúng đắc niềm vui Niết-bàn.



## Thích nghĩa

Ý nghĩa của sự diệt độ là khi việc cứu độ chúng sinh đã có người gánh vác, ứng hóa thân của ắt sẽ diệt mất. Đức Phật gọi “các ông” là chỉ chung hết thảy mọi người trong chúng hội lúc đó, cùng với hết thảy chư Phật, Bồ Tát ở khắp các thế giới trong mười phương mà hào quang và âm thanh của Phật chiếu vọng đến.

Việc làm rộng lớn và phương tiện là hai công cụ hiệu quả của chư Bồ Tát trong việc cứu độ chúng sinh, không thể nào chia tách. Bộ kinh này là phương thuốc hay đối chứng trị bệnh cho chúng sinh. Nếu có thể nhân nơi kinh này mà ngộ đạo thì không ai là không được độ thoát. Do đó mà cần phải chú trọng việc bảo vệ giữ gìn.

Niềm vui Niết-bàn là niềm vui không sinh không diệt, chỉ thuần một sự tịch lặng an tĩnh.

## Kinh văn

說是語已，會中有一菩薩，名曰普廣，合掌恭敬而白佛言：今見世尊讚歎地藏菩薩有如是不可思議大威神德，唯願世尊為未來世末法眾生，宣說地藏菩薩利益人天因果等事。使諸天龍八部及未來世眾生頂受佛語。

- *Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung hữu nhất Bồ Tát danh viết Phổ Quảng, hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: Kim kiến Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát hữu như thị bất khả tư nghị đại uy thần đức, duy*

*nguyện Thế Tôn vì vị lai thế mạng pháp chúng sinh, tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên nhân quả đẳng sự, sử chư thiên long bát bộ cập vị lai thế chúng sinh đảnh thụ Phật ngữ.*

## Việt dịch

Đức Phật nói lời ấy xong, trong chúng hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng, liền cung kính chấp tay bạch Phật rằng: “Nay con được thấy Thế Tôn ngợi khen xưng tán Bồ Tát Địa Tạng có sức mạnh oai thần đức độ lớn lao không thể nghĩ bàn, nguyện đức Thế Tôn hãy vì chúng sinh trong thời mạng pháp tương lai mà tuyên thuyết những việc nhân quả lợi ích cho hàng trời người của Bồ Tát Địa Tạng, để giúp cho Tám bộ chúng trời rồng cùng hết thảy chúng sinh trong đời vị lai đều nhận lãnh được lời Phật dạy.”

## Giảng giải

Đức Phật vừa nói xong lời ấy, trong pháp hội liền có một vị Bồ Tát danh hiệu là Phổ Quảng, chấp tay cung kính trước Phật bạch rằng: “Hôm nay con được thấy đức Thế Tôn ngợi khen xưng tán Bồ Tát Địa Tạng có những phước đức uy lực thần thông lớn lao không thể nghĩ bàn, không thể nói hết. Nay con xin nguyện đức Thế Tôn hãy vì chúng sinh trong thời mạng pháp tương lai mà tuyên dương, nói rộng những điều nhân quả, lợi ích hàng trời người của Bồ Tát Địa Tạng, giúp cho Tám bộ chúng trời rồng cùng hết thảy chúng sinh trong đời vị lai đều được cung kính lãnh nhận những lời Phật dạy.”

## Thích nghĩa

Đức Phật đã ngợi khen xưng tán như vậy, Bồ Tát Phổ Quảng muốn thay chúng sinh thừa thỉnh Phật nhưng phải đợi đến sau khi đức Phật nói ra xong rồi, mới có thể giúp cho chúng sinh đều khởi sinh tâm kính ngưỡng tin nhận, y theo pháp Phật dạy mà tu tập hành trì, mới cảm ứng được Bồ Tát Địa Tạng, ứng hiện độ thoát cho hết thảy.

Từ nơi tâm phát ra trí tuệ, trí tuệ ấy đầy khắp pháp giới, nên gọi là “phổ”; ngập tràn khắp hư không, nên gọi là “quảng”.

Chấp tay là nghiệp của thân, cung kính là nghiệp của ý, bạch Phật là nghiệp của miệng. Ba nghiệp [thân, miệng, ý] đều thanh tịnh, tự nhiên đạt đến sự chí thành.

### Kinh văn

爾時，世尊告普廣菩薩及四眾等：諦聽諦聽，吾當為汝略說地藏菩薩利益人天福德之事。

- *Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Phổ Quảng Bồ Tát cập tứ chúng đảng: Đế thính đế thính, ngô đương vi nhữ lược thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phúc đức chi sự.*

### Việt dịch

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Quảng cùng bốn chúng đệ tử: “Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy xét kỹ! Nay ta sẽ vì các ông mà nói sơ qua về những việc phúc đức của Bồ Tát Địa Tạng làm lợi ích cho hàng trời người.”

## Giảng giải

Vào lúc đó, đức Thế Tôn nói với Bồ Tát Phổ Quang và hàng trời, rồng, bốn chúng đệ tử: “Hãy chú tâm lắng nghe và suy xét, hãy chú tâm lắng nghe và suy xét! Nay ta sẽ vì tất cả các ông mà nói lược qua về Bồ Tát Địa Tạng với những sự phúc đức làm lợi ích cho cõi người, cõi trời.”

## Thích nghĩa

Phật dặn dò chúng ta phải chú tâm lắng nghe và suy xét. Câu này được Phật lặp lại hai lần, đó là nói những việc oai thần từ bi [của Bồ Tát Địa Tạng] thật không thể nói hết, cho dù hết kiếp cũng không thể hiểu hết được, cho nên phải hết sức thận trọng [lắng nghe].

Phúc là nói người hiền lương được chư thiên bảo vệ, giúp đỡ. Đức là nói người có thiện hạnh lớn lao chân chánh. Cho nên mỗi tháng có sáu ngày chay, nếu có thể ăn chay, lắng lòng, niệm Bồ Tát Địa Tạng, thì có thể đạt được phúc đức không cùng tận.

## Kinh văn

普廣白言：唯然，世尊！願樂欲聞。

- *Phổ Quang bạch ngôn: Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn.*

## Việt dịch

**Bồ Tát Phổ Quang bạch rằng: “Xin vâng, thưa Thế Tôn! Chúng con nguyện vui thích lắng nghe.”**

## Giảng giải

Bồ Tát Phổ Quảng thưa trước Phật rằng: “Xin vâng, thưa Thế Tôn! Chúng con rất vui thích được lắng nghe lời Phật dạy.”

## Thích nghĩa

“Nguyện vui thích lắng nghe” là biểu đạt ý khao khát mong đợi, rất mong muốn được nghe.

## Kinh văn

佛告普廣菩薩：未來世中，若有善男子善女人，聞是地藏菩薩摩訶薩名者，或合掌者、讚歎者、作禮者、戀慕者，是人超越三十劫罪。

- *Phật cáo Phổ Quảng Bồ Tát: Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, văn thị Địa Tạng Bồ Tát Ma-ha-tát danh giả, hoặc hợp chưởng giả, tán thán giả, tác lễ giả, luyến mộ giả, thị nhân siêu việt tam thập kiếp tội.*

## Việt dịch

Đức Phật dạy ngài Bồ Tát Phổ Quảng: “Trong tương lai, nếu có những kẻ nam người nữ lòng lành, nghe được danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng này, hoặc chấp tay, ngời khen xưng tán, kính lễ, khởi tâm ưa thích kính ngưỡng, người ấy sẽ vượt thoát được tội lỗi trong ba mươi kiếp.”

## Giải giải

Đức Phật nói với Bồ Tát Phổ Quảng: “Trong đời vị lai, nếu như có những kẻ nam, người nữ làm việc lành, được nghe danh hiệu của Đại Bồ Tát Địa Tạng, hoặc chấp hai tay cung kính, ngợi khen xưng tán, lễ bái, ngưỡng mộ ưa thích, người như vậy sẽ có thể vượt qua được những nghiệp tội trong ba mươi kiếp.

## Thích nghĩa

Những người hết lòng tu tập việc lành, không làm các việc ác, gọi chung là “thiện nam tử, thiện nữ nhân”.

Được nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, chấp hai tay cung kính, nghĩ tưởng đến nhiều đời hiếu hạnh, đến đại nguyện từ bi cứu khổ của ngài, như vậy liền có thể vượt thoát được những tội lỗi lớn lao trong ba mươi kiếp. Nếu được nghe danh hiệu Bồ Tát, rồi ngợi khen xưng tán, dần dần truyền rộng ra, đó là công đức của miệng. Hoặc nghe danh hiệu Bồ Tát rồi lễ bái, làm theo lời dạy, đó là công đức của thân. Hoặc nghe danh hiệu Bồ Tát rồi sinh lòng ưa thích kính ngưỡng, thường nhớ nghĩ đến, đó là công đức của ý. Chỉ cần có một trong các loại công đức này, cũng đã có thể nhờ đó vượt qua được những tội lỗi lớn lao trong ba mươi kiếp. Nhất là sự truyền rộng là cần thiết nhất, vì không có sự truyền rộng thì người khác làm sao được biết đến?

## Kinh văn

普廣，若有善男子善女人，或彩畫形像，或土石膠漆、金銀銅鐵，作此菩薩。一瞻一禮者，是人百返生於三

十三天，永不墮於惡道。假如天福盡故，下生人間，猶為國王，不失大利。

- *Phổ Quang, nương hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc vẽ họa hình tượng, hoặc độ thạch giao tất, kim ngân đồng thiết, tác thủ bồ tát, nhất chiêm nhất lễ giả, thị nhân bách phần sinh ư Tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ư ác đạo. Giả như thiên phúc tận cố, hạ sinh nhân gian, do vi quốc vương, bất thất đại lợi.*

### Việt dịch

“Này Phổ Quang, nếu có kẻ nam người nữ lòng lành, tô vẽ hình ảnh hoặc tạo tượng Bồ Tát [Địa Tạng] bằng đất đá gắn kết chặt chẽ, hoặc bằng các loại vàng, bạc, đồng, sắt, rồi lễ bái một lần, người ấy sẽ được trăm lần sinh lên cõi trời Đao-lợi, mãi mãi không đọa vào các đường ác. Ví như phước cõi trời đã hết phải sinh cõi người cũng làm bậc quốc vương, không mất điều lợi lớn.”

### Giảng giải

Đức Phật tiếp tục bảo ngài Phổ Quang: “Ví như có những kẻ nam, người nữ lòng lành, hoặc dùng màu sắc vẽ thành hình tượng, hoặc dùng đất, đá gắn kết chặt chẽ, hoặc các loại vàng, bạc, đồng, sắt để tạo thành tượng Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng, một lần lễ bái, người ấy sẽ được trăm lần sinh rồi tái sinh lên cõi trời Đao-lợi, mãi mãi không còn đọa vào các đường ác. Ví như người ấy đã hưởng hết phước cõi trời, phải sinh vào cõi người, cũng được làm một vị quốc vương, không mất đi điều lợi ích lớn.

## Thích nghĩa

Công đức lớn nhất là đúc tạo hình tượng toàn thân Bồ Tát, nhân vì sử dụng các loại quý báu như vàng, bạc, đồng, sắt để tạc thành tượng kiên cố không hư hoại, có thể lưu truyền được vĩnh viễn về sau, tạo sự trang nghiêm, giúp chúng sinh tạo phúc, được có chỗ nương dựa. Do vậy, vào lúc có người lâm chung, nếu phát nguyện tạo tượng, ắt được lợi ích hết sức lớn lao, lại cũng trừ dứt được nghiệp tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử.

Hơn nữa còn được 11 loại công đức. Thứ nhất là sinh ra đời đời được mắt sáng trong lành. Thứ hai là luôn sinh vào những nơi không có thú dữ. Thứ ba là thường sinh vào nhà giàu sang phú quý. Thứ tư là thân thể sáng đẹp như màu vàng tử ma. Thứ năm là thường sở hữu nhiều món quý báu. Thứ sáu là được sinh vào các nhà hiền thiện. Thứ bảy là đời sau được làm bậc đế vương. Thứ tám là có thể được làm Kim luân Thánh vương. Thứ chín là sau khi chết sinh về cõi Phạm thiên. Thứ mười là không đọa vào cá đường ác. Thứ mười một là đời sau có thể kính trọng Tam bảo.

(Khi tạc tượng, nên tạo tượng toàn thân, không được tạo tượng bán thân. Đất dùng đắp tượng phải sạch sẽ tinh khiết. Keo da trâu là loại không tinh sạch, có thể nên dùng thạch cao hoặc các loại nhựa cây.)

## Kinh văn

若有女人，厭女人身，盡心供養地藏菩薩畫像及土石膠漆銅鐵等像。如是日日不退，常以華香、飲食、衣服、繒綵、幢幡、錢寶物等供養。



- *Nhược hữu nữ nhân yếm nữ nhân thân, tận tâm cúng dường Địa Tạng Bồ Tát họa tượng cấp độ thạch giao tất đồng thiết đẳng tượng. Như thị nhật nhật bất thối, thường dĩ hoa hương, ẩm thực, y phục, tăng thể, tràng phan, tiền bảo vật đẳng cúng dường.*

## Việt dịch

“Nếu có phụ nữ nào chán ghét thân nữ, hết lòng cúng dường tranh vẽ hoặc tượng Bồ Tát Địa Tạng được tạo bằng đất đá gắn kết chặt chẽ, hoặc đồng, sắt v.v... Mỗi ngày đều như vậy, tâm không thoái chuyển, thường dâng lên cúng dường các loại hương, hoa, thức ăn uống, y phục, gấm lụa, cờ phướn, tiền bạc, vật báu...”

## Giải thích

Ví như có người phụ nữ nào tự thấy chán ghét thân nữ của mình, liền hết lòng cúng dường tranh vẽ Bồ Tát Địa Tạng, cùng với những hình tượng đắp tạo bằng đất, đá, đồng, sắt... Mỗi ngày đều cúng dường như vậy không hề thoái tâm, thường dùng các loại hoa tươi, hương tốt, thức ăn uống, y phục, gấm lụa, cờ phướn, tiền bạc, vật báu đủ loại để cúng dường.

## Thích nghĩa

Phải làm thân nữ là điều rất không may, vì không thể làm vua, không thể thành Phật, dù được cha mẹ hết sức thương yêu lo lắng cho, nhưng khi lớn lên lại phải gĩa biệt cha mẹ để theo chồng, chấp nhận những sự trói buộc, hạn chế ở nhà chồng, lại thêm thai nghén sinh nở vô cùng khó khăn, nguy hiểm, cho nên chẳng ai ưa thích làm thân nữ cả.

Nếu như người ấy có thể hết lòng đối với hình tượng Bồ Tát, thí xả các thứ tiền tài vật báu để cúng dường, tâm nguyện kiên định ắt mỗi ngày đều thực hiện, không hề thối thất.

Gắm lụa là để trang sức, làm đẹp [hình tượng]. Cờ phướn treo cao là để thể hiện sự trang nghiêm.

### Kinh văn

是善女人，盡此一報女身，百千萬劫，更不生有女人世界，何況復受。除非慈願力故，要受女身，度脫眾生。承斯供養地藏力故及功德力，百千萬劫不受女身。

- *Thị thiện nữ nhân, tận thử nhất báo nữ thân, bá thiên vạn kiếp, cánh bất sinh hữu nữ nhân thế giới, hà hướng phục thụ. Trừ phi từ nguyện lực cố, yếu thụ nữ thân, độ thoát chúng sinh. Thừa tư cúng dường Địa Tạng lực cố cập công đức lực, bá thiên vạn kiếp bất thụ nữ thân.*

### Việt dịch

“Người phụ nữ hiền thiện ấy, sau khi hết kiếp làm thân nữ này rồi thì trăm ngàn muôn kiếp sau nữa không còn phải sinh vào những thế giới có phụ nữ, nói gì đến việc tự mình phải chịu thân nữ. Trừ phi có sự phát nguyện vì lòng từ phải sinh làm thân nữ để độ thoát chúng sinh. Nhờ vào phước lực và công đức cúng dường Bồ Tát Địa

**Tặng nên trong trăm nghìn muôn kiếp không phải sinh làm thân nữ.”**

## **Giải**

Người phụ nữ [cúng dường] hiền thiện như thế, sau khi đã qua hết một kiếp làm thân nữ này rồi thì trong trăm ngàn muôn kiếp sau đó, không còn phải sinh vào những thế giới có nữ nhân, huống chi chính mình lại phải sinh làm thân nữ hay sao? Trừ phi có nhân duyên do chính tự thân người ấy phát khởi tâm từ bi, muốn sinh trở lại làm thân nữ để độ thoát chúng sinh.

Do nhân duyên thọ hưởng phước lực và công đức cúng dường Bồ Tát Địa Tặng nên trải qua trăm ngàn muôn kiếp sau cũng không còn phải sinh làm thân nữ.

## **Thích nghĩa**

Người phụ nữ này, nhân vì khởi tâm chán ghét thân nữ của mình, lại có thể hết lòng cúng dường [Bồ Tát Địa Tặng], nên sau khi trải qua hết một kiếp làm thân nữ trong hiện tại rồi thì không còn phải sinh trở lại làm thân nữ. Không sinh vào những thế giới có người nữ, đó là nói được sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc.

Khởi lòng từ phát nguyện làm thân nữ để độ thoát chúng sinh, giống như trường hợp phu nhân Ma-da, từng làm mẹ của ngàn vị Phật, đó là dùng pháp môn thuận ái. Lại như kỹ nữ Tu-mật-đa, trước tiên dùng ái dục để mê hoặc dẫn dắt người ta, nhưng sau đều giúp cho những người ấy được vào biển trí tuệ Phật, đó gọi là pháp môn nghịch ái.

Nhờ chuyên tâm cúng dường, dùng công đức tinh tấn tu tập, huân tập thân và tâm nên tự nhiên được vĩnh viễn không còn phải sinh làm thân nữ.

## Kinh văn

復次普廣，若有女人，厭是醜陋，多疾病者。但於地藏像前，志心瞻禮，食頃之間，是人千萬劫中所受生身，相貌圓滿。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu nữ nhân, yếm thị xú lậu, đa tật bệnh giả, đăn ư Địa Tạng tượng tiền chí tâm chiêm lễ thực khoảnh chi gian, thị nhân thiên vạn kiếp trung sở thụ sinh thân, tướng mạo viên mãn.*

## Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu có người phụ nữ nào chán ghét thân hiện tại thô xấu nhiều bệnh tật, chỉ cần đối trước hình tượng Bồ Tát Địa Tạng hết lòng chiêm ngưỡng lễ bái, trong thời gian chỉ bằng một bữa ăn, người ấy về sau trong muôn kiếp sinh ra đều được thân hình xinh đẹp trọn vẹn đầy đủ.”

## Giải thích

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Phổ Quảng rằng: “Nếu như có người phụ nữ nào, chán ghét thân hiện tại của mình xấu xí, hoặc nhiều bệnh tật, chỉ cần đối trước hình tượng Bồ Tát Địa Tạng một lần chuyên tâm chiêm ngưỡng lễ bái, trong khoảng thời gian vừa bằng ăn một bữa cơm, thì người ấy trong ngàn muôn kiếp sinh ra sau đó tự nhiên luôn được hình thể tướng mạo xinh đẹp đầy đủ, khiến người khác trông thấy đều thương yêu kính trọng.

## Thích nghĩa

Hình dung tướng mạo sinh ra xấu xí khiến cho người khác vừa trông thấy liền sinh lòng chán ghét, không hoan hỷ chào đón, đặc biệt là đối với phụ nữ, nếu sinh ra thân hình xấu xí ắt phải khiến cho người chồng không ưa thích, ghét bỏ, lại khiến cho người ngoài chê cười, nếu lại còn thêm nhiều tật bệnh, thân mang tàn tật, thì không chỉ tự mình đau buồn mà còn khiến cho người thân trong nhà khinh chê ghét bỏ. Nếu như chịu phát tâm chiêm ngưỡng lễ bái Bồ Tát Địa Tạng, trong khoảng thời gian ngắn chỉ vừa bằng xong một bữa ăn, thì những đời sau sẽ luôn được hình dung tướng mạo xinh đẹp đầy đủ, hoàn toàn không có những sự bệnh tật, tàn phế, mãi mãi được hài lòng thỏa ý.

## Kinh văn

是醜陋女人，如不厭女身，即百千萬億生中常為王女，乃及王妃，宰輔大姓、大長者女，端正受生，諸相圓滿。

- *Thị xú lậu nữ nhân, như bất yếm nữ thân, tức bá thiên vạn ức sinh trung thường vi vương nữ, nãi cập vương phi, tể phụ đại tính, đại trưởng giả nữ, đoan chính thụ sinh, chư tướng viên mãn.*

## Việt dịch

“Người phụ nữ xấu xí ấy, nếu như không chê chán thân nữ thì trong ngàn muôn ức đời sau thường sinh làm công chúa con vua, hoặc làm vương phi, hoặc làm con gái các

**vi đại thân tể tướng, đại trưởng giả, bao giờ cũng được hình tướng đoan trang xinh đẹp, đầy đủ trọn vẹn.”**

### **Giải giải**

Người phụ nữ xấu xí nói trên, nếu như không chê chán thân nữ, thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp sau đó thường được sinh làm công chúa con vua, hoặc làm vương phi, hoặc làm con gái các bậc đại thần, tể tướng, đại trưởng giả, sinh ra luôn được thân hình đoan chính xinh đẹp, hình tướng trọn vẹn đầy đủ.

### **Thích nghĩa**

Quý vị nghĩ xem, chỉ chiêm ngưỡng lễ bái trong thời gian bằng một bữa ăn, không những giúp quý vị được hình tướng dung mạo xinh đẹp trọn vẹn, mà còn thường được sinh là công chúa con vua, làm vương phi, làm con gái các bậc tể tướng, những người giàu sang phú quý. Một việc lành nhỏ nhoi đến thế mà được phúc đức nhiều như vậy, liệu còn có việc gì khác có thể đem ra so sánh được chăng? Ví như mọi người đều nhận hiểu được việc này, thì liệu còn có ai không làm việc chiêm ngưỡng lễ bái?

### **Kinh văn**

由志心故，瞻禮地藏菩薩，獲福如是。

- *Do chí tâm cố, chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát, hoạch phúc như thị.*

### **Việt dịch**

**“Do sự chí thành chuyên tâm chiêm ngưỡng lễ bái Bồ Tát Địa Tạng mà được phước báo như vậy.”**

## Giảng giải

Do nhân duyên chí thành chuyên tâm chiêm ngưỡng lễ bái Bồ Tát Địa Tạng mà đạt được phước phần như vậy.

## Thích nghĩa

Bất kể là chiêm ngưỡng lễ bái một vị Phật, Bồ Tát nào, nếu chuyên tâm chí thành, hết lòng cung kính, thì đều được phước báo. Ví như chỉ tùy tiện làm ra vẻ hình thức, hoàn toàn không có tâm cung kính thì chẳng những không được phước báo mà sợ là còn đắc tội.

## Kinh văn

復次普廣，若有善男子善女人，能對菩薩像前，作諸伎樂及歌詠讚歎，香華供養，乃至勸於一人多人，如是等輩，現在世中及未來世，常得百千鬼神日夜衛護，不令惡事輒聞其耳，何況親受諸橫。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc cập ca vịnh tán thán, hương hoa cúng dường, nãi chí khuyến ư nhất nhân, đa nhân, như thị đẳng bối, hiện tại thế trung cập vị lai thế thường đắc bá thiên quỷ thần nhật dạ vệ hộ, bất linh ác sự triếp văn kỳ nhĩ, hà hướng thân thụ chư hoạnh.*

## Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu có kẻ nam người nữ lòng lành, thường đối trước hình tượng Bồ Tát dùng các loại

âm nhạc ca từ để ngợi khen tán thán, dâng hương hoa cúng dường, thậm chí khuyến khích một hoặc nhiều người khác [cùng làm], những người như vậy ngay trong đời này cũng như đời sau thường được trăm ngàn quý thần ngày đêm theo bảo vệ giúp đỡ, không để cho phải nghe thấy những việc chẳng lành, huống chi là tự thân phải chịu các tai nạn.”

### Giải giải

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Phổ Quảng: “Ví như có kẻ nam người nữ lòng lành, thường đối trước hình tượng Bồ Tát, trình diễn các loại ca múa âm nhạc, cùng những lời ngợi ca xưng tụng, tán thán, lại dùng các loại hương hoa dâng lên cúng dường, cho đến khuyến bảo một người hay nhiều người cùng đến cúng dường, người như vậy thì trong suốt một đời này cho đến nhiều đời trong tương lai, thường được trăm ngàn vị quý thần ngày đêm theo bảo vệ, giúp đỡ, khiến cho những chuyện chẳng lành không lọt được vào tai người ấy, huống chi tự thân người ấy có lẽ nào lại để cho phải chịu những tai nạn không may?”

### Thích nghĩa

“Kỹ” là nói việc các diễn viên diễn trò, “nhạc” là âm nhạc, “ca vịnh” là dùng lời ca tiếng hát, ngâm vịnh. Dùng những phương cách ấy để xưng tụng tán thán. Nhưng công đức của việc ấy cũng không bằng việc truyền rộng, khuyến khích người khác tin nhận chiêm ngưỡng, công đức còn lớn hơn, như có thể khuyến khích thúc tỉnh đến 50 người, công đức ấy thật lớn lao không thể nghĩ bàn.

Lễ nhạc là những lễ tiết của thánh nhân để đồng cảm với trời đất, tương thông với quý thần, có công đức giúp cho



dân chúng trừ bỏ điều nhơ nhớp, chống lại điều tà ác. Nay không phải tự mình hưởng thụ niềm vui ấy mà chỉ muốn cung kính dâng lên cúng dường Bồ Tát, như vậy thì công đức tự nhiên còn lớn lao hơn.

### Kinh văn

復次普廣，未來世中，若有惡人及惡神惡鬼，見有善男子善女人歸敬供養讚歎瞻禮地藏菩薩形像，或妄生譏毀，謗無功德及利益事，或露齒笑，或背面非，或勸人共非，或一人非，或多人非，乃至一念生譏毀者。

- *Phục thứ Phổ Quảng, vị lai thế trung nhược hữu ác nhân cập ác thần ác quỷ, kiến hữu thiện nam tử thiện nữ nhân quy kính cúng dường tán thán chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, hoặc vọng sinh ki hủy, báng vô công đức cập lợi ích sự, hoặc lộ xỉ tiếu, hoặc bội diện phi, hoặc khuyến nhân cộng phi, hoặc nhất nhân phi, hoặc đa nhân phi, nãi chí nhất niệm sinh ki hủy giả.*

### Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời vị lai, nếu những kẻ xấu ác cùng những thần hung ác, quỷ hung ác, thấy có kẻ nam người nữ lòng lành quy ngưỡng cung kính cúng dường tán thán, chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, lại sai lầm khởi tâm chê bai hủy báng,

**nói rằng không có công đức, không lợi ích gì, hoặc nhe răng cười trước mặt, hoặc chê bai sau lưng, hoặc khuyến khích người khác cùng chê bai, hoặc một người chê bai, hoặc nhiều người chê bai, cho đến chỉ khởi lên một ý niệm chê bai hủy báng.”**

## **Giảng giải**

Đức Phật lại nói với ngài Phổ Quảng: “Trong đời sau này, ví như có những kẻ xấu ác, cùng bọn ác thần ác quỷ, nhìn thấy những kẻ nam người nữ lòng lành quy y cung kính, cúng dường ngợi khen tán thán, chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, hoặc sai lầm khởi tâm chê bai cười cợt, chế nhạo rằng ‘làm vậy chẳng được công đức gì’, hoặc nói rằng ‘làm như vậy chẳng có lợi ích gì’, hoặc nhe răng cười nhạo, hoặc nói những lời chê bai hủy báng sau lưng, hoặc rủ rê khuyến khích người khác cùng chê bai như mình, hoặc chỉ một người, hoặc rủ rê nhiều người, cho đến chỉ khởi sinh một ý niệm chê bai hủy báng.”

## **Thích nghĩa**

Nhân quả thiện với ác luôn trái ngược hoàn toàn với nhau. Người hiền thiện chí tâm quy y cung kính, kẻ xấu ác nhìn thấy liền nói: “Chẳng được công đức gì.”

Người hiền thiện chí thành cúng dường, kẻ xấu ác nhìn thấy liền nói: “Toàn làm chuyện vô ích.”

Người hiền thiện ngợi khen tán thán, kẻ xấu ác nhe răng cười nhạo. Người hiền thiện lễ bái, kẻ xấu ác thấy vậy thì ở sau lưng nói lời hủy báng.

Người hiền thiện vẽ tranh tạo tượng, kẻ xấu ác liền tìm cách hủy hoại. Người hiền thiện lúc nào cũng khuyến bảo

người khác làm lành, kẻ xấu ác luôn khuyến khích mọi người làm điều xấu ác.

Con người đã là như vậy, trong cảnh giới quỷ thần thì việc thiện ác cũng là như vậy.

Tại họa lớn bằng trời cũng chỉ từ một ý niệm nhỏ nhoi mà khởi sinh, cho nên vừa khởi lên một niệm xấu ác là đã đắc tội rồi.

### Kinh văn

如是之人，賢劫千佛滅度，譏毀之報，尚在阿鼻地獄受極重罪。過是劫已，方受餓鬼。又經千劫，復受畜生。

- *Như thị chi nhân, Hiền kiếp thiên Phật diệt độ, ki hủ chi báo thượng tại A-tỳ địa ngục thụ cực trùng tội. Quá thị kiếp dĩ, phương thụ ngã quỷ, hựu kinh thiên kiếp, phục thụ súc sinh.*

### Việt dịch

“Những người như vậy, cho đến khi một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp đều đã nhập Niết-bàn, do quả báo hủy báng nên vẫn còn ở trong địa ngục A-tỳ chịu tội nặng nhất. Qua hết kiếp này rồi mới phải sinh làm ngã quỷ, lại trải qua ngàn kiếp nữa rồi sinh vào loài súc sinh.”

### Giải giảng

Những người chê bai hủy báng như vậy thì trong Hiền kiếp này, sau khi một ngàn vị Phật đều đã diệt độ hết, vì báo ứng của sự chê bai hủy báng đó mà vẫn còn phải ở trong địa ngục A-tỳ, chịu tội khổ hết sức nặng nề, trải qua

hết kiếp số ấy rồi mới sinh làm thân ngựa quý. Lại trải qua ngàn kiếp nữa, rồi mới sinh làm thân súc sinh.

## Thích nghĩa

Tiếng Phạn gọi là kiếp-ba, Hán dịch là “thời phân” (時分). Trong khoảng thời gian đó có rất nhiều bậc hiền nhân ra đời nên gọi là Hiền kiếp. Trong Hiền kiếp, có một ngàn vị Phật ra đời, đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vị Phật thứ tư, vẫn còn 996 vị Phật nữa sẽ lần lượt xuất thế. Cho đến khi hết thảy những vị Phật ấy đều đã diệt độ là một quãng thời gian rất dài, đâu có thể dùng năm tháng mà tính toán được? Nhưng trải qua thời gian dài như vậy mà kẻ phạm tội hủy báng vẫn còn phải ở trong địa ngục chịu tội khổ hết sức nặng nề. Lại trải qua một kiếp nữa rồi mới sinh làm thân ngựa quý. Tội khinh chê Phật pháp, xúi giục người làm điều xấu ác thật nặng nề đến thế, liệu có thể lấy gì đem ra so sánh được sao?

## Kinh văn

又經千劫，方得人身。縱受人身，貧窮下賤，諸根不具，多被惡業來結其心。不久之間，復墮惡道。

- *Hựu kinh thiên kiếp phương đắc nhân thân. Túng thụ nhân thân, bản cùng hạ tiện, chư căn bất cụ, đa bị ác nghiệp lai kết kỳ tâm, bất cứu chi gian, phục đọa ác đạo.*

## Việt dịch

“Lại qua ngàn kiếp nữa rồi mới được thân người. Tuy được thân người nhưng phải làm người nghèo khổ khốn

cùng, hạ tiện, khiếm khuyết các giác quan, thường bị các nghiệp ác tích tụ trong tâm, nên không bao lâu lại đọa vào đường ác.”

## Giảng giải

Phải sinh làm thân súc sinh trải qua ngàn kiếp rồi mới được sinh làm người. Tuy vậy, lại phải làm người nghèo khổ khốn cùng, hạ tiện, các giác quan không đầy đủ, làm một người tàn phế, thường bị những nghiệp ác kéo đến vây hãm trong tâm, nên trải qua thời gian không lâu lại phải đọa lạc vào các đường ác.

## Thích nghĩa

Người tạo phước lành còn hưởng được phước báo thừa lại, cho nên nói rằng không mất điều lợi ích lớn. Làm điều xấu ác cũng phải chịu báo ứng còn thừa lại, cho nên khi đã được thân người rồi còn phải chịu nghèo khổ, hạ tiện, lại phải chịu những tật nguyên như mù lòa, câm điếc, què quặt chân tay... Người ấy còn phải lãnh chịu nhiều tai họa, những sự hung ác đủ loại như thế, cho nên trong lòng đương nhiên thường chất chứa những lo buồn, phiền não vây hãm.

## Kinh văn

是故普廣，譏毀他人供養，尚獲此報。何況別生惡見毀滅。

- *Thị cố Phổ Quảng, ki hủy tha nhân cúng dường thượng hoạch thử báo, hà hướng biệt sinh ác kiến hủy diệt.*

## Việt dịch

“Do vậy, này Phổ Quảng, chê bai hủy báng người khác cúng dường còn phải chịu quả báo như thế, huống chi là tự mình khởi sinh ý xấu ác hủy báng diệt phá.”

## Giảng giải

“Do nhân duyên này, Phổ Quảng, chê bai sự cúng dường của người khác mà còn phải nhận chịu quả báo như vậy, huống chi là chính mình khởi sinh ác kiến, làm việc hủy diệt Phật pháp.”

## Thích nghĩa

Chỉ riêng phạm vào khẩu nghiệp là chê bai người cúng dường lễ bái, mà đã phải đọa vào địa ngục A-tỳ, rồi phải chịu đủ các loại tội khổ trong ba đường ác. Ví như tự thân mình làm, ý minh nghĩ đến, ba nghiệp cùng phạm vào tà kiến ác nghiệp như vậy, thì quả báo khổ não còn lớn lao nặng nề hơn biết bao!

## Kinh văn

復次普廣，若未來世，有男子女人，  
久處床枕，求生求死，了不可得。或  
夜夢惡鬼乃及家親，或遊險道，或多  
魘寐共鬼神遊，日月歲深，轉復尫  
瘠，眠中叫苦，慘悽不樂者，此皆是  
業道論對，未定輕重，或難捨壽，或  
不得愈。男女俗眼，不辨是事。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế, hữu nam tử nữ nhân, cửu xứ sàng chẩm, cầu sinh cầu tử, liễu bất khả đắc. Hoặc dạ mộng ác quỷ nãi cập gia thân, hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yếm mị cộng quỷ thân du, nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sai, miên trung khiêu khổ, thảm thê bất lạc giả, thử giai thị nghiệp đạo luận đối, vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dĩ. Nam nữ tục nhãn bất biện thị sự.*

## Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời vị lai, nếu có những kẻ nam người nữ, đau bệnh liệt giường đã lâu ngày, cầu sống không được, muốn chết cũng không xong, hoặc đêm nằm mộng thấy quỷ ác cùng với những người thân đã chết, hoặc cùng đi trên đường nguy hiểm, hoặc thường bị bóng đè, cùng đi đây đó với quỷ thân, trải qua nhiều tháng năm như vậy, thân hình gầy gò lao nhọc, trong giấc ngủ cũng kêu khóc thảm thiết, chẳng lúc nào vui. Những hiện tượng như vậy đều là do nghiệp lực đang khi luận đối, còn chưa quyết định nặng nhẹ, nên hoặc là khó dứt mạng sống, hoặc không thể lành bệnh. Dưới con mắt phàm tục của kẻ nam người nữ đều không phân biệt được những điều đó.”

## Giải giảng

Đức Phật lại nói với ngài Phổ Quảng: “Nếu trong đời vị lai có những kẻ nam người nữ, do bệnh tật nằm liệt mãi trên giường, mong cầu được sống hay muốn chết đi cũng đều không được, hoặc là trong đêm nằm mộng thấy loài quỷ ác, cùng những thân nhân đã chết trước đây, hoặc đi qua những đoạn đường nguy hiểm, hoặc thường bị bóng đè

không tỉnh táo, cùng đi với quỷ thần. Cứ như vậy ngày qua tháng lại, suốt tháng trọn năm, lâu ngày chầy tháng hóa thành ốm gầy, lao nhược, trong giấc ngủ cũng thường kêu khóc đau đớn thống khổ. Những chuyện như vậy đều là do nghiệp lực của ấy đang trong thời gian phân định, chưa định rõ là nặng hay nhẹ, cho nên hoặc là khó dứt hẳn mạng sống mà chết đi, hoặc bệnh tật cứ kéo dài nhiều năm không khỏi được. Hết thấy những kẻ nam người nữ trong thế gian đều không thể hiểu rõ, phân biệt được những việc như vậy.

### Thích nghĩa

Tay chân không còn sức chống đỡ, phải nằm liệt trên giường chiếu, muốn sống không được, cầu chết không xong, đó gọi là sống dở chết dở. Trong giấc ngủ bị quỷ đè chặt, tỉnh lại rồi vẫn không cử động được, đó gọi là hiện tượng bóng đè. Gây yếu là do bệnh lâu ngày, lao nhược là chỉ chung năm chứng lao nhược, bảy chứng thương tổn.<sup>1</sup>

Nghiệp lực đã tạo là nhân, quả báo phải nhận là quả. Như có nghiệp đã tạo lẽ ra phải chịu quả báo khổ não, nhưng lại bị những nghiệp khác lôi kéo, chưa thể thọ báo được, hoặc bên nặng bên nhẹ chưa xác định, cũng giống như trong lúc quan tòa luận tội chưa đưa ra phán quyết, đó gọi là luận đối (論對).

### Kinh văn

但當對諸佛菩薩像前，高聲轉讀此經一遍，或取病人可愛之物，或衣服寶

<sup>1</sup> Túc ngũ lao thất thương (五 癆七傷), chỉ năm sự suy nhược ở cả năm trạng thái: nhìn, ngồi, nằm, đi, đứng và bảy sự thương tổn về tâm lý khiến cho khởi sinh không bình thường, đó là: mừng vui, giận tức, lo lắng, nghĩ ngợi, đau buồn, sợ sệt, kinh hãi (hỷ, nộ, ưu, tư, bi, khủng, kinh).



貝、莊園舍宅，對病人前，高聲唱言：我某甲等，為是病人對經像前，捨諸等物。或供養經像，或造佛菩薩形像，或造塔寺，或燃油燈，或施常住。

- *Đăn dương đối chư Phật Bồ Tát tượng tiền, cao thanh chuyển đọc thủ kinh nhất biến, hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục bảo bối, trang viên xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xưng ngôn: Ngã mỗ giáp đẳng, vi thị bệnh nhân đối kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên du đăng, hoặc thí thường trụ.*

### Việt dịch

“Chỉ cần đối trước hình tượng chư Phật, Bồ Tát, lớn tiếng đọc kinh này qua trọn một lần, hoặc lấy những đồ vật nào mà người bệnh yêu thích, hoặc y phục, đồ quý giá cho đến ruộng vườn nhà cửa, đến trước chỗ người bệnh nằm mà lớn tiếng nói: ‘Nay tôi tên là... ..vì người bệnh này mà đối trước kinh điển, hình tượng [Phật Bồ Tát], thí xả những đồ vật này, hoặc để cúng dường kinh tượng, hoặc để tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, hoặc để xây chùa, tháp, hoặc để mua dầu đèn cúng dường, hoặc dâng cúng vào làm của thường trụ.’”

### Giải thích

Ví như người những triệu chứng bệnh như trên, [thân nhân] chỉ cần đối trước chư Phật, Bồ Tát mà lớn tiếng tụng

đọc kinh này qua một lượt, hoặc chọn lấy những đồ vật nào mà người bệnh trước đây yêu thích như y phục, các món đồ quý báu, cho đến ruộng vườn nhà cửa [thuộc sở hữu của người bệnh], rồi đứng trước chỗ người bệnh mà lớn tiếng nói rằng: “Tôi tên là... ..nay xin vì người bệnh này mà đến trước điện thờ kinh tượng, nguyện thí xả những đồ vật này, hoặc dùng để cúng dường kinh tượng, hoặc dùng để tạo hình tượng Phật Bồ Tát, hoặc góp phần xây dựng chùa, tháp, tự viện, hoặc dùng để mua dầu đèn cúng dường, hoặc mang những đồ vật này cúng dường làm của thường trụ.

### **Thích nghĩa**

Thông thường người mắc các chứng bệnh cảm mạo, nóng lạnh... đều có thể dùng thuốc thang chữa trị. Nhưng những loại bệnh do nghiệp lực như thế này, chỉ nên nương theo Phật pháp để chữa trị, bởi vì Phật là đấng Y vương đại từ bi, có thể trị liệu được hết thảy mọi căn nguyên bệnh chứng.

Tụng đọc kinh điển là những lời dạy chí lý, công đức lớn lao có thể chuyển phàm thành thánh.

Thí xả những đồ vật của người bệnh, đó là giúp dứt trừ đi tâm tham ái của người bệnh, cũng là một phương pháp trị liệu cơ bản. Hoặc mang những vật ưa thích của người bệnh mà cúng dường trước hình tượng Bồ Tát, hoặc cúng vào chùa chiền, tự viện, hoặc mang bán hết đi lấy tiền, dùng góp vào việc xây dựng chùa, tháp, tự viện, tạo hình tượng chư Phật, Bồ Tát, hoặc mua dầu đèn thắp lên cúng dường.

Người bệnh vì đã nằm liệt không thể ngồi dậy trên giường, nên chỉ có thể nhờ người khác thay mặt người bệnh mà làm. Người thay mặt đó cũng phải đứng trước chỗ

người bệnh mà lớn tiếng nói rằng: “Tôi tên là... ..nay thay mặt cho người bệnh tên là... .., nguyện nương nhờ sức từ bi của Phật, khiến cho nghiệp báo của người bệnh được tiêu trừ, bệnh tật được sớm khỏi, tôi nguyện dùng những đồ vật này của người bệnh, hoặc ruộng đất, vườn, nhà... ở tại... .. mang ra bố thí, hoặc bán lấy tiền để làm những việc.... .. tạo công đức cho người bệnh.”

### Kinh văn

如是三白病人，遣令聞知。假令諸識分散至氣盡者，乃至一日二日三日四日至七日已來，但高聲白，高聲讀經，是人命終之後宿殃重罪，至於五無間罪，永得解脫。所受生處，常知宿命。

- *Như thị tam bạch bệnh nhân, khiến linh văn tri. Giả linh chư thức phân tán chí khí tận giả, nãi chí nhất nhật nhị nhật tam nhật tứ nhật chí thất nhật dĩ lai, dẫn cao thanh bạch, cao thanh độc kinh, thị nhân mệnh chung chí hậu túc ương trọng tội, chí ư ngũ vô gián tội, vĩnh đắc giải thoát, sở thụ sinh xứ, thường tri túc mệnh.*

### Việt dịch

“Nói rõ với người bệnh ba lần như vậy, để cho người bệnh rõ biết. Nếu như người bệnh thần thức đã phân tán cho đến hơi thở đã dứt, sau một ngày, hai ngày, ba

ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, vẫn cứ lớn tiếng nói với người bệnh như vậy, vẫn cứ lớn tiếng tụng đọc kinh này, thì người ấy sau khi mạng chung, bao nhiêu tội nặng trước đây, cho đến năm tội vô gián, đều vĩnh viễn được giải thoát, dù tái sinh về nơi nào rồi cũng thường nhớ biết được đời trước.”

## Giảng giải

Nói rõ với người bệnh đủ ba lần như vậy, là để cho người bệnh hoàn toàn hiểu rõ việc này. Ví như lúc đó thân thức bệnh nhân đã phân tán, hoặc kinh mạch, hơi thở đã dứt, thậm chí cho đến sau khi chết trong vòng một ngày cho đến bảy ngày, vẫn phải lớn tiếng lặp lại những điều này, lớn tiếng tụng đọc kinh này. [Được như vậy thì] người bệnh đó sau khi chết, bao nhiêu tai ương họa hại cũng như tội nặng đời trước đều được tiêu trừ, cho đến cả những tội phải đọa vào địa ngục Vô gián, được vĩnh viễn giải thoát. Người ấy khi tái sinh về đâu cũng thường nhớ biết được những sự việc đời trước.

## Thích nghĩa

Điều cần thiết là phải làm cho người bệnh nghe hiểu được rõ ràng, đó là khiến cho trong lòng người ấy được rõ biết mình có được công đức như vậy. Nhờ phúc phần nương tựa vào Phật pháp, bệnh ấy nhất định sẽ được thuyên giảm.

Con người có tám thức, khi mạng sống dứt, bảy thức đã phân tán nhưng thức thứ tám lúc ấy vẫn còn chưa phân tán. Cho nên lúc ấy lớn tiếng nói với người vừa chết, lớn tiếng tụng đọc kinh điển, thì người ấy vẫn còn nghe được rõ ràng, trong tâm vẫn còn nhận hiểu, biết được rằng mình

có được công đức [bố thí cúng dường] như vậy, được nương vào sự bảo vệ che chở của Phật pháp, nhất định có thể tái sinh về chốn tốt lành, không phải đọa vào địa ngục.

### Kinh văn

何況善男子善女人，自書此經，或教人書，或自塑畫菩薩形像，乃至教人塑畫，所受果報，必獲大利。

- *Hà huống thiện nam tử, thiện nữ nhân, tự thư thủ kinh, hoặc giáo nhân thư, hoặc tự tồ họa Bồ Tát hình tượng, nãi chí giáo nhân tồ họa, sở thụ quả báo, tất hoạch đại lợi.*

### Việt dịch

**“Huống chi nếu có kẻ nam người nữ lòng lành tự mình sao chép kinh này, hoặc khuyên bảo người khác sao chép, hoặc tự mình tô vẽ tranh tượng, tạo hình tượng Bồ Tát [Địa Tạng], cho đến khuyên bảo người khác làm như vậy, thì được quả báo là lợi ích rất lớn lao.”**

### Giải thích

Huống chi là những kẻ nam người nữ lòng lành tự tay sao chép bộ kinh này, hoặc khuyên bảo người khác sao chép, hoặc tự mình tô vẽ tranh tượng, tự mình tạo đắp hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, cho đến khuyên bảo người khác làm như vậy, những người ấy chắc chắn được quả báo lợi ích rất lớn.

## Thích nghĩa

Phần trước vừa nói đến những người do nghiệp báo mà chịu bệnh tật, chỉ cần có con hiếu thảo hoặc thân quyến là người hiền thiện, thay mặt người bệnh mà thí xả tài vật để cầu nguyện, như vậy mà [người bệnh] còn nhận được công đức lớn lao, huống chi đối với người không mang nghiệp ác mà tự mình sao chép kinh điển này, tự mình tô vẽ tranh tượng, tạo đắp hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, đều khiến cho lưu truyền mãi về sau, hoặc khuyên bảo người khác cùng làm như vậy, công đức ấy theo như trong kinh nói thì nếu đem so với sông hồ biển cả trong bốn cõi thiên hạ vẫn còn lớn lao hơn gấp nhiều lần.

## Kinh văn

是故普廣，若見有人讀誦是經，乃至一念讚歎是經，或恭敬者，汝須百千方便勸是等人，勤心莫退，能得未來現在千萬億不可思議功德。

- *Thị cố Phổ Quảng, nhược kiến hữu nhân độc tụng thị kinh, nãi chí nhất niệm tán thán thị kinh, hoặc cung kính giả, nhữ tu bá thiên phương tiện khuyến thị đẳng nhân, cần tâm mạc thoái, năng đắc vị lai hiện tại thiên vạn ức bất khả tư nghị công đức.*

## Việt dịch

“Do vậy, này Phổ Quảng! Nếu thấy có ai tụng đọc kinh này, cho đến chỉ khởi sinh một ý niệm ngợi khen xưng tán kinh này, hoặc tỏ lòng cung kính, ông nên dùng trăm

ngàn phương tiện để khuyến khích những người ấy giữ tâm chuyên cần không thối thất, như vậy trong hiện tại cũng như tương lai đều được ngàn muôn ức công đức không thể nghĩ bàn.”

## Giải giảng

Do nhân duyên ấy, này Phổ Quang! Nếu như nhìn thấy có người tụng đọc kinh này, cho đến chỉ một niệm ngợi khen tán thán, hoặc cung kính kinh này, ông nên dùng trăm ngàn phương tiện để khuyến khích người ấy, phải siêng năng chuyên cần tụng đọc, đừng để người ấy thối tâm, như vậy có thể đạt được ngàn muôn ức công đức không thể nghĩ bàn trong hiện tại cũng như tương lai.

## Thích nghĩa

“Đọc” nghĩa là mở quyển kinh ra đọc. “Tụng” nghĩa là đã đọc thuộc lòng rồi tụng, không cần phải nhìn vào quyển kinh. “Kinh này” tức là nói toàn quyển kinh Bản Nguyện của Bồ Tát Địa Tạng này.

Những người không biết chữ, chỉ nghe người khác nói qua về công đức của kinh này, liền ngợi khen xưng tán, tỏ lòng cung kính, hoặc kể từ đó thường luôn niệm “Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát”. Chỉ cần niệm một cách chuyên tâm cung kính thì công đức cũng lớn lao không kém so với người đọc kinh.

## Kinh văn

復次普廣，若未來世諸眾生等，或夢或寐，見諸鬼神乃及諸形，或悲、或啼、或愁、或歎、或恐、或怖，此皆

是一生十生百生千生過去父母、男女弟妹、夫妻眷屬，在於惡趣，未得出離，無處希望福力救拔，當告宿世骨肉，使作方便，願離惡道。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế chư chúng sinh đẳng, hoặc mộng hoặc寐, kiến chư quỷ thần nãi cập chư hình, hoặc bi, hoặc đề, hoặc sầu, hoặc thán, hoặc khùng, hoặc bố, thử giai thị nhất sinh thập sinh bá sinh thiên sinh quá khứ phụ mẫu, nam nữ đệ muội, phu thê quyến thuộc, tại ư ác thú, vị đắc xuất ly, vô xú hy vọng phúc lực cứu bạt, đương cáo túc thế cốt nhục, sử tác phương tiện, nguyện ly ác đạo.*

### Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời vị lai, nếu có những chúng sinh trong lúc nằm mộng hoặc ngủ say nhìn thấy các loại quỷ thần với đủ hình dạng, hoặc buồn hoặc khóc, hoặc sầu thảm, than thở, hoặc sợ sệt, kinh hãi, đó đều là những người trước đây một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời đã từng là cha mẹ, anh chị em, hay vợ chồng, quyến thuộc với họ, nay đang bị đọa trong các đường ác, chưa được thoát ra, không còn hy vọng phúc lực nào cứu vớt, nên cố tìm cách báo cho những ai đã từng có tình cốt nhục, mong được tạo phương tiện giúp cho thoát ra khỏi các đường ác.”

### Giảng giải

Đức Phật lại nói với ngài Phổ Quảng: “Ví như trong đời vị lai có những chúng sinh, hoặc khi nằm mộng, hoặc trong



lúc ngủ say, nhìn thấy các loại quỷ thần với đủ các hình trạng, hoặc đau thương, hoặc khóc lóc, hoặc buồn khổ, hoặc than thở, hoặc sợ sệt, hoặc kinh hãi, đó đều là những người trong quá khứ một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời trước đã từng là cha mẹ, là anh chị em, là vợ chồng, là quyến thuộc với mình, nay đang chịu khổ trong các đường ác, không thoát ra được, lại không hy vọng có phước lực chỗ nào cứu vớt, nên muốn báo cho những người có tình cốt nhục trong đời trước biết, mong được tạo phương tiện cứu giúp để thoát ra khỏi các đường ác.

### Thích nghĩa

Việc nằm mộng ở đây không giống với việc nằm mộng được nói trong đoạn trước. Đoạn trước nói là tự mình đi, cùng đi với quỷ thần. Đoạn này nói mình không đi mà là quỷ thần tìm đến, hiển lộ cho mình nhìn thấy đủ các hình trạng đáng thương tâm, để mong được mình cứu giúp. Những người ấy đều là thân tộc trong quá khứ đời trước của mình, nay đọa vào trong ba đường ác, mong được mình siêu độ cho họ. Việc nằm mộng như vậy không phải do tự mình mà có.

### Kinh văn

普廣，汝以神力，遣是眷屬，令對諸佛菩薩像前，志心自讀此經。或請人讀，其數三遍，或七遍。如是惡道眷屬，經聲畢是遍數，當得解脫。乃至夢寐之中永不復見。

- *Phổ Quảng, nữ dĩ thân lực, khiến thị quyền thuộc, linh đối chư Phật Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tụng đọc tụng kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc thất biến. Như thị ác đạo quyền thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát, nãi chí mộng寐 chi trung vĩnh bất phục kiến.*

### Việt dịch

“Này Phổ Quảng! [Đối với những chúng sinh ấy,] ông hãy dùng thân lực tác động đến quyền thuộc của họ, khiến cho đến trước hình tượng của chư Phật, Bồ Tát mà tự mình chí tâm tụng đọc kinh này, hoặc thỉnh cầu người khác tụng đọc đủ số ba lần hoặc bảy lần. Như vậy thì ngay khi tiếng tụng kinh vừa đủ số chấm dứt, những quyền thuộc của họ đang ở trong đường ác cũng tức thời được giải thoát, cho đến trong lúc nằm mộng hoặc ngủ say cũng không bao giờ còn thấy lại nữa.”

### Giảng giải

Đức Phật nói với ngài Phổ Quảng: “Này Phổ Quảng! Ông hãy dùng thân lực của mình, tác động đến những người quyền thuộc còn ở dương gian kia, khiến cho họ tìm đến trước hình tượng chư Phật, Bồ Tát mà chí tâm tự mình tụng đọc kinh này, hoặc thỉnh cầu người khác tụng đọc, hoặc ba lần, hoặc bảy lần. Như vậy thì khi việc tụng kinh vừa trọn đủ số, ngay lúc âm thanh tụng kinh vừa chấm dứt thì quyền thuộc của họ đang ở trong đường ác kia liền được giải thoát, cho đến trong giấc mộng cũng không bao giờ nhìn thấy lại nữa.

### Thích nghĩa

Người thế gian tình nghĩa hết sức bạc bẽo, thân bằng quyền thuộc đang còn sống đây mà họ chẳng quan tâm,

huống chi lại quan tâm đến những người đã chết? Nếu đức Phật không dạy ngài Phổ Quang dùng thần lực tác động đến họ, ắt là họ không chịu tụng kinh.

Nếu tự mình không biết chữ, hoặc không có nơi thờ Phật trang nghiêm, có thể thỉnh cầu người khác tụng thay cũng được.

Ba lần hoặc bảy lần đều là số dương, thuộc về tái sinh thiên giới, tụng đủ số lần ấy thì người chết có thể được siêu độ.

Một khi tiếng tụng kinh vừa đủ số chấm dứt, quyền thuộc của người tụng kinh liền được sinh về cõi trời, hoặc tái sinh nơi khác, cho nên [trong mộng] không còn thấy nữa.

### Kinh văn

復次普廣，若未來世，有諸下賤等人，或奴或婢，乃至諸不自由之人，覺知宿業，要懺悔者。志心瞻禮地藏菩薩形像，乃至一七日中，念菩薩名，可滿萬遍。如是等人，盡此報後，千萬生中，常生尊貴。更不經三惡道苦。

- Phục thứ Phổ Quang, nương mặt lai thế, hữu chư hạ tiện đẳng nhân, hoặc nô hoặc tì, nãi chí chư bất tự do chi nhân, giác tri túc nghiệp, yếu sám hối giả, chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, nãi chí nhất thất nhật trung, niệm Bồ Tát danh, khả mãn

*vạn biến. Như thị đẳng nhân, tận thủ báo hậu, thiên vạn sinh trung, thường sinh tôn quý, cánh bất kinh tam ác đạo khổ.*

## Việt dịch

**“Lại nữa, này Phổ Quảng! Trong đời vị lai, nếu có những người hèn hạ thấp kém, hoặc phải làm nô bộc, cho đến làm người mất quyền tự do, biết được nghiệp xấu đời trước của mình, phát tâm sám hối, nên chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát Địa Tạng, cho đến trong quãng thời gian bảy ngày niệm danh hiệu Bồ Tát đủ mười ngàn lượt. Người ấy sau khi chấm dứt đời này, trong ngàn muôn kiếp sinh ra về sau thường được làm người tôn quý, không phải chịu khổ trong ba đường ác.”**

## Giảng giải

Đức Phật lại bảo ngài Phổ Quảng: “Ví như trong tương lai có những người hèn hạ thấp kém, hoặc làm tôi tớ, cho đến những người mất quyền tự do. Người ấy tự biết được: Đây là do nghiệp xấu đời trước của mình đã tạo, liền muốn sám hối, nên chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát, cho đến trong thời gian bảy ngày luôn niệm danh hiệu Bồ Tát đủ mười ngàn lượt. Người như vậy sau khi sống hết đời này, ngàn muôn đời sau luôn được sinh ra trong gia đình tôn quý, không phải trải qua những khổ báo trong ba đường ác.

## Thích nghĩa

Những người hèn hạ thấp kém, không hẳn chỉ là những người phải làm tôi tớ, mà cho đến những kẻ bất hiếu, bất kính, không tin Tam bảo, hoặc trộm cướp lường gạt đều

thuộc loại này. Người mất quyền tự do là người lúc nào cũng phải nghe theo người khác, bị người khác làm chủ.

Nếu tự mình nhận hiểu được, liền đến trước hình tượng Bồ Tát thành tâm sám hối. Một khi trong tâm tự biết xấu hổ thì sức mạnh ấy khác nào như núi lở, không tội lỗi nào mà không dứt trừ, hướng chi còn thêm công đức của việc tụng đọc kinh điển, niệm danh hiệu Bồ Tát.

Tôi tớ là những người phục dịch trong nhà, cũng nên thương cảnh nghèo khổ của họ, có bệnh phải giúp họ trị liệu, có lỗi cũng nên khoan thứ, không được tùy ý đánh đập hành hạ, còn phải thường dạy dỗ họ những điều tốt đẹp.

### Kinh văn

復次普廣，若未來世中閻浮提內，刹利、婆羅門、長者、居士，一切人等及異姓種族有新產者，或男或女，七日之中，早與讀誦此不思議經典，更為念菩薩名，可滿萬遍。是新生子，或男或女，宿有殃報，便得解脫，安樂易養，壽命增長。若是承福生者，轉增安樂及與壽命。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế trung Diêm-phù-đề nội, sát-lợi, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, nhất thiết nhân đẳng cập dị tính chủng tộc hữu tân sản giả, hoặc nam hoặc nữ, thất nhật chi trung, tảo dữ độc tụng thủ bất tư nghị kinh điển, cánh vi niệm Bồ*

*Tát danh, khả mãn vạn biến. Thị tân sinh tử, hoặc nam hoặc nữ, túc hữu ương báo tiện đắc giải thoát, an lạc dị dưỡng, thọ mệnh tăng trưởng. Nhược thị thừa phúc sinh giả, chuyển tăng an lạc cập dữ thọ mệnh.*

### Việt dịch

“Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu trong đời vị lai ở cõi Diêm-phù-đề có người thuộc hàng sát-lợi, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, hoặc người thuộc các dòng họ, chủng tộc khác nhau, vừa mới sinh con trai hoặc con gái trong vòng bảy ngày, nên sớm vì đứa bé mà tụng đọc kinh điển không thể nghĩ bàn này, cùng niệm danh hiệu Bồ Tát có thể đủ mười ngàn lượt. Như vậy thì đứa bé mới sinh đó, dù là trai hay gái, nếu có tai ương họa hại từ đời trước đều được giải trừ, an vui nuôi dưỡng dễ dàng, tuổi thọ tăng thêm. Nếu đứa bé ấy sinh ra từ phước báo đời trước thì lại càng thêm phần an vui, cũng tăng thêm tuổi thọ.”

### Giảng giải

Đức Phật lại bảo ngài Phổ Quảng: “Nếu trong tương lai ở cõi Diêm-phù-đề có người thuộc dòng Sát-lợi, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ hoặc bất kỳ dòng họ, chủng tộc nào, có con mới sinh, hoặc trai hoặc gái, trong vòng bảy ngày nên sớm vì đứa trẻ mà tụng đọc kinh điển không thể nghĩ bàn này, cùng niệm danh hiệu Bồ Tát [Địa Tạng] đủ mười ngàn lượt, thì đứa trẻ mới sinh kia, bất kể là trai hay gái, nếu đời trước tạo nghiệp phải chịu quả báo tai ương họa hại liền được giải thoát, an vui, dễ nuôi, tuổi thọ cũng tăng thêm. Nếu đứa trẻ ấy sinh ra từ phước đức đời trước thì cũng được tăng thêm phần an vui, tăng thêm tuổi thọ.

## Thích nghĩa

Bất kể là người nước nào, là phụ nữ trong cõi Diêm-phù-đề này thì khi sinh nở đều phải hết sức đau đớn khổ sở, hết sức nguy hiểm. Gặp phải những trường hợp khó sinh thì có khi cả mẹ lẫn con đều chết thảm. Đó đều là do oan nghiệp đời trước, hoặc do quỷ ác gây ra. Trong vòng một tháng trước khi sinh nên mỗi ngày tụng đọc kinh này một lượt, đặt kỳ hạn liên tục bảy ngày, tụng cộng tụng đọc qua bảy lượt. Mỗi ngày ngoài việc tụng kinh cũng niệm “Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát”, trong bảy ngày đó niệm đủ mười ngàn câu. Được như vậy sẽ được sự che chở bảo vệ của Bồ Tát, chẳng những được sinh nở bình an, giảm bớt sự đau đớn khổ sở, mà còn khiến cho đứa bé khi sinh ra được an lành, vui vẻ, dễ nuôi, tăng thêm phúc đức và tuổi thọ. Nếu như tự mình không có điều kiện thuận tiện để làm, có thể thỉnh cầu người khác thay mình tụng kinh, niệm danh hiệu Bồ Tát, cũng được công đức như vậy.

## Kinh văn

復次普廣，若未來世眾生，於月一日、八日、十四日、十五日、十八日、二十三、二十四、二十八、二十九日乃至三十日，是諸日等，諸罪結集，定其輕重。

- *Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế chúng sinh, ư nguyệt nhất nhật, bát nhật, thập tứ nhật, thập ngũ nhật, thập bát nhật, nhị thập tam, nhị thập tứ, nhị thập bát, nhị thập cửu nhật nãi chí tam thập nhật,*

*thị chư nhật đặng, chư tội kết tập, định kỳ khinh trọng.*

## Việt dịch

**“Lại nữa, này Phổ Quảng! Nếu chúng sinh trong đời vị lai, mỗi tháng vào các ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín cho đến ba mươi, những ngày này là thời gian các tội đã tạo được thu thập để phán định xem là tội nặng hay tội nhẹ.”**

## Giải thích

Đức Phật lại nói với ngài Phổ Quảng: “Nếu những chúng sinh trong tương lai, cứ mỗi tháng vào các ngày 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 cho đến hết ngày 30, trong các ngày này là thời gian hết thảy các tội nghiệp đều được thu thập để phán xét xem đó là tội nặng hay tội nhẹ.

## Thích nghĩa

Trong mười ngày này, các vị thiên thần xuống nhân gian để giám sát những việc làm thiện hay ác của người đời, kết toán phân định rõ ràng. Nếu việc thiện nhiều thì tăng thêm phúc đức, tuổi thọ, tương lai được sinh về cõi trời. Nếu việc ác nhiều thì cắt giảm phúc đức, tuổi thọ, đọa vào địa ngục. Cho nên trong mười ngày này phải tránh việc giết hại, làm việc phóng sinh và ăn chay, gọi là Thập trai.

Ngày mồng một có Bát-xà-để xuống trần, gọi là ngày Kiến danh.

Hai ngày mồng 8 và 23 có Sa-bà Thiện nhân xuống trần, gọi là ngày Lực chiến, làm việc gì cũng phải giữ sự công bằng.



Hai ngày 14 và 29 có thần Dược-sô xuống trần, gọi là ngày Dũng mãnh, nên làm việc hiếu kính, phóng sinh.

Ngày 24 có thần Lỗ-đạt-la-ni xuống trần, gọi là ngày Hung mãnh.

Ngày 28 có thần Bát-chiết-để xuống trần, gọi là ngày Tối thắng, cần phải giữ giới.

Hai ngày 15 và 30 có thần Tát-đa-lô xuống trần, gọi là ngày Cát tướng, nên cúng tế người đã mất cùng làm những việc bố thí, cúng dường chư Phật, Bồ Tát, được lợi ích lớn nhất.

Những ngày Thập trai, nếu tính theo âm lịch thì vào tháng thiếu đôi 3 ngày cuối cùng là 27, 28 và 29.

Người thọ Tam trường trai tức ăn chay 3 tháng thì là tháng giêng, tháng 5 và tháng 9.

Người thọ Lục trai tức ăn chay mỗi tháng 6 ngày thì là các ngày 8, 14, 15, 23, 29 và 30. (Tháng thiếu đôi 2 ngày cuối thành 28 và 29.)

## Kinh văn

南閻浮提眾生，舉止動念，無不是業，無不是罪。何況恣情殺害、竊盜、邪婬、妄語，百千罪狀。能於是十齋日，對佛菩薩諸賢聖像前，讀是經一遍。東西南北，百由旬內，無諸災難。當此居家，若長若幼，現在未來，百千歲中，永離惡趣。

- *Nam Diêm-phù-đề chúng sinh, cử chỉ động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội, hà huống tứ tình sát hại, thiết đạo, tà dâm, vọng ngữ, bá thiên tội trạng. Năng ư thị thập trai nhật, đối Phật Bồ Tát chư Hiền Thánh tượng tiền, đọc thị kinh nhất biến, đông tây nam bắc, bá do-tuần nội, vô chư tai nạn. Đương thử cư gia, nhược trưởng nhược ấu, hiện tại vị lai, bá thiên tuế trung, vĩnh ly ác thú.*

### Việt dịch

“Chúng sinh trong cõi Nam Diêm-phù-đề, khởi tâm suy nghĩ hay hành động, không có gì là không tạo nghiệp, không gây tội, huống chi lại buông thả làm việc giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, trăm ngàn loại tội lỗi. Nếu có thể trong mười ngày trai này, đối trước hình tượng chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, tụng đọc kinh [Địa Tạng] này qua một lượt, thì trong phạm vi 100 do-tuần về bốn hướng đông, tây, nam, bắc đều được an lành không tai nạn. Kẻ lớn người nhỏ sống trong nhà ấy, hiện tại cũng như tương lai, đều được xa lìa các đường ác đến trăm ngàn năm.”

### Giảng giải

Chúng sinh trong cõi Nam Diêm-phù-đề của chúng ta, mỗi một suy nghĩ, cử chỉ, không có gì là không tạo nghiệp, không có gì không phải là tội lỗi, huống chi lại còn buông thả tùy tiện giết hại sinh mạng, trộm cướp, tà dâm, nói dối, cho đến trăm ngàn loại tội lỗi! Nếu có thể trong mười ngày trai này, đối trước hình tượng của chư Phật, Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, tụng đọc kinh này một lượt, thì trong phạm vi 100 do-tuần về các hướng đông, tây, nam, bắc đều được bình an không có mọi tai nạn. Những người sống trong căn

nhà đó, dù lớn hay nhỏ, trong hiện tại hay tương lai, đều được thoát khỏi các đường ác trong trăm ngàn năm.

### Thích nghĩa

Người sống trong cõi Diêm-phù-đề này, bất kể một cử động nào, một ý niệm nào, cũng đều là gieo nhân tạo nghiệp. Huống chi còn tùy ý giết hại sinh mạng, phạm vào mười nghiệp ác? Mỗi một ý niệm của chúng ta khởi lên có đến 90 sát-na. Mỗi một sát-na có 900 lần sinh diệt. Mỗi một lần sinh diệt đó, nếu dùng thiên nhãn xem xét đều thấy có hình tướng rõ rệt. (Từ chỗ này chúng ta có thể hình dung được công đức của việc niệm một câu Phật hiệu.) Những hình tướng đó, không có gì không phải là nghiệp, không phải là tội. Cho nên chúng ta khởi tâm suy nghĩ, động niệm, bất kỳ lúc nào cũng luôn phải tự kiểm tự xét.

Vào các ngày Thập trai như nói trên, nếu tụng đọc kinh Địa Tạng này một lần, chỉ một lần thôi liền có thể khiến cho bốn phương chung quanh trong phạm vi 100 do-tuần đều được an lành, tiêu trừ mọi tai họa, kể già người trẻ đều được xa lìa các đường ác.

Do vậy chúng ta có thể biết được công đức và lợi ích lớn lao của bộ kinh này, quả thật là không thể nghĩ bàn.

Ví như có trường hợp không thấy linh nghiệm, cũng không thể trách nơi kinh này, đó là do người tụng đọc không có lòng cung kính, không có sự chí thành. Hoặc cũng có thể do người làm quá nhiều việc ác, phước lực không cứu được tội nghiệp quá nặng nề của họ.

### Kinh văn

能於十齋日，每轉一遍，現世令此居家無諸橫病，衣食豐溢。

- *Năng ư thập trai nhật, mỗi chuyến nhất biến, hiện thể linh thử cư gia vô chư hoạnh bệnh, y thực phong dật.*

## Việt dịch

“Nếu có thể trong mười ngày trai, mỗi ngày đều tụng kinh này một lượt, thì ngay đời này những người sống trong nhà đó sẽ không bị lây nhiễm dịch bệnh,<sup>1</sup> y phục và thực phẩm đều được dồi dào dư dả.”

## Giải giảng

Nếu có thể trong những ngày Thập trai, mỗi ngày đều tụng kinh này một lượt, thì hiện tại những người sống trong nhà sẽ không mắc phải dịch bệnh, y phục và thực phẩm cũng đều được đầy đủ, dư thừa.

## Thích nghĩa

Hoạnh bệnh, tức các loại dịch bệnh thời khí lây lan rộng. Việc tụng kinh giúp cho không phải bất ngờ lây nhiễm dịch bệnh, đó là được thoát khổ. Giúp cho người nghèo khó cũng được đầy đủ dư thừa thức ăn, quần áo mặc, đó là được phước. Hết thảy những điều đó đều nhờ vào bộ kinh này, công đức lớn lao thật là nói không thể hết, nghĩ không tới được.

---

<sup>1</sup> Nguyên bản kinh văn là hoạnh bệnh (橫病), các bản dịch cũ đều dịch là “tai họa và bệnh tật”. Chúng tôi xét thấy riêng chữ hoạnh (橫) tự nó không hề có nghĩa tai họa, chỉ có thể nói hoạnh họa (橫禍) là tai họa bất ngờ. Do vậy, hoạnh bệnh chỉ có thể hiểu là “loại bệnh mắc phải bất ngờ” hoặc “bệnh hiểm nghèo, bất thường”, đây chính là chỉ các loại bệnh dịch thường lây lan bất ngờ và rộng khắp, như dịch COVID-19 trong năm 2020. Trong phần giải thích tiếp theo sau cũng nói “hoạnh bệnh thị lưu hành đích thời dịch” (橫病是流行的時疫). Việc tách rời hai chữ này để dịch như các bản dịch cũ là không đúng ý kinh.

## Kinh văn

是故普廣，當知地藏菩薩有如是等不可說百千萬億大威神力利益之事。閻浮眾生，於此大士有大因緣。是諸眾生聞菩薩名，見菩薩像，乃至聞是經三字五字，或一偈一句者，現在殊妙安樂，未來之世，百千萬生，常得端正，生尊貴家。

- *Thị cô Phổ Quảng, đương tri Địa Tạng Bồ Tát hữu như thị đẳng bất khả thuyết bá thiên vạn ức đại uy thần lực lợi ích chi sự. Diêm-phù chúng sinh, ư thủ Đại sĩ hữu đại nhân duyên. Thị chư chúng sinh văn Bồ Tát danh, kiến Bồ Tát tượng, nãi chí văn thị kinh tam tự ngũ tự, hoặc nhất kệ nhất cú giả, hiện tại thù diệu an lạc, vị lai chi thế bá thiên vạn sinh thường đắc đoan chính, sinh tôn quý gia.*

## Việt dịch

“Do vậy, này Phổ Quảng! Nên biết rằng Bồ Tát Địa Tạng có những sự lợi ích với oai thần sức mạnh lớn lao không thể nói hết như vậy. Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề đối với vị Đại sĩ này có nhân duyên lớn, cho nên nghe được danh hiệu Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Bồ Tát, cho đến nghe được chỉ năm ba chữ, hoặc một câu kinh, một bài kệ trong kinh này, thì hiện tại được sự an vui tốt đẹp nhiệm mầu, trong tương lai trăm ngàn muôn kiếp tái sinh thường được đoan chánh, được sinh vào nhà tôn quý.”

## Giải giải

Do nhân duyên như vậy, này Phổ Quang, ông nên biết rằng, Bồ Tát Địa Tạng có trăm ngàn muôn ức oai thần sức lực lớn lao không thể nói hết, làm lợi ích cho chúng sinh như vậy. Đó là vì chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đối với vị Đại sĩ này có nhân duyên rất lớn, nên có rất nhiều chúng sinh khi nghe được danh hiệu Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng Bồ Tát, cho đến nghe được năm ba chữ hoặc một bài kệ, một câu trong kinh này, thì hiện tại được sự an vui tốt đẹp đặc biệt, và trong tương lai trăm ngàn muôn kiếp sinh ra thường được đoan chính, sinh trong gia đình tôn quý.

## Thích nghĩa

Phân trước, từ đoạn bắt đầu Bồ Tát Phổ Quang thưa hỏi Phật, cho đến hết đoạn này, đức Phật nói ra đủ mọi điều, nếu không phải oai thần sức mạnh lớn lao của Bồ Tát Địa Tạng làm lợi ích chúng sinh thì còn biết nói thế nào? Thế nhưng oai thần của Bồ Tát như vậy không chỉ để làm lợi ích cho riêng một thế giới nào, mà nay làm lợi ích rất nhiều cho chúng sinh trong thế giới chúng ta, chẳng phải là Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sinh trong thế giới này có nhân duyên lớn đó sao? Quý vị thử nghĩ xem, chỉ cần được nghe danh hiệu, nhìn thấy hình tượng, hoặc nghe được trong kinh này năm ba chữ, hoặc một bài kệ, một câu kinh, mà đã được công đức rất lớn lao, đó chẳng phải là Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng sinh cõi này đặc biệt có lòng từ bi thương xót hay sao? Cho nên chúng ta không khỏi nhỏ lệ thương xót đối với những chúng sinh nào không được nhìn thấy kinh này, không tin vào kinh này, không biết đến lòng từ bi thương xót của Bồ Tát Địa Tạng đối với chúng ta, không biết cảm kích ân đức từ bi của Bồ Tát.

## Kinh văn

爾時，普廣菩薩，聞佛如來稱揚讚歎地藏菩薩已，胡跪合掌，復白佛言：世尊！我久知是大士有如此不可思議神力及大誓願力。為未來眾生，遣知利益，故問如來，唯然頂受。世尊！當何名此經，使我云何流布？

- *Nhĩ thời, Phổ Quảng Bồ Tát, văn Phật Như Lai xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát dĩ, hồ quy hợp chưởng, phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã cứu tri thị Đại sĩ hữu như thủ bất khả tư nghị thân lực cập đại thệ nguyện lực, vi vị lai chúng sinh, khiến tri lợi ích, cố vấn Như Lai, duy nhiên đỉnh thụ. Thế Tôn! Dương hà danh thủ kinh, sử ngã vân hà lưu bố?*

## Việt dịch

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Phổ Quảng sau khi nghe đức Phật ngợi khen xưng tán Bồ Tát Địa Tạng, liền quỳ xuống chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị Đại sĩ này có sức thần không thể nghĩ bàn như vậy cùng với sức thệ nguyện lớn lao, nhưng vì muốn cho chúng sinh trong tương lai biết được sự lợi ích này nên con mới thưa hỏi đức Như Lai, nay xin cúi đầu tin nhận. Bạch Thế Tôn! Nên gọi tên kinh này là gì và chúng con nên lưu hành quảng bá như thế nào?”

## Giảng giải

Lúc ấy, Bồ Tát Phổ Quảng sau khi lắng nghe đức Phật Như Lai ngợi khen xưng tán Bồ Tát Địa Tạng xong, liền quỳ xuống chấp tay, thưa cùng đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết về vị Đại sĩ này, có sức thần không thể nghĩ bàn như vậy, cùng với việc phát khởi nguyện lực rộng lớn, nhưng con vì chúng sinh tương lai, muốn cho họ đều được biết đến những lợi ích này, cho nên mới thưa hỏi Như Lai. Nay con xin cung kính lãnh nhận lời Phật dạy. Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là gì? Nên lưu hành như thế nào?”

## Thích nghĩa

Kinh nói “hồ quy” là nghi lễ của người Ấn Độ, chỉ có đầu gối bên phải chạm đất, khác với cách quỳ của người Trung Hoa là hai đầu gối đều chạm đất.

Bồ Tát Phổ Quảng thưa thỉnh Phật là muốn được nghe từ kim khẩu Phật giảng giải nói rõ về oai thần sức mạnh lớn lao của Bồ Tát Địa Tạng, khiến cho đại chúng trong Pháp hội cùng với chúng sinh trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều nhận biết rõ ràng và tin nhận, cũng có thể theo đây mà truyền ra rộng khắp. Thế nhưng việc lưu hành hay truyền bá cũng đều cần phải có một tên gọi, cho nên lại phải thưa hỏi Phật việc này.

## Kinh văn

佛告普廣：此經有三名：一名地藏本願，亦名地藏本行，亦名地藏本誓力經。緣此菩薩，久遠劫來，發大重



願，利益眾生。是故汝等，依願流布。普廣聞已，合掌恭敬，作禮而退。

- *Phật cáo Phổ Quảng: “Thủ kinh hữu tam danh. Nhất danh Địa Tạng Bản Nguyên, diệc danh Địa Tạng Bản Hạnh, diệc danh Địa Tạng Bản Thệ Lực kinh. Duyên thủ Bồ Tát, cứu viễn kiếp lai, phát đại trọng nguyện, lợi ích chúng sinh, thị cố nhữ đẳng, y nguyện lưu bố.” Phổ Quảng văn dĩ, hợp chưởng cung kính, tác lễ nhi thôi.*

## Việt dịch

Đức Phật bảo ngài Phổ Quảng: “Kinh này có ba tên gọi. Một tên là Địa Tạng Bản Nguyên, một tên là Địa Tạng Bản Hạnh, một tên nữa là Địa Tạng Bản Thệ Lực. Do vị Bồ Tát này từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã phát nguyện lớn lao, làm lợi ích chúng sinh, nên các ông hãy y theo lời nguyện đó mà lưu hành quảng bá.” Bồ Tát Phổ Quảng nghe xong lời dạy, chấp tay cung kính lễ Phật rồi lui xuống.

## Giảng giải

Đức Phật dạy Bồ Tát Phổ Quảng: “Bộ kinh này có ba tên gọi. Thứ nhất gọi là kinh Bản Nguyên Địa Tạng, thứ hai gọi là kinh Bản Hạnh Địa Tạng, thứ ba, cũng có thể gọi là kinh Bản Thệ Lực Địa Tạng. Nhân vì Bồ Tát Địa Tạng từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã phát nguyện rộng lớn, làm lợi ích cho chúng sinh, nên các ông hãy y theo lời nguyện của Bồ Tát mà lưu hành, truyền rộng.”

Ngài Phổ Quảng nghe xong, chấp hai tay cung kính lễ Phật rồi lui về chỗ ngồi.

### **Thích nghĩa**

“Bản nguyện” là nói tâm nguyện phát khởi lúc ban sơ. “Bản hạnh” là sự thực hành trải qua nhiều kiếp cứu độ chúng sinh. “Bản thế lực” là nói tác dụng của sự vận dụng cả nguyện và hạnh.

Tuy đức Phật nói ra ba tên gọi, nhưng nếu có nguyện mà không có hạnh thì nguyện ấy thành rỗng không vô ích, không thể thành tựu mục đích. Còn như có hạnh mà không có nguyện thì hạnh ấy là mù quáng, không định hướng, cũng không có kết quả. Cho nên nói nguyện ắt phải gồm cả hạnh, nói hạnh ắt phải gồm cả nguyện. Nói thế lực tức là gồm cả nguyện và hạnh. Cho nên, ba tên gọi cũng tức là một tên. Trong hiện tại phổ biến dùng tên kinh Bản Nguyện Địa Tạng là do ý nghĩa này.

**HẾT QUYỂN THƯỢNG**

